



**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHỨNG KHOÁN
CƠ SỞ & CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH**

**(HỆ THỐNG GIAO DỊCH TRỰC TUYẾN DÀNH CHO
KHÁCH HÀNG)**

TP. HCM, tháng 07/2026

MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU.....	1
II. ĐĂNG NHẬP HỆ THỐNG	1
2.1.ĐĂNG NHẬP HỆ THỐNG	1
2.2.QUÊN MẬT KHẨU	2
2.3.MỞ TÀI KHOẢN	4
2.4.CHỌN NGÔN NGỮ	4
2.4.1. Chọn ngôn ngữ ngoài màn hình đăng nhập	4
2.4.2. Chọn ngôn ngữ sau khi đăng nhập	5
2.5.THÔNG TIN TÀI KHOẢN.....	5
2.6.CHỌN GIAO DIỆN.....	5
2.7.MENU ĐIỀU HƯỚNG	5
2.8.ĐĂNG XUẤT.....	6
2.9.CHỌN TIÊU KHOẢN.....	6
2.10. XEM CHI TIẾT THÔNG BÁO	7
III. CÁC CHỨC NĂNG	7
3.1.GIAO DỊCH CƠ SỞ	7
3.1.1. Giao dịch lệnh cơ bản.....	7
3.1.1.1. Bảng giá trong.....	8
3.1.1.2. Giao dịch	10
3.1.1.3. Lệnh chờ khớp.....	12
3.1.1.4. Lệnh đã khớp	14
3.1.1.5. Tổng hợp khớp lệnh.....	14
3.1.1.6. Lệnh trong ngày	14
3.1.1.7. Danh mục đầu tư	17
3.1.1.8. Báo cáo tài sản	18
3.1.2. Giao dịch lệnh nâng cao.....	18
3.1.2.1. Biểu đồ phân tích kỹ thuật.....	18
3.1.2.2. Lịch sử khớp lệnh.....	18
3.1.2.3. Giao dịch	19
3.1.2.4. Lệnh chờ khớp.....	22

3.1.2.5. Lệnh đã khớp	24
3.1.2.6. Tổng hợp khớp lệnh	25
3.1.2.7. Lệnh trong ngày	25
3.1.2.8. Danh mục đầu tư	28
3.1.2.9. Báo cáo tài sản	29
3.1.3. Giao dịch lệnh nhóm.....	29
3.1.3.1. Giao dịch nhóm	29
3.1.3.2. Giao dịch theo file	30
3.1.3.3. Kích hoạt lệnh	30
3.1.3.4. Sửa lệnh.....	31
3.1.3.6. Lệnh chờ khớp	32
3.1.3.7. Sửa lệnh.....	32
3.1.3.8. Hủy lệnh	33
3.1.3.9. Lệnh đã khớp	34
3.1.3.10. Lệnh trong ngày	35
3.1.3.11. Tổng hợp khớp lệnh.....	37
3.1.3.12. Danh mục đầu tư	37
3.1.4. Giao dịch lệnh điều kiện	38
3.1.4.1. Giao dịch điều kiện.....	38
3.1.4.2. Lệnh điều kiện	41
3.1.4.3. Lệnh chờ khớp	42
3.1.4.4. Lệnh đã khớp	44
3.1.4.5. Lệnh trong ngày	45
3.1.4.6. Danh mục đầu tư	47
3.1.4.7. Tổng hợp khớp lệnh	47
3.1.5. Đặt lệnh theo danh mục	48
3.2. GIAO DỊCH PHÁI SINH	50
3.2.1. Thông tin chi tiết các mã hợp đồng tương lai	51
3.2.2. Thông tin mã hợp đồng và bảng giá	52
3.2.3. Đồ thị kỹ thuật.....	53
3.2.4. Thông tin thị trường	54
3.2.5. Thông tin vị thế và sổ lệnh.....	55
3.2.5.1. Tab vị thế mở	55

3.2.5.2. Tab lệnh đặt	57
3.2.5.3. Tab lệnh chờ	57
3.2.5.4. Tab lệnh khớp	60
3.2.5.5. Tab vị thế đóng	61
3.2.5.6. Tab lệnh điều kiện	61
3.2.5.7. Tab xác nhận lệnh.....	65
3.2.6. Đặt lệnh phái sinh.....	65
3.2.6.1. Đặt lệnh giới hạn	65
3.2.6.2. Đặt lệnh thị trường	68
3.2.6.3. Đặt lệnh điều kiện	71
3.2.6.4. Xem hướng dẫn đặt lệnh	75
3.3. TÀI KHOẢN CƠ SỞ.....	75
3.3.1. Tổng hợp tài sản	75
3.3.2. Danh mục đầu tư.....	80
3.3.2.1. Sổ dư chứng khoán	80
3.3.2.2. Danh mục đầu tư	81
3.3.2.3. Quản lý trái phiếu/tín phiếu	82
3.3.3. Phân bổ tài sản.....	82
3.3.3.1. Tài sản và nguồn vốn	82
3.3.3.2. Tỷ trọng danh mục đầu tư	83
3.3.4. Các khoản nợ	84
3.3.4.1. Nợ ký quỹ.....	84
3.3.4.2. Nợ ứng trước	84
3.3.5. Tra cứu lãi lỗ.....	84
3.3.5.1. Báo cáo chi tiết chứng khoán theo thời gian	84
3.3.5.2. Lãi/ lỗ theo dòng tiền	85
3.3.5.3. Nhật ký lãi lỗ.....	88
3.3.6. Nộp tiền bằng QR.....	89
3.3.6.1. Qua tài khoản định doanh	89
3.3.6.2. Qua tài khoản chuyên dụng TCSC.....	90
3.3.7. Chuyển tiền	92
3.3.7.1. Chuyển tiền ra ngoài	92
3.3.7.2. Chuyển khoản nội bộ	94

3.3.8. Chuyển tiền trên sức mua	97
3.3.8.1. Chuyển tiền nội bộ trên sức mua	97
3.3.8.2. Chuyển tiền ra ngoài trên sức mua	99
3.3.9. Ứng trước tiền bán chứng khoán	102
3.3.10. Đăng ký quyền mua	104
3.3.11. Xác nhận lệnh	106
3.3.12. Chuyển khoản chứng khoán nội bộ	107
3.3.13. Gia hạn khoản vay ký quỹ.....	109
3.3.14. Trả nợ	110
3.3.14.1. Trả nợ theo món	110
3.3.14.2. Trả nợ nguồn công ty.....	111
3.3.14.3. Trả nợ nguồn 3	112
3.3.15. Thông tin sự kiện quyền	112
3.3.16. Lịch sử lệnh	113
3.3.16.1. Lịch sử khớp lệnh	113
3.3.16.2. Lịch sử đặt lệnh	114
3.3.16.3. Lịch sử lệnh điều kiện	114
3.3.16.4. Lịch sử khớp lệnh thoả thuận	115
3.3.17. Lịch sử GD tiền TKGD	116
3.3.17.1. Sao kê tiền	116
3.3.17.2. Sao kê chứng khoán.....	116
3.3.18. Lịch sử giao dịch thanh toán.....	117
3.3.18.1. Lịch sử chuyển tiền	117
3.3.18.2. Lịch sử ứng trước	118
3.3.18.3. Lịch sử đăng ký quyền mua	119
3.3.18.4. Lịch sử bán chứng khoán lô lẻ.....	120
3.3.18.5. Lịch sử gia hạn khoản vay ký quỹ.....	121
3.3.18.6. Lịch sử thanh toán nợ ký quỹ.....	122
3.3.19. Tra cứu danh mục ký quỹ	122
3.3.20. Sản phẩm	123
3.4. TÀI KHOẢN PHÁI SINH	124
3.4.1. Tổng hợp tài sản	124
3.4.2. Số dư tiền	131

3.4.3. Nộp tiền	132
3.4.3.1. Nộp tiền từ Từ TKCS vào TKPS	132
3.4.3.2. Nộp tiền từ TKPS vào TTKQ (VSDC)	135
3.4.4. Rút tiền	137
3.4.4.1. Rút tiền từ TTKQ (VSDC) về TKPS	137
3.4.4.2. Rút tiền từ TKPS về TKCS.....	138
3.4.4.3. Rút tiền từ TKPS ra Ngân hàng	140
3.4.5. Chứng khoán.....	143
3.4.5.1. Nộp chứng khoán ký quỹ	143
3.4.5.2. Rút chứng khoán ký quỹ	145
3.4.6. Tắt toán khoản chậm trả.....	147
3.4.7. Đăng ký/Hủy nộp rút tiền ký quỹ tự động	150
3.4.8. Lịch sử lệnh.....	150
3.4.8.1. Lịch sử khớp lệnh.....	150
3.4.8.2. Lịch sử đặt lệnh.....	151
3.4.9. Sao kê tài khoản.....	153
3.4.9.1. Lãi/lỗ hàng ngày	153
3.4.9.2. Sao kê giải ngân và thu khoản chậm trả	153
3.4.9.3. Sao kê vị thế	154
3.4.9.4. Bảng kê tài khoản	155
3.4.9.5. Sao kê tài khoản	156
3.4.9.6. Báo cáo xử lý vi phạm.....	159
3.4.10. Lịch sử giao dịch thanh toán.....	160
3.4.10.1. Lịch sử GD tiền TTKQ (VSDC)	160
3.4.10.2. Lịch sử GD tiền TKGD	161
3.4.10.3. Lịch sử GD tài sản đảm bảo	162
3.4.10.4. Lịch sử nộp tiền từ TKCS vào TKPS.....	163
3.4.10.5. Lịch sử nộp tiền từ TKPS vào TTKQ (VSDC)	164
3.4.10.6. Lịch sử rút tiền từ TTKQ (VSDC) về TKPS.....	165
3.4.10.7. Lịch sử rút tiền từ TKPS về TKCS	166
3.4.10.8. Lịch sử rút tiền từ TKPS ra ngân hàng.....	167
3.4.10.9. Lịch sử tắt toán khoản chậm trả.....	168
3.4.11. Thông tin mã hợp đồng.....	169

3.4.12. Danh sách CK được ký quỹ	171
3.5. THIẾT LẬP	172
3.5.1. Cá nhân	172
3.5.1.1. Thông tin cá nhân	172
3.5.1.2. Đổi mật khẩu	173
3.5.1.3. Đổi Mã SmartOTP	174
3.5.1.4. Đổi thông tin cơ bản	174
3.5.1.5. Đổi thông tin VSD quản lý	175
3.5.2. Tra cứu	176
3.5.2.1. Lịch sử thay đổi thông tin	176
3.5.2.2. Lịch sử đăng nhập	177
3.5.2.3. Báo cáo đã xuất	178
3.5.3. Cấu hình	178
3.5.3.1. Cấu hình chung	178
3.5.3.2. Đăng ký dịch vụ	179
3.5.3.3. Quản lý nhóm lệnh	181
3.5.3.4. Cảnh báo thông minh	182
3.5.3.5. Cấu hình nhận thông báo tài khoản	183
3.5.4. Liên hệ	183

I. GIỚI THIỆU

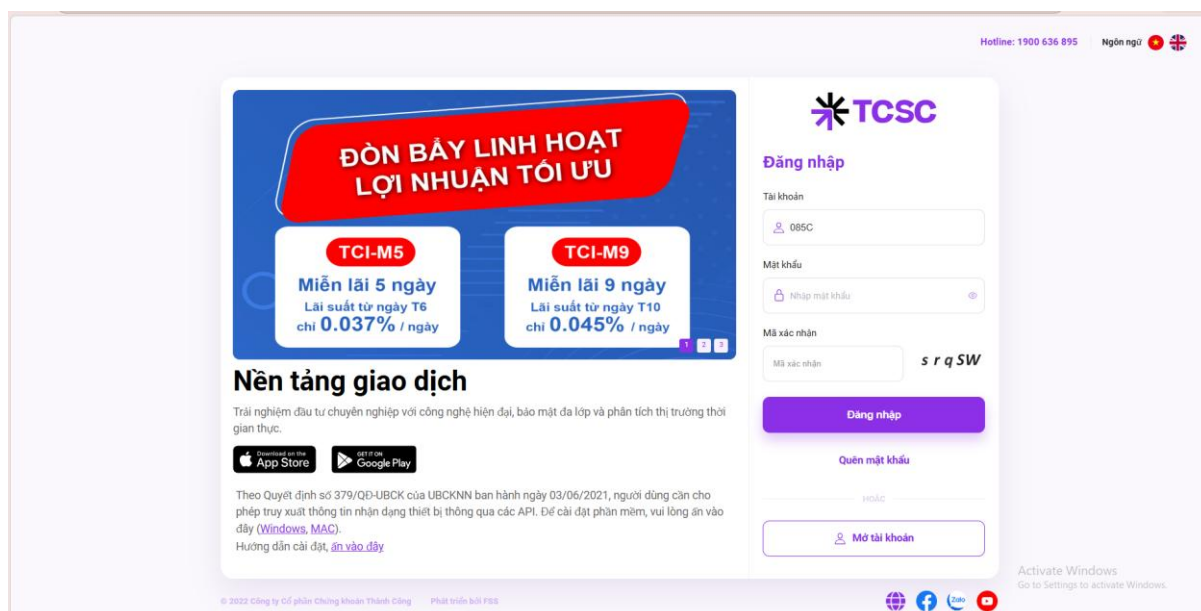
- **Mục đích:** Tài liệu này là tài sản của CTCK mô tả các chức năng trên hệ thống giao dịch trực tuyến. Tài liệu giúp cho khách hàng sử dụng một cách hiệu quả các tính năng của hệ thống.
- **Thuật ngữ, từ viết tắt**

Thuật ngữ, từ viết tắt	Giải thích/ Từ viết đầy đủ
TCSC	Công ty cổ phần chứng khoán Thành Công
CK	Chứng khoán
CN	Chi nhánh
CP	Cổ phiếu
GDCK	Giao dịch chứng khoán
HCCN	Hạn chế chuyển nhượng
KL	Khối lượng
TP	Trái phiếu
PGD	Phòng giao dịch

II. ĐĂNG NHẬP HỆ THỐNG

2.1. Đăng nhập hệ thống

- Để sử dụng hệ thống, Quý khách truy cập theo địa chỉ sau:
- Màn hình đăng nhập xuất hiện như hình dưới:



Hình: Màn hình đăng nhập hệ thống

- **Bước 1. Đăng nhập:** Nhập các thông tin

- Tên đăng nhập: <Tài khoản chứng khoán của khách hàng tại CTCK>
- Mật khẩu: <Mật khẩu đăng nhập mà khách hàng được CTCK cung cấp>
- Nhấn nút **“Đăng nhập”** để thực hiện đăng nhập vào hệ thống
- **Bước 2. Thay đổi mật khẩu đăng nhập** (đối với tài khoản đăng nhập lần đầu tiên): Để đảm bảo tính bảo mật của tài khoản, đề nghị Quý khách hàng đổi Mật khẩu đăng nhập ngay khi đăng nhập vào hệ thống.

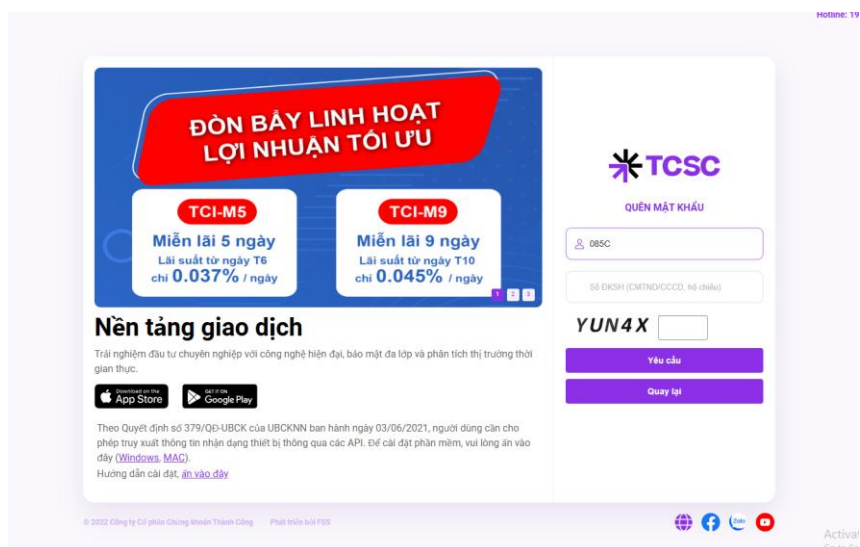


Hình: Màn hình thay đổi mật khẩu đăng nhập

- **Mật khẩu mới:** Nhập Mật khẩu mới do khách hàng tự chọn, Mật khẩu mới phải có chiều dài tối thiểu 8 ký tự, bắt buộc phải có chữ, số và ký tự đặc biệt.
- **Nhập lại mật khẩu mới:** Nhập lại mật khẩu mới trùng với Mật khẩu mới đã nhập ở trên.
- **Mật khẩu mới:** Nhập mật khẩu mới do khách hàng tự chọn
- **Nhập lại mật khẩu mới:** Nhập lại mật khẩu mới trùng với mật khẩu đã nhập ở trên.
- **Nhấn nút “Chấp nhận”** để xác nhận việc thay đổi mật khẩu. Đổi mật khẩu thành công, hệ thống chuyển đến màn hình đăng nhập.
- **Nhấn “Làm mới”** để xóa hết thông tin đã nhập
- **Nhấn “Đăng xuất”** để trở về màn hình đăng nhập

2.2. Quên mật khẩu

- **Bước 1:** Khách hàng quên mật khẩu đăng nhập và MÃ SMARTOTP giao dịch có thể đặt lại bằng cách nhấn vào phần Quên mật khẩu trên màn hình đăng nhập.



Hình: Màn hình Quên mật khẩu

- **Bước 2.** Nhập các thông tin sau:
 - **Tên đăng nhập:** Nhập Tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng tại CTCK.
 - **Số ĐKSH:** CMTND/CCCD, hộ chiếu đăng ký nhận thông báo.
 - **Nhấn Yêu cầu,** hệ thống sẽ gửi mã xác nhận đến số điện thoại hoặc email mà khách hàng đã đăng ký.
 - **Nhấn Quay lại** để quay lại màn hình đăng nhập.
- **Bước 3:** Đăng nhập lại Tài khoản bằng mật khẩu mới được gửi đến số điện thoại hoặc email đăng ký. Hiện thị màn hình Đổi mật khẩu và MÃ SMARTOTP:

Đổi mật khẩu

Mật khẩu cũ	
Mật khẩu mới	
Nhập lại mật khẩu mới	

Chấp nhận
Làm mới
Đăng xuất

Hình: Màn hình thay đổi mật khẩu đăng nhập

- **Mật khẩu mới:** Nhập Mật khẩu mới do khách hàng tự chọn, Mật khẩu mới phải có chiều dài tối thiểu 8 ký tự, bắt buộc phải có chữ, số và ký tự đặc biệt.
- **Nhập lại mật khẩu mới:** Nhập lại mật khẩu mới trùng với Mật khẩu mới đã nhập ở trên.
- **Mật khẩu mới:** Nhập mật khẩu mới do khách hàng tự chọn

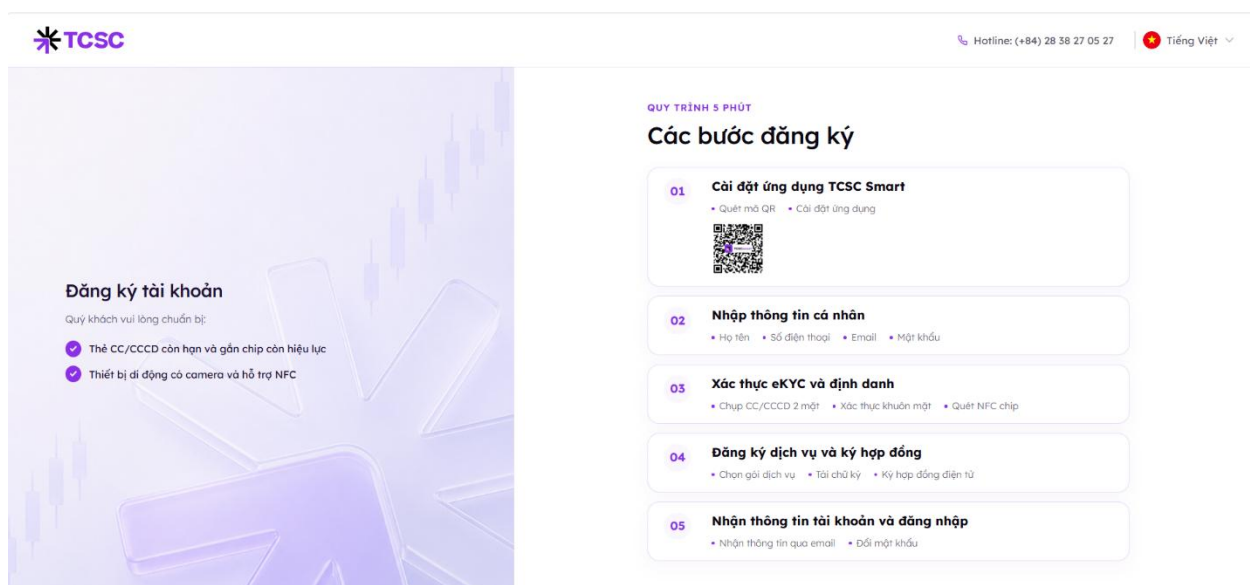
- **Nhập lại mật khẩu mới:** Nhập lại mật khẩu mới trùng với mật khẩu đã nhập ở trên.
- **Nhấn nút “Chấp nhận”** để xác nhận việc thay đổi mật khẩu. Đổi mật khẩu thành công, hệ thống chuyển đến màn hình đăng nhập.
- **Nhấn “Làm mới”** để xoá hết thông tin đã nhập
- **Nhấn “Đăng xuất”** để trở về màn hình đăng nhập

2.3. Mở tài khoản

Khách hàng có thể mở tài khoản Online trên Web/Mobile qua chức năng Mở tài khoản tại màn hình Login

Bước 1: Nhấn vào button Mở tài khoản

Bước 2: Nhấn Bắt đầu và thực hiện các bước theo yêu cầu



2.4. Chọn ngôn ngữ

Hệ thống hỗ trợ khách hàng chọn một trong 2 ngôn ngữ là Tiếng Việt và Tiếng Anh. Khách hàng có thể lựa chọn ngôn ngữ bằng 2 cách:

2.4.1. Chọn ngôn ngữ ngoài màn hình đăng nhập

Chọn ngôn ngữ dưới nút “Đăng nhập”

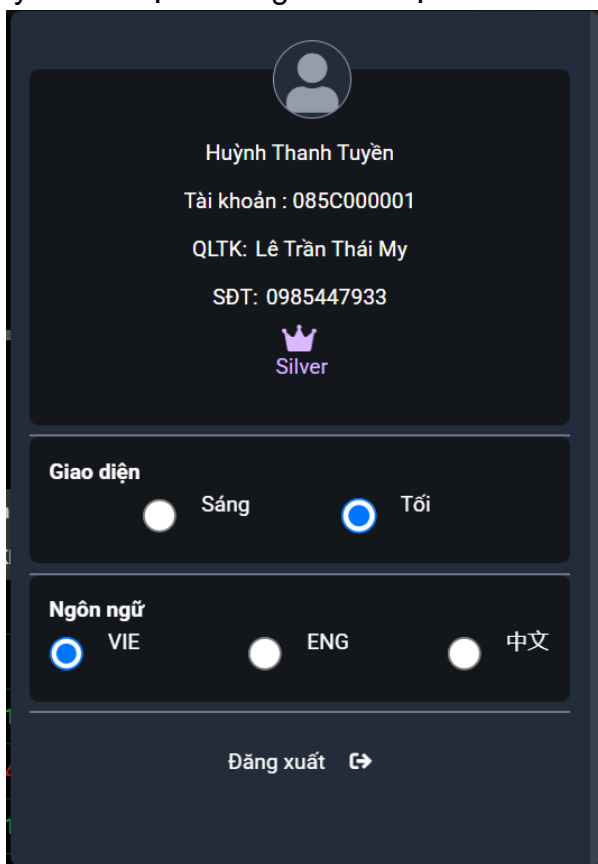
- Khi muốn sử dụng ngôn ngữ Tiếng Việt, nhấn vào chữ VIE.
- Khi muốn sử dụng ngôn ngữ Tiếng Anh, nhấn vào chữ ENG.
- Khi muốn sử dụng ngôn ngữ Tiếng Anh, nhấn vào chữ 中文.

2.4.2. Chọn ngôn ngữ sau khi đăng nhập

- Nhấn vào biểu tượng  và chọn ngôn ngữ.

2.5. Thông tin tài khoản

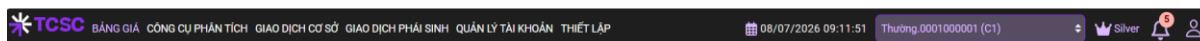
- Khách hàng có thể xem thông tin tài khoản đang đăng nhập bằng cách nhấn vào biểu tượng .
- Thông tin bao gồm: Họ tên KH, số TK, tên quản lý tài khoản, tên nhân viên hỗ trợ và nhóm careby và số điện của người hỗ trợ KH.



2.6. Chọn Giao diện

- Nhấn vào biểu tượng  và chọn giao diện sáng, tối.

2.7. Menu điều hướng

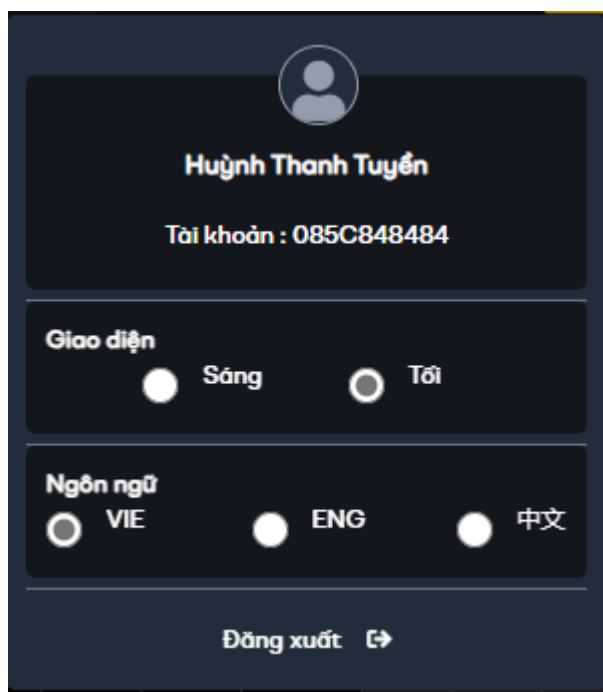


- Gồm:
 - + **Bảng giá:** Xem bảng giá chứng khoán trực tiếp.

- + **Công cụ phân tích:** Truy cập các công cụ phân tích thị trường.
- + **Giao dịch cơ sở:** Giao dịch các mã chứng khoán cơ sở (Đặt lệnh cơ bản, đặt lệnh nâng cao, đặt lệnh nhóm, đặt lệnh điều kiện).
- + **Giao dịch phái sinh:** Giao dịch các mã chứng khoán phái sinh.
- + **Quản lý tài khoản:** Quản lý tài khoản cơ sở và quản lý tài khoản phái sinh.
- + **Thiết lập:** Cài đặt và tùy chỉnh các thiết lập cá nhân.

2.8. Đăng xuất

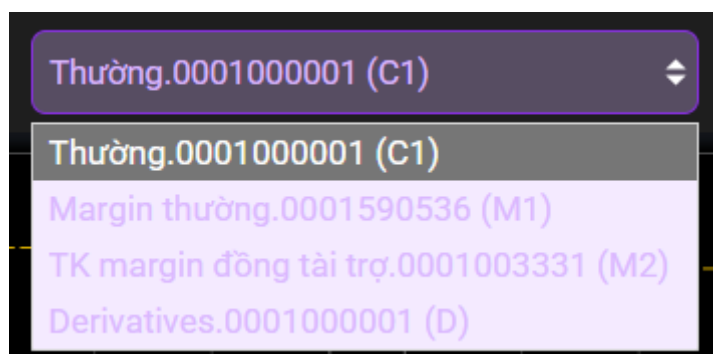
- Nhấn vào biểu tượng  và chọn Đăng xuất.



Hình: Biểu tượng đổi màu giao diện, ngôn ngữ

2.9. Chọn tiểu khoản

Hệ thống hỗ trợ Khách hàng chọn tiểu khoản ở mọi tab, khi nhấn vào ô tiểu khoản trên góc phải màn hình. Gồm tiểu khoản cơ sở và tiểu khoản phái sinh.



Hình: Chọn tiểu khoản giữa các tiểu khoản trong tài khoản

2.10. Xem chi tiết thông báo

Khách hàng nhấn vào hình quả chuông ở góc phải màn hình để xem quảng cáo, thông báo xác nhận lệnh, thông báo tăng giảm tiền...



Hình: Màn hình thông báo

III. CÁC CHỨC NĂNG

3.1. Giao dịch cơ sở

3.1.1. Giao dịch lệnh cơ bản

Khách hàng đăng nhập vào hệ thống, hiển thị giao diện của Lệnh cơ bản như hình:

TCSC

BẢNG GIÁ

CHỨC VỤ PHÂN THỨC

GAO DỊCH CỐ

GAO DỊCH PHÂN SINH

QUẢN LÝ TÀI KHOẢN

THIẾT LẬP

08/07/2020 09:15:06

Thường 001000001 (C1)

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

0

Hình: Màn hình giao dịch lệnh cơ bản

3.1.1.1. Bảng giá trong

Giao diện bảng giá trong

BẢNG GIÁ

VN-INDEX 1.917.41 (+0.81%)

VN30-INDEX 1.914.11 (+0.81%)

HNX-INDEX 24.11 (+0.11%)

HNX30-INDEX 115.80 (+0.81%)

UPCOM 128.88 (+0.81%)

THANH NHỎ - THỊ KHỎI

DANH MỤC DAN NÂM GIỜ

UNCD

HNX

UPCOM

PHẢI SINH

TRÁI PHÉU RIÊNG LẺ

TRÁI PHÉU DOANH NGHIỆP

CHỖNG QUYỀN

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Bên mua

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

KL

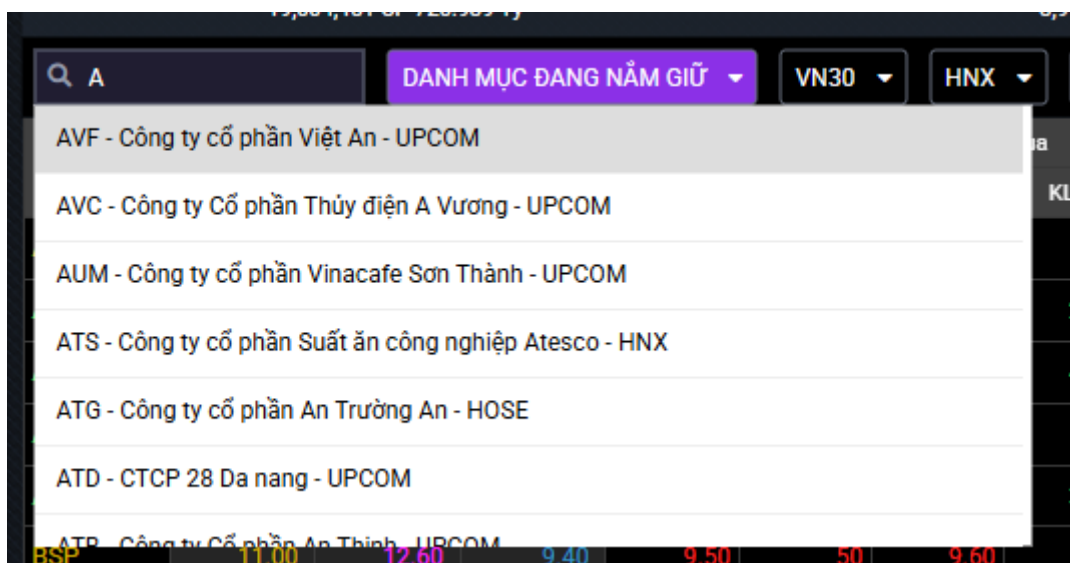
KL

KL</

Hình: Màn hình Bảng giá trong

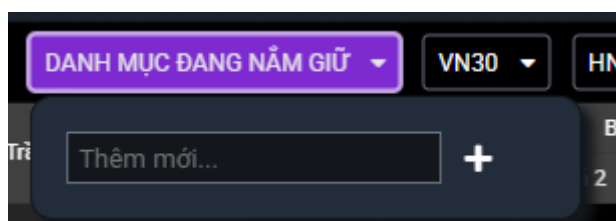
Chọn nút **DANH MỤC ĐANG NẮM GIỮ** để xem các chứng khoán đang nắm giữ của KH

Nhập mã chứng khoán vào ô Thêm hoặc Tìm kiếm để xem tìm kiếm mã CK.



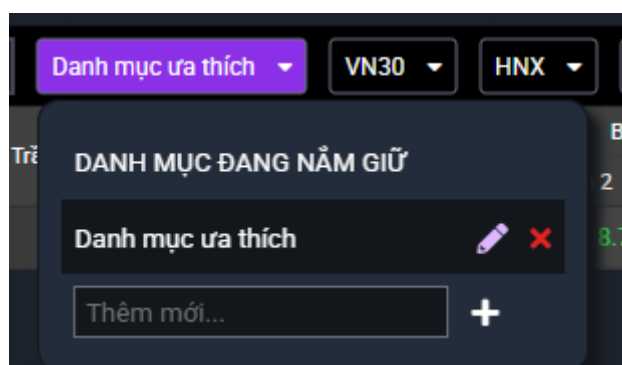
❖ **Thêm mới danh mục chứng khoán:**

Bước 1: Chọn danh mục đang nắm giữ



Bước 2: Nhập Tên danh mục muốn thêm vào ô Thêm mới

Bước 3: Chọn nút Lưu (biểu tượng +) để lưu Danh mục

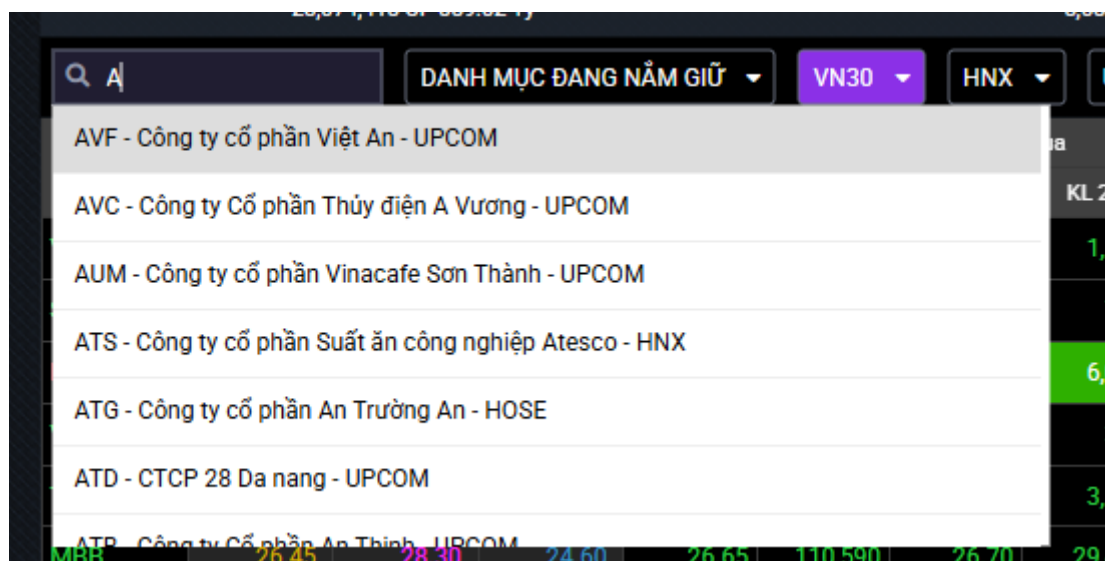


- Sửa Tên danh mục: Chọn nút  để sửa danh mục
- Xóa danh mục: Chọn nút  để xóa danh mục

❖ **Thêm chứng khoán vào danh mục**

Bước 1: Chọn Danh mục cần thêm mã CK

Bước 2: Nhập mã CK vào ô Thêm hoặc Tìm kiếm



Bước 3: Nhấn Enter, hoặc bấm chuột vào thông tin mã số xuống để lưu vào danh mục

- Xóa mã CK khỏi danh mục: Chọn nút × bên cạnh mã CK để loại bỏ khỏi danh mục
- Di chuột vào mã chứng khoán sẽ hiển thị tooltip tên Công ty CK như hình:



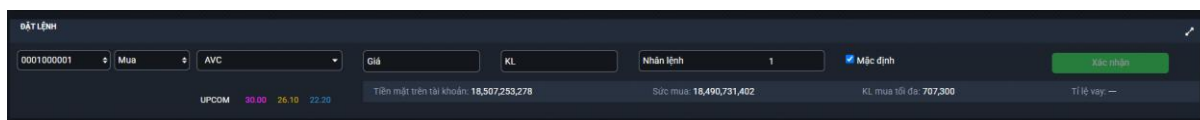
3.1.1.2. Giao dịch

Bước 1: Chọn tab Giao dịch cơ sở → Lệnh cơ bản

Bước 2: Chi tiết màn hình giao dịch

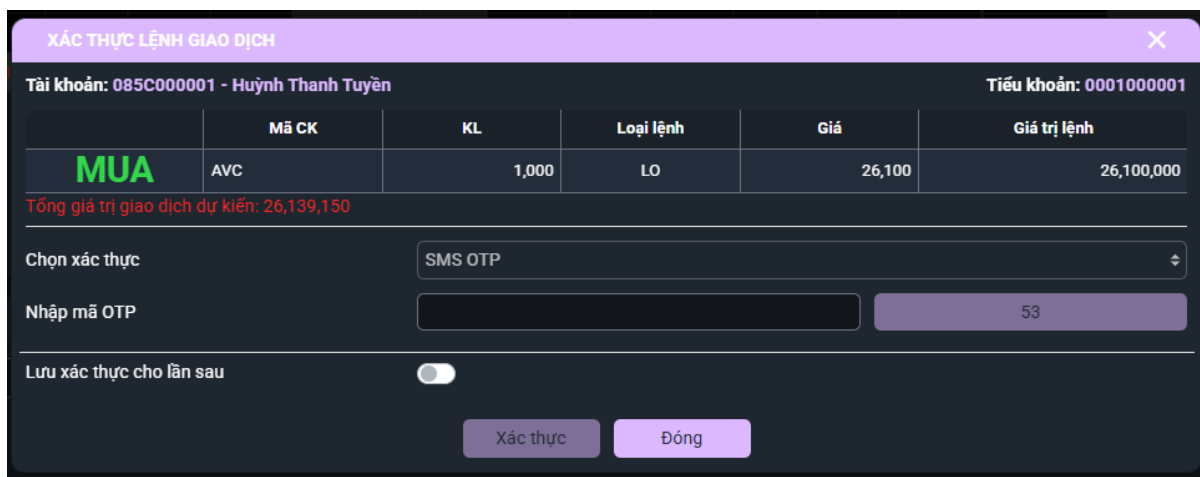
- Chọn tiểu khoản muốn giao dịch
- **Chọn lệnh Mua/Bán:** <Khách hàng lựa chọn lệnh muốn đặt>
- **Mã chứng khoán:** <Nhập mã chứng khoán muốn giao dịch>, khi nhập có hiển thị gợi ý mã. Có thể dùng nút lên xuống trong bàn phím để chọn mã, sau đó Click chuột hoặc nhấn Enter.
- Khi chọn mã chứng khoán, bên dưới hiển thị các thông tin Mã thuộc sàn nào, Giá trần, Giá tham chiếu, Giá sàn. Di chuột các Giá có hiển thị tooltip.
- **Khối lượng:** <Nhập khối lượng giao dịch>. Có thể dùng nút tăng giảm hỗ trợ nhập khối lượng. Tăng/giảm khối lượng theo trường "Đơn vị khối lượng giao dịch" ở màn hình 020004/TT CK dưới back.

- **Giá:** <Nhập giá giao dịch>. Giá phải nằm trong khoản trần sàn đối với lệnh LO, tích nút  để tăng/giảm giá theo bước giá giao dịch của từng sàn. Đối với lệnh thị trường khách nhập các giá ATO, ATO, MAK, MOK... để giao dịch.
- **Nhân lệnh:** <Nhập khối lượng nhân lệnh>. Checkbox Mặc định có tick thì trường Nhân lệnh disable và dữ liệu mặc định = 1. Checkbox Mặc định không tick thì trường Nhân lệnh enable cho phép user nhập.



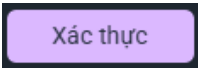
Hình: Màn hình giao dịch

Bước 3: Chọn nút Mua/Bán để giao dịch, hệ thống sẽ hiển thị màn hình thông tin để duyệt như hình dưới:



Hình: Màn hình Xác thực lệnh đặt

Bước 4: Kiểm tra lại thông tin giao dịch, nhập MÃ SMARTOTP hoặc nhập mã OTP để xác thực lệnh. Tích nút  để lưu xác thực cho lần sau.

Bước 5: Nhấn nút  để giao dịch. Sau khi xác thực lệnh thành công, lệnh được hiển thị lên Lệnh chờ khớp ở hình bên dưới:

LỆNH CHỜ KHỚP																		
		LỆNH BẮ KHỚP		TỔNG HỢP KHỚP LỆNH		LỆNH TRONG NGÀY		DANH MỤC ĐẦU TƯ		BẢO CÀO TÀI SẢN								
✓	✗	Sửa/Hủy	Mua/Bán	Số tài khoản	Số tiểu khoản	Mã CK	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	GT còn lại	Loại lệnh	Thời gian	Buyin	
■	■	✓	✗	Mua	08SC000001	0001000001	AVC	1,000	26,100	Chờ giải	0	0	0	1,000	26,100,000	LO	09:20:25	N
■	■	✓	✗	Bán	08SC000001	0001000001	A32	100	36,600	Chờ giải	0	0	0	100	3,660,000	LO	16:02:39	N
■	■	✓	✗	Mua	08SC000001	0001000001	TCI	100	9,400	Chờ giải	0	0	0	100	940,000	LO	16:02:25	N
■	■	✓	✗	Mua	08SC000001	0001000001	A32	100	31,200	Chờ giải	0	0	0	100	3,120,000	LO	16:00:53	N
■	■	✓	✗	Bán	08SC000001	0001000001	AAA	100	8,020	Chờ giải	0	0	0	100	802,000	LO	15:59:15	N
■	■	✓	✗	Mua	08SC000001	0001000001	A32	100	31,200	Chờ giải	0	0	0	100	3,120,000	LO	15:58:18	N
■	■	✓	✗	Mua	08SC000001	0001000001	AAV	200	14,600	Chờ giải	0	0	0	200	2,920,000	LO	16:28:10	N
■	■	✓	✗	Mua	08SC000001	0001000001	A32	100	42,000	Chờ giải	0	0	0	100	4,200,000	LO	16:26:44	N

Hình: Màn hình Lệnh chờ khớp

Và hiển thị ở Màn hình Lệnh trong ngày

LỆNH CHỜ KHỚP		LỆNH BẮ KHỚP		TỔNG HỢP KHỚP LỆNH		LỆNH TRONG NGÀY		DANH MỤC ĐẦU TƯ		BÁO CÁO TÀI SẢN						
		Sửa/Hủy	Mua/Bán	Số tài khoản	Số tiểu khoản	Mã CK	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	GT còn lại	Thời gian	Buyin
			Mua	08SC000001	0001000001	AVC	1,000	26,100	Chờ gửi	0	0	0	1,000	26,100,000	09:20:25	N
			Mua	08SC000001	0001000001	TCI	200	10,800	Khớp hết	200	10,800	2,160,000	0	0	16:02:04	N
			Bán	08SC000001	0001000001	A32	100	36,600	Chờ gửi	0	0	0	100	3,660,000	16:02:39	N
			Mua	08SC000001	0001000001	TCI	100	9,400	Chờ gửi	0	0	0	100	940,000	16:02:25	N
			Mua	08SC000001	0001000001	TCI	100	10,800	Đã nửa 100/100	0	0	0	0	0	16:01:27	N
			Mua	08SC000001	0001000001	A32	100	31,200	Chờ gửi	0	0	0	100	3,120,000	16:00:53	N
			Bán	08SC000001	0001000001	AAA	100	8,020	Chờ gửi	0	0	0	100	802,000	15:59:15	N
			Mua	08SC000001	0001000001	A32	100	31,200	Chờ gửi	0	0	0	100	3,120,000	15:58:18	N
			Mua	08SC000001	0001000001	AAV	200	14,600	Chờ gửi	0	0	0	200	2,920,000	16:28:10	N
			Mua	08SC000001	0001000001	AAV	100	14,600	Đã nửa 100/100	0	0	0	0	0	16:27:56	N
			Bán	08SC000001	0001000001	AAA	100	8,580	Hủy lệnh chưa gửi vào sàn	0	0	0	0	0	16:27:56	N

Đơn vị giá: 1,000 VNĐ, Đơn vị KL: 10 Cổ phiếu

100/100

Hình: Màn hình Sổ lệnh trong ngày

3.1.1.3. Lệnh chờ khớp

Màn hình quản lý lệnh Lệnh chờ khớp cho phép người dùng xem các thông tin của Lệnh vừa đặt. Bao gồm các thông tin: Lệnh Mua/Bán, Số tài khoản, Số tiểu khoản, Mã CK, Loại lệnh...

LỆNH CHỜ KHỚP																LỆNH BẮ KHỚP																TỔNG HỢP KHỚP LỆNH																LỆNH TRONG NGÀY																DANH MỤC ĐẦU TƯ																BÁO CÁO TÀI SẢN															
✓	✕	Sửa/Hủy	Mua/Bán	Số tài khoản	Số tiểu khoản	Mã CK	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	GT còn lại	Loại lệnh	Thời gian	Buyin																																																																														
■	✓	✕	Mua	08SC000001	0001000001	AVC	1,000	26,100	Chờ gửi	0	0	0	1,000	26,100,000	LO	09:20:25	N																																																																														
■	✓	✕	Bán	08SC000001	0001000001	A32	100	36,600	Chờ gửi	0	0	0	100	3,660,000	LO	16:02:39	N																																																																														
■	✓	✕	Mua	08SC000001	0001000001	TCI	100	9,400	Chờ gửi	0	0	0	100	940,000	LO	16:02:25	N																																																																														
■	✓	✕	Mua	08SC000001	0001000001	A32	100	31,200	Chờ gửi	0	0	0	100	3,120,000	LO	16:00:53	N																																																																														
■	✓	✕	Bán	08SC000001	0001000001	AAA	100	8,020	Chờ gửi	0	0	0	100	802,000	LO	15:59:15	N																																																																														
■	✓	✕	Mua	08SC000001	0001000001	A32	100	31,200	Chờ gửi	0	0	0	100	3,120,000	LO	15:58:18	N																																																																														
■	✓	✕	Mua	08SC000001	0001000001	AAV	200	14,600	Chờ gửi	0	0	0	200	2,920,000	LO	16:28:10	N																																																																														
■	✓	✕	Mua	08SC000001	0001000001	A32	100	42,000	Chờ gửi	0	0	0	100	4,200,000	LO	16:26:44	N																																																																														

Hình: Màn hình Lệnh chờ khớp

❖ Sửa lệnh:

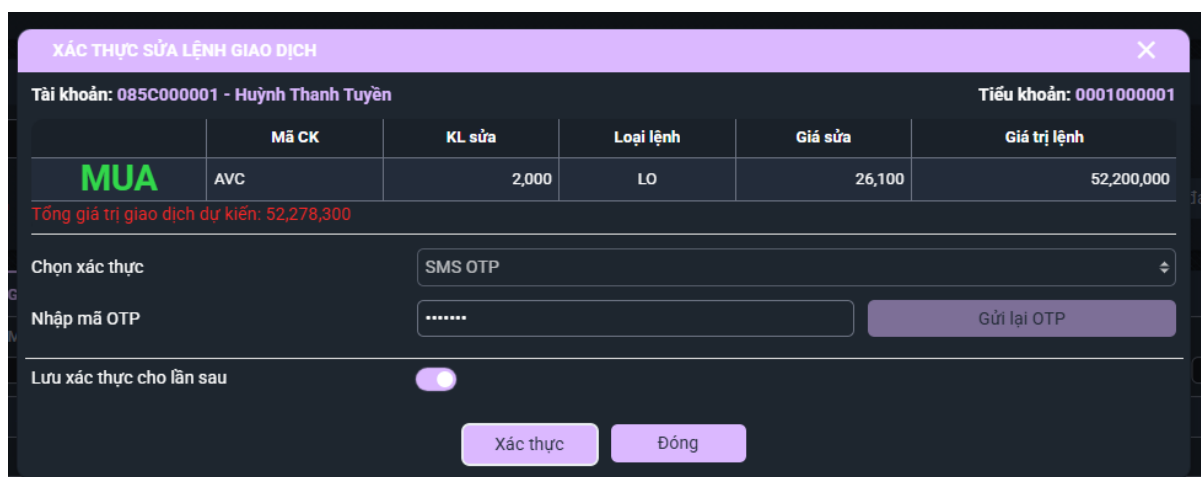
Những lệnh được phép sửa sẽ hiển thị nút  trên dòng lệnh, những lệnh không được phép sửa sẽ không hiển thị nút này.

Bước 1: Click nút  trong sổ lệnh để chọn lệnh cần sửa, lệnh cần sửa lên màn hình giao dịch như hình

ĐẶT LỆNH	
0001000001	Mua
AVC	Giá 26.1
KL 1,000	Nhận lệnh 1
Mặc định	Sửa lệnh
UPCOM 98.00 26.10 22.20	Tiền mặt trên tài khoản 18,507,253,278
Sức mua 18,464,592,252	KL mua tối đa 706,300
Tỷ lệ vay —	

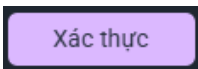
Hình: Màn hình Sửa lệnh

Bước 2: Nhập lại thông tin cần sửa, chọn Mua/bán, hệ thống hiển thị màn hình xác nhận sửa lệnh (chọn  để bỏ thao tác sửa lệnh).



Hình: Màn hình xác thực sửa lệnh

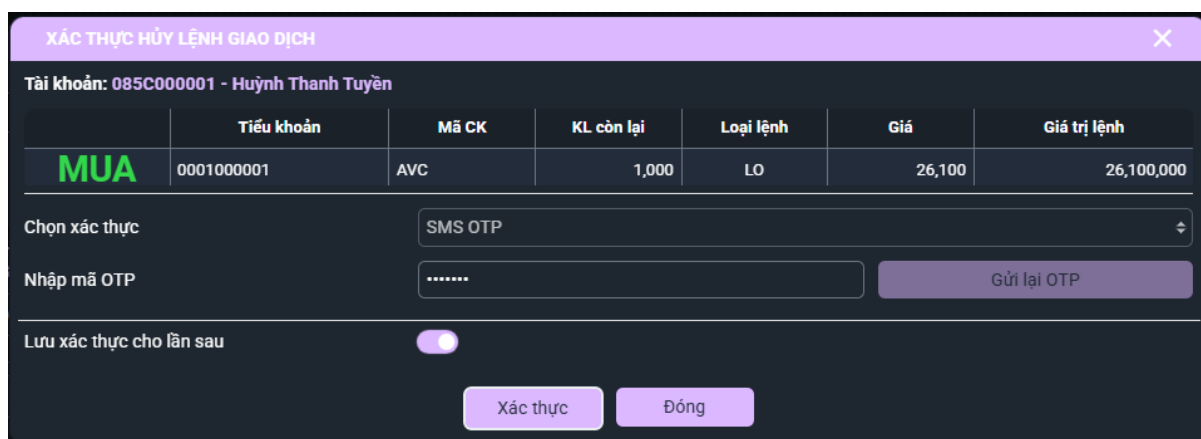
Bước 3: Kiểm tra lại thông tin sửa lệnh, nhập MÃ SMARTOTP hoặc nhập mã OTP để xác thực lệnh.

Bước 4: Nhấn nút  để sửa lệnh. Sau khi xác thực lệnh thành công, lệnh sửa sẽ hiển thị trong lệnh chờ khớp

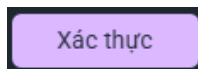
❖ Hủy lệnh

Bước 1: Nhấn nút  để chọn lệnh khách hàng muốn hủy trên màn hình Lệnh chờ khớp lệnh, có thể tích chọn hủy nhiều lệnh cùng 1 lúc.

Bước 2: Kiểm tra thông tin, xác thực lệnh cần hủy



Hình: Màn hình xác thực hủy lệnh

Bước 3: Nhấn nút  để hủy lệnh. Sau khi xác thực hủy lệnh thành công, trạng thái lệnh trong sổ lệnh là Đã hủy.

3.1.1.4. Lệnh đã khớp

Lệnh đã khớp cho phép khách hàng xem các thông tin của các lệnh đã khớp. Bao gồm các thông tin: Thời gian, Mã CK, KL khớp, Giá khớp TB...

❖ **Dòng cuối tab lệnh đã khớp có các thông tin:**

- Tổng: KL khớp, Giá khớp TB, Giá trị khớp, Phí GD, Thuế TNCN, Thuế cổ tức, Phải trả/thực nhận.

LỆNH CHỜ KHỚP														LỆNH ĐÃ KHỚP														TỔNG HỢP KHỚP LỆNH														LỆNH TRONG NGÀY														DANH MỤC ĐẦU TƯ														BẢO CẢO TÀI SẢN													
	Mua/Bán	Số tài khoản	Số tiểu khoản	Mã CK	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	GT còn lại	Loại lệnh	Thời gian																																																																					
Chi tiết	Mua	085C000001	0001000001	TCI	200	10,800	Khớp hết	200	10,800	2,160,000	0	0	LO	06:40:00																																																																					

Hình: Màn hình Lệnh đã khớp

Click vào button “Chi tiết” để xem thông tin chi tiết khớp lệnh

CHI TIẾT KHỚP LỆNH					
Số hiệu lệnh: 8000281025000167					
Giờ khớp	Mua/Bán	Mã CK	Giá khớp	KL khớp	Giá trị khớp
06:40:00	Mua	TCI	10,800	200	2,160,000
Tổng cộng				200	2,160,000

Hình: Màn hình Chi tiết khớp lệnh

3.1.1.5. Tổng hợp khớp lệnh

Tổng hợp khớp lệnh cho phép khách hàng xem các thông tin của các lệnh đã khớp. Bao gồm các thông tin: Mã CK, Lệnh, KL khớp, Giá khớp TB, Giá khớp, Giá trị khớp, Phí giao dịch...

LỆNH CHỜ KHỚP									LỆNH ĐÃ KHỚP									TỔNG HỢP KHỚP LỆNH									LỆNH TRONG NGÀY									DANH MỤC ĐẦU TƯ									BẢO CẢO TÀI SẢN								
Số lưu ký			Tiểu khoản			Mã CK			Lệnh			KL khớp			Giá khớp TB			Giá trị khớp			Phí giao dịch			Thuế giao dịch																													
085C000001			0001000001			TCI			Mua			200			10,800			2,160,000			3,240			0																													

Hình: Màn hình Tổng hợp khớp lệnh

3.1.1.6. Lệnh trong ngày

- Màn hình quản lý lệnh Lệnh trong ngày cho phép người dùng xem các thông tin của Lệnh đã đặt. Bao gồm các thông tin: Lệnh Mua/Bán, Số tài khoản, Số tiểu khoản, Mã CK, Loại lệnh...
- Dòng cuối sổ lệnh có các thông tin:
 - Số lệnh: là tổng số lệnh hiện có trong sổ lệnh.
 - Tổng: khối lượng đặt, KL khớp, Giá trị khớp, KL còn lại.

Click vào tài khoản để xem thông tin lệnh khớp theo tài khoản

LỆNH CHỜ KHỚP															LỆNH BẮ KHỚP															TỔNG HỢP KHỚP LỆNH															LỆNH TRONG NGÀY															DANH MỤC ĐẦU TƯ															BÁO CÁO TÀI SẢN														
☒	Sửa/Hủy		Mua/Bán		Số tài khoản		Số tiểu khoản		Mã CK		KL đặt		Giá đặt		Trạng thái		KL khớp		Giá khớp TB		Giá trị khớp		KL còn lại		GT còn lại		Thời gian		Buyin																																																												
☒	☒	☒	Mua		085C000001		Thông tin lệnh khớp theo tài khoản		1,000				25,100		Chờ gửi		0		0		0		1,000		26,100,000		09:20:25		N																																																												
	☒	☒	Mua		085C000001		0001000001		TCI		200		10,800		Khớp hết		200		10,800		2,160,000		0		0		16:02:04		N																																																												
☒	☒	☒	Bán		085C000001		0001000001		A32		100		36,600		Chờ gửi		0		0		0		100		3,660,000		16:02:39		N																																																												
☒	☒	☒	Mua		085C000001		0001000001		TCI		100		9,400		Chờ gửi		0		0		0		100		940,000		16:02:25		N																																																												
	☒	☒	Mua		085C000001		0001000001		TCI		100		10,800		Bỏ nửa 100/100		0		0		0		0		0		16:01:27		N																																																												
☒	☒	☒	Mua		085C000001		0001000001		A32		100		31,200		Chờ gửi		0		0		0		100		3,120,000		16:00:53		N																																																												
☒	☒	☒	Bán		085C000001		0001000001		AAA		100		8,020		Chờ gửi		0		0		0		100		802,000		15:59:15		N																																																												
	☒	☒	Mua		085C000001		0001000001		A32		100		31,200		Chờ gửi		0		0		0		100		3,120,000		15:58:18		N																																																												
☒	☒	☒	Mua		085C000001		0001000001		AAV		200		14,600		Chờ gửi		0		0		0		200		2,920,000		16:28:10		N																																																												
	☒	☒	Mua		085C000001		0001000001		AAV		100		14,600		Bỏ nửa 100/100		0		0		0		0		0		16:27:48		N																																																												
	☒	☒	Bán		085C000001		0001000001		AAA		100		8,580		Hủy lệnh chưa gửi vào sân		0		0		0		0		0		16:27:56		N																																																												
	☒	☒	Mua		085C000001		0001000001		A32		100		42,000		Chờ gửi		0		0		0		100		4,200,000		16:26:44		N																																																												
	☒	☒	Mua		085C000001		0001000001		TCI		1,000		10,800		Hủy lệnh chưa gửi vào sân		0		0		0		0		0		15:40:42		N																																																												
	☒	☒	Bán		085C000001		0001000001		A32		200		36,600		Hủy lệnh chưa gửi vào sân		0		0		0		0		0		15:40:42		N																																																												

Đảm vi giá: 1,000 VNĐ, Đảm vi KL: 10 Cổ phiếu

Go to Settings to activate Windows

15:40:42

Go to Settings to activate Windows

CHI TIẾT KHỚP LỆNH						
Tài khoản: 085C000001						
Mã CK	Tổng KL đặt	Tổng KL khớp	Tổng giá trị mua	Tổng giá trị bán	Giá khớp TB	
Số tiểu khoản: 0001000001						
TCI	300	200	2,160,000	0	10,800	
Tổng cộng			2,160,000	0		

Hình: Màn hình Thông tin lệnh khớp theo tài khoản

Click vào Tiểu khoản để xem thông tin chi tiết lệnh khớp theo Tiểu khoản.

LỆNH CHỜ KHỚP															LỆNH BẮ KHỚP															TỔNG HỢP KHỚP LỆNH															LỆNH TRONG NGÀY															DANH MỤC ĐẦU TƯ															BÁO CÁO TÀI SẢN																															
☒	Sửa/Hủy	Mua/Bán	Số tài khoản	Số tiểu khoản	Mã CK	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	GT còn lại	Thời gian	Buyin																																																																																											
☒	☒	Mua	085C000001	0001000001	Thông tin lệnh khớp theo tiểu khoản			100	Chờ gửi	0	0	0	1,000	26,100,000	09:20:25	N																																																																																										
☒	☒	Mua	085C000001	0001000001	TCI	200	10,800	Khớp hết	200	10,800	2,160,000	0	0	16:02:04	N																																																																																											
☒	☒	Bán	085C000001	0001000001	A32	100	36,600	Chờ gửi	0	0	0	100	3,660,000	16:02:39	N																																																																																											
☒	☒	Mua	085C000001	0001000001	TCI	100	9,400	Chờ gửi	0	0	0	0	100	940,000	16:02:25	N																																																																																										
☒	☒	Mua	085C000001	0001000001	TCI	100	10,800	Bỏ nửa 100/100	0	0	0	0	0	16:01:27	N																																																																																											
☒	☒	Mua	085C000001	0001000001	A32	100	31,200	Chờ gửi	0	0	0	100	3,120,000	16:00:53	N																																																																																											
☒	☒	Bán	085C000001	0001000001	AAA	100	8,020	Chờ gửi	0	0	0	0	100	802,000	15:59:15	N																																																																																										
☒	☒	Mua	085C000001	0001000001	A32	100	31,200	Chờ gửi	0	0	0	0	100	3,120,000	15:58:18	N																																																																																										
☒	☒	Mua	085C000001	0001000001	AAV	200	14,600	Chờ gửi	0	0	0	200	2,920,000	16:28:10	N																																																																																											
☒	☒	Mua	085C000001	0001000001	AAV	100	14,600	Bỏ nửa 100/100	0	0	0	0	0	16:27:48	N																																																																																											
☒	☒	Bán	085C000001	0001000001	AAA	100	8,580	Hủy lệnh chưa gửi vào sân 100/100	0	0	0	0	0	16:27:56	N																																																																																											
☒	☒	Mua	085C000001	0001000001	A32	100	42,000	Chờ gửi	0	0	0	0	100	4,200,000	16:26:44	N																																																																																										
☒	☒	Mua	085C000001	0001000001	TCI	1,000	10,800	Hủy lệnh chưa gửi vào sân 1,000/1,000	0	0	0	0	0	15:40:42	N																																																																																											
☒	☒	Bán	085C000001	0001000001	A32	200	36,600	Hủy lệnh chưa gửi vào sân	0	0	0	0	0	15:40:42	N																																																																																											

CHI TIẾT KHỚP LỆNH						
Tài khoản: 085C000001						
Mã CK	Tổng KL đặt	Tổng KL khớp	Tổng giá trị mua	Tổng giá trị bán	Giá khớp TB	
Số tiểu khoản: 0001000001						
TCI	300	200	2,160,000	0	10,800	
Tổng cộng			2,160,000	0		

Hình: Màn hình Thông tin lệnh khớp theo tiểu khoản

Click vào khối lượng đặt để xem chi tiết thông tin lệnh

LỆNH CHỜ KHỚP		LỆNH BỎ KHỚP		TỔNG HỢP KHỚP LỆNH		LỆNH TRONG NGÀY		DANH MỤC ĐẦU TƯ		BẢO CẢO TÀI SẢN	
Sửa/Hủy	Mua/Bán	Số tài khoản	Số tiểu khoản	Mã CK	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại
☒	Mua	08SC000001	0001000001	AVC	1,000	26,100	Chờ gửi	0	0	0	1,000
☒	Mua	08SC000001	0001000001	TCI	200	10,800	Chờ gửi	0	0	0	200
☒	Mua	08SC000001	0001000001	A32	100	36,600	Chờ gửi	0	0	0	100
☒	Mua	08SC000001	0001000001	TCI	100	9,400	Chờ gửi	0	0	0	100
☒	Mua	08SC000001	0001000001	TCI	100	10,800	Đã sửa 100/100	0	0	0	0
☒	Mua	08SC000001	0001000001	A32	100	31,200	Chờ gửi	0	0	0	100
☒	Mua	08SC000001	0001000001	AAA	100	8,020	Chờ gửi	0	0	0	100
☒	Mua	08SC000001	0001000001	A32	100	31,200	Chờ gửi	0	0	0	100
☒	Mua	08SC000001	0001000001	AAV	200	14,600	Chờ gửi	0	0	0	200
☒	Mua	08SC000001	0001000001	AAV	100	14,600	Đã sửa 100/100	0	0	0	0
☒	Mua	08SC000001	0001000001	AAA	100	8,580	Hủy lệnh chưa gửi vào sàn 100/100	0	0	0	0
☒	Mua	08SC000001	0001000001	A32	100	42,000	Chờ gửi	0	0	0	100
☒	Mua	08SC000001	0001000001	TCI	1,000	10,800	Hủy lệnh chưa gửi vào sàn 1,000/1,000	0	0	0	0
☒	Mua	08SC000001	0001000001	A32	200	36,600	Hủy lệnh chưa gửi vào sàn	0	0	0	0

THÔNG TIN CHI TIẾT LỆNH								
Mã CK: AVC			Trạng thái: Chờ gửi					
Mua/Bán: Mua			Loại lệnh: LO					
Ngày	Thời gian	KL đặt	Giá đặt	KL khớp	Giá khớp	Còn lại	Đã hủy	
28/10/2025	09:20:25	1,000	26,100			1,000		
Tổng cộng						0	1,000	

Hình: Màn hình thông tin chi tiết lệnh

Click vào ô filter dưới tên cột trên sổ lệnh, nhập điều kiện tìm kiếm cho phép khách hàng xem thông tin theo điều kiện đã nhập.

LỆNH CHỜ KHỚP		LỆNH BỎ KHỚP		TỔNG HỢP KHỚP LỆNH		LỆNH TRONG NGÀY		DANH MỤC ĐẦU TƯ		BẢO CẢO TÀI SẢN	
Sửa/Hủy	Mua/Bán	Số tài khoản	Số tiểu khoản	Mã CK	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại
☒	Bán	08SC000001	0001000001	A32	100	36,600	Chờ gửi	0	0	0	100
☒	Bán	08SC000001	0001000001	AAA	100	8,020	Chờ gửi	0	0	0	100
☒	Bán	08SC000001	0001000001	AAA	100	8,580	Hủy lệnh chưa gửi vào sàn 100/100	0	0	0	0
☒	Bán	08SC000001	0001000001	A32	200	36,600	Hủy lệnh chưa gửi vào sàn 200/200	0	0	0	0
☒	Bán	08SC000001	0001000001	ACV	100	94,600	Hủy lệnh chưa gửi vào sàn 100/100	0	0	0	0
☒	Bán	08SC000001	0001000001	A32	100	36,600	Đã sửa 100/100	0	0	0	0
☒	Bán	08SC000001	0001000001	A32	100	31,200	Hủy lệnh chưa gửi vào sàn 100/100	0	0	0	0
☒	Bán	08SC000001	0001000001	A32	100	36,600	Hủy lệnh chưa gửi vào sàn 100/100	0	0	0	0
☒	Bán	08SC000001	0001000001	A32	100	42,000	Hủy lệnh chưa gửi vào sàn 100/100	0	0	0	0
☒	Bán	08SC000001	0001000001	A32	10	42,000	Hủy lệnh chưa gửi vào sàn 10/10	0	0	0	0

Click vào tên cột để tùy chỉnh sắp xếp lệnh, click lần 1 đối với các dữ liệu là chữ sẽ sắp xếp từ Z → A, với các dữ liệu là số sẽ sắp xếp theo chiều giảm dần, click lần 2 sắp xếp ngược lại so với chiều lần 1.

LỆNH CHỜ KHỚP														LỆNH BÁ KHỚP		TỔNG HỢP KHỚP LỆNH		LỆNH TRONG NGÀY		ĐANH MỤC ĐẦU TƯ		BÁO CÁO TÀI SẢN	
☒	Sửa/Hủy	Mua/Bán	Số tài khoản	Số tài khoản	Mã CK	KL đặt	Giá đặt +	Trạng thái	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	GT còn lại	Thời gian	Buyin								
☐	☐	Bán																					
☒	☒	☒	Bán	08SC000001	0001000001	AAA	100	8,620	Chờ gọi	0	0	0	100	802,000	15:59:15	N							
			Bán	08SC000001	0001000001	AAA	100	8,580	Hủy lệnh chưa gọi vào sàn 100/100	0	0	0	0	0	16:27:56	N							
			Bán	08SC000001	0001000001	A32	100	31,200	Hủy lệnh chưa gọi vào sàn 100/100	0	0	0	0	0	16:19:15	N							
☒	☒	☒	Bán	08SC000001	0001000001	A32	100	36,600	Chờ gọi	0	0	0	100	3,660,000	16:02:39	N							
			Bán	08SC000001	0001000001	A32	200	36,600	Hủy lệnh chưa gọi vào sàn 200/200	0	0	0	0	0	15:41:36	N							
			Bán	08SC000001	0001000001	A32	100	36,600	Đã mua 100/100	0	0	0	0	0	15:41:12	N							
			Bán	08SC000001	0001000001	A32	100	36,600	Hủy lệnh chưa gọi vào sàn 100/100	0	0	0	0	0	16:21:22	N							
			Bán	08SC000001	0001000001	A32	100	42,000	Hủy lệnh chưa gọi vào sàn 100/100	0	0	0	0	0	11:09:58	N							
			Bán	08SC000001	0001000001	A32	10	42,000	Hủy lệnh chưa gọi vào sàn 10/10	0	0	0	0	0	13:30:37	N							
			Bán	08SC000001	0001000001	ACV	100	94,600	Hủy lệnh chưa gọi vào sàn 100/100	0	0	0	0	0	15:06:31	N							

3.1.1.7. Danh mục đầu tư

Danh mục đầu tư cho phép khách hàng theo dõi chứng khoán hiện đang nắm giữ theo từng tiểu khoản, lãi lỗ dự tính trên từng mã chứng khoán.

LỆNH CHỜ KHỚP

LỆNH BÀ KHỚP

TỔNG HỢP KHỚP LỆNH

LỆNH TRONG NGÀY

ĐẠNG DỊCH DẦU TƯ

BẢO CẢO TÀI SẢN

Số tiểu khoản: 0001000001

Tất cả

Số tiểu khoản

Tổng KL

KL GD

Giá vốn

Giá trị trường

Giá trị vốn

Giá trị TT

Lãi lỗ trong ngày

Lãi lỗ dự tính

% Lãi lỗ dự tính

Tỷ lệ hiện TS(%)

TSDS

Loại tài sản

MUA

BÁN

AAA

0001000001

81,000

78,900

65,200

7,660

5,281,200,000

620,460,000

51,840,000

-4,860,740,000

-99.25

0

0

CK giao dịch

MUA

BÁN

ACB

0001000001

300

0

26,990.42

22,700

8,097,126

6,810,000

-205,000

-1,287,126

-15.90

0

0

CK giao dịch

MUA

BÁN

ACV

0001000001

1,231

1,231

82,300

82,300

101,311,300

101,311,300

45,547,000

—

—

0

0

CK giao dịch

MUA

BÁN

AGR

0001000001

5,600

5,600

3,627

15,900

20,311,200

89,840,000

6,720,000

68,728,800

339.38

0

0

CK giao dịch

MUA

BÁN

BAFI23020

0001000001

400

400

100,140

—

40,060,000

—

—

—

—

0

0

CK giao dịch

MUA

BÁN

BSP

0001000001

10,000

10,000

16,250

20,000

162,500,000

200,000,000

90,000,000

37,500,000

23.08

0

0

CK giao dịch

BSP_WFT

0001000001

6,000

0

0

20,000

0

120,000,000

84,000,000

120,000,000

—

—

0

0

CK Quyền chờ vest

MUA

BÁN

CACB1901

0001000001

9,500

9,500

0

10,000

0

95,000,000

—

95,000,000

—

—

0

0

CK giao dịch

MUA

BÁN

CEO

0001000001

2,900

2,900

12,818

14,000

34,832,200

40,600,000

-7,800,000

5,747,800

16.49

0

0

CK giao dịch

MUA

BÁN

CMF

0001000001

1

1

124,552

161,000

124,552

161,000

360,000

36,448

29.26

0

0

CK giao dịch

MUA

BÁN

CKH

0001000001

801

801

0

7,000

0

5,607,000

—

5,607,000

—

—

0

0

CK giao dịch

MUA

BÁN

HAI

0001000001

10,000

10,000

5,590

5,590

58,900,000

55,900,000

—

—

—

—

0

0

CK giao dịch

Đan vị giá: 1,000 VNĐ, Đan vị KL: 10 Cổ phiếu

Hình: Màn hình chọn tiểu khoản

- **Click vào thao tác “MUA”** sẽ nhảy vào màn hình giao dịch để thực hiện mua, tự động chọn loại Mua, hiển thị Mã CK vừa chọn
- **Click vào thao tác “BÁN”** sẽ nhảy vào màn hình giao dịch để thực hiện bán, tự động chọn loại Bán, hiển thị Mã CK vừa chọn

LỆNH CHỖ KHÓP

LỆNH BỊ KHÓP

TỔNG HỢP KHÓP LỆNH

LỆNH TRONG NGÀY

ĐANH MỤC ĐẦU TƯ

BÁO CÁO TÀI SẢN

Số tiểu khoản:

0001590336

Thao tác	Mã CK	Số tiểu khoản	Tổng KL	KL GD	Giá vốn	Giá trị trường	Giá trị vốn	Giá trị TT	Lãi lỗ trong ngày	Lãi/lỗ dự tính	% Lãi/lỗ dự tính	Tỷ lệ sinh TS(%)	TSDĐ	Loại tài sản
	A32_WFT	0001590336	135	0	0	39,600	0	4,941,000	472,300	4,941,000	—			CK Quyền chờ về
MUA BÁN	AAA	0001590336	18,900	18,900	60,000	7,650	1,134,000	144,774,000	12,096,000	969,226,000	-87.33	0	0	CK giao dịch
	ACV_WFT	0001590336	937	0	20,000	82,300	19,140,000	78,761,100	35,609,000	99,827,100	311.5			CK Quyền chờ về
MUA BÁN	AGR	0001590336	2,600	2,600	3,627	15,900	9,430,200	41,340,000	3,120,000	31,909,800	238.38	0	0	CK giao dịch
MUA BÁN	CACB1901	0001590336	500	500	0	10,000	0	5,000,000	—	5,000,000	—	0	0	CK giao dịch
MUA BÁN	CEO	0001590336	2,100	2,100	12,018	14,000	25,237,800	29,400,000	5,670,000	4,162,200	16.49	30	7,560,000	CK giao dịch
MUA BÁN	CKH	0001590336	200	200	0	7,000	0	1,400,000	—	1,400,000	—	0	0	CK giao dịch
MUA BÁN	PET	0001590336	50	50	32,500	83,200	1,625,000	2,660,000	125,000	1,835,000	63.69	30	487,500	CK giao dịch
MUA BÁN	TDT	0001590336	150	150	20,220	7,100	3,033,000	1,065,000	—	1,968,000	-64.89	0	0	CK giao dịch
	TDT_WFT	0001590336	2,100	0	0	7,100	0	14,910,000	—	14,910,000	—			CK Quyền chờ về

Hình: Màn hình Danh mục đầu tư



- Dòng cuối tab danh mục đầu tư có các thông tin:
 - Tổng: Giá trị vốn, giá trị TT, lãi/lỗ dự tính, % lãi/lỗ dự tính.

3.1.1.8. Báo cáo tài sản

- Cho phép khách hàng theo dõi các thông tin:
 - Tiền tại TCSC
 - Chứng khoán
 - Các khoản nợ
 - Tài sản thực có

LỆNH CHỜ KHỚP	LỆNH ĐÃ KHỚP	TỔNG HỢP KHỚP LỆNH	LỆNH TRONG NGÀY	DANH MỤC ĐẦU TƯ	BÁO CÁO TÀI SẢN
Tiền tại TCSC	Chứng khoán	Các khoản nợ	Tài sản thực có		
18,512,440,453	2,805,969,300	4,417,600	21,313,992,153		

Hình: Màn hình Báo cáo tài sản

3.1.2. Giao dịch lệnh nâng cao

3.1.2.1. Biểu đồ phân tích kỹ thuật



Hình: Biểu đồ phân tích kỹ thuật

3.1.2.2. Lịch sử khớp lệnh

Cho phép Khách hàng xem thông tin các lệnh đã khớp.

LỊCH SỬ KHỚP LỆNH - VNM

Thời gian	M/B	Giá	+/-	KL	Tổng KL
09:30:26	Bán	55.20	-5.30	100	179,400
09:30:25	Mua	55.30	-5.20	100	179,300
09:30:24	Mua	55.30	-5.20	100	179,200
09:30:22	Mua	55.30	-5.20	300	179,100
09:30:21	Mua	55.30	-5.20	200	178,800
09:30:20	Mua	55.30	-5.20	100	178,600
09:30:15	Mua	55.30	-5.20	100	178,500
09:30:12	Mua	55.30	-5.20	300	178,400
09:30:07	Mua	55.30	-5.20	500	178,100
09:30:05	Mua	55.30	-5.20	1,100	177,600
09:30:02	Mua	55.30	-5.20	5,800	176,500
09:30:00	Bán	55.20	-5.30	4,300	170,700
09:29:51	Mua	55.20	-5.30	29,100	166,400
09:29:51	Mua	55.20	-5.30	1,000	137,300
09:29:50	Mua	55.20	-5.30	13,200	136,300
09:29:46	Mua	55.20	-5.30	5,000	123,100
09:29:42	Mua	55.20	-5.30	100	118,100

Hình: Màn hình Lịch sử khớp lệnh

3.1.2.3. Giao dịch

Bước 1: Chọn tab Giao dịch cơ sở → Lệnh nâng cao

Bước 2: Chi tiết màn hình giao dịch

- **Chọn tiểu khoản** muốn giao dịch
- **Chọn lệnh Mua/Bán:** <Khách hàng lựa chọn lệnh muốn đặt>
- **Mã chứng khoán:** <Nhập mã chứng khoán muốn giao dịch>, khi nhập có hiển thị gợi ý mã. Có thể dùng nút lên xuống trong bàn phím để chọn mã, sau đó Click chuột hoặc nhấn Enter.
- Khi chọn mã chứng khoán, bên dưới hiển thị các thông tin Mã thuộc sàn nào, Giá trần, Giá tham chiếu, Giá sàn. Di chuột các Giá có hiển thị tooltip.
- **Khối lượng:** <Nhập khối lượng giao dịch>. Có thể dùng nút tăng giảm hỗ trợ nhập khối lượng. Tăng/giảm khối lượng theo trường "Đơn vị khối lượng giao dịch" ở màn hình 020004/TT CK dưới back.

- **Giá:** <Nhập giá giao dịch>. Giá phải nằm trong khoản trần sàn đối với lệnh LO, tích nút  để tăng/giảm giá theo bước giá giao dịch của từng sàn. Đối với lệnh thị trường khách nhập các giá ATO, ATO, MAK, MOK...để giao dịch.
- **Nhân lệnh:** <Nhập khối lượng nhân lệnh>. Checkbox Mặc định có tick thì trường Nhân lệnh disable và dữ liệu mặc định = 1. Checkbox Mặc định không tick thì trường Nhân lệnh enable cho phép user nhập.



The screenshot displays the TCSC trading interface. At the top, there are two input fields for account numbers: '085C000001' and '0001000001'. Below these, there are two buttons: 'MUA' (Buy) with a price of 55,200 and 'BÁN' (Sell) with a price of 55,300. A quantity of '100' is entered between them. The stock symbol 'VNM' is selected in a dropdown menu. Below the stock symbol, there are three price levels: 'HOSE' with prices 63.90, 59.80, and 55.70. There are also input fields for 'Giá' (Price) and 'KL' (Quantity). The 'Nhân lệnh' (Order multiplier) is set to '1', and the 'Mặc định' (Default) checkbox is checked. A summary section shows: 'Tiền mặt trên tài khoản: 18,507,253,278', 'Sức mua: 18,464,592,252', 'KL mua tối đa: 308,300', and 'Tỷ lệ vay: —'. At the bottom, there is a large green button labeled 'XÁC NHẬN' (Confirm).

Hình: Màn hình giao dịch

Bước 3: Chọn nút Mua/Bán để giao dịch, hệ thống sẽ hiển thị màn hình thông tin để duyệt như hình dưới:

XÁC THỰC LỆNH GIAO DỊCH

Tài khoản: 085C000001 - Huỳnh Thanh Tuyền Tiểu khoản: 0001000001

	Mã CK	KL	Loại lệnh	Giá	Giá trị lệnh
MUA	VNM	100	LO	63,900	6,390,000

Tổng giá trị giao dịch dự kiến: 6,399,585

Chọn xác thực: SMS OTP

Nhập mã OTP:

Lưu xác thực cho lần sau: ☐

Hình: Màn hình Xác thực lệnh đặt

Bước 4: Kiểm tra lại thông tin giao dịch, nhập MÃ SMARTOTP hoặc nhập mã OTP để xác thực lệnh. Tích nút ☐ để lưu xác thực cho lần sau.

Bước 5: Nhấn nút để giao dịch. Sau khi xác thực lệnh thành công, lệnh được hiển thị lên Lệnh chờ khớp ở hình bên dưới:

LỆNH CHỜ KHỚP																LỆNH BẢ KHỚP																TỔNG HỢP KHỚP LỆNH																LỆNH TRONG NGÀY																DANH MỤC ĐẦU TƯ																BẢO CẢO TÀI SẢN															
☒	Sửa/Hủy		Mua/Bán		Số tài khoản		Số tiểu khoản		Mã CK		KL đặt		Giá đặt		Trạng thái		KL khớp		Giá khớp TB		Giá trị khớp		KL còn lại		GT còn lại		Loại lệnh		Thời gian		Buyin																																																																
☐	☒	☒	☒	☒	Mua	085C000001	0001000001	VNM	100	63,900	Chờ gửi	0	0	0	0	100	6,390,000	LO	09:33:56	N																																																																											
☐	☒	☒	☒	☒	Mua	085C000001	0001000001	AVC	1,000	26,100	Chờ gửi	0	0	0	0	1,000	26,100,000	LO	09:20:25	N																																																																											
☐	☒	☒	☒	☒	Bán	085C000001	0001000001	A32	100	36,600	Chờ gửi	0	0	0	0	100	3,660,000	LO	16:02:39	N																																																																											
☐	☒	☒	☒	☒	Mua	085C000001	0001000001	TCI	100	9,400	Chờ gửi	0	0	0	0	100	940,000	LO	16:02:25	N																																																																											
☐	☒	☒	☒	☒	Mua	085C000001	0001000001	A32	100	31,200	Chờ gửi	0	0	0	0	100	3,120,000	LO	16:00:53	N																																																																											
☐	☒	☒	☒	☒	Bán	085C000001	0001000001	AAA	100	8,020	Chờ gửi	0	0	0	0	100	802,000	LO	15:59:15	N																																																																											
☐	☒	☒	☒	☒	Mua	085C000001	0001000001	A32	100	31,200	Chờ gửi	0	0	0	0	100	3,120,000	LO	15:58:18	N																																																																											
☐	☒	☒	☒	☒	Mua	085C000001	0001000001	AAV	200	14,600	Chờ gửi	0	0	0	0	200	2,920,000	LO	16:28:10	N																																																																											
☐	☒	☒	☒	☒	Mua	085C000001	0001000001	A32	100	42,000	Chờ gửi	0	0	0	0	100	4,200,000	LO	16:26:44	N																																																																											

Hình: Màn hình Lệnh chờ khớp

Và hiển thị ở màn hình Lệnh trong ngày

LỆNH CHỜ KHỚP																LỆNH BẢ KHỚP																TỔNG HỢP KHỚP LỆNH																LỆNH TRONG NGÀY																DANH MỤC ĐẦU TƯ																BẢO CẢO TÀI SẢN															
Sửa/Hủy		Mua/Bán		Số tài khoản		Số tiểu khoản		Mã CK		KL đặt		Giá đặt		Trạng thái		KL khớp		Giá khớp TB		Giá trị khớp		KL còn lại		GT còn lại		Thời gian		Buyin																																																																			
☒	☐	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐																																																																		
☒	☐	☒	☐	Mua	085C000001	0001000001	VNM	100	63,900	Chờ gửi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100	6,390,000	09:33:56	N																																																																						
☒	☐	☒	☐	Mua	085C000001	0001000001	AVC	1,000	26,100	Chờ gửi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,000	26,100,000	09:20:25	N																																																																						
☒	☐	☒	☐	Mua	085C000001	0001000001	TCI	200	10,800	Khớp hết	200	10,800	2,160,000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	16:02:04	N																																																																						
☒	☐	☒	☐	Bán	085C000001	0001000001	A32	100	36,600	Chờ gửi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100	3,660,000	16:02:39	N																																																																						
☒	☐	☒	☐	Mua	085C000001	0001000001	TCI	100	9,400	Chờ gửi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100	940,000	16:02:25	N																																																																						
☒	☐	☒	☐	Mua	085C000001	0001000001	TCI	100	10,800	Giá sửa 100/100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	16:01:27	N																																																																						
☒	☐	☒	☐	Mua	085C000001	0001000001	A32	100	31,200	Chờ gửi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100	3,120,000	16:00:53	N																																																																						
☒	☐	☒	☐	Bán	085C000001	0001000001	AAA	100	8,020	Chờ gửi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100	802,000	15:59:15	N																																																																						
☒	☐	☒	☐	Mua	085C000001	0001000001	A32	100	31,200	Chờ gửi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100	3,120,000	15:58:18	N																																																																						
☒	☐	☒	☐	Mua	085C000001	0001000001	AAV	200	14,600	Chờ gửi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	200	2,920,000	16:28:10	N																																																																						

Hình: Màn hình Sổ lệnh trong ngày

3.1.2.4. Lệnh chờ khớp

Màn hình quản lý lệnh Lệnh chờ khớp cho phép người dùng xem các thông tin của Lệnh vừa đặt. Bao gồm các thông tin: Lệnh Mua/Bán, Số tài khoản, Số tiểu khoản, Mã CK, Loại lệnh...

LỆNH CHỜ KHỚP		LỆNH BẮ KHỚP		TỔNG HỢP KHỚP LỆNH		LỆNH TRONG NGÀY		DANH MỤC ĐẦU TƯ		BẢO CẢO TÀI SẢN							
	Sửa/Hủy	Mua/Bán	Số tài khoản	Số tiểu khoản	Mã CK	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	GT còn lại	Loại lệnh	Thời gian	Buyin	
			Mua	08SC000001	0001000001	VNM	100	63,900	Chờ gửi	0	0	0	100	6,390,000	LO	09:33:56	N
			Mua	08SC000001	0001000001	AVC	1,000	26,100	Chờ gửi	0	0	0	1,000	26,100,000	LO	09:20:25	N
			Bán	08SC000001	0001000001	A32	100	36,600	Chờ gửi	0	0	0	100	3,660,000	LO	16:02:39	N
			Mua	08SC000001	0001000001	TCI	100	9,400	Chờ gửi	0	0	0	100	940,000	LO	16:02:35	N
			Mua	08SC000001	0001000001	A32	100	31,200	Chờ gửi	0	0	0	100	3,120,000	LO	16:00:53	N
			Bán	08SC000001	0001000001	AAA	100	8,020	Chờ gửi	0	0	0	100	802,000	LO	15:59:15	N
			Mua	08SC000001	0001000001	A32	100	31,200	Chờ gửi	0	0	0	100	3,120,000	LO	15:58:18	N
			Mua	08SC000001	0001000001	AAV	200	14,600	Chờ gửi	0	0	0	200	2,920,000	LO	16:28:10	N
			Mua	08SC000001	0001000001	A32	100	42,000	Chờ gửi	0	0	0	100	4,200,000	LO	16:26:44	N

Hình: Màn hình Lệnh chờ khớp

❖ Sửa lệnh:

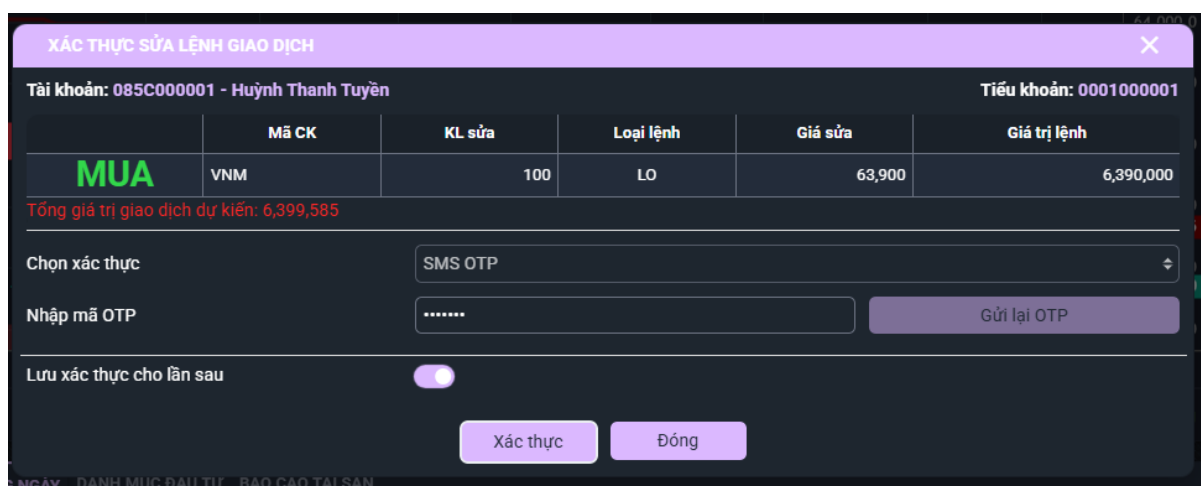
Những lệnh được phép sửa sẽ hiển thị nút  trên dòng lệnh, những lệnh không được phép sửa sẽ không hiển thị nút này.

Bước 1: Click nút  trong sổ lệnh để chọn lệnh cần sửa, lệnh cần sửa lên màn hình giao dịch như hình



Hình: Màn hình Sửa lệnh

Bước 2: Nhập lại thông tin cần sửa, chọn Mua/bán, hệ thống hiển thị màn hình xác nhận sửa lệnh (chọn  để bỏ thao tác sửa lệnh).



Hình: Màn hình xác thực sửa lệnh

Bước 3: Kiểm tra lại thông tin sửa lệnh, nhập MÃ SMARTOTP hoặc nhập mã OTP để xác thực lệnh.

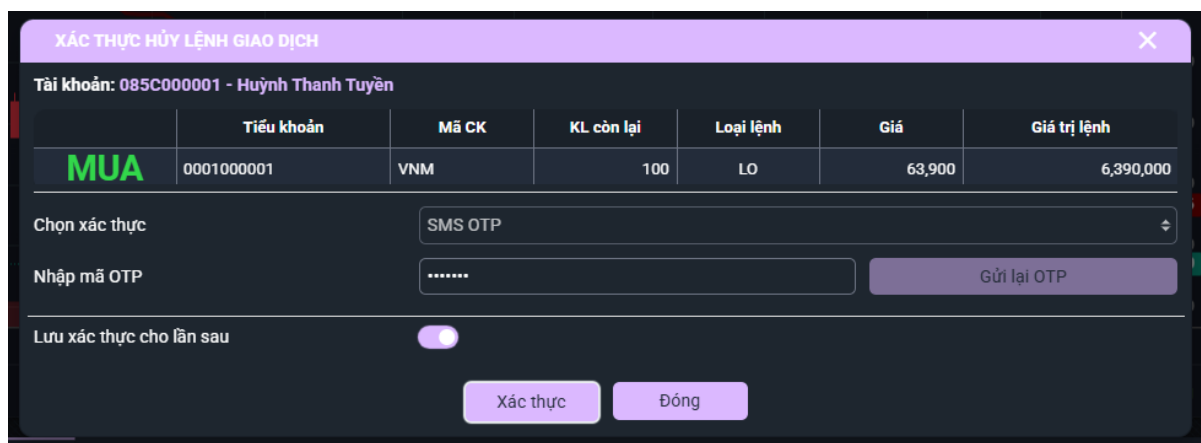
Xác thực

Bước 4: Nhấn nút để sửa lệnh. Sau khi xác thực lệnh thành công, lệnh sửa sẽ hiển thị trong lệnh chờ khớp

❖ Hủy lệnh

Bước 1: Nhấn nút để chọn lệnh khách hàng muốn hủy trên màn hình Lệnh chờ khớp lệnh, có thể tích chọn hủy nhiều lệnh cùng 1 lúc.

Bước 2: Kiểm tra thông tin, xác thực lệnh cần hủy



XÁC THỰC HỦY LỆNH GIAO DỊCH

Tài khoản: 085C000001 - Huỳnh Thanh Tuyền

	Tiểu khoản	Mã CK	KL còn lại	Loại lệnh	Giá	Giá trị lệnh
MUA	0001000001	VNM	100	LO	63,900	6,390,000

Chọn xác thực: SMS OTP

Nhập mã OTP:

Gửi lại OTP

Lưu xác thực cho lần sau: ☐

Xác thực Đóng

Hình: Màn hình xác thực hủy lệnh

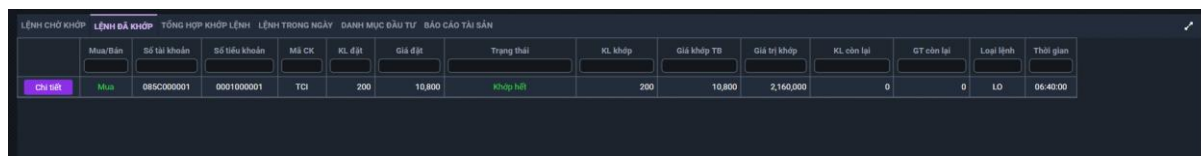
Xác thực

Bước 3: Nhấn nút để hủy lệnh. Sau khi xác thực hủy lệnh thành công, trạng thái lệnh trong sổ lệnh là Đã hủy.

3.1.2.5. Lệnh đã khớp

Lệnh đã khớp cho phép khách hàng xem các thông tin của các lệnh đã khớp. Bao gồm các thông tin: Thời gian, Mã CK, KL khớp, Giá khớp TB...

- Dòng cuối tab lệnh đã khớp có các thông tin:
 - Tổng: KL khớp, Giá khớp TB, Giá trị khớp, Phí GD, Thuế TNCN, Thuế cổ tức, Phải trả/thực nhận.



	Mua/Bán	Số tài khoản	Số tiểu khoản	Mã CK	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	GT còn lại	Loại lệnh	Thời gian
Chi tiết	Mua	085C000001	0001000001	TCI	200	10,800	Khớp hết	200	10,800	2,160,000	0	0	LO	06:40:00

Hình: Màn hình Lệnh đã khớp

Click vào button “Chi tiết” để xem thông tin chi tiết khớp lệnh

CHI TIẾT KHỚP LỆNH					
Số hiệu lệnh: 8000281025000167					
Giờ khớp	Mua/Bán	Mã CK	Giá khớp	KL khớp	Giá trị khớp
06:40:00	Mua	TCI	10,800	200	2,160,000
Tổng cộng				200	2,160,000

Hình: Màn hình Chi tiết khớp lệnh

3.1.2.6. Tổng hợp khớp lệnh

Tổng hợp khớp lệnh cho phép khách hàng xem các thông tin của các lệnh đã khớp. Bao gồm các thông tin: Mã CK, Lệnh, KL khớp, Giá khớp TB, Giá khớp, Giá trị khớp, Phí giao dịch...

LỆNH CHỜ KHỚP	LỆNH ĐÃ KHỚP	TỔNG HỢP KHỚP LỆNH		LỆNH TRONG NGÀY	DANH MỤC ĐẦU TƯ	BẢO CÁO TÀI SẢN		
Số lưu ký	Tiểu khoản	Mã CK	Lệnh	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	Phí giao dịch	Thuế giao dịch
085C000001	0001000001	TCI	Mua	200	10,800	2,160,000	3,240	0

Hình: Màn hình Tổng hợp khớp lệnh

3.1.2.7. Lệnh trong ngày

- Màn hình quản lý lệnh Lệnh trong ngày cho phép người dùng xem các thông tin của Lệnh đã đặt. Bao gồm các thông tin: Lệnh Mua/Bán, Số tài khoản, Số tiểu khoản, Mã CK, Loại lệnh...
- Dòng cuối sổ lệnh có các thông tin:
 - Số lệnh: là tổng số lệnh hiện có trong sổ lệnh.
 - Tổng: khối lượng đặt, KL khớp, Giá trị khớp, KL còn lại.

Click vào tài khoản để xem thông tin lệnh khớp theo tài khoản

LỆNH CHỜ KHỚP		LỆNH ĐÃ KHỚP		TỔNG HỢP KHỚP LỆNH		LỆNH TRONG NGÀY		DANH MỤC ĐẦU TƯ		BẢO CÁO TÀI SẢN				
Sửa/Hủy	Mua/Bán	Số tài khoản	Số tiểu khoản	Mã CK	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	GT còn lại	Thời gian	Buyin
	Mua	085C000001	Thông tin lệnh khớp theo tài khoản		1,000	25,100	Chờ gửi	0	0	0	1,000	25,100,000	09:20:25	N
	Mua	085C000001	0001000001	TCI	200	10,800	Khớp hết	200	10,800	2,160,000	0	0	16:02:04	N
	Bán	085C000001	0001000001	A32	100	36,600	Chờ gửi	0	0	0	100	3,660,000	16:02:39	N
	Mua	085C000001	0001000001	TCI	100	9,400	Chờ gửi	0	0	0	100	940,000	16:02:25	N
	Mua	085C000001	0001000001	TCI	100	10,800	Đã nửa 100/100	0	0	0	0	0	16:01:27	N
	Mua	085C000001	0001000001	A32	100	31,200	Chờ gửi	0	0	0	100	3,120,000	16:00:53	N
	Bán	085C000001	0001000001	AAA	100	8,020	Chờ gửi	0	0	0	100	802,000	15:59:15	N
	Mua	085C000001	0001000001	A32	100	31,200	Chờ gửi	0	0	0	100	3,120,000	15:58:18	N
	Mua	085C000001	0001000001	AAV	200	14,600	Chờ gửi	0	0	0	200	2,920,000	16:28:10	N
	Mua	085C000001	0001000001	AAV	100	14,600	Đã nửa 100/100	0	0	0	0	0	16:27:48	N
	Bán	085C000001	0001000001	AAA	100	8,580	Hủy lệnh chưa gửi vào sân 100/100	0	0	0	0	0	16:27:56	N
	Mua	085C000001	0001000001	A32	100	42,000	Chờ gửi	0	0	0	100	4,200,000	16:26:44	N
	Mua	085C000001	0001000001	TCI	1,000	10,800	Hủy lệnh chưa gửi vào sân 1,000/1,000	0	0	0	0	0		
	Bán	085C000001	0001000001	A32	200	36,600	Hủy lệnh chưa gửi vào sân	0	0	0	0	0		

CHI TIẾT KHỚP LỆNH X						
Tài khoản: 085C000001						
	Mã CK	Tổng KL đặt	Tổng KL khớp	Tổng giá trị mua	Tổng giá trị bán	Giá khớp TB
Số tiểu khoản: 0001000001						
▼	TCI	300	200	2,160,000	0	10,800
Tổng cộng				2,160,000	0	

Hình: Màn hình Thông tin lệnh khớp theo tài khoản

Click vào Tiểu khoản để xem thông tin chi tiết lệnh khớp theo Tiểu khoản.

LỆNH CHỜ KHỚP	LỆNH BẮ KHỚP	TỔNG HỢP KHỚP LỆNH	LỆNH TRONG NGÀY	DANH MỤC ĐẦU TƯ - BÁO CÁO TÀI SẢN											
Đã/Hủy	Mua/Bán	Số tài khoản	Số tiểu khoản	Mã CK	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	GT còn lại	Thời gian	Buyin	
✓	Mua	085C000001	0001000001				Thông tin lệnh khớp theo tiểu khoản	100							
✓	Mua	085C000001	0001000001	TCI	200	10,800	Chờ gửi	200	10,800	2,160,000	0	0	16:02:54	N	
✓	Mua	085C000001	0001000001	A32	100	36,600	Chờ gửi	0	0	0	100	3,660,000	16:02:39	N	
✓	Mua	085C000001	0001000001	TCI	100	9,400	Chờ gửi	0	0	0	100	940,000	16:02:25	N	
✓	Mua	085C000001	0001000001	TCI	100	10,800	Đã sửa 100/100	0	0	0	0	0	16:01:27	N	
✓	Mua	085C000001	0001000001	A32	100	31,200	Chờ gửi	0	0	0	100	3,120,000	16:00:53	N	
✓	Mua	085C000001	0001000001	AAA	100	8,020	Chờ gửi	0	0	0	100	802,000	15:59:15	N	
✓	Mua	085C000001	0001000001	A32	100	31,200	Chờ gửi	0	0	0	100	3,120,000	15:58:18	N	
✓	Mua	085C000001	0001000001	AAV	200	14,600	Chờ gửi	0	0	0	200	2,920,000	16:28:10	N	
✓	Mua	085C000001	0001000001	AAV	100	14,600	Đã sửa 100/100	0	0	0	0	0	16:27:48	N	
✓	Mua	085C000001	0001000001	AAA	100	8,580	Hủy lệnh chưa gửi vào sân 100/100	0	0	0	0	0	16:27:56	N	
✓	Mua	085C000001	0001000001	A32	100	42,000	Chờ gửi	0	0	0	100	4,200,000	16:26:44	N	
✓	Mua	085C000001	0001000001	TCI	1,000	10,800	Hủy lệnh chưa gửi vào sân 1,000/1,000	0	0	0	0	0			
✓	Mua	085C000001	0001000001	A32	200	36,600	Hủy lệnh chưa gửi vào sân	0	0	0	0	0			

CHI TIẾT KHỚP LỆNH X						
Tài khoản: 085C000001						
	Mã CK	Tổng KL đặt	Tổng KL khớp	Tổng giá trị mua	Tổng giá trị bán	Giá khớp TB
Số tiểu khoản: 0001000001						
▼	TCI	300	200	2,160,000	0	10,800
Tổng cộng				2,160,000	0	

Hình: Màn hình Thông tin lệnh khớp theo tiểu khoản

Click vào khối lượng đặt để xem chi tiết thông tin lệnh

LỆNH CHỜ KHỚP		LỆNH BẮ KHỚP		TỔNG HỢP KHỚP LỆNH		LỆNH TRONG NGÀY		DANH MỤC ĐẦU TƯ		BẢO CẢO TÀI SẢN					
☒	Sửa/Hủy	Mua/Bán	Số tài khoản	Số tiểu khoản	Mã CK	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	GT còn lại	Thời gian	Buyin
☒	☒	Mua	08SC000001	0001000001	AVC	1,000	Thông tin chỉ tiết lệnh	Chờ gửi	0	0	0	1,000	26,100,000	09:20:25	N
☒	☒	Mua	08SC000001	0001000001	TCI	200	10,800	Khớp hết	200	10,800	2,160,000	0	0	16:02:04	N
☒	☒	Bán	08SC000001	0001000001	AS2	100	36,600	Chờ gửi	0	0	0	100	3,660,000	16:02:39	N
☒	☒	Mua	08SC000001	0001000001	TCI	100	9,400	Chờ gửi	0	0	0	100	940,000	16:02:25	N
☒	☒	Mua	08SC000001	0001000001	TCI	100	10,800	Đã sửa 100/100	0	0	0	0	0	16:01:27	N
☒	☒	Mua	08SC000001	0001000001	AS2	100	31,200	Chờ gửi	0	0	0	100	3,120,000	16:00:53	N
☒	☒	Bán	08SC000001	0001000001	AAA	100	8,020	Chờ gửi	0	0	0	100	802,000	15:59:15	N
☒	☒	Mua	08SC000001	0001000001	AS2	100	31,200	Chờ gửi	0	0	0	100	3,120,000	15:58:18	N
☒	☒	Mua	08SC000001	0001000001	AAV	200	14,600	Chờ gửi	0	0	0	200	2,920,000	16:28:10	N
☒	☒	Mua	08SC000001	0001000001	AAV	100	14,600	Đã sửa 100/100	0	0	0	0	0	16:27:48	N
☒	☒	Bán	08SC000001	0001000001	AAA	100	8,580	Hủy lệnh chưa gửi vào sân 100/100	0	0	0	0	0	16:27:56	N
☒	☒	Mua	08SC000001	0001000001	AS2	100	42,000	Chờ gửi	0	0	0	100	4,200,000	16:26:44	N
☒	☒	Mua	08SC000001	0001000001	TCI	1,000	10,800	Hủy lệnh chưa gửi vào sân 1,000/1,000	0	0	0	0	0	16:40:42	N

THÔNG TIN CHI TIẾT LỆNH								
Mã CK: AVC	Trạng thái: Chờ gửi							
Mua/Bán: Mua	Loại lệnh: LO							
Ngày	Thời gian	KL đặt	Giá đặt	KL khớp	Giá khớp	Còn lại	Đã hủy	
28/10/2025	09:20:25	1,000	26,100			1,000		
Tổng cộng						0	1,000	

Hình: Màn hình thông tin chi tiết lệnh

Click vào ô filter dưới tên cột trên sổ lệnh, nhập điều kiện tìm kiếm cho phép khách hàng xem thông tin theo điều kiện đã nhập.

LỆNH CHỜ KHỚP															LỆNH BẮ KHỚP															TỔNG HỢP KHỚP LỆNH															LỆNH TRONG NGÀY															DANH MỤC ĐẦU TƯ															BẢO CẢO TÀI SẢN														
☒	Sửa/Hủy	Mua/Bán	Số tài khoản	Số tiểu khoản	Mã CK	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	GT còn lại	Thời gian	Buyin																																																																										
☒	☒	Bán	08SC000001	0001000001	A32	100	36,600	Chờ gửi	0	0	0	100	3,660,000	16:02:39	N																																																																										
☒	☒	Bán	08SC000001	0001000001	AAA	100	8,020	Chờ gửi	0	0	0	100	802,000	15:59:15	N																																																																										
		Bán	08SC000001	0001000001	AAA	100	8,580	Hủy lệnh chưa gửi vào sân 100/100	0	0	0	0	0	16:27:56	N																																																																										
		Bán	08SC000001	0001000001	A32	200	36,600	Hủy lệnh chưa gửi vào sân 200/200	0	0	0	0	0	15:41:36	N																																																																										
		Bán	08SC000001	0001000001	ACV	100	94,600	Hủy lệnh chưa gửi vào sân 100/100	0	0	0	0	0	15:58:51	N																																																																										
		Bán	08SC000001	0001000001	A32	100	36,600	Đã sửa 100/100	0	0	0	0	0	15:41:12	N																																																																										
		Bán	08SC000001	0001000001	A32	100	31,200	Hủy lệnh chưa gửi vào sân 100/100	0	0	0	0	0	16:19:15	N																																																																										
		Bán	08SC000001	0001000001	A32	100	36,600	Hủy lệnh chưa gửi vào sân 100/100	0	0	0	0	0	16:21:22	N																																																																										
		Bán	08SC000001	0001000001	A32	100	42,000	Hủy lệnh chưa gửi vào sân 100/100	0	0	0	0	0	11:09:58	N																																																																										
		Bán	08SC000001	0001000001	A32	10	42,000	Hủy lệnh chưa gửi vào sân 10/10	0	0	0	0	0	11:09:58	N																																																																										

Click vào tên cột để tùy chỉnh sắp xếp lệnh, click lần 1 đối với các dữ liệu là chữ sẽ sắp xếp từ Z → A, với các dữ liệu là số sẽ sắp xếp theo chiều giảm dần, click lần 2 sắp xếp ngược lại so với chiều lần 1.

LỆNH CHỜ KHỚP																LỆNH BỎ KHỚP		TỔNG HỢP KHỚP LỆNH		LỆNH TRONG NGÀY		ĐƠN MỤC ĐẦU TƯ		BẢO CẢO TÀI SẢN			
☒	Sửa/Hủy	Mua/Bán	Số tài khoản	Số tiền khoản	Mã CK	KL đặt	Giá đặt +	Trạng thái	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	GT còn lại	Thời gian	Buyin												
☐	☐	Bán																									
☒	☒	☒	Bán	08SC000001	0001000001	AAA	100	8,620	Chờ gọi	0	0	0	100	802,000	15:59:15	N											
			Bán	08SC000001	0001000001	AAA	100	8,580	Hủy lệnh chưa gọi vào sàn	0	0	0	0	0	16:27:56	N											
			Bán	08SC000001	0001000001	A32	100	31,200	Hủy lệnh chưa gọi vào sàn	0	0	0	0	0	16:19:15	N											
								100/100																			
☒	☒	☒	Bán	08SC000001	0001000001	A32	100	36,600	Chờ gọi	0	0	0	100	3,660,000	16:02:39	N											
			Bán	08SC000001	0001000001	A32	200	36,600	Hủy lệnh chưa gọi vào sàn	0	0	0	0	0	15:41:36	N											
								200/200																			
			Bán	08SC000001	0001000001	A32	100	36,600	Đã mua 100/100	0	0	0	0	0	15:41:12	N											
			Bán	08SC000001	0001000001	A32	100	36,600	Hủy lệnh chưa gọi vào sàn	0	0	0	0	0	16:21:22	N											
								100/100																			
			Bán	08SC000001	0001000001	A32	100	42,000	Hủy lệnh chưa gọi vào sàn	0	0	0	0	0	11:09:58	N											
								100/100																			
			Bán	08SC000001	0001000001	A32	10	42,000	Hủy lệnh chưa gọi vào sàn 10/10	0	0	0	0	0	13:30:37	N											
			Bán	08SC000001	0001000001	ACV	100	94,600	Hủy lệnh chưa gọi vào sàn	0	0	0	0	0	15:58:31	N											
								100/100																			

3.1.2.8. Danh mục đầu tư

Danh mục đầu tư cho phép khách hàng theo dõi chứng khoán hiện đang nắm giữ theo từng tiểu khoản, lãi lỗ dự tính trên từng mã chứng khoán.

LỆNH CHỜ KHỚP

LỆNH BÀ KHỚP

TỔNG HỢP KHỚP LỆNH

LỆNH TRONG NGÀY

MẠCH ĐẦU TƯ

BẢO CẢO TÀI SẢN

Số tiểu khoản: 0001000001

Tất cả

Thao tác	Tiểu khoản	Số tiểu khoản	Tổng KL	KL GD	Giá vốn	Giá trị trường	Giá trị vốn	Giá trị TT	Lãi lỗ trong ngày	Lãi lỗ dự tính	% Lãi lỗ dự tính	Ti lệ hiện TS(%)	TSDS	Loại tài sản
	0001590536													
	0001003331													
MUA BÁN	AAA	0001000001	800	490	34,276.74	36,600	27,421,392	29,280,000	2,800,000	1,858,608	6.78	0	0	CK giao dịch
MUA BÁN	ACB	0001000001	300	0	26,990.42	22,700	8,097,126	6,810,000	-205,000	-1,287.126	-18.90	0	0	CK giao dịch
MUA BÁN	ACV	0001000001	1,231	1,231	82,300	82,300	101,311,300	101,311,300	45,547,000	—	—	0	0	CK giao dịch
MUA BÁN	AGR	0001000001	5,600	5,600	3,627	15,900	20,311,200	89,840,000	6,720,000	68,728,800	338.38	0	0	CK giao dịch
MUA BÁN	BAFI23020	0001000001	400	400	100,140	—	40,060,000	—	—	—	—	0	0	CK giao dịch
MUA BÁN	BSP	0001000001	10,000	10,000	16,250	20,000	162,500,000	200,000,000	95,000,000	37,500,000	23.08	0	0	CK giao dịch
	BSP_WFT	0001000001	6,000	0	0	20,000	0	120,000,000	84,000,000	120,000,000	—	0	0	CK Quyền chỉ vẽ
MUA BÁN	CACB1901	0001000001	9,500	9,500	0	10,000	0	95,000,000	—	95,000,000	—	0	0	CK giao dịch
MUA BÁN	CEO	0001000001	2,900	2,900	12,818	14,000	34,832,200	40,600,000	-7,800,000	5,747,800	16.49	0	0	CK giao dịch
MUA BÁN	CMF	0001000001	1	1	124,552	161,000	124,552	161,000	360,000	36,448	29.26	0	0	CK giao dịch
MUA BÁN	CKH	0001000001	801	801	0	7,000	0	5,607,000	—	5,607,000	—	0	0	CK giao dịch
MUA BÁN	HAI	0001000001	10,000	10,000	5,590	5,590	55,900,000	55,900,000	—	—	—	0	0	CK giao dịch

Đan vị giá: 1,000 VNĐ, Đan vị KL: 10 Cổ phiếu

Activate Windows
Go to Settings to activate Windows.

Hình: Màn hình chọn tiểu khoản

- **Click vào thao tác “MUA”** sẽ nhảy vào màn hình giao dịch để thực hiện mua, tự động chọn loại Mua, hiển thị Mã CK vừa chọn
- **Click vào thao tác “BÁN”** sẽ nhảy vào màn hình giao dịch để thực hiện bán, tự động chọn loại Bán, hiển thị Mã CK vừa chọn

LỆNH CHỖ KHÓP

LỆNH BỊ KHÓP

TỔNG HỢP KHÓP LỆNH

LỆNH TRONG NGÀY

ĐANH MỤC ĐẦU TƯ

BÁO CÁO TÀI SẢN

Số tiểu khoản:

0001590336

Thao tác	Mã CK	Số tiểu khoản	Tổng KL	KL GD	Giá vốn	Giá trị trường	Giá trị vốn	Giá trị TT	Lãi lỗ trong ngày	Lãi/lỗ dự tính	% Lãi/lỗ dự tính	Tỷ lệ sinh TS(%)	TSDĐ	Loại tài sản
MUA BÁN	A32_WFT	0001590336	135	0	0	39,600	0	4,941,000	472,300	4,941,000	—			CK Quyền chờ về
	AAA	0001590336	18,900	18,900	60,000	7,650	1,134,000	144,774,000	12,096,000	969,226,000	-87.33	0	0	CK giao dịch
	ACV_WFT	0001590336	937	0	20,000	82,300	19,140,000	78,761,100	35,609,000	99,827,100	311.5			CK Quyền chờ về
MUA BÁN	AGR	0001590336	2,600	2,600	3,627	15,900	9,430,200	41,340,000	3,120,000	31,909,800	238.38	0	0	CK giao dịch
MUA BÁN	CACB1901	0001590336	500	500	0	10,000	0	5,000,000	—	5,000,000	—	0	0	CK giao dịch
MUA BÁN	CEO	0001590336	2,100	2,100	12,018	14,000	25,237,800	29,400,000	5,670,000	4,162,200	16.49	30	7,560,000	CK giao dịch
MUA BÁN	CKH	0001590336	200	200	0	7,000	0	1,400,000	—	1,400,000	—	0	0	CK giao dịch
MUA BÁN	PET	0001590336	50	50	32,500	83,200	1,625,000	2,660,000	125,000	1,835,000	63.69	30	487,500	CK giao dịch
MUA BÁN	TDT	0001590336	150	150	20,220	7,100	3,033,000	1,065,000	—	1,968,000	-64.89	0	0	CK giao dịch
	TDT_WFT	0001590336	2,100	0	0	7,100	0	14,910,000	—	14,910,000	—			CK Quyền chờ về

Hình: Màn hình Danh mục đầu tư



- Dòng cuối tab danh mục đầu tư có các thông tin:
 - Tổng: Giá trị vốn, giá trị TT, lãi/lỗ dự tính, % lãi/lỗ dự tính.

3.1.2.9. Báo cáo tài sản

- Cho phép khách hàng theo dõi các thông tin:
 - Tiền tại TCSC
 - Chứng khoán
 - Các khoản nợ
 - Tài sản thực có

LỆNH CHỜ KHỚP	LỆNH ĐÃ KHỚP	TỔNG HỢP KHỚP LỆNH	LỆNH TRONG NGÀY	DANH MỤC ĐẦU TƯ	BÁO CÁO TÀI SẢN
Tiền tại TCSC	Chứng khoán	Các khoản nợ	Tài sản thực có		
18,512,440,453	2,805,969,300	4,417,600	21,313,992,153		

Hình: Màn hình Báo cáo tài sản

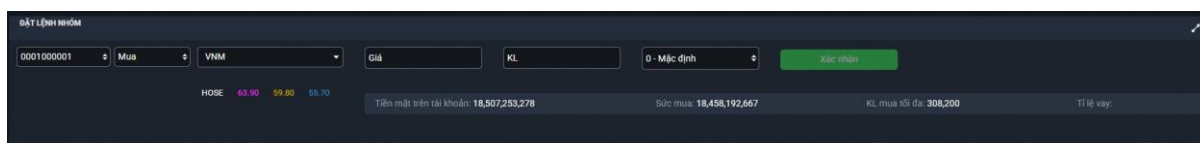
3.1.3. Giao dịch lệnh nhóm

Mô tả: Lệnh nhóm cho phép khách hàng giao dịch nhanh một lệnh hoặc nhiều lệnh cùng một lúc. Khách hàng có thể đặt trước nhiều lệnh sau đó kích hoạt tất cả các lệnh đặt để đẩy lệnh vào sổ giao dịch. Khi thực hiện kích hoạt thì hệ thống mới thực hiện ký quỹ lệnh đặt của khách hàng. Tất cả các lệnh đặt của khách hàng thỏa mãn sẽ được đẩy vào hệ thống giao dịch của sổ GDCK cùng một lúc. Các lệnh không hợp lệ vẫn sẽ được giữ lại trong màn hình Sổ lệnh nhóm.

3.1.3.1. Giao dịch nhóm

Bước 1: Chọn tab Giao dịch cơ sở -> Lệnh nhóm

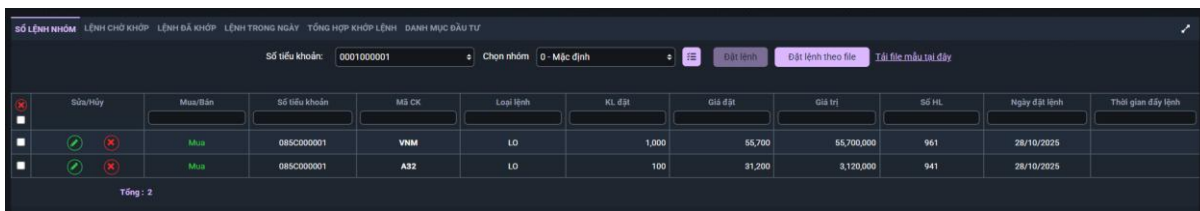
Bước 2: Nhập các thông tin giao dịch như lệnh thường



Hình: Màn hình Giao dịch nhóm

Lưu ý: Trong giao dịch nhóm, khách hàng có nhóm “Mặc định”. Để thêm nhóm quản lý, vào tab Thiết lập → Chọn Quản lý lệnh nhóm → Thêm mới.

Bước 3: Chọn nút Mua/Bán để giao dịch, lệnh được lưu vào Sổ lệnh nhóm.



Hình: Màn hình Sổ lệnh nhóm

3.1.3.2. Giao dịch theo file

Mô tả: Chức năng giao dịch theo file cho phép khách hàng giao dịch theo file excel, để tải định dạng file mẫu, khách hàng bấm vào link [Tải file mẫu tại đây](#) trên màn hình Sổ lệnh nhóm hoặc trong tab Thiết lập -> Quản lý nhóm lệnh.

Đặt lệnh theo file

Bước 1: Khách hàng bấm nút

Bước 2: Chọn file trên thư mục máy tính đã lưu (file phải đúng định dạng excel, có đuôi file dạng .xlsx .xls .csv, tối đa 500 dòng lệnh, và dung lượng < 1MB). Chọn file hợp lệ, hệ thống hiển thị màn hình thông tin lệnh.



Hình: Màn hình giao dịch nhóm theo file

Màn hình thông tin lệnh nhóm theo file hiển thị thông tin Số lệnh hợp lệ, Không hợp lệ, Phản hồi lỗi của các lệnh không hợp lệ.

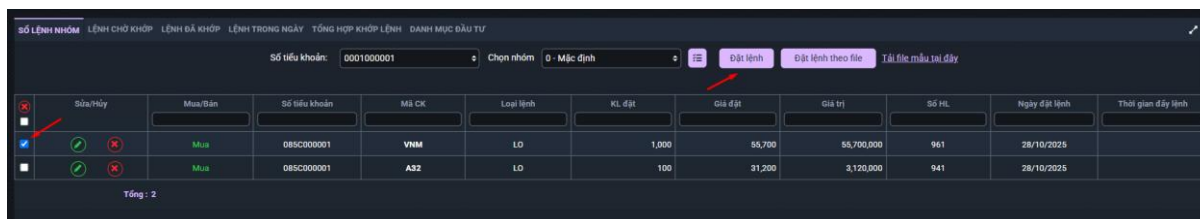
Đặt lệnh

Bước 3: Bấm nút để giao dịch, lệnh đặt thành công sẽ lưu vào Sổ lệnh nhóm.

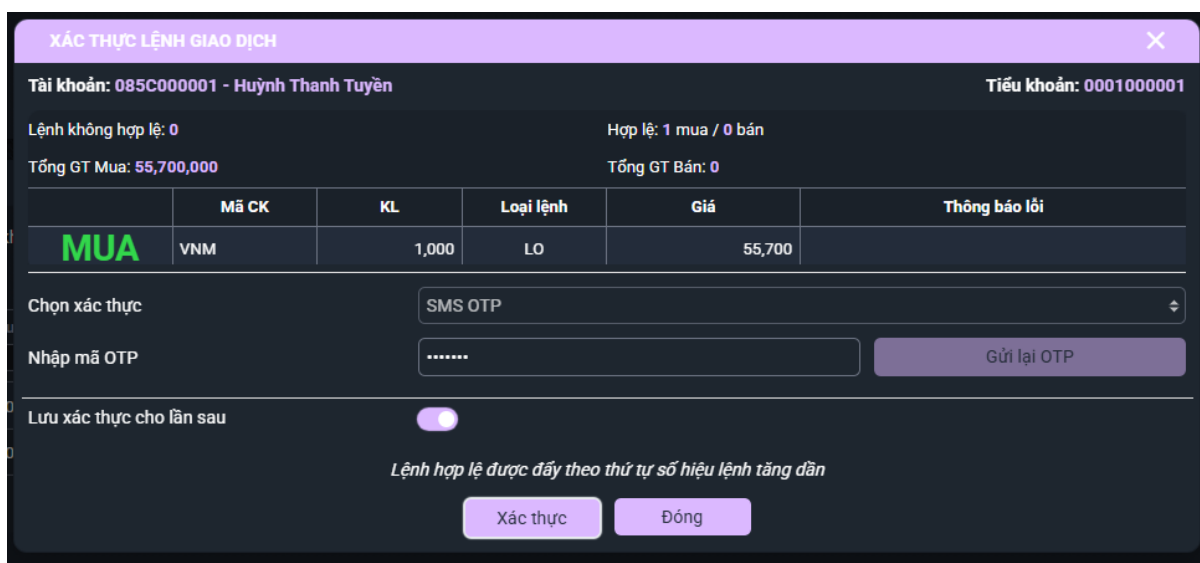
Sổ lệnh nhóm

3.1.3.3. Kích hoạt lệnh

Bước 1: Chọn lệnh muốn kích hoạt: Khách hàng chọn lệnh muốn đẩy vào sổ GDCK bằng cách tích chọn vào các ô vuông bên trái dòng lệnh.

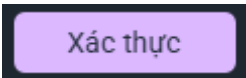


Bước 2: Chọn nút Giao dịch, hệ thống hiển thị màn hình thông tin xác nhận lệnh bao gồm các thông tin số lệnh hợp lệ, lệnh không hợp lệ (Có thông báo lỗi về lệnh không hợp lệ).



Hình: Màn hình xác thực đẩy lệnh nhóm

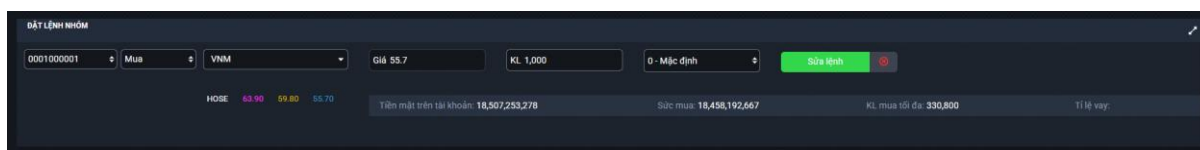
Bước 3: Khách hàng kiểm tra thông tin của các lệnh đặt và nhập mã MÃ SMARTOTP hoặc mã OTP.

Bước 4: Nhấn nút  để giao dịch.

3.1.3.4. Sửa lệnh

Bước 1: Chọn lệnh cần sửa, nhấn vào nút  trên dòng lệnh.

Bước 2: Nhập thông tin sửa trong màn hình giao dịch.



Hình: Màn hình giao dịch nhóm

Bước 3: Nhấn Mua/Bán để Sửa lệnh, nút  để hủy thao tác sửa lệnh.

3.1.3.5. Hủy lệnh

Nhấn nút  để chọn lệnh khách hàng muốn hủy trên màn hình Lệnh trong ngày, có thể tích chọn hủy nhiều lệnh cùng 1 lúc. Ấn chấp nhận để hủy các lệnh đã chọn.

 Hủy các lệnh đã chọn	Mua/Bán	Số tài khoản	Mã CK	Loại lệnh	KL đặt	Giá đặt	Giá trị	Số HL	Ngày đặt lệnh	Thời gian hủy lệnh
☒	Mua	085C00001	VNM	LO	1,000	55,700	55,700,000	961	28/10/2025	
☒	Mua	085C00001	A32	LO	100	31,200	3,120,000	941	28/10/2025	
Tổng : 2										

Hình: Màn hình sổ lệnh khi tích chọn hủy lệnh

XÁC NHẬN 

Quý khách có muốn hủy các lệnh đã chọn ?

Chấp nhận Hủy

Hình: Màn hình xác nhận hủy lệnh

3.1.3.6. Lệnh chờ khớp

Màn hình quản lý lệnh Lệnh chờ khớp cho phép người dùng xem các thông tin của Lệnh vừa đặt. Bao gồm các thông tin: Lệnh Mua/Bán, Số tài khoản, Số tiểu khoản, Mã CK, Loại lệnh...

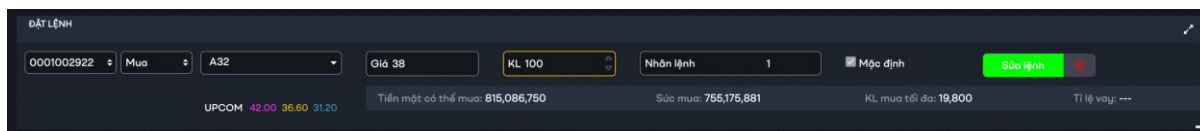
SỐ LỆNH NHÓM	LỆNH CHỜ KHỚP	LỆNH ĐÃ KHỚP	LỆNH TRONG NGÀY	TỔNG HỢP KHỚP LỆNH	DANH MỤC ĐẦU TƯ								
Sửa/Hủy	Mua/Bán	Số tài khoản	Số tiểu khoản	Mã CK	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	GT còn lại	Loại lệnh
	Mua	085C00221	000100292	ABC	1,000	20,000	Chờ gửi	0	0	0	1,000	20,000,000	LO
	Mua	085C00221	000100292	PNJ	1,000	205,000	Chờ gửi	0	0	0	1,000	205,000,000	LO
	Mua	085C00221	000100292	A32	100	38,000	Đã gửi	0	0	0	100	3,800,000	LO
	Mua	085C00221	000100292	ETVFN30	1,000	37,200	Chờ gửi	0	0	0	1,000	37,200,000	LO

Hình: Màn hình Lệnh chờ khớp

3.1.3.7. Sửa lệnh

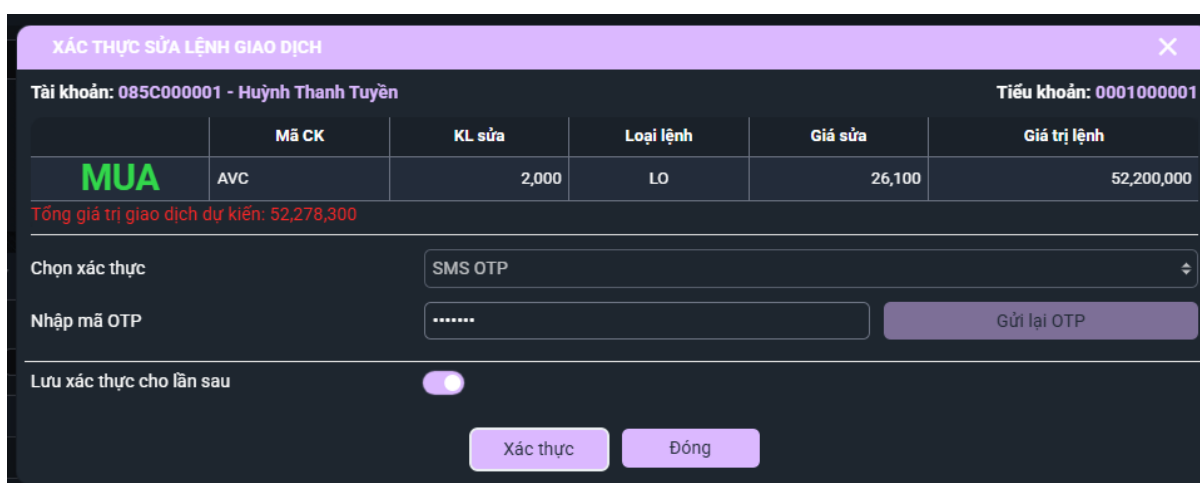
Những lệnh được phép sửa sẽ hiển thị nút  trên dòng lệnh, những lệnh không được phép sửa sẽ không hiển thị nút này.

Bước 1: Click nút  trong sổ lệnh để chọn lệnh cần sửa, lệnh cần sửa lên màn hình giao dịch như hình



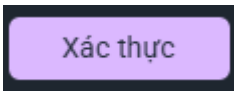
Hình: Màn hình Sửa lệnh

Bước 2: Nhập lại thông tin cần sửa, chọn Mua/bán, hệ thống hiển thị màn hình xác nhận sửa lệnh (chọn  để bỏ thao tác sửa lệnh).



Hình: Màn hình xác thực sửa lệnh

Bước 3: Kiểm tra lại thông tin sửa lệnh, nhập MÃ SMARTOTP hoặc nhập mã OTP để xác thực lệnh.

Bước 4: Nhấn nút  để sửa lệnh. Sau khi xác thực lệnh thành công, lệnh sửa sẽ hiển thị trong lệnh chờ khớp.

3.1.3.8. Hủy lệnh

Bước 1: Nhấn nút  để chọn lệnh khách hàng muốn hủy trên màn hình Lệnh chờ khớp lệnh, có thể tích chọn hủy nhiều lệnh cùng 1 lúc.

Bước 2: Kiểm tra thông tin, xác thực lệnh cần hủy

XÁC THỰC HỦY LỆNH GIAO DỊCH ✕

Tài khoản: 085C000001 - Huỳnh Thanh Tuyền

	Tiểu khoản	Mã CK	KL còn lại	Loại lệnh	Giá	Giá trị lệnh
MUA	0001000001	VNM	100	LO	63,900	6,390,000

Chọn xác thực: SMS OTP

Nhập mã OTP: ***** Gửi lại OTP

Lưu xác thực cho lần sau: ☐

Xác thực
Đóng

Hình: Màn hình xác thực hủy lệnh

Bước 3: Nhấn nút Xác thực để hủy lệnh. Sau khi xác thực hủy lệnh thành công, trạng thái lệnh trong sổ lệnh là Đã hủy.

3.1.3.9. Lệnh đã khớp

Lệnh đã khớp cho phép khách hàng xem các thông tin của các lệnh đã khớp. Bao gồm các thông tin: Thời gian, Mã CK, KL khớp, Giá khớp TB...

- Dòng cuối tab lệnh đã khớp có các thông tin:
 - Tổng: KL khớp, Giá khớp TB, Giá trị khớp, Phí GD, Thuế TNCN, Thuế cổ tức, Phải trả/thực nhận.

SỔ LỆNH NHÓM													
LỆNH ĐÃ KHỚP													
	Mua/Bán	Số tài khoản	Số tiểu khoản	Mã CK	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	QT còn lại	Loại lệnh
Chi tiết	Mua	085C000001	0001000001	TCI	200	10,800	Khớp hết	200	10,800	2,160,000	0	0	LO

Hình: Màn hình Lệnh đã khớp

Click vào button “Chi tiết” để xem thông tin chi tiết khớp lệnh

CHI TIẾT KHỚP LỆNH						
Số hiệu lệnh: 8000281025000167						
Giờ khớp	Mua/Bán	Mã CK	Giá khớp	KL khớp	Giá trị khớp	
06:40:00	Mua	TCI	10,800	200	2,160,000	
Tổng cộng				200	2,160,000	

Hình: Màn hình Chi tiết khớp lệnh

3.1.3.10. Lệnh trong ngày

Màn hình quản lý lệnh Lệnh trong ngày cho phép người dùng xem các thông tin của Lệnh đã đặt. Bao gồm các thông tin: Lệnh Mua/Bán, Số tài khoản, Số tiểu khoản, Mã CK, Loại lệnh...

- Dòng cuối sổ lệnh có các thông tin:
 - Số lệnh: là tổng số lệnh hiện có trong sổ lệnh.
 - Tổng: khối lượng đặt, KL khớp, Giá trị khớp, KL còn lại.

Click vào tài khoản để xem thông tin lệnh khớp theo tài khoản

SỐ LỆNH NHÓM															LỆNH CHỜ KHỚP	LỆNH ĐÃ KHỚP	LỆNH TRONG NGÀY	TỔNG HỢP KHỚP LỆNH	DANH MỤC ĐẦU TƯ
☒	Sửa/Hủy	Mua/Bán	Số tài khoản	Số tiểu khoản	Mã CK	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	GT còn lại	Thời gian	Buyin				
☒	☒	Mua	085C000001	Thông tin lệnh khớp theo tài khoản			100	63,900	Chờ gửi	0	0	0	100	6,390,000	09:33:56	N			
☒	☒	Mua	085C000001	0001000001	AVC	1,000	26,100	Chờ gửi	0	0	0	1,000	26,100,000	09:20:25	N				
☒	☒	Mua	085C000001	0001000001	TCI	200	10,800	Khớp hết	200	10,800	2,160,000	0	0	16:02:04	N				
☒	☒	Bán	085C000001	0001000001	A32	100	36,600	Chờ gửi	0	0	0	100	3,660,000	16:02:39	N				
☒	☒	Mua	085C000001	0001000001	TCI	100	9,400	Chờ gửi	0	0	0	100	940,000	16:02:25	N				
☒	☒	Mua	085C000001	0001000001	TCI	100	10,800	Đã xử 100/100	0	0	0	0	0	16:01:27	N				
☒	☒	Mua	085C000001	0001000001	A32	100	31,200	Chờ gửi	0	0	0	100	3,120,000	16:00:53	N				
☒	☒	Bán	085C000001	0001000001	AAA	100	8,020	Chờ gửi	0	0	0	100	802,000	15:59:15	N				
☒	☒	Mua	085C000001	0001000001	A32	100	31,200	Chờ gửi	0	0	0	100	3,120,000	15:58:18	N				

Tiền mặt trên tài khoản: 18,507,253,278

Sức mua: 18,458,192,667

KL mua tối đa: 100000000

CHI TIẾT KHỚP LỆNH

Tài khoản: 085C000001

	Mã CK	Tổng KL đặt	Tổng KL khớp	Tổng giá trị mua	Tổng giá trị bán	Giá khớp TB
Số tiểu khoản: 0001000001						
▼	TCI	300	200	2,160,000	0	10,800
Tổng cộng				2,160,000	0	

Hình: Màn hình Thông tin lệnh khớp theo tài khoản

Click vào Tiểu khoản để xem thông tin chi tiết lệnh khớp theo Tiểu khoản.

SỐ LỆNH NHÓM		LỆNH CHỜ KHỚP		LỆNH TRONG NGÀY		TỔNG HỢP KHỚP LỆNH		DANH MỤC ĐẦU TƯ							
	Sửa/Hủy	Mua/Bán	Số tài khoản	Số tiểu khoản	Mã CK	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	GT còn lại	Thời gian	Buyin
		Mua	085C000001	0001000001	Thông tin lệnh khớp theo tiểu khoản		300	Chờ gửi	0	0	0	100	6,390,000	09:33:56	N
		Mua	085C000001	0001000001	AVC	1,000	26,100	Chờ gửi	0	0	0	1,000	26,100,000	09:20:25	N
		Mua	085C000001	0001000001	TCI	200	10,800	Khớp hết	200	10,800	2,160,000	0	0	16:02:04	N
		Bán	085C000001	0001000001	A32	100	36,600	Chờ gửi	0	0	0	100	3,660,000	16:02:39	N
		Mua	085C000001	0001000001	TCI	100	9,400	Chờ gửi	0	0	0	100	940,000	16:02:25	N
		Mua	085C000001	0001000001	TCI	100	10,800	Đã xử 100/100	0	0	0	0	0	16:01:27	N
		Mua	085C000001	0001000001	A32	100	31,200	Chờ gửi	0	0	0	100	3,120,000	16:00:53	N
		Bán	085C000001	0001000001	AAA	100	8,020	Chờ gửi	0	0	0	100	802,000	15:59:15	N
		Mua	085C000001	0001000001	A32	100	31,200	Chờ gửi	0	0	0	100	3,120,000	15:58:18	N

CHI TIẾT KHỚP LỆNH X						
Tài khoản: 085C000001						
	Mã CK	Tổng KL đặt	Tổng KL khớp	Tổng giá trị mua	Tổng giá trị bán	Giá khớp TB
Số tiểu khoản: 0001000001						
▼	TCI	300	200	2,160,000	0	10,800
Tổng cộng				2,160,000	0	

Hình: Màn hình Thông tin lệnh khớp theo tiểu khoản

Click vào khối lượng đặt để xem chi tiết thông tin lệnh

SỐ LỆNH NHÓM																LỆNH CHỜ KHỚP	LỆNH DÃ KHỚP	LỆNH TRONG NGÀY	TỔNG HỢP KHỚP LỆNH	DANH MỤC ĐẦU TƯ
✕	Sửa/Hủy	Mua/Bán	Số tài khoản	Số tiểu khoản	Mã CK	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	GT còn lại	Thời gian	Buyin					
■	✓✕	Mua	085C000001	0001000001	VNM	100	Thông tin chi tiết lệnh	Chờ gửi	0	0	0	100	6,390,000	09:33:56	N					
■	✓✕	Mua	085C000001	0001000001	AVC	1,000	26,100	Chờ gửi	0	0	0	1,000	26,100,000	09:20:25	N					
■	✓✕	Mua	085C000001	0001000001	TCI	200	10,800	Khớp hết	200	10,800	2,160,000	0	0	16:02:04	N					
■	✓✕	Bán	085C000001	0001000001	A32	100	36,600	Chờ gửi	0	0	0	100	3,660,000	16:02:39	N					
■	✓✕	Mua	085C000001	0001000001	TCI	100	9,400	Chờ gửi	0	0	0	100	940,000	16:02:25	N					
■	✓✕	Mua	085C000001	0001000001	TCI	100	10,800	Đã sửa 100/100	0	0	0	0	0	16:01:27	N					
■	✓✕	Mua	085C000001	0001000001	A32	100	31,200	Chờ gửi	0	0	0	100	3,120,000	16:00:53	N					
■	✓✕	Bán	085C000001	0001000001	AAA	100	8,020	Chờ gửi	0	0	0	100	802,000	15:59:15	N					
■	✓✕	Mua	085C000001	0001000001	A32	100	31,200	Chờ gửi	0	0	0	100	3,120,000	15:58:18	N					

THÔNG TIN CHI TIẾT LỆNH X								
Mã CK: VNM			Trạng thái: Chờ gửi					
Mua/Bán: Mua			Loại lệnh: LO					
	Ngày	Thời gian	KL đặt	Giá đặt	KL khớp	Giá khớp	Còn lại	Đã hủy
	28/10/2025	09:33:56	100	63,900			100	
Tổng cộng					0		100	

Hình: Màn hình thông tin chi tiết lệnh

Click vào ô filter dưới tên cột trên sổ lệnh, nhập điều kiện tìm kiếm cho phép khách hàng xem thông tin theo điều kiện đã nhập.

SỐ LỆNH NHÓM LỆNH CHỜ KHỚP LỆNH DÃ KHỚP LỆNH TRONG NGÀY TỔNG HỢP KHỚP LỆNH DANH MỤC ĐẦU TƯ															
✕	Sửa/Hủy	Mua/Bán	Số tài khoản	Số tiểu khoản	Mã CK	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	GT còn lại	Thời gian	Buyin
■		B													
■	✓✕	Bán	085C000001	0001000001	A32	100	36,600	Chờ gửi	0	0	0	100	3,660,000	16:02:39	N
■	✓✕	Bán	085C000001	0001000001	AAA	100	8,020	Chờ gửi	0	0	0	100	802,000	15:59:15	N
		Bán	085C000001	0001000001	AAA	100	8,580	Hủy lệnh chưa gửi vào sàn 100/100	0	0	0	0	0	16:27:56	N
		Bán	085C000001	0001000001	A32	200	36,600	Hủy lệnh chưa gửi vào sàn 200/200	0	0	0	0	0	15:41:36	N
		Bán	085C000001	0001000001	ACV	100	94,600	Hủy lệnh chưa gửi vào sàn 100/100	0	0	0	0	0	15:58:51	N
		Bán	085C000001	0001000001	A32	100	36,600	Đã sửa 100/100	0	0	0	0	0	15:41:12	N
		Bán	085C000001	0001000001	A32	100	31,200	Hủy lệnh chưa gửi vào sàn 100/100	0	0	0	0	0	16:19:15	N
		Bán	085C000001	0001000001	A32	100	36,600	Hủy lệnh chưa gửi vào sàn 100/100	0	0	0	0	0	16:21:22	N
		Bán	085C000001	0001000001	A32	100	42,000	Hủy lệnh chưa gửi vào sàn 100/100	0	0	0	0	0	11:09:58	N
		Bán	085C000001	0001000001	A32	10	42,000	Hủy lệnh chưa gửi vào sàn 10/10	0	0	0	0	0	13:30:37	N

Click vào tên cột để tùy chỉnh sắp xếp lệnh, click lần 1 đối với các dữ liệu là chữ sẽ sắp xếp từ Z → A, với các dữ liệu là số sẽ sắp xếp theo chiều giảm dần, click lần 2 sắp xếp ngược lại so với chiều lần 1.

SỐ LỆNH NHÓM		LỆNH CHỜ KHỚP	LỆNH ĐÃ KHỚP	LỆNH TRONG NGÀY		TỔNG HỢP KHỚP LỆNH		DANH MỤC ĐẦU TƯ							
	Sửa/Hủy	Mua/Bán	Số tài khoản	Số tiểu khoản	Mã CK	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	Giá khớp TB	Giá khớp	KL còn lại	GT còn lại	Thời gian	Buyin
		B													
		Bán	085C000001	0001000001	AAA	100	8,020	Chờ gửi	0	0	0	100	802,000	15:59:15	N
		Bán	085C000001	0001000001	AAA	100	8,580	Hủy lệnh chưa gửi vào sân 100/100	0	0	0	0	0	16:27:56	N
		Bán	085C000001	0001000001	A32	100	31,200	Hủy lệnh chưa gửi vào sân 100/100	0	0	0	0	0	16:19:15	N
		Bán	085C000001	0001000001	A32	100	36,600	Chờ gửi	0	0	0	100	3,660,000	16:02:39	N
		Bán	085C000001	0001000001	A32	200	36,600	Hủy lệnh chưa gửi vào sân 200/200	0	0	0	0	0	15:41:36	N
		Bán	085C000001	0001000001	A32	100	36,600	Đã sửa 100/100	0	0	0	0	0	15:41:12	N
		Bán	085C000001	0001000001	A32	100	36,600	Hủy lệnh chưa gửi vào sân 100/100	0	0	0	0	0	16:21:22	N
		Bán	085C000001	0001000001	A32	100	42,000	Hủy lệnh chưa gửi vào sân 100/100	0	0	0	0	0	11:09:58	N
		Bán	085C000001	0001000001	A32	10	42,000	Hủy lệnh chưa gửi vào sân 10/10	0	0	0	0	0	13:30:37	N
		Bán	085C000001	0001000001	ACV	100	94,600	Hủy lệnh chưa gửi vào sân 100/100	0	0	0	0	0	15:58:51	N

3.1.3.11. Tổng hợp khớp lệnh

Tổng hợp khớp lệnh cho phép khách hàng xem các thông tin của các lệnh đã khớp. Bao gồm các thông tin: Mã CK, Lệnh, KL khớp, Giá khớp TB, Giá khớp, Giá trị khớp, Phí giao dịch...

SỐ LỆNH NHÓM	LỆNH CHỜ KHỚP	LỆNH ĐÃ KHỚP	LỆNH TRONG NGÀY	TỔNG HỢP KHỚP LỆNH	DANH MỤC ĐẦU TƯ			
Số lưu ký	Tiểu khoản	Mã CK	Lệnh	KL khớp	Giá khớp TB	Giá khớp	Phí giao dịch	Thuế giao dịch
085C000001	0001000001	TCI	Mua	200	10,800	2,160,000	3,240	0

Hình: Màn hình Tổng hợp khớp lệnh

3.1.3.12. Danh mục đầu tư

Danh mục đầu tư cho phép khách hàng theo dõi chứng khoán hiện đang nắm giữ theo từng tiểu khoản, lãi lỗ dự tính trên từng mã chứng khoán.

Số tiểu khoản: 0001000001

Tất cả

0001000001

0001590536

0001003331

MUA BÁN

Hình: Màn hình chọn tiểu khoản

- Click vào thao tác **“MUA”** sẽ nhảy vào màn hình giao dịch để thực hiện mua, tự động chọn loại Mua, hiển thị Mã CK vừa chọn
- Click vào thao tác **“BÁN”** sẽ nhảy vào màn hình giao dịch để thực hiện bán, tự động chọn loại Bán, hiển thị Mã CK vừa chọn

Thao tác	Mã CK	Số tài khoản	Tổng KL	KL GD	Giá vốn	Giá thị trường	Giá trị vốn	Giá trị TT	Lãi lỗ trong ngày	Lãi lỗ dự tính	% Lãi/lỗ dự tính	Tỷ lệ tính TS(%)	TSPB	Loại tài sản
MUA	BÁN	AS2	0001000001	800	490	34,276.74	36,800	27,421,392	29,280,000	2,858,608	1,858,608	6.78	0	CK giao dịch
MUA	BÁN	AAA	0001000001	81,000	78,900	65,200	7,380	5,281,200,000	613,980,000	45,360,000	-4,667,220,000	-88.37	0	CK giao dịch
MUA	BÁN	ACB	0001000001	300	0	26,990.42	22,800	8,097,126	6,780,000	-289,000	-1,317,126	-16.27	0	CK giao dịch
MUA	BÁN	ACV	0001000001	1,231	1,231	82,300	82,300	101,311,300	101,311,300	45,547,000	—	—	0	CK giao dịch
MUA	BÁN	AGR	0001000001	5,600	5,600	3,627	16,000	20,311,200	89,600,000	7,280,000	69,288,800	341.14	0	CK giao dịch
MUA	BÁN	BAF123020	0001000001	400	400	100,150	—	40,060,000	—	—	—	—	0	CK giao dịch
MUA	BÁN	BSP	0001000001	10,000	10,000	16,250	20,000	162,500,000	200,000,000	90,000,000	27,500,000	23.08	0	CK giao dịch
MUA	BÁN	BSP_WFT	0001000001	6,000	0	0	20,000	0	120,000,000	94,000,000	120,000,000	—	—	CK Quyền chọn về
MUA	BÁN	CACB1901	0001000001	9,500	9,500	0	10,000	0	95,000,000	—	95,000,000	—	0	CK giao dịch
MUA	BÁN	CEO	0001000001	2,900	2,900	12,018	14,000	34,852,200	40,600,000	-7,830,000	5,747,800	16.49	0	CK giao dịch
MUA	BÁN	CMF	0001000001	1	1	124,552	161,000	124,552	161,000	-262,000	36,448	29.26	0	CK giao dịch
MUA	BÁN	CXH	0001000001	801	801	0	7,000	0	5,607,000	—	5,607,000	—	0	CK giao dịch
MUA	BÁN	HAI	0001000001	10,000	10,000	5,590	5,590	55,900,000	55,900,000	—	—	—	0	CK giao dịch
MUA	BÁN	HMG	0001000001	900	900	0	23,300	0	21,150,000	16,930,000	21,150,000	—	0	CK giao dịch
MUA	BÁN	PET	0001000001	1,950	1,950	32,500	63,000	63,375,000	103,350,000	4,485,000	29,975,000	63.08	0	CK giao dịch
Tổng:							7,441,381,610	2,762,514,300	258,875,000	-4,638,776,710	-62.34			

Hình: Màn hình Danh mục đầu tư

- Dòng cuối tab danh mục đầu tư có các thông tin:
 - Tổng: Giá trị vốn, giá trị TT, lãi/lỗ dự tính, % lãi/lỗ dự tính.

3.1.4. Giao dịch lệnh điều kiện

Mô tả: Khách hàng có thể sử dụng chức năng này để đặt trước lệnh mua hoặc lệnh bán chứng khoán với một mức giá nhất định và yêu cầu lệnh này có hiệu lực trong một khoảng thời gian do khách hàng lựa chọn. Trong thời gian hiệu lực này, khi giá đặt của nhà đầu tư nằm trong khoảng Trần - Sàn của ngày giao dịch và số dư chứng khoán/sức mua của tài khoản tại thời điểm đó đủ đáp ứng cho việc ký quỹ lệnh đặt thì lệnh sẽ được kiểm tra đẩy lên sàn và có thể được khớp với giá đặt hoặc tốt hơn (tùy theo điều kiện của thị trường).

3.1.4.1. Giao dịch điều kiện

Bước 1: Chọn tab Giao dịch cơ sở/ Lệnh điều kiện

Hiển thị màn hình mô tả chi tiết lệnh điều kiện:

MÔ TẢ CHI TIẾT LỆNH ĐIỀU KIỆN

Lệnh dừng (STO – Stop Order)

1. Mục đích

- Giúp nhà đầu tư chốt lãi theo giá kỳ vọng.
- Giúp nhà đầu tư cắt lỗ ở một mức giá đã định trước.

2. Điều kiện kích hoạt

- Lệnh được kích hoạt khi Giá khớp Thị trường thỏa mãn điều kiện kích hoạt mà Quý khách lựa chọn.
- Lệnh bán chốt lãi: Lệnh được kích hoạt khi giá khớp của mã CK lớn hơn hoặc bằng ($\geq$) giá kích hoạt
- Lệnh bán cắt lỗ: Lệnh được kích hoạt khi giá khớp của mã CK nhỏ hơn hoặc bằng ($\leq$) giá kích hoạt

3. Hiệu lực của lệnh STO

- Lệnh có thể hiệu lực trong nhiều ngày cho đến khi lệnh được kích hoạt (kích hoạt 1 lần).
- Khi lệnh được kích hoạt trong ngày mà không khớp, lệnh điều kiện sẽ hết hiệu lực.
- Khi lệnh được kích hoạt nếu thiếu số dư hoặc giá đặt lệnh nằm ngoài khoảng Trần - Sàn, lệnh điều kiện sẽ

☐ Tôi xác nhận đã đọc và hiểu chi tiết điều kiện kích hoạt của lệnh

Xác nhận

Đóng

Hình: Màn hình mô tả chi tiết lệnh điều kiện

Bước 2:

- Chọn Loại lệnh điều kiện muốn thực hiện

Loại lệnh

STO - Lệnh dừng

STO - Lệnh dừng

SEO - Lệnh chờ

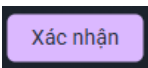
SO - Lệnh chia nhỏ

GTC - Lệnh GTC

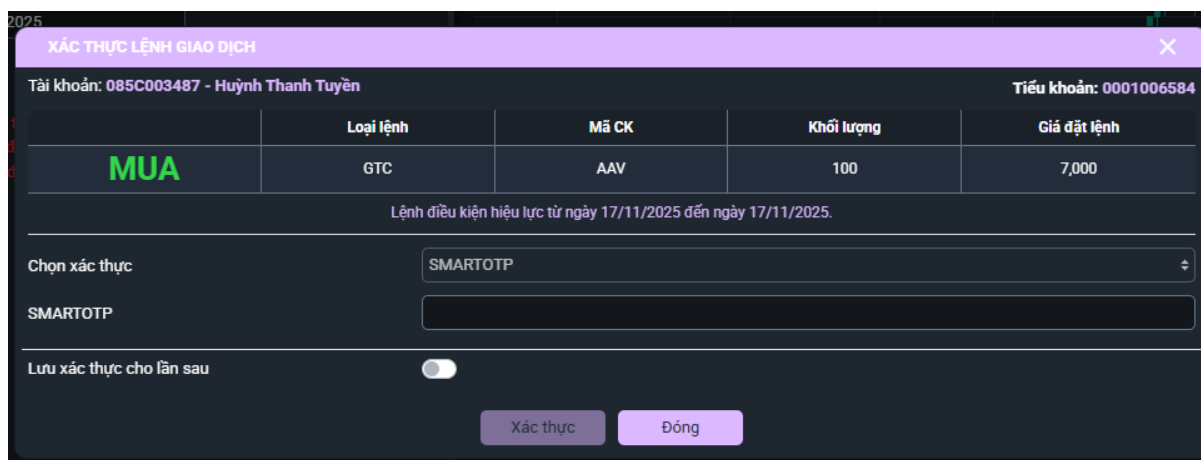
- Nhập các thông tin vào màn hình giao dịch



Hình: Màn hình giao dịch điều kiện GTC

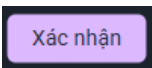
Bước 3: Nhấn nút  để giao dịch.

Bước 4: Xác thực lệnh đặt



Hình: Màn hình xác thực giao dịch điều kiện

Bước 5: Kiểm tra lại thông tin giao dịch, nhập MÃ SMARTOTP hoặc nhập mã OTP để xác thực lệnh. Tích nút  để lưu xác thực cho lần sau.

Bước 6: Nhấn nút  để giao dịch. Sau khi xác thực lệnh thành công, lệnh được hiển thị lên sổ lệnh điều kiện như hình bên dưới, khi lệnh thỏa mãn các điều kiện của thị trường cũng như điều kiện kiểm tra của hệ thống thì lệnh sẽ được đẩy vào Sổ giao dịch và hiển thị trên màn hình quản lý của Tab “Lệnh điều kiện”.

LỆNH ĐIỀU KIỆN														
	LỆNH CHỜ KHỚP	LỆNH BẮ KHỚP	LỆNH TRONG NGÀY	TỔNG HỢP KHỚP LỆNH	DANH MỤC ĐẦU TƯ									
☒	Hủy	Mua/Bán	Số tài khoản	Tiểu khoản	Mã CK	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	KL đã hủy	SHL gốc	Hiệu lực từ ngày	Hiệu lực đến ngày	Thời gian phát
☐	☒	Mua	085C003487	0001006584	AAV	100	7,000	Đã kích hoạt	0	0	003933	17/11/2025	17/11/2025	17/11/2025 09:00
☐	☒	Bán	085C003487	0001006584	TCI	100	9,000	Đã kích hoạt	0	0	003934	17/11/2025	17/11/2025	17/11/2025 09:00
☐	☒	Bán	085C003487	0001006584	TCI	200	7,920	Chờ xử lý	0	0	003935	17/11/2025	17/11/2025	17/11/2025 09:00
Tổng : 3														

Hình: Màn hình sổ lệnh điều kiện

3.1.4.2. Lệnh điều kiện

Màn hình quản lý lệnh điều kiện cho phép người dùng xem, hủy lệnh. Hiển thị thông tin của Lệnh vừa đặt bao gồm các thông tin: Lệnh Mua/Bán, Số tài khoản, Số tiểu khoản, Mã CK, Loại lệnh...

LỆNH ĐIỀU KIỆN														LỆNH CHỜ KHỚP	LỆNH BẮ KHỚP	LỆNH TRONG NGÀY	TỔNG HỢP KHỚP LỆNH	DANH MỤC ĐẦU TƯ
☒	Hủy	Mua/Bán	Số tài kỳ	Tiểu khoản	Mã CK	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	KL đã hủy	SHL gốc	Hiệu lực từ ngày	Hiệu lực đến ngày	Thời gian phát				
☒		Mua	085C003487	0001006584	AAV	100	7,000	Đã kích hoạt	0	0	003933	17/11/2025	17/11/2025	17/11/2025 09:				
☒		Bán	085C003487	0001006584	TCI	100	9,000	Đã kích hoạt	0	0	003934	17/11/2025	17/11/2025	17/11/2025 09:				
☒		Bán	085C003487	0001006584	TCI	200	7,920	Chờ xử lý	0	0	003935	17/11/2025	17/11/2025	17/11/2025 09:				

Hình: Tab lệnh điều kiện

Hủy lệnh điều kiện



Bước 1: Nhấn nút  để chọn lệnh khách hàng muốn hủy, có thể tích chọn hủy nhiều lệnh cùng 1 lúc.

LỆNH ĐIỀU KIỆN														
	LỆNH CHỜ KHỚP	LỆNH BẮ KHỚP	LỆNH TRONG NGÀY	TỔNG HỢP KHỚP LỆNH	DANH MỤC ĐẦU TƯ									
☒	Hủy	Mua/Bán	Số tài k	Tiểu khoản	Mã CK	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	KL đã hủy	SHL gốc	Hiệu lực từ ngày	Hiệu lực đến ngày	Thời gian ph
☒		Mua	085C003487	0001006584	AAV	100	7,000	Đã kích hoạt	0	0	003933	17/11/2025	17/11/2025	17/11/2025 9
☒		Bán	085C003487	0001006584	TCI	100	9,000	Đã kích hoạt	0	0	003934	17/11/2025	17/11/2025	17/11/2025 9
☒		Bán	085C003487	0001006584	TCI	200	7,920	Chờ xử lý	0	0	003935	17/11/2025	17/11/2025	17/11/2025 9
Tổng: 3														

Bước 2: Xác thực hủy lệnh điều kiện

XÁC THỰC LỆNH GIAO DỊCH

Tài khoản: 085C003487 - Huỳnh Thanh Tuyền

	Loại lệnh	Mã CK	KL	Giá
MUA	GTC	AAV	100	7,000

Chọn xác thực

SMARTOTP

SMARTOTP

Lưu xác thực cho lần sau

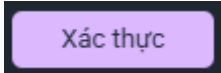
☐

Xác thực

Đóng

Hình: Màn hình xác thực hủy lệnh điều kiện

Bước 3: Khách hàng kiểm tra lại thông tin giao dịch, nhập SmartOTP hoặc nhập mã OTP để xác thực lệnh. Tích nút  để lưu xác thực cho lần sau.

Bước 4: Nhấn nút  để giao dịch.

Ghi chú: Đối với Lệnh điều kiện chưa được đặt vào hệ thống giao dịch của Sở giao dịch thì có thể hủy Lệnh điều kiện trực tiếp trên màn hình Lệnh điều kiện. Đối với Lệnh điều kiện đã đặt vào hệ thống giao dịch của Sở giao dịch thì việc hủy lệnh thực hiện như đối với lệnh thông thường. Khi hủy Lệnh điều kiện đã đặt vào hệ thống giao dịch thành công thì Lệnh điều kiện này cũng hết hiệu lực luôn.

- Các trạng thái của Lệnh điều kiện:
 - + **Chờ xử lý:** <Lệnh điều kiện đã được đặt vào hệ thống nhưng chưa đẩy lên sàn>
 - + **Đã kích hoạt:** < Lệnh điều kiện đã được gửi lên sàn>
 - + **Đã khớp:** < Lệnh điều kiện đã được khớp 1 phần>
 - + **Hoàn tất:** < Lệnh điều kiện đã khớp hết>
 - + **Đã hủy:** < Lệnh điều kiện đã được hủy>

3.1.4.3. Lệnh chờ khớp

Màn hình quản lý lệnh Lệnh chờ khớp cho phép người dùng xem các thông tin của Lệnh vừa đặt. Bao gồm các thông tin: Lệnh Mua/Bán, Số tài khoản, Số tiểu khoản, Mã CK, Loại lệnh...

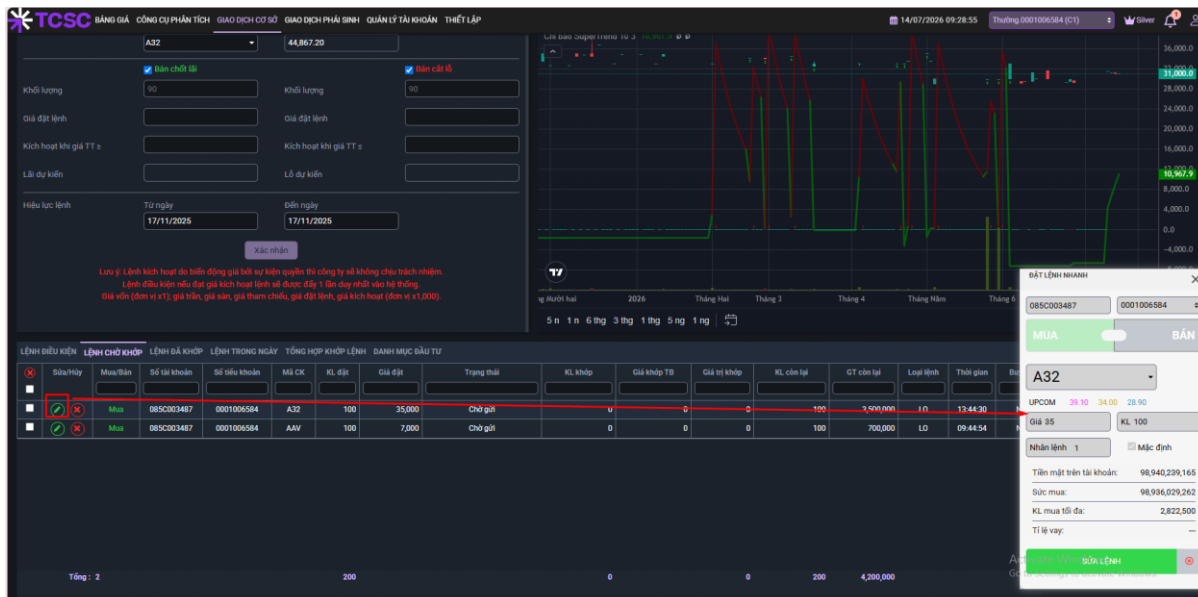
LỆNH ĐIỀU KIỆN		LỆNH CHỜ KHỚP		LỆNH ĐÃ KHỚP		LỆNH TRONG NGÀY		TỔNG HỢP KHỚP LỆNH		DANH MỤC ĐẦU TƯ	
Đã/Hủy	Mua/Bán	Số tài khoản	Số tiểu khoản	Mã CK	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại
☐	☐										
☒	☒	Mua	085C003487	0001006584	A32	100	35,000	Chờ gửi	0	0	100
☒	☒	Mua	085C003487	0001006584	AAV	100	7,000	Chờ gửi	0	0	100
Tổng : 2						200		0	0	200	4,200,000

Hình: Màn hình Lệnh chờ khớp

Sửa lệnh:

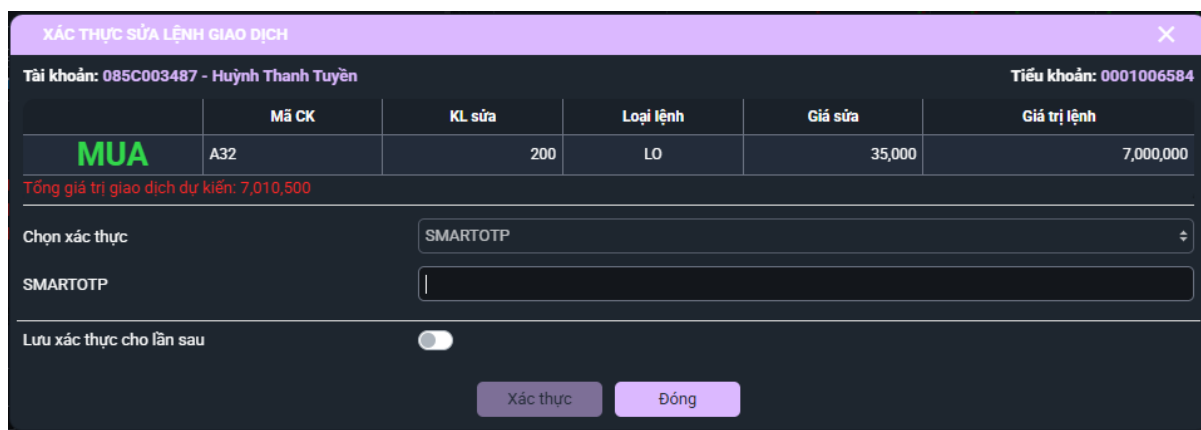
Những lệnh được phép sửa sẽ hiển thị nút  trên dòng lệnh, những lệnh không được phép sửa sẽ không hiển thị nút này.

Bước 1: Click nút  trong sổ lệnh để chọn lệnh cần sửa, lệnh cần sửa lên màn hình giao dịch như hình



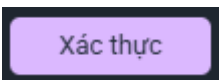
Hình: Màn hình Sửa lệnh

Bước 2: Nhập lại thông tin cần sửa, chọn Mua/bán, hệ thống hiển thị màn hình xác nhận sửa lệnh (chọn  để bỏ thao tác sửa lệnh).



Hình: Màn hình xác thực sửa lệnh

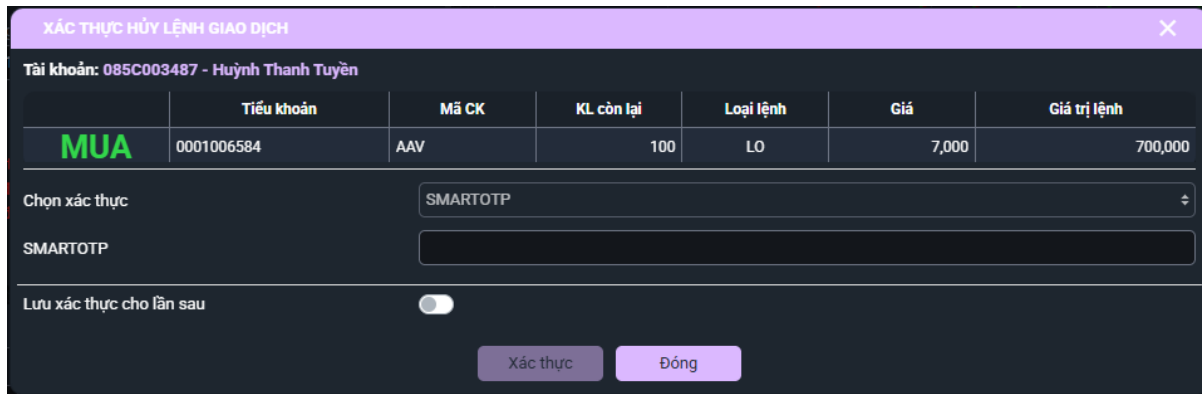
Bước 3: Kiểm tra lại thông tin sửa lệnh, nhập MÃ SMARTOTP hoặc nhập mã OTP để xác thực lệnh.

Bước 4: Nhấn nút  để sửa lệnh. Sau khi xác thực lệnh thành công, lệnh sửa sẽ hiển thị trong lệnh chờ khớp

Hủy lệnh

Bước 1: Nhấn nút  để chọn lệnh khách hàng muốn hủy trên màn hình Lệnh chờ khớp lệnh, có thể tích chọn hủy nhiều lệnh cùng 1 lúc.

Bước 2: Kiểm tra thông tin, xác thực lệnh cần hủy



XÁC THỰC HỦY LỆNH GIAO DỊCH

Tài khoản: 085C003487 - Huỳnh Thanh Tuyền

	Tiểu khoản	Mã CK	KL còn lại	Loại lệnh	Giá	Giá trị lệnh
MUA	0001006584	AAV	100	LO	7,000	700,000

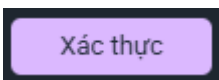
Chọn xác thực: SMARTOTP

SMARTOTP:

Lưu xác thực cho lần sau: ☐

Xác thực Đóng

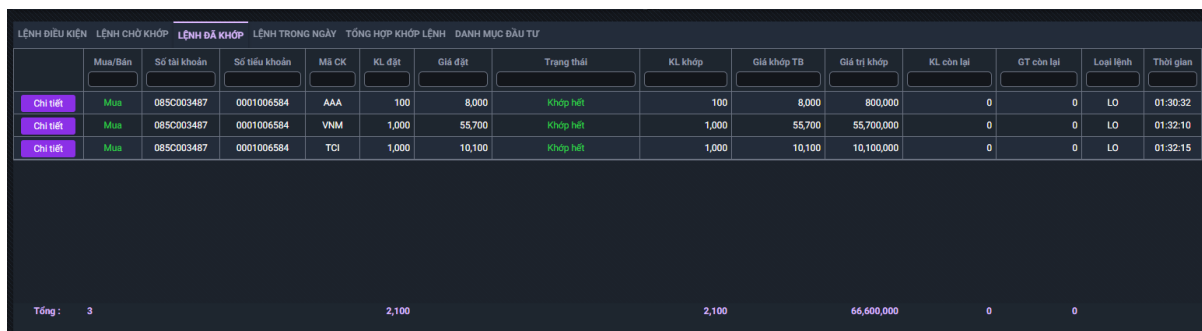
Hình: Màn hình xác thực hủy lệnh

Bước 3: Nhấn nút  để hủy lệnh. Sau khi xác thực hủy lệnh thành công, trạng thái lệnh trong sổ lệnh là Đã hủy.

3.1.4.4. Lệnh đã khớp

Lệnh đã khớp cho phép khách hàng xem các thông tin của các lệnh đã khớp. Bao gồm các thông tin: Thời gian, Mã CK, KL khớp, Giá khớp TB...

- Dòng cuối tab lệnh đã khớp có các thông tin:
 - Tổng: KL khớp, Giá khớp TB, Giá trị khớp, Phí GD, Thuế TNCN, Thuế cổ tức, Phải trả/thực nhận.



	Mua/Bán	Số tài khoản	Số tiểu khoản	Mã CK	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	GT còn lại	Loại lệnh	Thời gian
Chi tiết	Mua	085C003487	0001006584	AAA	100	8,000	Khớp hết	100	8,000	800,000	0	0	LO	01:30:32
Chi tiết	Mua	085C003487	0001006584	VNM	1,000	55,700	Khớp hết	1,000	55,700	55,700,000	0	0	LO	01:32:10
Chi tiết	Mua	085C003487	0001006584	TCI	1,000	10,100	Khớp hết	1,000	10,100	10,100,000	0	0	LO	01:32:15
Tổng: 3 2,100 2,100 66,600,000 0 0														

Hình: Màn hình Lệnh đã khớp

Click vào button “Chi tiết” để xem thông tin chi tiết khớp lệnh

CHI TIẾT KHỚP LỆNH					
Số hiệu lệnh: 8000291025000001					
Giờ khớp	Mua/Bán	Mã CK	Giá khớp	KL khớp	Giá trị khớp
01:30:32	Mua	AAA	8,000	100	800,000
Tổng cộng				100	800,000

Hình: Màn hình Chi tiết khớp lệnh

3.1.4.5. Lệnh trong ngày

Màn hình quản lý lệnh Lệnh trong ngày cho phép người dùng xem các thông tin của Lệnh đã đặt. Bao gồm các thông tin: Lệnh Mua/Bán, Số tài khoản, Số tiểu khoản, Mã CK, Loại lệnh...

- Dòng cuối sổ lệnh có các thông tin:
 - Số lệnh: là tổng số lệnh hiện có trong sổ lệnh.
 - Tổng: khối lượng đặt, KL khớp, Giá trị khớp, KL còn lại.

Click vào tài khoản để xem thông tin lệnh khớp theo tài khoản

LỆNH ĐIỀU KIỆN LỆNH CHỜ KHỚP LỆNH ĐÃ KHỚP LỆNH TRONG NGÀY TỔNG HỢP KHỚP LỆNH DANH MỤC ĐẦU TƯ															
Sửa/Hủy	Mua/Bán	Số tài khoản	Số tiểu khoản	Mã CK	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	GT còn lại	Thời gian	Buyin	
	Mua	085C003487	0001006584	AAA	100	8,000	Khớp hết	100	8,000	800,000	0	0	13:38:52	N	
	Mua	085C003487	0001006584	VNM	1,000	55,700	Khớp hết	1,000	55,700	55,700,000	0	0	09:35:58	N	
	Mua	085C003487	0001006584	TCI	1,000	10,100	Khớp hết	1,000	10,100	10,100,000	0	0	09:36:12	N	

CHI TIẾT KHỚP LỆNH						
Tài khoản: 085C003487						
	Mã CK	Tổng KL đặt	Tổng KL khớp	Tổng giá trị mua	Tổng giá trị bán	Giá khớp TB
Số tiểu khoản: 0001006584						
▼	AAA	100	100	800,000	0	8,000
▼	TCI	1,000	1,000	10,100,000	0	10,100
▼	VNM	1,000	1,000	55,700,000	0	55,700
Tổng cộng				66,600,000	0	

Hình: Màn hình Thông tin lệnh khớp theo tài khoản

Click vào Tiểu khoản để xem thông tin chi tiết lệnh khớp theo Tiểu khoản.

LỆNH ĐIỀU KIỆN		LỆNH CHỜ KHỚP		LỆNH ĐÃ KHỚP		LỆNH TRONG NGÀY		TỔNG HỢP KHỚP LỆNH		DANH MỤC ĐẦU TƯ						
☒	Sửa/Hủy	Mua/Bán	Số tài khoản	Số tiểu khoản	Mã CK	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	GT còn lại	Thời gian	Buyin	
☐																
		Mua	085C003487	0001006584	Thông tin lệnh khớp theo tiểu khoản			100	Khớp hết	100	8,000	800,000	0	0	13:38:52	N
		Mua	085C003487	0001006584	VNM	1,000	55,700	Khớp hết	1,000	55,700	55,700,000	0	0	09:35:58	N	
		Mua	085C003487	0001006584	TCI	1,000	10,100	Khớp hết	1,000	10,100	10,100,000	0	0	09:36:12	N	

CHI TIẾT KHÓP LỆNH						
Tài khoản: 085C003487						
	Mã CK	Tổng KL đặt	Tổng KL khớp	Tổng giá trị mua	Tổng giá trị bán	Giá khớp TB
Số tiểu khoản: 0001006584						
▼	AAA	100	100	800,000	0	8,000
▼	TCI	1,000	1,000	10,100,000	0	10,100
▼	VNM	1,000	1,000	55,700,000	0	55,700
Tổng cộng				66,600,000	0	

Hình: Màn hình Thông tin lệnh khớp theo tiểu khoản

Click vào khối lượng đặt để xem chi tiết thông tin lệnh

LỆNH ĐIỀU KIỆN LỆNH CHỖ KHÓP LỆNH ĐÃ KHÓP LỆNH TRONG NGÀY TỔNG HỢP KHÓP LỆNH DANH MỤC ĐẦU TƯ															
	Sửa/Hủy	Mua/Bán	Số tài khoản	Số tiểu khoản	Mã CK	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	GT còn lại	Thời gian	Buyin
															
		Mua	085C003487	0001006584	AAA	100	8,000	Khớp hết	100	8,000	800,000	0	0	13:38:52	N
		Mua	085C003487	0001006584	VN	Thông tin chi tiết lệnh	55,700	Khớp hết	1,000	55,700	55,700,000	0	0	09:35:58	N
		Mua	085C003487	0001006584	TCI		1,000	10,100	Khớp hết	1,000	10,100	10,100,000	0	0	09:36:12

THÔNG TIN CHI TIẾT LỆNH									
Mã CK: AAA					Trạng thái: Khớp hết				
Mua/Bán: Mua					Loại lệnh: LO				
	Ngày	Thời gian	KL đặt	Giá đặt	KL khớp	Giá khớp	Còn lại	Đã hủy	Đã sửa
		01:30:32			100	8,000			
	29/10/2025	13:38:52	100	8,000	100				
Tổng cộng					100		0		

Hình: Màn hình thông tin chi tiết lệnh

Click vào ô filter dưới tên cột trên sổ lệnh, nhập điều kiện tìm kiếm cho phép khách hàng xem thông tin theo điều kiện đã nhập.

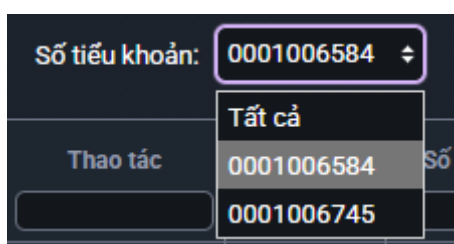
LỆNH ĐIỀU KIỆN																LỆNH CHỖ KHÓP																LỆNH TRONG NGÀY																TỔNG HỢP KHÓP LỆNH																DANH MỤC ĐẦU TƯ															
☒	Sửa/Hủy	Mua/Bán	Số tài khoản	Số tiểu khoản	Mã CK	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	GT còn lại	Thời gian	Buyin																																																																
☐		m																																																																													
		Mua	085C003487	0001006584	AAA	100	8,000	Khớp hết	100	8,000	800,000	0	0	13:38:52	N																																																																
		Mua	085C003487	0001006584	VNM	1,000	55,700	Khớp hết	1,000	55,700	55,700,000	0	0	09:35:58	N																																																																
		Mua	085C003487	0001006584	TCI	1,000	10,100	Khớp hết	1,000	10,100	10,100,000	0	0	09:36:12	N																																																																

Click vào tên cột để tùy chỉnh sắp xếp lệnh, click lần 1 đối với các dữ liệu là chữ sẽ sắp xếp từ Z → A, với các dữ liệu là số sẽ sắp xếp theo chiều giảm dần, click lần 2 sắp xếp ngược lại so với chiều lần 1.

LỆNH ĐIỀU KIỆN																LỆNH CHỖ KHÓP																LỆNH DÃ KHÓP																LỆNH TRONG NGÀY																TỔNG HỢP KHÓP LỆNH																DANH MỤC ĐẦU TƯ															
	Sửa/Hủy	Mua/Bán	Số tài khoản	Số tiểu khoản	Mã CK	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	GT còn lại	Thời gian	Buyin																																																																																
		Mua	085C003487	0001006584	VNM	100	79,000	Từ chối 100/100	0	0	0	0	0	13:46:05	N																																																																																
		Mua	085C003487	0001006584	VNM	1,000	90,600	Từ chối 1,000/1,000	0	0	0	0	0	17:23:12	N																																																																																
		Bán	085C003487	0001006584	TCI	100	9,090	Từ chối 100/100	0	0	0	0	0	09:14:13	N																																																																																
		Mua	085C003487	0001006584	AAA	400	20,700	Từ chối 400/400	0	0	0	0	0	09:13:32	N																																																																																
		Mua	085C003487	0001006584	AAA	200	20,700	Từ chối 200/200	0	0	0	0	0	10:34:03	N																																																																																
	 	Mua	085C003487	0001006584	A32	100	35,000	Chờ gửi	0	0	0	100	3,500,000	13:44:30	N																																																																																
		Mua	085C003487	0001006584	AAA	100	20,700	Đã sửa 100/100	0	0	0	0	0	10:33:54	N																																																																																
	 	Mua	085C003487	0001006584	AAV	100	7,000	Chờ gửi	0	0	0	100	700,000	09:44:54	N																																																																																
		Mua	085C003487	0001006584	AAA	100	20,700	Đã sửa 100/100	0	0	0	0	0	09:13:23	N																																																																																

3.1.4.6. Danh mục đầu tư

Danh mục đầu tư cho phép khách hàng theo dõi chứng khoán hiện đang nắm giữ theo từng tiểu khoản, lãi lỗ dự tính trên từng mã chứng khoán.



Hình: Màn hình chọn tiểu khoản

- **Click vào thao tác “MUA”** sẽ nhảy vào màn hình giao dịch để thực hiện mua, tự động chọn loại Mua, hiển thị Mã CK vừa chọn
- **Click vào thao tác “BÁN”** sẽ nhảy vào màn hình giao dịch để thực hiện bán, tự động chọn loại Bán, hiển thị Mã CK vừa chọn

LỆNH ĐIỀU KIỆNLỆNH CHỜ KHÓPLỆNH ĐÀ KHÓPLỆNH TRONG NGÀYTỔNG HỢP KHÓP LỆNH

DANH MỤC ĐẦU TƯ

Số tiểu khoản:0001006584

Thao tác	Mã CK	Số tiểu khoản	Tổng KL	KL CD	Giá vốn	Giá thị trường	Giá trị vốn	Giá trị TT	Lãi lỗ trong ngày	Lãi/lỗ dự tính	% Lãi/lỗ dự tính	Tỉ lệ Hình T(h%)	TSDB	Loại tài sản
MUA BÁN	A32	0001006584	90	90	44,867.20	31,900	4,038,048	2,835,000	189,000	-1,203,048	-29.79	0	0	CK giao dịch
MUA BÁN	AAM	0001006584	100	100	6,920.36	6,600	692,036	660,000	—	-32,036	-4.63	0	0	CK giao dịch
MUA BÁN	TCI	0001006584	600	600	7,930	8,500	4,758,000	5,100,000	-1,110,000	342,000	7.19	0	0	CK giao dịch
MUA BÁN	VNM	0001006584	93	93	57,566.67	55,600	5,353,700.31	5,170,800	18,900	-182,900.31	-3.42	0	0	CK giao dịch
	VNM_WFT	0001006584	4	4	0	55,600	0	222,400	800	222,400	—			CK Quyền chủ về
Tổng:					14,841,784.31	13,988,200	-901,600	-853,584.31	-5.75	0				

Activate WinGo to Setting

Hình: Màn hình Danh mục đầu tư

- Dòng cuối tab danh mục đầu tư có các thông tin:
 - Tổng: Giá trị vốn, giá trị TT, lãi/lỗ dự tính, % lãi/lỗ dự tính.

3.1.4.7. Tổng hợp khớp lênh

Tổng hợp khớp lệnh cho phép khách hàng xem các thông tin của các lệnh đã khớp. Bao gồm các thông tin: Mã CK, Lệnh, KL khớp, Giá khớp TB, Giá khớp, Giá trị khớp, Phí giao dịch...



LỆNH ĐIỀU KIỆN	LỆNH CHỜ KHỚP	LỆNH ĐÃ KHỚP	LỆNH TRONG NGÀY	TỔNG HỢP KHỚP LỆNH	DANH MỤC ĐẦU TƯ			
Số lưu ký	Tiểu khoản	Mã CK	Lệnh	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	Phí giao dịch	Thuế giao dịch
085C003487	0001006584	AAA	Mua	100	8,000	800,000	1,200	0
085C003487	0001006584	TCI	Mua	1,000	10,100	10,100,000	15,150	0
085C003487	0001006584	VNM	Mua	1,000	55,700	55,700,000	83,550	0
Tổng :				2,100		66,600,000	99,900	0

Hình: Màn hình Tổng hợp khớp lệnh

3.1.5. Đặt lệnh theo danh mục

Mô tả: Giao dịch theo danh mục là công cụ để khách hàng có thể giao dịch nhanh các mã chứng khoán trong danh mục.

Mua/Bán

Mua

Sức mua cơ bản

18,458,192,667

Tài khoản

085C000001

Sức mua tối đa (PPSE)

18,458,192,667

Tiểu khoản

Thường.0001000001 (C1)

KL mua tối đa

120

Danh mục

VN30

KL bán tối đa

0

Chỉ số

1,526.43

Tiền mặt

18,458,229,853

Loại lệnh

ATC

Tiền có thể ứng tự động

2,875,000

Khối lượng

Hạn mức bảo lãnh

0

Xác nhận

SỐ LỆNH DANH MỤC

Hủy

Danh mục

Lệnh

Số lưu ký

Tiểu khoản

Chỉ số đặt

KL đặt

SHL danh mục

Kênh GD

User đặt

VN30

Mua

085C000001

0001000001

1,526.43

100

20251028000000000001

TCSC-Trade

USERONLINE

Hình: Màn hình Giao dịch theo danh mục

Bước 1: Chọn tab Giao dịch cơ sở → Đặt lệnh theo Danh mục

Bước 2: Nhập các thông tin giao dịch

 **Khung giao dịch gồm các thông tin**

Mua/Bán	Combobox cho user chọn lệnh Mua hoặc Bán.
Tài khoản	Textbox, mặc định hiển thị số tài khoản đăng nhập. Trường disable không được phép sửa.
Tiểu khoản	Combobox chọn tiểu khoản giao dịch.
Danh mục	Combobox cho khách hàng chọn mã rổ CK cần giao dịch (các rổ CK đã được khai báo ở chức năng 032022).

Mua/Bán	Combobox cho user chọn lệnh Mua hoặc Bán.
Chỉ số	Mặc định hiển thị theo chỉ số của rổ CK chọn giao dịch, chỉ số lấy từ chức năng 032022, không được phép sửa ở đây. Trường disable không được phép sửa.
Loại lệnh	Combobox gồm các giá trị: ATO/ATC/MP, user chọn loại lệnh cần đặt.
Khối lượng	Nhập khối lượng khách hàng cần giao dịch Khối lượng > 0
Checkbox “Bán hết danh mục”	Checkbox này sử dụng cho lệnh bán Khách hàng nhấn vào check box “Bán hết danh mục” để bán hết số dư của các mã CK trong danh mục được chọn.
Nút Mua/Bán	
Nút Làm lại	

Khách hàng sau khi nhập thông tin Mua/Bán → Nhấn nút Xác nhận, gọi tới màn hình Xác nhận lệnh; Nhập Mã SmartOTP/Mã xác thực OTP → Nhấn nút Xác nhận để hoàn tất quá trình giao dịch.

Khung Thông tin tài khoản

Hiển thị các thông tin:

- Sức mua cơ bản
- Khối lượng mua tối đa, công thức = Sức mua cơ bản/chỉ số khai báo ở 032022
- Tiền mặt
- Hạn mức bảo lãnh
- Tiền có thể ứng tự động
- Dữ liệu ở khung thông tin tài khoản sẽ hiển thị sau khi khách hàng chọn tiêu khoản giao dịch ở khung Giao dịch.

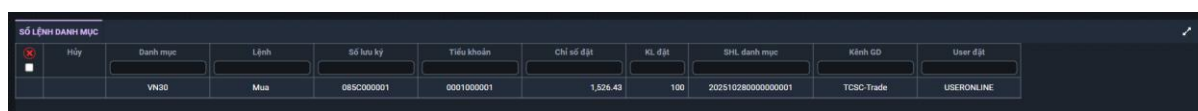
Khung Sở lệnh danh mục:

- Lưới dữ liệu xử lý cho phép filter.
- Cho phép huỷ 1 hoặc nhiều lệnh hoặc tất cả lệnh trong danh mục.
- Lưới dữ liệu gồm các thông tin:

Check box “Chọn tất cả”	Chọn tất cả để huỷ tất cả lệnh
Nút Huỷ lệnh đã chọn	Dùng để Huỷ nhiều lệnh đã chọn hoặc huỷ tất cả lệnh
Nút Huỷ	Khách hàng nhấn vào nút Huỷ trước dòng lệnh cần huỷ

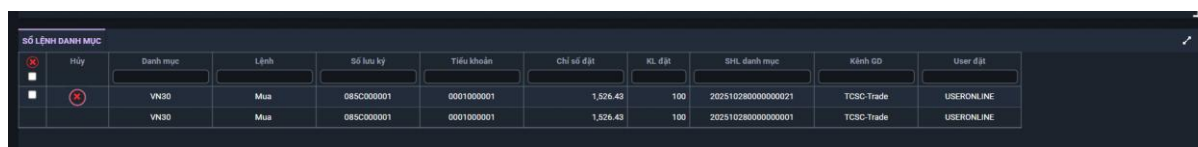
Danh mục	Danh mục giao dịch
Lệnh	Mua/Bán
Tài khoản	Tài khoản lưu ký đăng nhập
Tiểu khoản	Tiểu khoản giao dịch
Chỉ số đặt	Chỉ số giao dịch theo danh mục
KL đặt	Khối lượng giao dịch
SHL danh mục	Số hiệu lệnh danh mục
Kênh	Kênh giao dịch danh mục
User đặt	User giao dịch

Ví dụ dữ liệu hiển thị ở lưới dữ liệu:



Danh mục	Lệnh	Số lưu ký	Tiểu khoản	Chỉ số đặt	KL đặt	SHL danh mục	Kênh GD	User đặt
VN30	Mua	085C000001	0001000001	1,526.43	100	20251028000000000001	TCSC-Trade	USERONLINE

Để xem chi tiết lệnh con của từng lệnh danh mục, khách hàng double click vào dòng lệnh cần xem lệnh chi tiết, xuất hiện popup Sổ lệnh chi tiết:



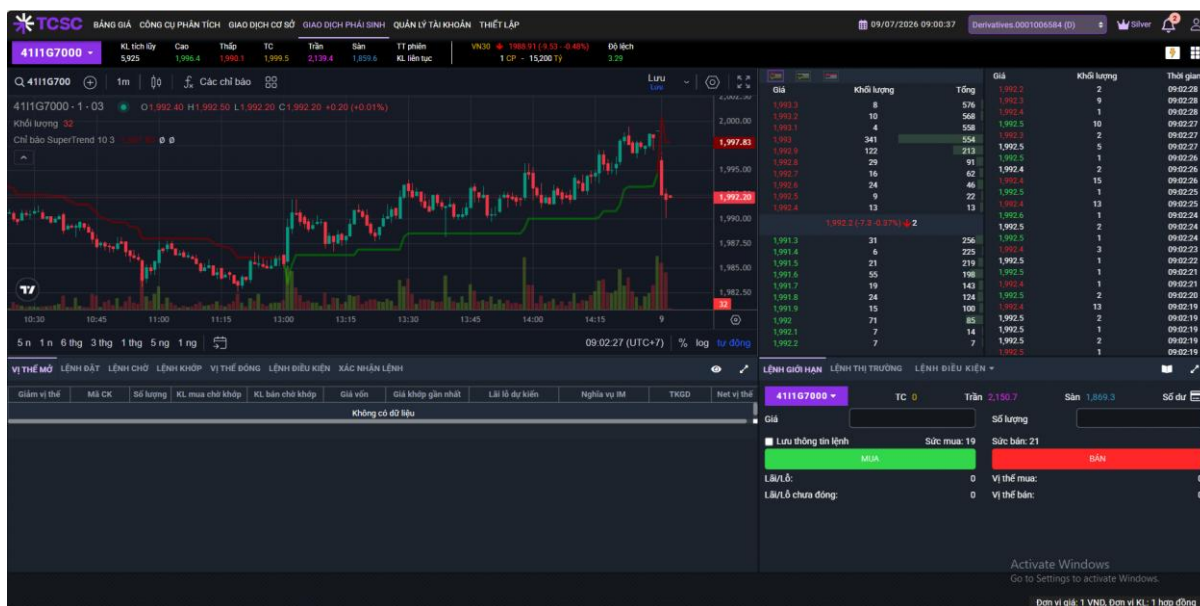
Danh mục	Lệnh	Số lưu ký	Tiểu khoản	Chỉ số đặt	KL đặt	SHL danh mục	Kênh GD	User đặt
VN30	Mua	085C000001	0001000001	1,526.43	100	20251028000000000001	TCSC-Trade	USERONLINE
VN30	Mua	085C000001	0001000001	1,526.43	100	20251028000000000001	TCSC-Trade	USERONLINE

Sổ lệnh chi tiết:

- Gồm các thông tin: Lệnh, Loại lệnh, Tài khoản, Tiểu khoản, Mã CK, Khối lượng, Giá đặt, Trạng thái, Số hiệu lệnh, Số hiệu lệnh danh mục, Phiên, Giờ cập nhật.
- Popup hiển thị các lệnh con sinh ra từ lệnh danh mục đã chọn.
- Cho phép hủy 1 hoặc nhiều lệnh hoặc tất cả lệnh con của lệnh danh mục được chọn.

3.2. Giao dịch phái sinh

- Sau khi đăng nhập thành công, giao diện hiển thị màn hình chính sau:



Hình: Giao dịch phái sinh

3.2.1. Thông tin chi tiết các mã hợp đồng tương lai

Trên giao diện chính: Click vào combobox mã chứng khoán **4111G9000** để xem thông tin chi tiết các mã HĐTL.

Yêu thích		Chứng khoán phái sinh	
Mã CK	TSCS	Ngày ĐH	OI
★ 4111G7000	VN30	16/07/2026	29039
★ 4111G8000	VN30	20/08/2026	1273
★ 4111G9000	VN30	17/09/2026	633

Hình: Danh sách mã chứng khoán

 **Tab chứng khoán phái sinh**

Yêu thích		Chứng khoán phái sinh		
	Mã CK	TSCS	Ngày ĐH	OI
★	4111G7000	VN30	16/07/2026	29039
★	4111G8000	VN30	20/08/2026	1273
★	4111G9000	VN30	17/09/2026	633

Hình: Tab chứng khoán phái sinh

- Hiện thị thông tin các mã HĐTL:

Tên trường	Ý nghĩa
Mã CK	Mã hợp đồng tương lai
TSCS	Mã Tài sản cơ sở của HĐTL
Ngày ĐH	Ngày đáo hạn mã chứng khoán
OI	Khối lượng vị thể mở OI toàn thị trường

- Click chọn 1 dòng bất kì để chọn mã HĐTL muốn giao dịch.
- Click vào nút  để chọn mã CK yêu thích

Tab yêu thích

Click vào nút “Yêu thích” để hiện thị thông tin các mã CK yêu thích gồm các mã hợp đồng đã chọn

Yêu thích		Chứng khoán phái sinh		
	Mã CK	TSCS	Ngày ĐH	OI
★	4111G7000	VN30	16/07/2026	29039
★	4111G8000	VN30	20/08/2026	1273

Hình: Tab yêu thích

3.2.2. Thông tin mã hợp đồng và bảng giá

4111G9000		KL tích lũy		Cao	Thấp	TC	Tiền	Sản	T1 phiên	VN30		Độ lệch																															
		21	1,870.6	1,864	1,820	1,947.4	1,692.6		KL hiện tại	129,506,653 CP - 4,612.674 Tỷ		-129.69																															
Bên mua														Khớp lệnh														Bên bán														DTN	
Mã HĐ	Ngày ĐH	TC	Tiền	Sản	Độ lệch	KL mở	Giá 3	KL 3	Giá 2	KL 2	Giá 1	KL 1	Giá	KL	+	-	+	-	Giá 1	KL 1	Giá 2	KL 2	Giá 3	KL 3	Tổng KL	Mở cửa	Cao	Thấp	ĐVTN														
4111G9000	17/09/2026	1,820	1,947.4	1,692.6	-129.69	294	1,865	1	1,869	1	1,869.4	1	1,869	1	+	05	1,871.6	2	1,875	1	1,876.3	2	21	1,864	1,870.6	1,864																	
4111G9000	25/09/2026	104,046	107,147	100,925																																							

Hình: Thông tin mã chứng khoán & bảng giá

Thông tin:

- **KL tích lũy:** Khối lượng tích lũy trong ngày của mã được chọn.
- **Cao, Thấp:** Giá cao nhất và thấp nhất trong phiên của mã được chọn.
- **TC:** Giá tham chiếu của mã được chọn.
- **Trần và Sàn:** Giá trần và giá sàn của mã được chọn.
- **TT phiên:** Tình trạng phiên giao dịch (ở đây hiển thị “Đã đóng cửa”).
- **VN30 và Độ lệch:** Chỉ số VN30 và độ lệch hiện tại của mã chứng khoán.

Chi tiết bảng giá:

- **Danh sách hợp đồng:**
 - + Mã HĐ và Ngày DH: Hiển thị mã hợp đồng và ngày đáo hạn tương ứng (ví dụ: VN30F2412 đáo hạn vào 19/12/2024).
 - + Giá: Hiển thị giá của các bên mua và bên bán tại các mức giá khác nhau (Giá 1, Giá 2, Giá 3) với khối lượng giao dịch đi kèm.
- **Bên Mua và Bên Bán:**
 - + Bên mua: Hiển thị các mức giá và khối lượng lệnh đặt mua của các nhà đầu tư.
 - + Bên bán: Hiển thị các mức giá và khối lượng lệnh đặt bán.
- **Thông tin khớp lệnh**
 - + Khớp Lệnh: Phần này cho biết các giao dịch đã được khớp thành công, hiển thị tổng khối lượng, giá khớp và sự thay đổi giá (+/-) so với lần khớp trước đó.

3.2.3. Đồ thị kỹ thuật



Hình: Đồ thị kỹ thuật

- Khung đồ thị cho phép Khách hàng quan sát được thị trường
- Sử dụng biểu đồ (cung cấp bởi TradingView) để theo dõi biến động giá theo thời gian.
- Tùy chỉnh khoảng thời gian hiển thị (5 phút, 1 ngày, 1 tuần, v.v.).

- Các thanh màu sắc biểu diễn khối lượng giao dịch, giúp nhận diện xu hướng tăng hoặc giảm.

3.2.4. Thông tin thị trường

- Khung hiển thị bao gồm các chân giá với khối lượng dự khớp chi tiết và tổng khối lượng hợp đồng giao dịch tại mỗi mức giá. Tại mỗi mức giá đều có cột khối lượng dự khớp để Khách hàng có thể nhận biết rõ hơn các mức giá đang có khối lượng dự khớp cao nhất:

Giá	Khối lượng	Tổng
1,993.7	39	127
1,993.6	2	88
1,993.5	20	86
1,993.4	17	66
1,993.3	20	49
1,993.2	21	29
1,993.1	4	8
1,993	2	4
1,992.9	1	2
1,992.8	1	1
1,992.8 (-6.7 -0.34%) ↓ 1		
1,991.7	16	260
1,991.8	25	244
1,991.9	8	219
1,992	82	211
1,992.1	29	129
1,992.2	22	100
1,992.3	28	75
1,992.4	17	47
1,992.5	29	30
1,992.7	1	1

Hình: Dư mua, dư bán

- Bên cạnh đó còn có bảng hiển thị giá và khối lượng khớp theo các mốc thời gian khớp lệnh

- Tab vị thế mở bao gồm các thông tin:
 - + **Giảm vị thế:** Nút "Đóng" màu đỏ giúp người dùng đóng vị thế nếu muốn chốt lời hoặc cắt lỗ cho mã chứng khoán cụ thể.
 - + **Mã CK:** Mã chứng khoán của vị thế đang mở.
 - + **Số lượng:** Số lượng hợp đồng cho từng mã chứng khoán, trong đó giá trị âm biểu thị số lượng bán và ngược lại.
 - + **KL Mua chờ khớp và KL Bán chờ khớp:** Khối lượng lệnh mua và bán đang chờ khớp cho mỗi vị thế.
 - + **Giá vốn:** Giá vốn của mỗi vị thế, tức là giá mua vào hoặc giá vốn của giao dịch ban đầu.
 - + **Giá khớp gần nhất:** Giá khớp lệnh gần nhất của mã chứng khoán.
 - + **Lãi lỗ dự kiến:** Phần này hiển thị lợi nhuận hoặc lỗ dự kiến cho từng vị thế dựa trên giá khớp gần nhất và giá vốn.
 - + **Nghĩa vụ IM:** Nghĩa vụ ký quỹ cần thiết cho vị thế.
 - + **TKGD:** Số tài khoản giao dịch của khách hàng.
 - + **Net vị thế:** Trạng thái vị thế của tài khoản.
- Nhấn nút "Đóng" để đóng vị thế

Giảm vị thế	Mã CK	Số lượng	KL mua chờ khớp	KL bán chờ khớp	Giá vốn	Giá khớp gần nhất	Lãi lỗ dự kiến	Nghĩa vụ IM	TKGD	Net vị thế
Đóng	4111G4000	42	5	2	1,723	1,870.3	618,660,000	1,335,394,200	0001000001	Có
Đóng	4111G5000	-20	0	0	1,750	1,870.7	-241,400,000	636,038,000	0001000001	Có
Đóng	4111G6000	15	0	0	1,750	1,872.1	183,150,000	477,385,500	0001000001	Có
Đóng	4112G4000	9	0	0	1,700	1,807	96,300,000	276,471,000	0001000001	Có

Hình: Vị thế mở - Đóng

Hệ thống tự đổi mã CK mặc định là mã CK được chọn. Tại khung đặt lệnh, giá mua tự fill = giá bán gần nhất, giá bán tự fill = giá mua gần nhất, số lượng = số lượng tương ứng để đóng vị thế của mã CK

Giảm vị thế	Mã CK	Số lượng	KL mua chờ khớp	KL bán chờ khớp	Giá vốn	Giá khớp gần nhất	Lãi lỗ dự kiến	Nghĩa vụ IM	TKGD	Net vị thế
Đóng	4111G4000	42	5	2	1,723	1,870.3	618,660,000	1,335,394,200	0001000001	Có
Đóng	4111G5000	-20	0	0	1,750	1,870.7	-241,400,000	636,038,000	0001000001	Có
Đóng	4111G6000	15	0	0	1,750	1,872.1	183,150,000	477,385,500	0001000001	Có
Đóng	4112G4000	9	0	0	1,700	1,807	96,300,000	276,471,000	0001000001	Có

Hình: Thao tác đóng vị thế

3.2.5.2. Tab lệnh đặt

Giờ đặt	Mã CK	Mua/Bán	Loại lệnh	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	KL sửa	KL hủy
16:08:24	4111G4000	Mua	LO	5	1,869.7	Chờ gửi	0	0	0	5	0	0
16:06:10	4111G9000	Bán	LO	2	1,869	Chờ gửi	0	0	0	2	0	0
16:05:48	4111G9000	Bán	LO	1	1,869	Lệnh sửa gửi thành công	0	0	0	0	2	0
16:44:51	4111F7000	Bán	LO	20	1,350	Chờ gửi	0	0	0	20	0	0
16:44:29	4111G9000	Bán	MTL	1	1,832.1	Chờ gửi	0	0	0	1	0	0
16:44:23	4111G9000	Mua	MOK	1	2,107.9	Chờ gửi	0	0	0	1	0	0
16:44:18	4111G9000	Mua	LO	1	2,007	Chờ gửi	0	0	0	1	0	0
16:39:12	4111G9000	Bán	MAK	1	1,832.1	Chờ gửi	0	0	0	1	0	0
16:38:53	4111G9000	Bán	LO	2	2,006.5	Chờ gửi	0	0	0	2	0	0

Hình: Tab lệnh đặt

- Là sổ lệnh hiển thị tất cả các lệnh đặt theo thời gian trong ngày bao gồm các thông tin:
 - + **Giờ đặt:** Thời gian người dùng đặt lệnh, hiển thị theo giờ-phút-giây.
 - + **Mã CK:** Mã chứng khoán của lệnh đặt.
 - + **Mua/Bán:** Loại giao dịch, hiển thị là "Mua" hoặc "Bán" tương ứng với loại lệnh đặt.
 - + **Loại lệnh:** Loại lệnh được đặt (LO, ATO, ATC, MAK, MOK, MTL).
 - + **Giá đặt:** Giá mà khách hàng đặt cho lệnh mua hoặc bán.
 - + **Trạng thái:** Hiển thị trạng thái hiện tại của lệnh (Chờ gửi, Đã gửi, Đã hủy, Khớp hết, Khớp một phần,...)
 - + **KL đặt:** Khối lượng đặt ban đầu cho lệnh.
 - + **KL khớp:** Khối lượng đã khớp tính đến thời điểm hiện tại.
 - + **Giá khớp TB:** Giá khớp trung bình của lệnh (nếu có khớp).
 - + **Giá trị khớp:** Giá trị giao dịch đã khớp tính đến thời điểm hiện tại.
 - + **KL còn lại:** Khối lượng còn lại chưa khớp của lệnh.
 - + **KL Sửa và KL Hủy:** Khối lượng đã sửa hoặc hủy của lệnh (nếu có).
 - + **Thường/Thỏa Thuận:** Loại giao dịch, có thể là giao dịch thường hoặc giao dịch thỏa thuận.
 - + **Người đặt lệnh:** Tên hoặc vai trò của người đặt lệnh.
 - + **Kênh đặt lệnh:** Thiết bị hoặc kênh mà lệnh được đặt từ đó.

3.2.5.3. Tab lệnh chờ

	Hủy	Sửa	Giờ đặt	Mã CK	Mua/Bán	KL đặt	Giá đặt	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	Thường/Thỏa thuận	Trạng
■	Hủy	Sửa	16:08:24	4111G4000	Mua	5	1,869.7	0	0	0	5	Thông thường	
■	Hủy	Sửa	16:06:10	4111G9000	Bán	2	1,869	0	0	0	2	Thông thường	
■	Hủy	Sửa	16:44:51	4111F7000	Bán	20	1,350	0	0	0	20	Thông thường	
■	Hủy		16:44:29	4111G9000	Bán	1	1,832.1	0	0	0	1	Thông thường	
■	Hủy		16:44:23	4111G9000	Mua	1	2,107.9	0	0	0	1	Thông thường	
■	Hủy	Sửa	16:44:18	4111G9000	Mua	1	2,007	0	0	0	1	Thông thường	

Hình: Tab lệnh chờ

- Cửa sổ này giúp khách hàng quản lý được các lệnh chưa được khớp, gồm các thông tin:
 - + **Giờ đặt:** Thời gian người dùng đặt lệnh, hiển thị theo giờ-phút-giây.
 - + **Mã CK:** Mã chứng khoán của lệnh đặt.
 - + **Mua/Bán:** Loại giao dịch, hiển thị là "Mua" hoặc "Bán" tương ứng với loại lệnh đặt.
 - + **Loại lệnh:** Loại lệnh được đặt (LO, ATO, ATC, MAK, MOK, MTL).
 - + **Giá đặt:** Giá mà khách hàng đặt cho lệnh mua hoặc bán.
 - + **Trạng thái:** Hiển thị trạng thái hiện tại của lệnh (Chờ gửi, Khớp một phần,...)
 - + **KL đặt:** Khối lượng đặt ban đầu cho lệnh.
 - + **KL khớp:** Khối lượng đã khớp tính đến thời điểm hiện tại.
 - + **Giá khớp TB:** Giá khớp trung bình của lệnh (nếu có khớp một phần).
 - + **Giá trị khớp:** Giá trị giao dịch đã khớp tính đến thời điểm hiện tại
 - + **KL còn lại:** Khối lượng còn lại chưa khớp của lệnh.
 - + **KL Sửa và KL Hủy:** Khối lượng đã sửa hoặc hủy của lệnh (nếu có).
 - + **Thường/Thỏa Thuận:** Loại giao dịch, có thể là giao dịch thường hoặc giao dịch thỏa thuận.
 - + **Người đặt lệnh:** Tên hoặc vai trò của người đặt lệnh
 - + **Kênh đặt lệnh:** Thiết bị hoặc kênh mà lệnh được đặt từ đó.

3.2.5.3.1. Sửa lệnh

- **Bước 1:** Click nút **Sửa** tại dòng lệnh muốn sửa.

VỊ THẾ MỞ LỆNH ĐẶT LỆNH CHỜ LỆNH KHỚP VỊ THẾ ĐÓNG LỆNH ĐIỀU KIỆN XÁC NHẬN LỆNH													
	Hủy	Sửa	Giờ đặt	Mã CK	Mua/Bán	KL đặt	Giá đặt	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	Thường/Thỏa thuận	Trạng
☐	Hủy	Sửa	16:08:24	4111G4000	Mua	5	1,869.7	0	0	0	5	Thông thường	
☐	Hủy	Sửa	16:06:10	4111G9000	Bán	2	1,869	0	0	0	2	Thông thường	
☐	Hủy	Sửa	16:44:51	4111F7000	Bán	20	1,350	0	0	0	20	Thông thường	
☐	Hủy		16:44:29	4111G9000	Bán	1	1,832.1	0	0	0	1	Thông thường	
☐	Hủy		16:44:23	4111G9000	Mua	1	2,107.9	0	0	0	1	Thông thường	
☐	Hủy	Sửa	16:44:18	4111G9000	Mua	1	2,007	0	0	0	1	Thông thường	

Hiển thị màn hình Sửa lệnh:

Sửa lệnh

Số hiệu lệnh: 0068180825000263

Mã CK	Mua/Bán	Loại lệnh	KL khớp	Khối lượng	Giá
4111G9000	Bán	LO	0	2	1,869

THỰC HIỆN

ĐÓNG

- **Bước 2:** Nhập các thông tin sửa về Khối lượng hoặc Giá hoặc cả hai Khối lượng, Giá
- **Bước 3:**
 - + Nhấn nút **ĐÓNG** để đóng màn hình Sửa lệnh.
 - + Nhấn nút **THỰC HIỆN**, hiển thị màn hình xác thực tài khoản

XÁC THỰC LỆNH GIAO DỊCH

Nhập mã OTP

.....

Gửi lại OTP

Lưu xác thực cho lần sau

Xác thực

Đóng

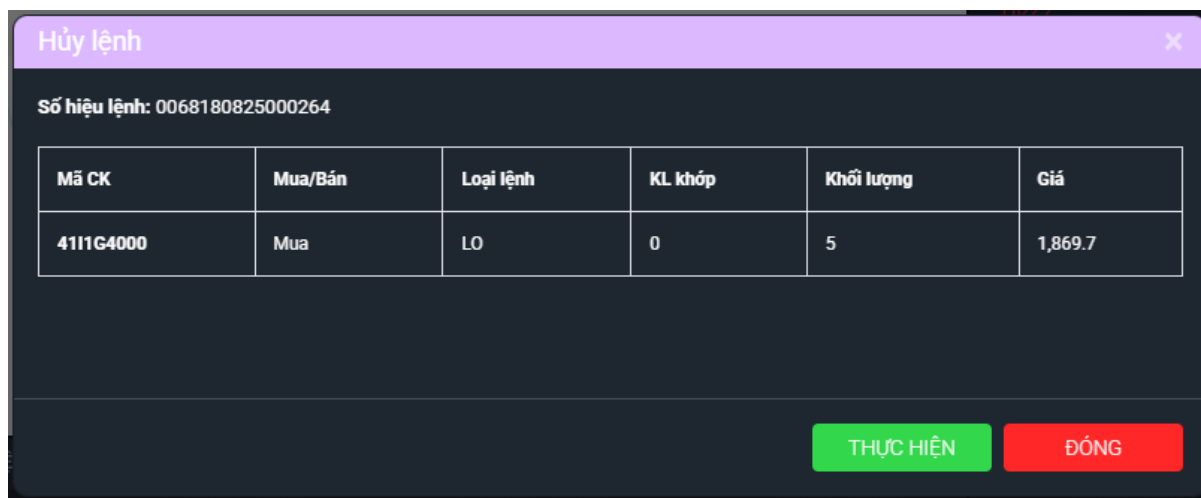
- **Bước 4:** Nhập mã SmartOT hoặc mã OTP (tùy theo đăng ký xác thực). Nhấn nút **Xác thực** Hiển thị thông báo “Đặt lệnh thành công”. Nhấn nút **Đóng** để hủy để quay về màn hình xác nhận sửa.

3.2.5.3.2. Hủy lệnh

- **Bước 1:** Click nút **Hủy** tại dòng lệnh muốn sửa.

VỊ THẾ MỞ	LỆNH ĐẶT	LỆNH CHỜ	LỆNH KHỚP	VỊ THẾ ĐÓNG	LỆNH ĐIỀU KIỆN	XÁC NHẬN LỆNH								
	Hủy	Sửa												
	Hủy	Sửa	16:08:24	4111G4000	Mua	5	1,869.7	0	0	0	0	5	Thông thường	
	Hủy	Sửa	16:06:10	4111G9000	Bán	2	1,869	0	0	0	0	2	Thông thường	
	Hủy	Sửa	16:44:51	4111F7000	Bán	20	1,350	0	0	0	0	20	Thông thường	
	Hủy		16:44:29	4111G9000	Bán	1	1,832.1	0	0	0	0	1	Thông thường	
	Hủy		16:44:23	4111G9000	Mua	1	2,107.9	0	0	0	0	1	Thông thường	
	Hủy	Sửa	16:44:18	4111G9000	Mua	1	2,007	0	0	0	0	1	Thông thường	

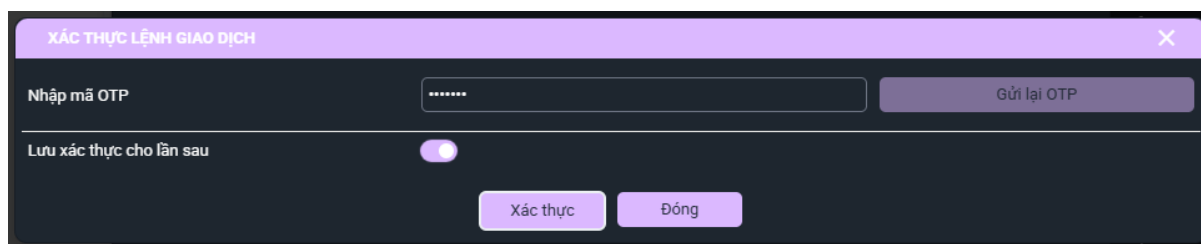
Hiện thị màn hình Hủy lệnh:



Mã CK	Mua/Bán	Loại lệnh	KL khớp	Khối lượng	Giá
4111G4000	Mua	LO	0	5	1,869.7

Bước 2:

- + Nhấn nút **ĐÓNG** để đóng màn hình Hủy lệnh.
- + Nhấn nút **THỰC HIỆN**, hiển thị màn hình xác thực tài khoản



- **Bước 3:** Nhập mã SmartOTP hoặc mã OTP (tùy theo đăng ký xác thực). Nhấn nút **Xác thực** Hiển thị thông báo “Hủy lệnh thành công”. Nhấn nút **Đóng** để hủy để quay về màn hình xác nhận sửa.

3.2.5.4. Tab lệnh khớp



Thời gian	Mã CK	Mua/Bán	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	Thương/Thỏa thuận	Phí giao dịch	Thuế giao dịch	TKGD
11:24:50	4111G9000	Bán	2	1,869	373,800,000	Thông thường	4,000	31,773	0001000001
11:24:51	4111G4000	Bán	2	1,869.4	373,880,000	Thông thường	4,000	31,780	0001000001
11:24:51	4111G9000	Bán	1	2,001.9	200,190,000	Thông thường	2,000	17,016	0001000001

Hình: Tab lệnh khớp

- Hiện thị các lệnh đã khớp trong ngày với thông tin:
 - + **Thời gian:** Hiện thị thời gian khớp lệnh theo giờ-phút-giây.
 - + **Mã CK:** Mã chứng khoán của lệnh đã khớp.

- + **Mua/Bán:** Loại giao dịch, hiển thị "Mua" hoặc "Bán" tùy thuộc vào lệnh đã khớp.
- + **KL khớp:** Khối lượng lệnh đã khớp.
- + **Giá khớp TB:** Giá khớp trung bình cho khối lượng đã khớp.
- + **Giá trị khớp:** Giá trị giao dịch đã khớp của lệnh.
- + **Thường/Thỏa Thuận:** Loại giao dịch
- + **Phí giao dịch:** Chi phí giao dịch phải trả cho mỗi lệnh đã khớp.
- + **Thuế giao dịch:** Mức thuế áp dụng cho giao dịch.
- + **TKGD:** Số tài khoản giao dịch của khách hàng.

3.2.5.5. Tab vị thế đóng

VỊ THẾ MỞ

LỆNH ĐẶT

LỆNH CHỜ

LỆNH KHỚP

VỊ THẾ ĐÓNG

LỆNH ĐIỀU KIỆN

XÁC NHẬN LỆNH

Mã CK	Số lượng đã đóng	Giá vốn	Giá đóng	Chênh lệch giá	Hệ số nhân	Lãi lỗ VM	TKGD
4111G4000	2	1,723	1,869.4	146.4	100,000	29,280,000	0001000001

Hình: Tab vị thế đóng

- Tổng kết các cặp vị thế đã đóng cùng thông tin lãi lỗ và tài khoản giao dịch cho từng mã hợp đồng:
 - + **Mã CK:** Mã chứng khoán của các vị thế đã đóng.
 - + **Số lượng đã đóng:** Số lượng hợp đồng của vị thế đã được đóng
 - + **Giá vốn:** Giá vốn của vị thế khi mở.
 - + **Giá đóng:** Giá tại thời điểm đóng vị thế.
 - + **Chênh lệch giá:** Sự chênh lệch giữa giá vốn và giá đóng, thể hiện sự thay đổi giá trị của vị thế.
 - + **Hệ số nhân:** Hệ số nhân áp dụng cho hợp đồng tương lai của mã chứng khoán, ví dụ: 100,000 hoặc 10,000.
 - + **Lãi lỗ VM:** Lợi nhuận hoặc lỗ (VM - Value Margin) của vị thế, được tính dựa trên chênh lệch giá và hệ số nhân.
 - + **TKGD:** Số tài khoản giao dịch của khách hàng.

3.2.5.6. Tab lệnh điều kiện

VỊ THẾ MỞ														LỆNH ĐẶT	LỆNH CHỜ	LỆNH KHỚP	VỊ THẾ ĐÓNG	LỆNH ĐIỀU KIỆN	XÁC NHẬN LỆNH		
Hủy	Sửa	Xem	Giờ đặt	Mã CK	Mua/Bán	Loại lệnh	Lệnh DK	KL đặt	Giá đặt	Biên độ	Bước giá	Trạng thái	TKGD								
Hủy	Sửa	Xem	14:47:55	4111G7000	Mua	Giá giới hạn	STO	1	1,976.5			Chờ kích hoạt	0001006584								
Hủy	Sửa	Xem	14:47:08	4111G7000	Mua	Giá giới hạn	STO	1	1,976.5			Chờ kích hoạt	0001006584								
Hủy	Sửa	Xem	14:45:40	4111G2000	Mua	Giá giới hạn	STO	1	1,984			Chờ kích hoạt	0001006584								
Hủy	Sửa	Xem	14:45:24	4111G2000	Mua	Giá giới hạn	STO	1	1,854			Chờ kích hoạt	0001006584								

Hình: Tab lệnh điều kiện

Hiển thị thông tin chi tiết các lệnh điều kiện mà khách hàng đặt gồm các thông tin về mã HĐTL, loại lệnh và thông tin lệnh đặt:

- Nút hành động:
 - + Hủy: Nút màu đỏ cho phép hủy lệnh điều kiện.
 - + Sửa: Nút màu vàng cho phép sửa đổi các thông số của lệnh điều kiện.
 - + Xem: Nút màu xanh lá cho phép xem chi tiết lệnh.
- Thông tin lệnh:
 - + Giờ đặt: Thời gian đặt lệnh điều kiện, hiển thị theo giờ-phút-giây.
 - + Mã CK: Mã chứng khoán của lệnh điều kiện.
 - + Mua/Bán: Loại giao dịch, hiển thị "Mua" hoặc "Bán" tùy thuộc vào lệnh.
 - + Loại lệnh: Loại lệnh được sử dụng.
 - + Lệnh ĐK: Loại lệnh điều kiện như STO, OCO, TSO, BB
 - + KL đặt: Khối lượng của lệnh điều kiện.
 - + Giá đặt: Giá mà người dùng muốn đặt cho lệnh điều kiện.
 - + Biên độ: Biên độ giá đặt điều kiện TSO
 - + Bước giá: Bước giá của lệnh điều kiện TSO
 - + Trạng thái: Hiển thị trạng thái hiện tại của lệnh (Chờ kích hoạt, Đã kích hoạt,...)
 - + TKGD: Số tài khoản giao dịch của khách hàng.

3.2.5.6.1. Sửa lệnh:

- **Bước 1:** Click nút  tại dòng lệnh muốn sửa.

VỊ THẾ MỞ LỆNH ĐẶT LỆNH CHỜ LỆNH KHỚP VỊ THẾ ĐÓNG LỆNH ĐIỀU KIỆN XÁC NHẬN LỆNH													
Hủy	Sửa	Xem	Giờ đặt	Mã CK	Mua/Bán	Loại lệnh	Lệnh ĐK	KL đặt	Giá đặt	Biên độ	Bước giá	Trạng thái	TKGD
Hủy	Sửa	Xem	14:47:55	4111G7000	Mua	Giá giới hạn	STO	1	1,976.5			Chờ kích hoạt	0001006584
Hủy	Sửa	Xem	14:47:08	4111G7000	Mua	Giá giới hạn	STO	1	1,976.5			Chờ kích hoạt	0001006584
Hủy	Sửa	Xem	14:45:40	4111G2000	Mua	Giá giới hạn	STO	1	1,984			Chờ kích hoạt	0001006584
Hủy	Sửa	Xem	14:45:24	4111G2000	Mua	Giá giới hạn	STO	1	1,854			Chờ kích hoạt	0001006584

Hiển thị màn hình Sửa lệnh:

Sửa lệnh

Chi tiết lệnh gốc
202607100000000004

Mã CK	Mua/Bán	Số lượng	Giá stop	Giá limit
4111G7000	Mua	1	1,976.8	1,976.5

THỰC HIỆN **ĐÓNG**

- **Bước 2:** Nhập các thông tin sửa về Khối lượng, Giá

- **Bước 3:**

+ Nhấn nút **ĐÓNG** để đóng màn hình Sửa lệnh.

+ Nhấn nút **THỰC HIỆN**, hiển thị màn hình xác thực tài khoản

XÁC THỰC LỆNH GIAO DỊCH

Nhập mã OTP

Lưu xác thực cho lần sau ☐

Xác thực **Đóng**

- **Bước 4:** Nhập mã SmartOT hoặc mã OTP (tùy theo đăng ký xác thực). Nhấn nút **Xác thực** Hiển thị thông báo “Đặt lệnh thành công”. Nhấn nút **Đóng** để hủy để quay về màn hình xác nhận sửa.

3.2.5.3.3. Hủy lệnh:

- **Bước 1:** Click nút **Hủy** tại dòng lệnh muốn sửa.

VỊ THẾ MỞ LỆNH ĐẶT LỆNH CHỜ LỆNH KHỚP VỊ THẾ ĐÓNG LỆNH ĐIỀU KIỆN XÁC NHẬN LỆNH													
Hủy	Sửa	Xem	Giờ đặt	Mã CK	Mua/Bán	Loại lệnh	Lệnh DK	KL đặt	Giá đặt	Biên độ	Bước giá	Trạng thái	TKGD
Hủy	Sửa	Xem	14:47:55	4111G7000	Mua	Giá giới hạn	STO	1	1,976.5			Chờ kích hoạt	0001006584
Hủy	Sửa	Xem	14:47:08	4111G7000	Mua	Giá giới hạn	STO	1	1,976.5			Chờ kích hoạt	0001006584
Hủy	Sửa	Xem	14:45:40	4111G2000	Mua	Giá giới hạn	STO	1	1,984			Chờ kích hoạt	0001006584
Hủy	Sửa	Xem	14:45:24	4111G2000	Mua	Giá giới hạn	STO	1	1,854			Chờ kích hoạt	0001006584

Hiển thị màn hình Hủy lệnh:

Hủy lệnh

Số hiệu lệnh gốc: 202607100000000001

Giá stop: 1,934

Giá limit: 1,854

Khối lượng: 1

Số hiệu lệnh	Giờ đặt	Mã CK	Mua/Bán	Loại lệnh	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	KL hủy
202607100000000001	14:45:24	4111G2000	Mua	Giá giới hạn	1	1,854	Chờ kích hoạt	0	0

THỰC HIỆN

ĐÓNG

Bước 2:

- + Nhấn nút **ĐÓNG** để đóng màn hình Hủy lệnh.
- + Nhấn nút **THỰC HIỆN**, hiển thị thông báo “Hủy lệnh thành công”.

3.2.5.6.2. Xem chi tiết:

- Click nút **Xem** tại dòng lệnh muốn xem chi tiết.

VỊ THẾ MỞ LỆNH ĐẶT LỆNH CHỜ LỆNH KHỚP VỊ THẾ ĐÓNG LỆNH ĐIỀU KIỆN XÁC NHẬN LỆNH													
Hủy	Sửa	Xem	Đặt	Mã CK	Mua/Bán	Loại lệnh	Lệnh ĐK	KL đặt	Giá đặt	Biên độ	Bước giá	Trạng thái	TKGD
Hủy	Sửa	Xem	14:47:55	4111G7000	Mua	Giá giới hạn	STO	1	1,976.5			Chờ kích hoạt	0001006584
Hủy	Sửa	Xem	14:47:08	4111G7000	Mua	Giá giới hạn	STO	1	1,976.5			Chờ kích hoạt	0001006584
Hủy	Sửa	Xem	14:45:40	4111G2000	Mua	Giá giới hạn	STO	1	1,984			Chờ kích hoạt	0001006584
		Xem	14:45:24	4111G2000	Mua	Giá giới hạn	STO	1	1,854			Đã hủy	0001006584

Hiển thị màn hình chi tiết:

Chi tiết lệnh

Số hiệu lệnh gốc: 2026071000000000002

Giá stop: 1,984

Giá limit: 1,984

Khối lượng: 1

Số hiệu lệnh	Giờ đặt	Mã CK	Mua/Bán	Loại lệnh	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	KL hủy
202607100000000002	14:45:40	4111G2000	Mua	Giá giới hạn	1	1,984	Chờ kích hoạt	0	0

3.2.5.7. Tab xác nhận lệnh

VỊ THẾ MỞ LỆNH ĐẶT LỆNH CHỜ LỆNH KHỚP VỊ THẾ ĐÓNG LỆNH ĐIỀU KIỆN XÁC NHẬN LỆNH									
☐ Xác nhận	STT	Ngày	TKGD	Mã CK	Mua/Bán	Loại lệnh	Kênh đặt lệnh	KL đặt	Giá đặt
☐	1	14/01/2026	0001006584	4111G6000	Hủy mua	LO	Tại sản	1	2,000
☐	2	14/01/2026	0001006584	4111G6000	Mua	LO	Tại sản	1	2,000

Hình: Tab xác nhận lệnh

- Hiển thị thông tin chi tiết các lệnh mà khách hàng đặt gồm các thông tin:
 - + STT: Số thứ tự của lệnh trong danh sách.
 - + Ngày: Ngày đặt lệnh.
 - + TKGD: Số tài khoản giao dịch của khách hàng.
 - + Mã CK: Mã chứng khoán của lệnh cần xác nhận.
 - + Mua/Bán: Loại giao dịch, hiển thị "Mua" hoặc "Bán" tùy thuộc vào lệnh.
 - + Loại Lệnh: Loại lệnh đặt.
 - + Kênh Đặt Lệnh: Phương thức đặt lệnh.
 - + KL Đặt: Khối lượng đặt ban đầu cho lệnh.
 - + Giá Đặt: Giá mà người dùng muốn đặt cho lệnh.

Lưu ý: Đối với các khách hàng có đăng ký xác nhận lệnh thì tab xác nhận lệnh mới hiển thị.

3.2.6. Đặt lệnh phái sinh

3.2.6.1. Đặt lệnh giới hạn

Bước 1: Chọn tab Giao dịch phái sinh → Lệnh giới hạn

Bước 2: Chi tiết màn hình giao dịch

- Chọn mã hợp đồng tương lai (HĐTL) muốn giao dịch từ danh sách mã.



Khi chọn mã chứng khoán, bên phải sẽ hiển thị các thông tin quan trọng như Giá tham chiếu (TC), Giá trần, Giá sàn.

- Nhập khối lượng hợp đồng muốn giao dịch vào trường Số lượng. Có thể sử dụng nút tăng/giảm để điều chỉnh khối lượng giao dịch theo nhu cầu.
- Giá: Nhập mức giá mong muốn vào trường Giá. Giá đặt phải nằm trong khoảng giá trần và giá sàn. Sử dụng các nút tăng/giảm để điều chỉnh giá theo bước giá của từng giao dịch.
- Lưu thông tin lệnh: Chọn checkbox Lưu thông tin lệnh nếu muốn lưu các thông tin đã nhập
- Sức mua: Hiển thị số hợp đồng tối đa có thể mua dựa trên vốn khả dụng.
- Sức bán: Hiển thị số hợp đồng tối đa có thể bán dựa trên các vị thế hiện tại.

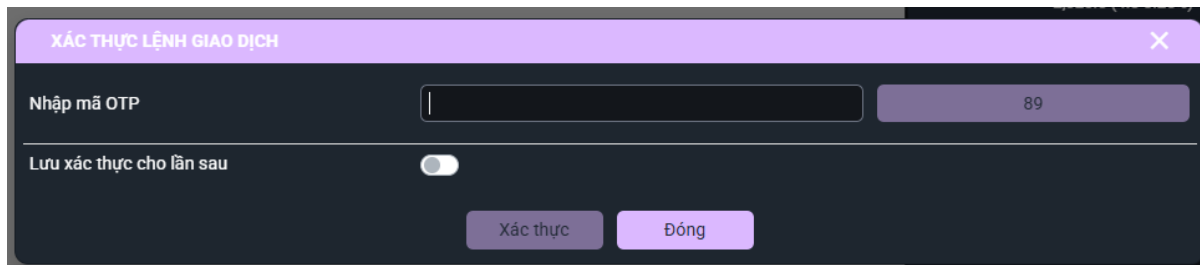


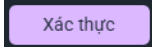
Hình: Đặt lệnh giới hạn

Bước 3: Đặt lệnh mua hoặc bán

- Nhấn nút  để đặt lệnh mua tại giá đã nhập.
- Nhấn nút  để đặt lệnh bán tại giá đã nhập.

Bước 4: Sau khi chọn nút Mua/Bán để giao dịch, hệ thống sẽ hiển thị màn hình thông tin để xác thực lệnh giao dịch → Nhập MÃ SMARTOTP hoặc nhập mã OTP để xác thực lệnh. Tích nút  để lưu xác thực cho lần sau.



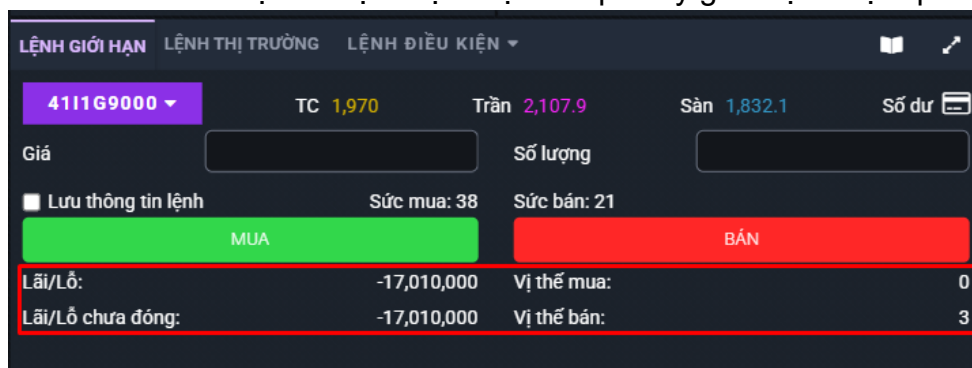
Bước 5: Nhấn nút  để giao dịch. Sau khi xác thực lệnh thành công, lệnh được hiển thị lên Lệnh chờ ở hình bên dưới:

VỊ THỂ MỞ																
LỆNH ĐẶT		LỆNH CHỜ		LỆNH KHỚP		VỊ THỂ ĐÓNG		LỆNH ĐIỀU KIỆN		XÁC NHẬN LỆNH						
☐	Hủy			Giờ đặt	Mã CK	Mua/Bán	KL đặt	Giá đặt	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	Thường/Thỏa thuận	Trạng thái	Kênh đặt lệnh	TKGD
☐	Hủy	Sửa		11:27:35	4111G9000	Mua	10	1,869	0	0	0	10	Thông thường	Chờ gửi	Online	0001000001
☐	Hủy	Sửa		16:08:24	4111G4000	Mua	5	1,869.7	0	0	0	5	Thông thường	Chờ gửi	Online	0001000001
☐	Hủy	Sửa		16:44:51	4111F7000	Bán	20	1,350	0	0	0	20	Thông thường	Chờ gửi	Mobile	0001000001
☐	Hủy			16:44:29	4111G9000	Bán	1	1,832.1	0	0	0	1	Thông thường	Chờ gửi	Mobile	0001000001
☐	Hủy			16:44:23	4111G9000	Mua	1	2,107.9	0	0	0	1	Thông thường	Chờ gửi	Mobile	0001000001
☐	Hủy	Sửa		16:44:18	4111G9000	Mua	1	2,007	0	0	0	1	Thông thường	Chờ gửi	Mobile	0001000001

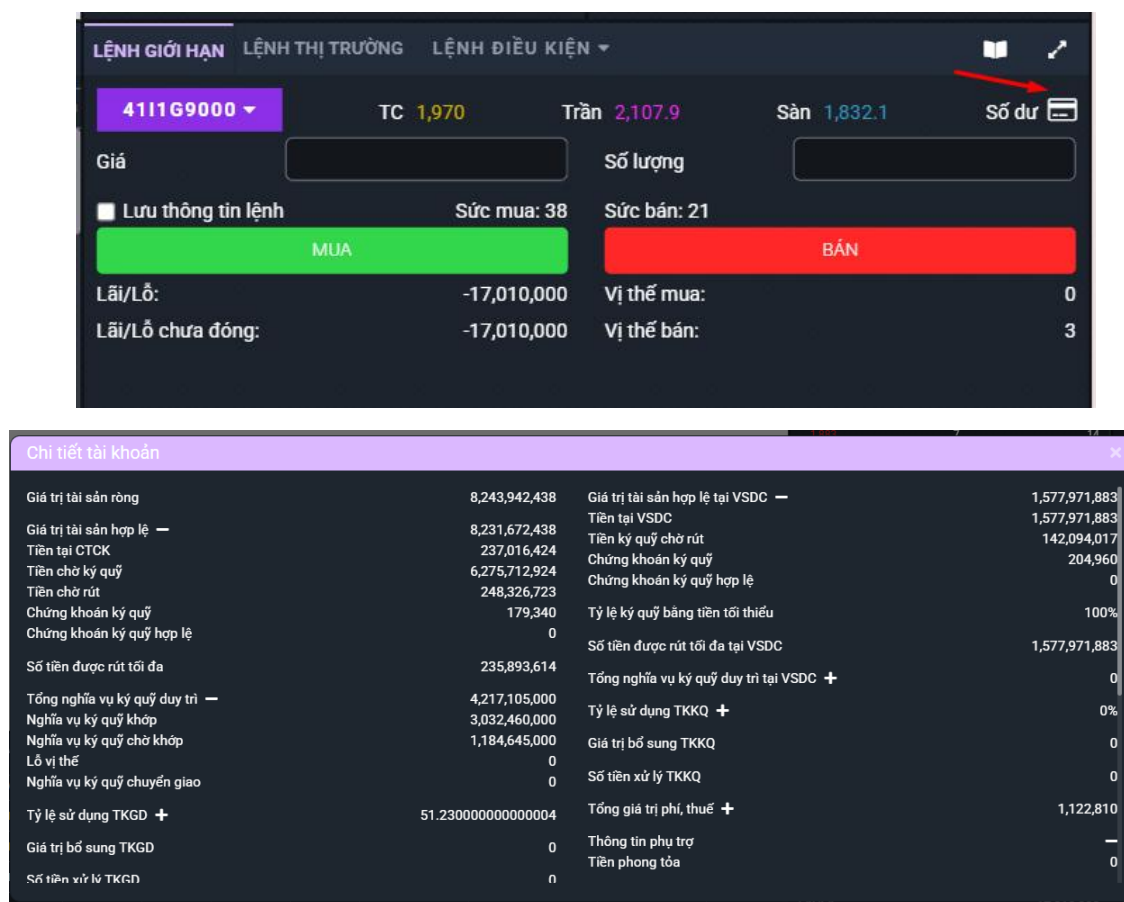
Hình: Tab lệnh chờ

Lưu ý:

- Sau khi xác thực ở bước 5, hệ thống sẽ không yêu cầu mã xác thực cho các lệnh đặt tiếp theo cho đến khi tải lại website.
- Sau khi lệnh khớp, người dùng có thể theo dõi lãi hoặc lỗ dự kiến trong trường Lãi/Lỗ.
- Lãi hoặc lỗ từ các vị thể chưa đóng sẽ được hiển thị trong trường Lãi/Lỗ chưa đóng.
- Khách hàng có thể theo dõi số lượng vị thể mua hoặc bán trong trường Vị thể mua/bán sau khi lệnh được thực hiện để quản lý giao dịch hiệu quả.



- Có thể xem thêm chi tiết số dư của tài khoản bằng cách nhấn vào biểu tượng số dư  thông tin chi tiết về số dư tài khoản sẽ hiển thị, giúp dễ dàng theo dõi và quản lý tài khoản trong quá trình giao dịch.



Hình: Chi tiết tài khoản

3.2.6.2. Đặt lệnh thị trường

Bước 1: Chọn tab Giao dịch phái sinh → Lệnh thị trường

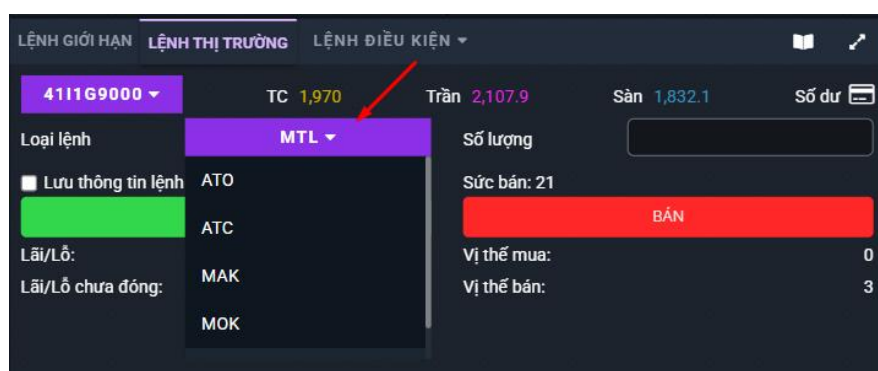
Bước 2: Chi tiết màn hình giao dịch

- Chọn mã hợp đồng tương lai (HĐTL) muốn giao dịch từ danh sách mã.



Khi chọn mã chứng khoán, bên phải sẽ hiển thị các thông tin quan trọng như Giá tham chiếu (TC), Giá trần, Giá sàn.

- Chọn loại lệnh (ATO, ATC, MTL, MAK, MOK) muốn giao dịch từ danh sách.

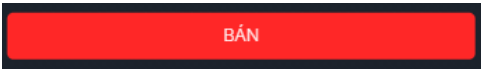


- Nhập khối lượng hợp đồng muốn giao dịch vào trường Số lượng. Có thể sử dụng nút tăng/giảm để điều chỉnh khối lượng giao dịch theo nhu cầu.
- Lưu thông tin lệnh: Chọn checkbox Lưu thông tin lệnh nếu muốn lưu các thông tin đã nhập
- Sức mua: Hiển thị số hợp đồng tối đa có thể mua dựa trên vốn khả dụng.
- Sức bán: Hiển thị số hợp đồng tối đa có thể bán dựa trên các vị thế hiện tại.

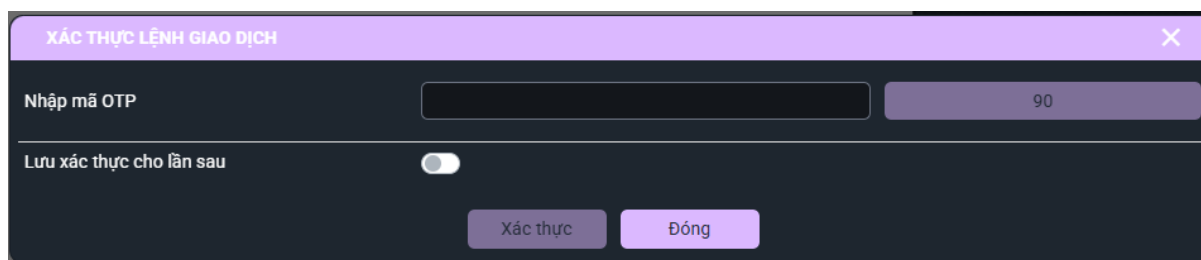


Hình: Đặt lệnh giới hạn

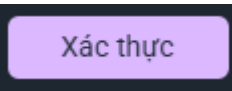
Bước 3: Đặt lệnh mua hoặc bán

- Nhấn nút  để đặt lệnh mua tại giá đã nhập.
- Nhấn nút  để đặt lệnh bán tại giá đã nhập.

Bước 4: Sau khi chọn nút Mua/Bán để giao dịch, hệ thống sẽ hiển thị màn hình thông tin để xác thực lệnh giao dịch → Nhập MÃ SMARTOTP hoặc nhập mã OTP để xác thực lệnh. Tích nút  để lưu xác thực cho lần sau.



The form titled "XÁC THỰC LỆNH GIAO DỊCH" (Verify Transaction Order) contains a field for "Nhập mã OTP" (Enter OTP code) with a value of "90" displayed. Below this is a toggle switch for "Lưu xác thực cho lần sau" (Save verification for next time). At the bottom are two buttons: "Xác thực" (Verify) and "Đóng" (Close).

Bước 5: Nhấn nút  để giao dịch. Sau khi xác thực lệnh thành công, lệnh được hiển thị lên Lệnh chờ ở hình bên dưới:

VỊ THẾ MỞ	LỆNH ĐẶT	LỆNH CHỜ	LỆNH KHỚP	VỊ THẾ ĐÓNG	LỆNH ĐIỀU KIỆN	XÁC NHẬN LỆNH													
■ Hủy			Giờ đặt	Mã CK	Mua/Bán	KL đặt	Giá đặt	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	Thường/Thỏa thuận	Trạng thái	Kênh đặt lệnh	TKGD				
■	Hủy		11:34:03	4111G9000	Mua	20	2,107.9	0	0	0	20	Thông thường	Chờ gửi	Online	0001000001				
■	Hủy	Số	11:27:35	4111G9000	Mua	10	1,869	0	0	0	10	Thông thường	Chờ gửi	Online	0001000001				
■	Hủy	Số	16:08:24	4111G4000	Mua	5	1,869.7	0	0	0	5	Thông thường	Chờ gửi	Online	0001000001				
■	Hủy	Số	16:44:51	4111F7000	Bán	20	1,350	0	0	0	20	Thông thường	Chờ gửi	Mobile	0001000001				
■	Hủy		16:44:29	4111G9000	Bán	1	1,832.1	0	0	0	1	Thông thường	Chờ gửi	Mobile	0001000001				
■	Hủy		16:44:23	4111G9000	Mua	1	2,107.9	0	0	0	1	Thông thường	Chờ gửi	Mobile	0001000001				

Hình: Tab lệnh chờ

+ Lưu ý:

- Sau khi xác thực ở bước 5, hệ thống sẽ không yêu cầu mã xác thực cho các lệnh đặt tiếp theo cho đến khi tải lại website.
- Sau khi lệnh khớp, người dùng có thể theo dõi lãi hoặc lỗ dự kiến trong trường Lãi/Lỗ.
- Lãi hoặc lỗ từ các vị thế chưa đóng sẽ được hiển thị trong trường Lãi/Lỗ chưa đóng.
- Khách hàng có thể theo dõi số lượng vị thế mua hoặc bán trong trường Vị thế mua/bán sau khi lệnh được thực hiện để quản lý giao dịch hiệu quả.



- Có thể xem thêm chi tiết số dư của tài khoản bằng cách nhấn vào biểu tượng số dư  thông tin chi tiết về số dư tài khoản sẽ hiển thị, giúp dễ dàng theo dõi và quản lý tài khoản trong quá trình giao dịch.

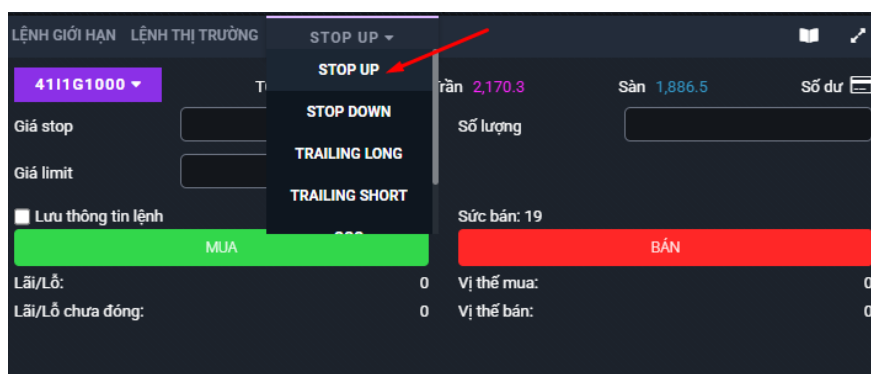


Chi tiết tài khoản			
Giá trị tài sản ròng	8,243,942,438	Giá trị tài sản hợp lệ tại VSDC	1,577,971,883
Giá trị tài sản hợp lệ	8,231,672,438	Tiền tại VSDC	1,577,971,883
Tiền tại CTCK	237,016,424	Tiền ký quỹ chờ rút	142,094,017
Tiền chờ ký quỹ	6,275,712,924	Chứng khoán ký quỹ	204,960
Tiền chờ rút	248,326,723	Chứng khoán ký quỹ hợp lệ	0
Chứng khoán ký quỹ	179,340	Tỷ lệ ký quỹ bằng tiền tối thiểu	100%
Chứng khoán ký quỹ hợp lệ	0	Số tiền được rút tối đa tại VSDC	1,577,971,883
Số tiền được rút tối đa	235,893,614	Tổng nghĩa vụ ký quỹ duy trì tại VSDC	0
Tổng nghĩa vụ ký quỹ duy trì	4,317,575,000	Tỷ lệ sử dụng TTKQ	0%
Nghĩa vụ ký quỹ khớp	3,032,460,000	Giá trị bổ sung TTKQ	0
Nghĩa vụ ký quỹ chờ khớp	1,285,115,000	Số tiền xử lý TTKQ	0
Lô vị thế	0	Tổng giá trị phí, thuế	1,122,810
Nghĩa vụ ký quỹ chuyển giao	0	Thông tin phụ trợ	+
Tỷ lệ sử dụng TKGD	52.45		
Giá trị bổ sung TKGD	0		
Số tiền xử lý TKGD	0		

Hình: Chi tiết tài khoản

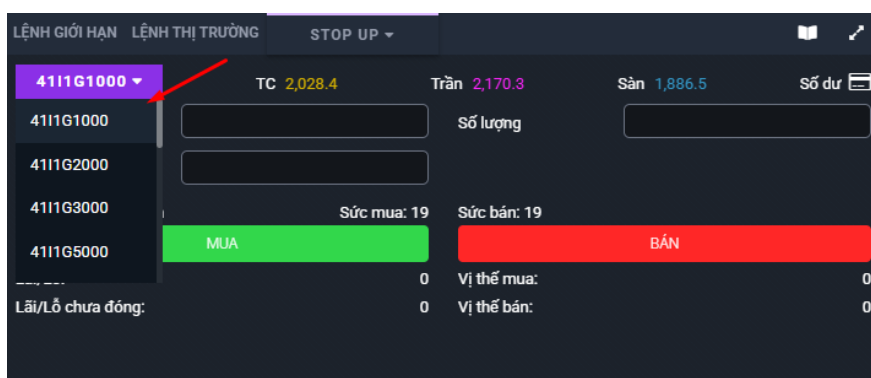
3.2.6.3. Đặt lệnh điều kiện

Bước 1: Chọn tab Giao dịch phái sinh → Lệnh thị trường → Chọn loại lệnh muốn giao dịch (Stop Up, Stop Down, Trailing Long, Trailing Short, OCO, Bull&Bear)



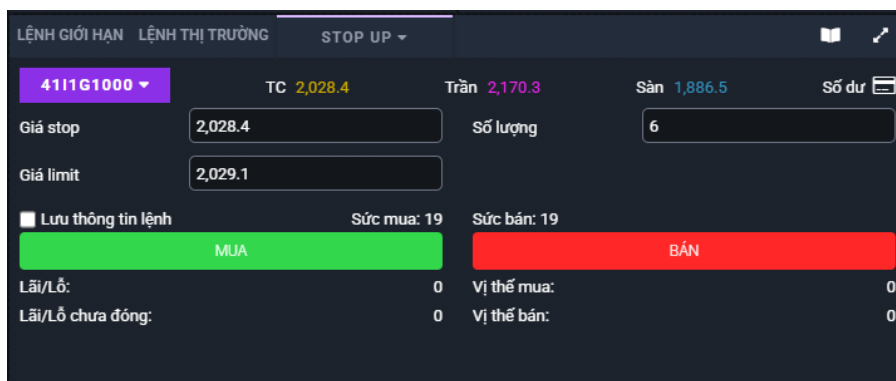
Bước 2: Chi tiết màn hình giao dịch

- Chọn mã hợp đồng tương lai (HĐTL) muốn giao dịch từ danh sách mã.



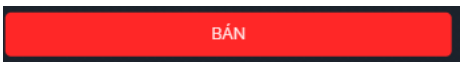
Khi chọn mã chứng khoán, bên phải sẽ hiển thị các thông tin quan trọng như Giá tham chiếu (TC), Giá trần, Giá sàn.

- Giá: Nhập mức giá mong muốn vào trường Giá. Sử dụng các nút tăng/giảm để điều chỉnh giá theo bước giá của từng giao dịch.
- Nhập khối lượng hợp đồng muốn giao dịch vào trường Số lượng. Có thể sử dụng nút tăng/giảm để điều chỉnh khối lượng giao dịch theo nhu cầu.
- Lưu thông tin lệnh: Chọn checkbox Lưu thông tin lệnh nếu muốn lưu các thông tin đã nhập
- Sức mua: Hiển thị số hợp đồng tối đa có thể mua dựa trên vốn khả dụng.
- Sức bán: Hiển thị số hợp đồng tối đa có thể bán dựa trên các vị thế hiện tại.

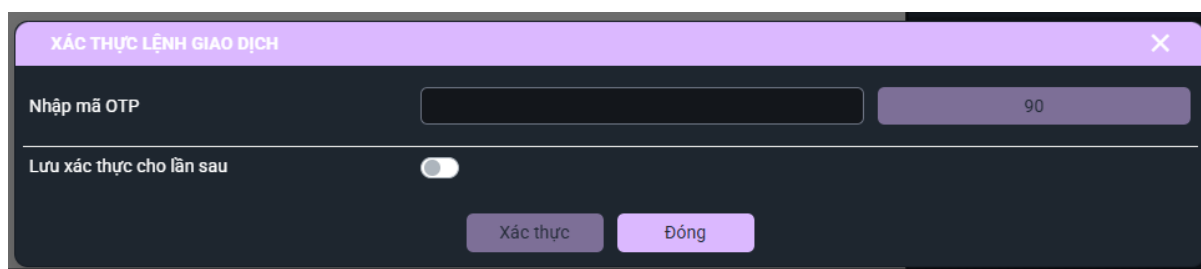


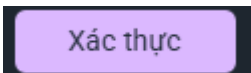
Hình: Đặt lệnh điều kiện

Bước 3: Đặt lệnh mua hoặc bán

- Nhấn nút  để đặt lệnh mua tại giá đã nhập.
- Nhấn nút  để đặt lệnh bán tại giá đã nhập.

Bước 4: Sau khi chọn nút Mua/Bán để giao dịch, hệ thống sẽ hiển thị màn hình thông tin để xác thực lệnh giao dịch -> nhập MÃ SMARTOTP hoặc nhập mã OTP để xác thực lệnh. Tích nút  để lưu xác thực cho lần sau.



Bước 5: Nhấn nút  để giao dịch. Sau khi xác thực lệnh thành công, lệnh được hiển thị lên Lệnh chờ ở hình bên dưới:

VỊ THẾ MỞ

LỆNH ĐẶT

LỆNH CHỜ

LỆNH KHỚP

VỊ THẾ ĐÓNG

LỆNH ĐIỀU KIỆN

XÁC NHẬN LỆNH

Hủy

Sửa

Xem

Giờ đặt

Mã CK

Mua/Bán

Loại lệnh

Lệnh DK

KL đặt

Giá đặt

Biên độ

Bước giá

Trạng thái

TKGD

Hủy

Sửa

Xem

17:25:09

4111G1000

Mua

Giá giới hạn

STO

6

2,029.1

Chờ kích hoạt

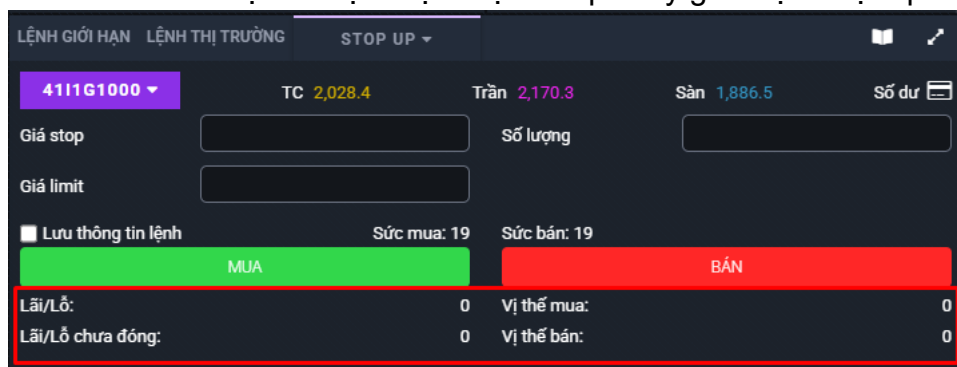
0001006584

Hình: Tab lệnh chờ

Lưu ý:

- Sau khi xác thực ở bước 5, hệ thống sẽ không yêu cầu mã xác thực cho các lệnh đặt tiếp theo cho đến khi tải lại website.
- Sau khi lệnh khớp, người dùng có thể theo dõi lãi hoặc lỗ dự kiến trong trường Lãi/Lỗ.

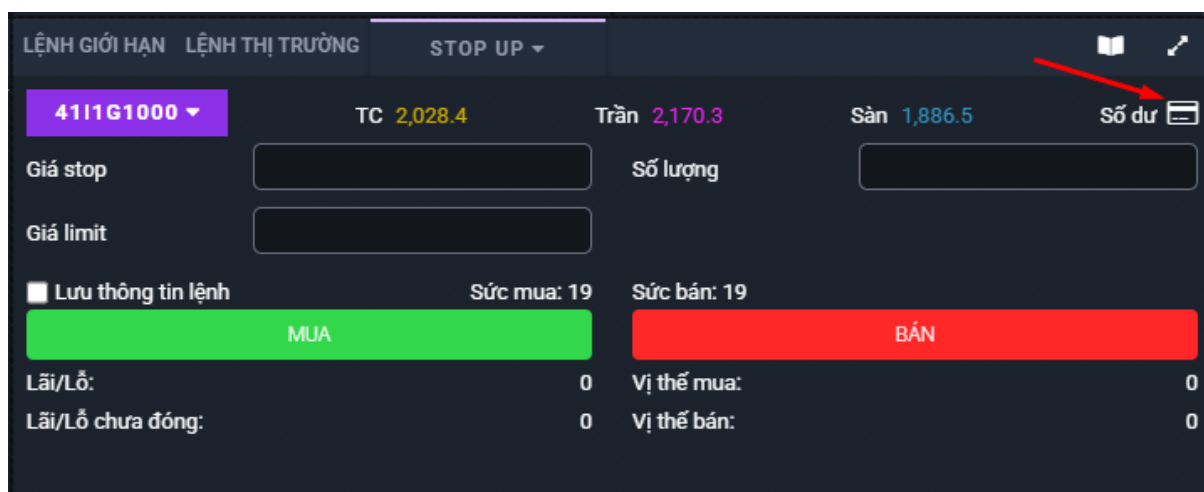
- Lãi hoặc lỗ từ các vị thế chưa đóng sẽ được hiển thị trong trường Lãi/Lỗ chưa đóng.
- Khách hàng có thể theo dõi số lượng vị thế mua hoặc bán trong trường Vị thế mua/bán sau khi lệnh được thực hiện để quản lý giao dịch hiệu quả.



The screenshot shows the 'LỆNH GIỚI HẠN' (Limit Order) screen. At the top, there are tabs for 'LỆNH GIỚI HẠN', 'LỆNH THỊ TRƯỜNG', and 'STOP UP'. Below the tabs, the account number '4111G1000' is displayed. The current market prices are shown: TC 2,028.4, Trần 2,170.3, and Sàn 1,886.5. The 'Số dư' (Balance) icon is visible. The order entry section includes fields for 'Giá stop', 'Giá limit', and 'Số lượng'. There are checkboxes for 'Lưu thông tin lệnh' and 'Sức mua: 19', 'Sức bán: 19'. Below these are large green 'MUA' and red 'BÁN' buttons. At the bottom, a table shows the status of orders:

Lãi/Lỗ:	0	Vị thế mua:	0
Lãi/Lỗ chưa đóng:	0	Vị thế bán:	0

- Có thể xem thêm chi tiết số dư của tài khoản bằng cách nhấn vào biểu tượng số dư  thông tin chi tiết về số dư tài khoản sẽ hiển thị, giúp dễ dàng theo dõi và quản lý tài khoản trong quá trình giao dịch.



This screenshot is identical to the one above, but with a red arrow pointing to the 'Số dư' (Balance) icon in the top right corner of the interface.

Chi tiết tài khoản			
Giá trị tài sản ròng	1,045,850,224	Giá trị tài sản hợp lệ tại VSDC +	0
Giá trị tài sản hợp lệ +	1,045,850,224	Tỷ lệ ký quỹ bằng tiền tối thiểu	100%
Số tiền được rút tối đa	838,154,849	Số tiền được rút tối đa tại VSDC	0
Tổng nghĩa vụ ký quỹ duy trì +	166,156,300	Tổng nghĩa vụ ký quỹ duy trì tại VSDC +	0
Tỷ lệ sử dụng TKGD +	15.89	Tỷ lệ sử dụng TTKQ +	0%
Giá trị bổ sung TKGD	0	Giá trị bổ sung TTKQ	0
Số tiền xử lý TKGD	0	Số tiền xử lý TTKQ	0
Sức mua cơ bản	670,523,879	Tổng giá trị phí, thuế +	0
Sức bán cơ bản	670,523,879	Thông tin phụ trợ	+
Lãi/Lỗ vị thế trong ngày	0		
Tổng tiền chậm trả đến hạn	0		
Tổng tiền chậm trả còn thiếu	0		

Hình: Chi tiết tài khoản

3.2.6.4. Xem hướng dẫn đặt lệnh

Tích vào biểu tượng  để liên kết tới tài liệu hướng dẫn sử dụng lệnh điều kiện.

LỆNH GIỚI HẠN

LỆNH THỊ TRƯỜNG

STOP UP ▾



4111G9000 ▾

TC 1,970

Trần 2,107.9

Sàn 1,832.1

Số dư 

Giá stop

Số lượng

Giá limit

☐ Lưu thông tin lệnh

Sức mua: 18

Sức bán: 21

MUA

BÁN

Lãi/Lỗ: -17,010,000

Vị thế mua: 0

Lãi/Lỗ chưa đóng: -17,010,000

Vị thế bán: 3

3.3. Tài khoản cơ sở

Đường dẫn: Quản lý tài khoản/Tài khoản cơ sở

3.3.1. Tổng hợp tài sản

Màn hình này hỗ trợ Khách hàng theo dõi tổng hợp tài sản của tiểu khoản đang được lựa chọn, bao gồm các thông tin về **Tiền, Chứng khoán, Các khoản nợ và các thông tin về tỷ lệ ký quỹ của tiểu khoản.**

TỔNG HỢP TÀI SẢN		
Hiện thị biểu đồ		
1. Tiền tại TCSC	18,512,440,453	
- Tiền mặt	18,507,253,278	
- Tiền gửi TK có kỳ hạn	0	
- Tiền có thể chuyển	3,279,253,359	
- Tiền cổ tức chờ về	70,000	
- Tiền phong tỏa	0	
- Tiền bán chờ về	5,117,175	
2. Chứng khoán	2,743,077,300	
3. Các khoản nợ	4,417,600	
- Tiền mua chưa thanh toán	2,163,240	
- Nợ ứng trước	2,217,175	
- Nợ phí SMS	0	
- Nợ phí lưu ký	37,185	
- Nợ ký quỹ	0	
4. Tài sản thực có	21,251,100,153	
5. Tỷ lệ ký quỹ		
- Tỷ lệ KQ tổng hợp		100,000%
- Tỷ lệ ký quỹ		—
- Tỷ lệ đảm bảo		0%
- Tỷ lệ duy trì		0%
- Tỷ lệ xử lý		0%
- Số tiền nộp bổ sung		0
- GTCK nộp bổ sung		0
- Trạng thái tiểu khoản		Bình thường
6. Hạn mức margin	0	
- Hạn mức margin	0	
- Hạn mức còn lại	0	
7. Tiền tại ngân hàng	—	
- Số dư phong tỏa	—	
- Kết nối ngân hàng		Không
- Tài khoản ngân hàng	—	
- Tên ngân hàng	—	

Hình: Tổng hợp tài sản

Ý nghĩa của từng loại tài sản chi tiết như sau:

Tiền tại TCSC

- Tiền mặt: Là số dư tiền mặt hiện có trên tiểu khoản đang được lựa chọn.
- Tiền có thể chuyển: Số tiền tối đa có thể chuyển khoản trên tiểu khoản đã chọn.
- Tiền cổ tức chờ về: là giá trị cổ tức bằng tiền đang chờ về trên tiểu khoản của Khách hàng. Nhấn vào dòng Tiền cổ tức chờ về để xem thông tin -> Hệ thống link đến menu Thông tin sự kiện quyền.

TỔNG HỢP TÀI SẢN		
Hiện thị biểu đồ		
1. Tiền tại TCSC	18,512,440,453	
- Tiền mặt	18,507,253,278	
- Tiền gửi TK có kỳ hạn	0	
- Tiền có thể chuyển	3,279,253,359	
- Tiền cổ tức chờ về	70,000	
- Tiền phong tỏa	0	
- Tiền bán chờ về	5,117,175	
2. Chứng khoán	2,743,077,300	
3. Các khoản nợ	4,417,600	
- Tiền mua chưa thanh toán	2,163,240	
- Nợ ứng trước	2,217,175	
- Nợ phí SMS	0	
- Nợ phí lưu ký	37,185	
- Nợ ký quỹ	0	
4. Tài sản thực có	21,251,100,153	
5. Tỷ lệ ký quỹ		
- Tỷ lệ KQ tổng hợp		100,000%
- Tỷ lệ ký quỹ		—
- Tỷ lệ đảm bảo		0%
- Tỷ lệ duy trì		0%
- Tỷ lệ xử lý		0%
- Số tiền nộp bổ sung		0
- GTCK nộp bổ sung		0
- Trạng thái tiểu khoản		Bình thường
6. Hạn mức margin	0	
- Hạn mức margin	0	
- Hạn mức còn lại	0	
7. Tiền tại ngân hàng	—	
- Số dư phong tỏa	—	
- Kết nối ngân hàng		Không
- Tài khoản ngân hàng	—	
- Tên ngân hàng	—	

THÔNG TIN SỰ KIỆN QUYỀN								
Mã CK	Loại sự kiện	Từ ngày	Đến ngày	Đã phân bổ				
Tất cả	Tất cả	28/09/2025	28/10/2025	Tất cả	Tìm kiếm			
Mã CK	Loại sự kiện	Ngày chốt	Số lượng CK sở hữu	Tỷ lệ	Số lượng CK chờ về	Số tiền chờ về	Ngày thực hiện dự kiến	Trạng thái
Tổng						0		
BSP	Quyền mua	01/10/2025	10,000	10/6	6,000	0		Đã thực hiện 3384

- Tiền phong tỏa: Số tiền trên tiểu khoản đang chọn bị phong tỏa tại TCSC
- Tiền chờ về: Nhấn vào dòng Tiền bán chờ về để xem thông tin Tiền bán chờ về của từng ngày bán.

1. Tiền tại TCSC	18,512,440,453
- Tiền mặt	18,507,253,278
- Tiền gửi TK có kỳ hạn	0
- Tiền có thể chuyển	3,279,253,359
- Tiền cổ tức chờ về	70,000
- Tiền phong tỏa	0
- Tiền bán chờ về ?	5,117,175
- Bán ngày 24/10/2025	0
- Bán ngày 27/10/2025	5,117,175
- Bán ngày 28/10/2025	0

Chứng khoán

- Tra cứu giá trị chứng khoán có trên tiểu khoản đang chọn. Nhấn vào dòng Chứng khoán → Hệ thống link đến menu danh mục đầu tư để xem thông tin chi tiết

TỔNG HỢP TÀI SẢN			
Hiện thị biểu đồ			
1. Tiền tại TCSC	18,512,440,453	5. Tỷ lệ kỳ quỹ	
- Tiền mặt	18,507,253,278	- Tỷ lệ KQ tổng hợp	100,000%
- Tiền gửi TK có kỳ hạn	0	- Tỷ lệ kỳ quỹ	—
- Tiền có thể chuyển	3,279,253,359	- Tỷ lệ đảm bảo	0%
- Tiền cổ tức chờ về	70,000	- Tỷ lệ duy trì	0%
- Tiền phong tỏa	0	- Tỷ lệ xử lý	0%
- Tiền bán chờ về	5,117,175	- Số tiền nộp bổ sung	0
- Bán ngày 24/10/2025	0	- GTCK nộp bổ sung	0
- Bán ngày 27/10/2025	5,117,175	- Trạng thái tiểu khoản	Bình thường
- Bán ngày 28/10/2025	0		
2. Chứng khoán	2,770,452,300	6. Hạn mức margin	0
		- Hạn mức margin	0
		- Hạn mức còn lại	0
3. Các khoản nợ	4,417,600	7. Tiền tại ngân hàng	—
- Tiền mua chưa thanh toán	2,163,240	- Số dư phong tỏa	—
- Nợ ứng trước	2,217,175	- Kết nối ngân hàng	Không
- Nợ phí SMS	0	- Tài khoản ngân hàng	—
- Nợ phí lưu ký	37,185	- Tên ngân hàng	—
- Nợ ký quỹ	0		
4. Tài sản thực có	21,278,475,153		

DANH MỤC ĐẦU TƯ												
Số dư chứng khoán												
Danh mục đầu tư												
Quản lý trái phiếu/tín phiếu												
Số tiểu khoản: 0001000001												
Thao tác	Mã CK	Số tiểu khoản	Tổng KL	KL GD	Giá vốn	Giá trị trường	Giá trị vốn	Giá trị TT	Lãi lỗ trong ngày	Lãi/lỗ dự tính	% Lãi/lỗ dự tính	Tỷ lệ tính TS(%)
MUA BÁN	A32	0001000001	800	490	34,276.74	36,600	27,421,392	29,280,000	2,800,000	1,858,608	6.78	0
MUA BÁN	AAA	0001000001	81,000	78,900	65,200	7,530	5,281,200,000	609,930,000	41,310,000	-4,671,270,000	-88.45	0
MUA	ACB	0001000001	300	0	26,990.42	27,659	8,097,126	6,795,000	-270,000	-1,302,126	-16.08	0
MUA BÁN	ACV	0001000001	1,231	1,231	82,300	82,300	101,311,300	101,311,300	45,647,000	—	—	0
MUA BÁN	AGR	0001000001	5,600	5,600	3,627	15,050	20,311,200	84,280,000	1,960,000	63,968,800	314.94	0
MUA BÁN	BAF123020	0001000001	400	400	100,150	—	40,060,000	—	—	—	—	0
MUA BÁN	BSP	0001000001	10,000	10,000	16,250	20,000	162,500,000	200,000,000	90,000,000	37,500,000	23.08	0
MUA BÁN	BSP_WFT	0001000001	6,000	0	0	20,000	0	120,000,000	54,000,000	120,000,000	—	0
MUA BÁN	CACB1901	0001000001	9,500	9,500	0	10,000	0	95,000,000	—	95,000,000	—	0
MUA BÁN	CEO	0001000001	2,900	2,900	12,018	14,400	34,852,200	41,760,000	-6,670,000	6,907,800	19.82	0
MUA BÁN	CMF	0001000001	1	1	124,552	161,000	124,552	161,000	-262,000	36,448	29.26	0
MUA BÁN	CKH	0001000001	801	801	0	7,000	0	5,607,000	—	5,607,000	—	0
MUA BÁN	HAI	0001000001	10,000	10,000	5,590	5,590	55,900,000	55,900,000	—	—	—	0
MUA BÁN	HMG	0001000001	900	900	0	23,500	0	21,150,000	16,920,000	21,150,000	—	0
MUA BÁN	PET	0001000001	1,950	1,950	32,500	53,000	63,375,000	103,350,000	4,485,000	39,975,000	63.08	0
MUA	TCI	0001000001	200	0	10,816.2	9,070	2,163,240	1,814,000	14,000	-349,240	-16.14	0
MUA BÁN	TDC	0001000001	2,000	2,000	24,300	10,900	48,600,000	21,800,000	-100,000	-26,800,000	-55.14	0
Tổng:					7,441,351,010	2,754,113,300	249,674,000	-4,647,177,710	62.45			

Các khoản nợ:

- Nhấn vào dòng Nợ ứng trước → Hệ thống link đến menu Nợ ứng trước (Các khoản nợ) để xem chi tiết thông tin nợ ứng trước.

3. Các khoản nợ	4,417,600
- Tiền mua chưa thanh toán	2,163,240
- <u>Nợ ứng trước</u>	<u>2,217,175</u>
- Nợ phí SMS	0
- Nợ phí lưu ký	37,185
- Nợ ký quỹ	0

NỢ ỨNG TRƯỚC								
Ngày ứng	Ngày bán	Ngày thanh toán	Tiền bán	Tiền ứng	Lãi suất (%)	Phí ứng	Tiền ứng thực nhận	Số ngày ứng
28/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	550,000	4.5455000000000005	25,000	525,000	1
28/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	500,000	5	25,000	475,000	1
28/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	50,000	50	25,000	25,000	1
28/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	100,000	25	25,000	75,000	1
28/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	79,398	31.4869000000000002	25,000	54,398	1
27/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	522,222	2.3936	25,000	497,222	2
27/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	55,555	22.5002	25,000	30,555	2
27/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	360,000	3.4722	25,000	335,000	2
Tổng cộng				2,217,175		200,000	2,017,175	

- Nhấn vào dòng Nợ ký quỹ → Hệ thống link đến menu Nợ ký quỹ (Các khoản nợ) để xem chi tiết thông tin nợ ký quỹ: **Nợ ký quỹ = Nợ gốc còn lại + Nợ lãi.**

3. Các khoản nợ	20,075,785
- Tiền mua chưa thanh toán	0
- Nợ ứng trước	0
- Nợ phí SMS	0
- Nợ phí lưu ký	2,970
- <u>Nợ ký quỹ</u>	<u>20,072,815</u>

NỢ KÝ QUỸ													
Các khoản nợ ký quỹ		Lịch sử trả nợ											
Ngày giải ngân gốc	Ngày đáo hạn	Nợ gốc	Nợ đã trả	Nợ gốc còn lại	Lãi suất (%)	Tổng nợ lãi	Lãi trong hạn	Lãi quá hạn	Lãi đã trả	Số ngày nợ quá hạn	Lãi suất quá hạn (%)	Tổng tiền phải trả	Trạng thái
	15/09/2025	30,875,489	16,860,212	14,015,277	13.14	154,337	0	154,337	400,654	43	19.14	14,169,614	Quá hạn
	06/10/2025	5,841,752	0	5,841,752	13.14	61,449	0	61,449	0	18	19.14	5,903,201	Quá hạn
Tổng cộng		36,717,241	16,860,212	19,857,029		215,786	0	215,786	400,654			20,072,815	

-  **Tài sản thực có:** tài sản thực có trên tiểu khoản đã chọn.
-  **Tỷ lệ ký quỹ:** Bộ tỷ lệ ký quỹ của tiểu khoản đã chọn.

5. Tỷ lệ ký quỹ	
- Tỷ lệ KQ tổng hợp	100,000%
- Tỷ lệ ký quỹ	—
- Tỷ lệ đảm bảo	0%
- Tỷ lệ duy trì	0%
- Tỷ lệ xử lý	0%
- Số tiền nộp bổ sung	0
- GTCK nộp bổ sung	0
- Trạng thái tiểu khoản	Bình thường

✚ **Hạn mức margin:** Tiểu khoản thường hiển thị giá trị = 0. Tiểu khoản margin hiển thị hạn mức margin hiện tại của tiểu khoản.

✚ **Tiền tại ngân hàng:**

7. Tiền tại ngân hàng	
- Số dư phong tỏa	—
- Kết nối ngân hàng	Không
- Tài khoản ngân hàng	—
- Tên ngân hàng	—

3.3.2. Danh mục đầu tư

Mô tả: Phần Danh mục đầu tư tính toán và quản lý toàn bộ danh mục của khách hàng giúp cho việc quản lý hoạt động đầu tư của khách hàng ngày một tốt và hiệu quả hơn.

Khách hàng chọn tab Quản lý tài khoản => Tài khoản cơ sở => “Danh mục đầu tư”

3.3.2.1. Số dư chứng khoán

- Mục đích: giúp khách hàng theo dõi chứng khoán hiện đang nắm giữ:
 - Tổng khối lượng nắm giữ, KLGD khả dụng
 - Chi tiết các chứng khoán bị hạn chế: Phong tỏa, Cầm cố, HCCN
 - Chứng khoán mua chờ về theo từng ngày T0, T1, T2
 - Quyền chờ về
 - CK chờ rút
 - Bán chờ khớp

- Chờ giao
- Chờ lưu ký
- Nút “Mua” giúp khách hàng có thể thực hiện giao dịch nhanh mua chứng khoán trong mục Sổ dư chứng khoán.
- Nút “Bán” giúp khách hàng có thể thực hiện giao dịch nhanh bán chứng khoán trong mục Sổ dư chứng khoán.
- Nhấn nút  để kết xuất Sổ dư chứng khoán ra file Excel hoặc PDF.

DANH MỤC ĐẦU TƯ

Sổ dư chứng khoán																
Danh mục đầu tư																
Quản lý trái phiếu/tín phiếu																
Thao tác	Mã CK	Tổng	KLGD khả dụng	CK bị hạn chế				Mua chờ về			Quyền chờ về	CK chờ rút	Bán chờ khớp	Chờ giao	Chờ lưu ký	
				Phong tỏa	Cầm cổ VSDC	Cầm cổ CTY	HCCN	28/10/2025	29/10/2025	30/10/2025						
MUA BÁN	A32	800	490	210	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100	0	0
MUA BÁN	AAA	81,000	78,900	2,000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100	0	0
MUA	ACB	300	0	0	0	0	0	0	300	0	0	0	0	0	0	0
MUA BÁN	ACV	1,231	1,231	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
MUA BÁN	AGR	5,600	5,600	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	300	0
MUA BÁN	BAF123020	400	400	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
MUA BÁN	BSP	10,000	10,000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	BSP_WFT	6,000	0	0	0	0	0	0	0	0	6,000	0	0	0	0	0
MUA BÁN	CACB1901	9,500	9,500	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
MUA BÁN	CEO	2,900	2,900	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
MUA BÁN	CMF	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
MUA BÁN	CKH	801	801	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
MUA BÁN	HAI	10,000	10,000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
MUA BÁN	HMG	900	900	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
MUA BÁN	PET	1,950	1,950	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
MUA	TCI	200	0	0	0	0	0	0	0	200	0	0	0	0	0	0
MUA BÁN	TDC	2,000	2,000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
MUA BÁN	TDT	9,850	9,850	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
MUA BÁN	VID	6,000	6,000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Activate Windows

Go to Settings to activate Windows.

Hình: Sổ dư chứng khoán

3.3.2.2. Danh mục đầu tư

- Mục đích: giúp khách hàng theo dõi chứng khoán hiện đang nắm giữ, lãi lỗ dự tính trên từng mã:
 - CK chờ về
 - CK chờ rút
 - Bán chờ khớp

DANH MỤC ĐẦU TƯ

Số dư chứng khoán: 0001000001

Thao tác	Mã CK	Số tiểu khoản	Tổng KL	KL GD	Giá vốn	Giá thị trường	Giá trị vốn	Giá trị TT	Lãi lỗ trong ngày	Lãi/lỗ dự tính	% Lãi/lỗ dự tính	Tỷ lệ tính TS(%)
MUA	A32	0001000001	800	490	34,276.74	36,600	27,421,392	29,280,000	2,800,000	1,858,608	6.78	0
BÁN	AAA	0001000001	81,000	78,900	65,200	7,080	5,281,200,000	573,480,000	4,860,000	-4,707,720,000	-89.14	0
MUA	ACB	0001000001	300	0	26,990.42	22,700	8,097,126	6,810,000	-255,000	-1,287,126	-15.90	0
BÁN	ACV	0001000001	1,231	1,231	82,300	82,300	101,311,300	101,311,300	45,547,000	---	---	0
MUA	AGR	0001000001	5,600	5,600	3,627	15,080	20,311,200	84,280,000	1,960,000	63,968,800	314.94	0
BÁN	BAF123020	0001000001	400	400	100,150	---	40,060,000	---	---	---	---	0
MUA	BSP	0001000001	10,000	10,000	16,250	20,000	162,500,000	200,000,000	90,000,000	37,500,000	23.08	0
BÁN	BSP_WFT	0001000001	6,000	0	0	20,000	0	120,000,000	64,000,000	120,000,000	---	0
MUA	CACB1901	0001000001	9,500	9,500	0	10,000	0	95,000,000	---	95,000,000	---	0
BÁN	CEO	0001000001	2,900	2,900	12,018	14,500	34,852,200	42,050,000	-6,380,000	7,197,800	20.65	0
MUA	CMF	0001000001	1	1	124,552	161,000	124,552	161,000	-262,000	36,448	29.26	0
BÁN	CXH	0001000001	801	801	0	7,000	0	5,607,000	---	5,607,000	---	0
MUA	HAI	0001000001	10,000	10,000	5,590	5,590	55,900,000	55,900,000	---	---	---	0
BÁN	HMG	0001000001	900	900	0	23,500	0	21,150,000	16,920,000	21,150,000	---	0
MUA	PET	0001000001	1,950	1,950	32,500	53,500	63,375,000	104,325,000	5,460,000	40,950,000	64.62	0
BÁN	TCI	0001000001	200	0	10,816.2	9,070	2,163,240	1,814,000	14,000	-349,240	-16.14	0
MUA	TDC	0001000001	2,000	2,000	24,300	10,900	48,600,000	21,800,000	-100,000	-26,800,000	-55.14	0
Tổng:					7,441,351,010	2,718,943,300	214,504,000	-4,682,347,710	62.92	Activate Windows		

Hình: Danh mục đầu tư

- Nút “Mua” giúp khách hàng có thể thực hiện giao dịch nhanh mua chứng khoán trong mục Danh mục đầu tư.
- Nút “Bán” giúp khách hàng có thể thực hiện giao dịch nhanh bán chứng khoán trong mục Danh mục đầu tư.
- Nhấn nút  để kết xuất Danh mục đầu tư ra file Excel hoặc PDF.
- Số tiểu khoản

3.3.2.3. Quản lý trái phiếu/tín phiếu

Mục đích: Giúp khách hàng theo dõi Trái phiếu/tín phiếu hiện đang nắm giữ:

DANH MỤC ĐẦU TƯ

Số dư chứng khoán: 0001003331

Quản lý trái phiếu/tín phiếu

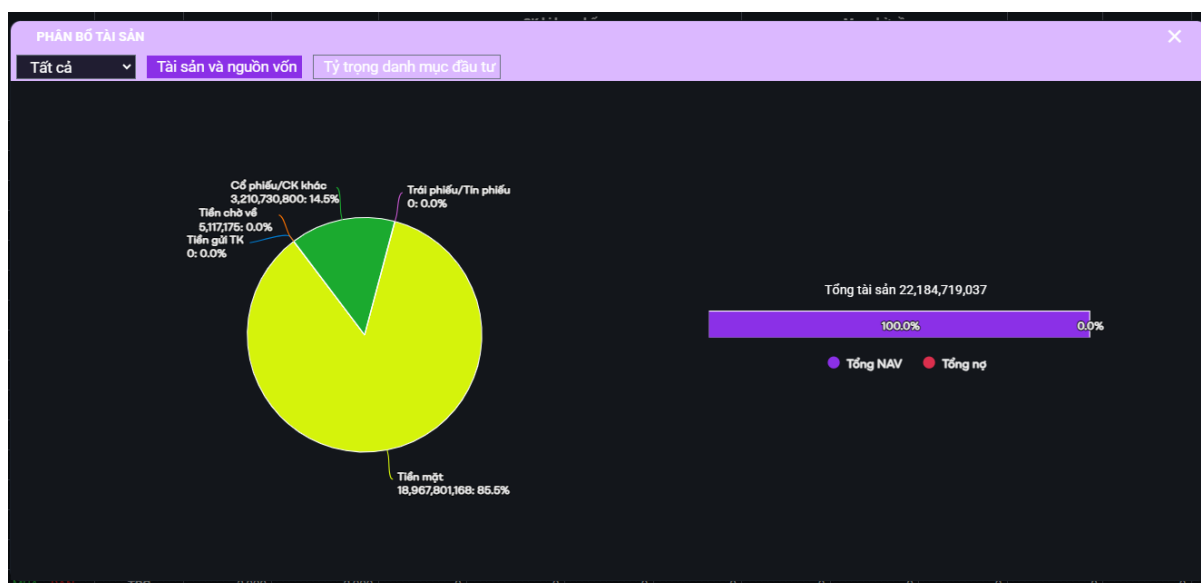
Số lưu ký	Tiểu khoản	Mã Trái Phiếu	Số lượng	Mệnh giá	Tổng GT mệnh giá	Giá vốn	Tổng GT vốn	Lãi suất(%)	Kỳ hạn(tháng)	Kỳ hạn trả lãi(tháng/lần)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Số ngày TP	Lãi TP
Không có dữ liệu														

3.3.3. Phân bổ tài sản

3.3.3.1. Tài sản và nguồn vốn

Bước 1: Chọn Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản cơ sở” => “Tài khoản” => “Phân bổ tài sản”

Bước 2: Chọn xem theo Tất cả/từng tiểu khoản. Khách hàng có thể xem được các thông tin về Tiền mặt, Tiền chờ về, Tiền gửi TK,... với giá trị và tỷ lệ phần trăm tương ứng.

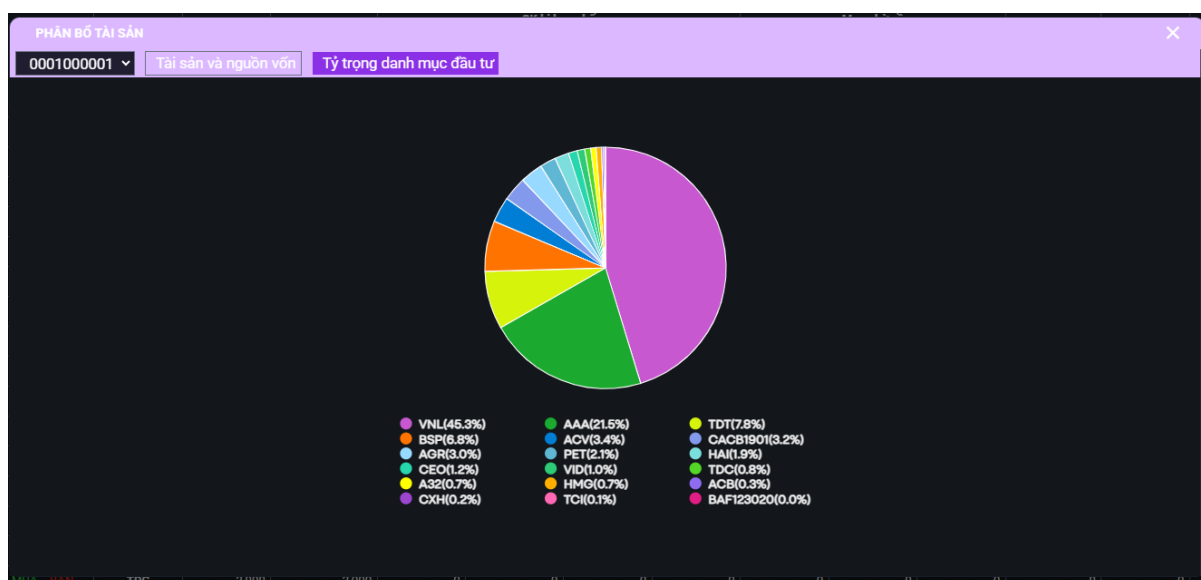


Hình: Màn hình Phân bổ tài sản

3.3.3.2. Tỷ trọng danh mục đầu tư

Bước 1: Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản cơ sở” => “Tài khoản” => “Phân bổ tài sản” → Chọn tab Tỷ trọng danh mục đầu tư

Bước 2: Chọn xem theo Tất cả/từng tiểu khoản. Chức năng giúp xem được tỷ lệ của các mã CK mà khách hàng đang nắm giữ



Hình: Màn hình Tỷ trọng danh mục đầu tư

3.3.4. Các khoản nợ

3.3.4.1. Nợ ký quỹ

Mục đích: Giúp khách hàng theo dõi chi tiết các khoản vay và trạng thái các khoản vay hiện tại chưa tất toán, bao gồm: các khoản vay ký quỹ, vay bảo lãnh, vay cầm cố chưa tất toán của tiểu khoản.

NỢ KÝ QUỸ															
Các khoản nợ ký quỹ		Lịch sử trả nợ													
Ngày giải ngân gốc	Ngày đáo hạn	Nợ gốc	Nợ đã trả	Nợ gốc còn lại	Lãi suất (%)	Tổng nợ lãi	Lãi trong hạn	Lãi quá hạn	Lãi đã trả	Số ngày nợ quá hạn	Lãi suất quá hạn (%)	Tổng tiền phải trả	Trạng thái		
	15/09/2025	30,875,489	16,860,212	14,015,277	13.14	154,337	0	154,337	400,654	43	19.14	14,169,614	Quá hạn		
06/10/2025	10/10/2025	5,841,752	0	5,841,752	13.14	61,449	0	61,449	0	18	19.14	5,903,201	Quá hạn		
Tổng cộng		36,717,241	16,860,212	19,857,029		215,786	0	215,786	400,654			20,072,815			

Hình: Nợ ký quỹ

3.3.4.2. Nợ ứng trước

Mục đích: Hiển thị thông tin các khoản vay ứng trước chưa hoàn ứng của tiểu khoản.

NỢ ỨNG TRƯỚC									
Ngày ứng	Ngày bán	Ngày thanh toán	Tiền bán	Tiền ứng	Lãi suất (%)	Phi ứng	Tiền ứng thực nhận	Số ngày ứng	
28/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	550,000	4.5455000000000005	25,000	525,000	1	
28/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	500,000	5	25,000	475,000	1	
28/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	50,000	50	25,000	25,000	1	
28/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	100,000	25	25,000	75,000	1	
28/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	79,398	31.486900000000002	25,000	54,398	1	
27/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	522,222	2.3936	25,000	497,222	2	
27/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	55,555	22.5002	25,000	30,555	2	
27/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	360,000	3.4722	25,000	335,000	2	
Tổng cộng				2,217,175		200,000	2,017,175		

Hình: Nợ ứng trước

Nhấn nút  để kết xuất Nợ ứng trước ra file Excel hoặc PDF.

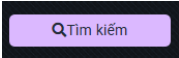
3.3.5. Tra cứu lãi lỗ

3.3.5.1. Báo cáo chi tiết chứng khoán theo thời gian

Mô tả: Khách hàng có thể vào tra cứu lịch sử mua/ bán của từng mã chứng khoán theo thời gian trên tiểu khoản đang tra cứu.

BÁO CÁO CHI TIẾT CHỨNG KHOÁN THEO THỜI GIAN											
		Từ ngày	Đến ngày	Mã CK							
		28/09/2025	28/10/2025	Tất cả							
		Tìm kiếm									
♻	Mã CK	Ngày	KL mua	Giá mua TB	GT khớp mua	KL bán	Giá bán TB	GT khớp bán	Phi mua	Phi bán	Thuế bán
▼	A32		0	0	0	300	41,700	12,510,000	0	18,765	12,510
▼	ACB		300	26,950	8,085,000	0	0	0	12,127	0	0
▼	AGR		0	0	0	300	17,100	5,130,000	0	7,595	5,130
▼	CEO		15,000	12,000	180,000,000	0	0	0	270,000	0	0
▼	TCI		200	10,800	2,160,000	0	0	0	3,240	0	0
▼	VNL		0	0	0	1,000	22,650	22,650,000	0	33,975	22,650
Tổng			15,300		190,245,000	1,600		40,290,000	285,367	60,435	40,290

Hình: Báo cáo chi tiết chứng khoán theo thời gian

- Nhập thời gian từ ngày ... đến ngày Chọn mã chứng khoán: ALL. Ấn  **Q.Tìm kiếm**: Tra cứu lịch sử mua/ bán của tất cả mã chứng khoán theo dòng thời gian tra cứu.
- Nhập thời gian từ ngày ... đến ngày Chọn mã chứng khoán: từng mã chứng khoán. Ấn  **Q.Tìm kiếm**: Tra cứu lịch sử mua/ bán của mã chứng khoán chọn theo dòng thời gian tra cứu.
- Ấn  kết xuất dữ liệu theo định dạng excel hoặc pdf.

3.3.5.2. Lãi/ lỗ theo dòng tiền

 **Mô tả chung:** Báo cáo lãi lỗ gồm 3 tab thông tin

- **Báo cáo lãi lỗ:** Bao gồm thông tin chi tiết tiền, chứng khoán và các khoản nợ của khách hàng tại thời điểm đầu kỳ và cuối kỳ
- **Phát sinh tiền:** Là thông tin tăng giảm tiền của khách hàng trong khoảng thời gian tìm kiếm.
 - + Giao dịch tăng: Nộp tiền, nhận chuyển khoản tiền
 - + Giao dịch giảm: Rút tiền, Chuyển tiền đi
- **Phát sinh chứng khoán:** Lấy thông tin phát sinh tăng giảm chứng khoán trong khoảng thời gian tìm kiếm.
 - + Giao dịch tăng vốn: Nhận CK, Gửi lưu ký, Đăng ký quyền mua không cất tiền CI
 - + Giao dịch giảm vốn: Rút chứng khoán, Chuyển khoản CK

 **Báo cáo lãi/lỗ:**

Mô tả: Khách hàng kiểm tra nhật ký lãi lỗ trên từng thời kỳ. Có cái nhìn tổng quan trực diện nhất trên tiểu khoản đang chọn.

LÃI LỖ THEO DÒNG TIỀN			
Báo cáo Lãi lỗ	Phát sinh tiền	Phát sinh chứng khoán	
Từ ngày: 28/09/2025 Đến ngày: 28/10/2025  Tìm kiếm			
BÁO CÁO LÃI LỖ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	
	Giá trị	Giá trị	
LÃI/LỖ TRONG KỲ = NAV cuối kỳ - NAV đầu kỳ - Tăng tiền/Tăng chứng khoán + Giảm tiền/Giảm chứng khoán			14,019,030,443
NAV	5,429,768,141	21,523,843,338	
I. Tiền	172,926,141	18,512,370,453	
1.1. Tiền mặt	172,926,141	18,507,253,278	
1.2. Tiền bán chờ về	0	5,117,175	
1.3. Cổ tức bằng tiền chờ về	0	0	
II. Chứng khoán	5,256,842,000	3,015,853,300	
III. Các khoản nợ	0	4,380,415	
3.1. Tiền mua chưa thanh toán	0	2,163,240	
3.2. Nợ ứng trước	0	2,217,175	
3.3. Nợ phí lưu ký	0	0	
3.4. Nợ phí sms	0	0	
3.5. Nợ ký quỹ	0	0	

Hình: Màn hình báo cáo lãi

Bước 1: Đăng nhập vào tài khoản

Bước 2: Chọn menu Tài khoản/ Tài khoản/Tra cứu lãi lỗ/Lãi lỗ theo dòng tiền/tab Báo cáo lãi lỗ

Bước 3: Nhập giá trị đầu vào từ ngày ... đến ngày ...Ấn nút  Tìm kiếm hiển thị tổng giá trị lãi lỗ trong kỳ theo dõi

Bước 4: Ấn  kết xuất dữ liệu theo định dạng excel hoặc pdf.

Phát sinh tiền:

Liệt kê lịch sử tăng giảm tiền trong khoảng thời gian tra cứu

LÃI LỖ THEO DÒNG TIỀN

Báo cáo Lãi lỗ **Phát sinh tiền** Phát sinh chứng khoán

Từ ngày: 28/09/2025 Đến ngày: 28/10/2025 [Q.Tìm kiếm](#)

STT	Ngày	THAY ĐỔI VỐN - TIỀN		Mô tả	Kênh giao dịch
		TĂNG	GIẢM		
1	03/10/2025	0	200,000	Chuyển khoản nội bộ: CHUYEN TIEN (Online)	Online
2	06/10/2025	0	2,500,000	Chuyển khoản ra ngoài: / Huỳnh Thanh Tuyền/ 085C000001 (Online)	Online
3	06/10/2025	0	250,000	Chuyển khoản ra ngoài: / Huỳnh Thanh Tuyền/ 085C000001 (Online)	Online
4	06/10/2025	0	28,000	Chuyển khoản nội bộ: CHUYEN TIEN (Online)	Online
5	06/10/2025	0	250,002	Chuyển khoản nội bộ: CHUYEN TIEN (Online)	Online
6	06/10/2025	0	140,000	Chuyển khoản nội bộ: CHUYEN TIEN (Online)	Online
7	06/10/2025	0	26,000	Chuyển khoản nội bộ: CHUYEN TIEN (Online)	Online
8	06/10/2025	0	25,000	Chuyển khoản nội bộ: CHUYEN TIEN (Online)	Online
9	06/10/2025	0	100,000	Chuyển khoản nội bộ: CHUYEN TIEN (Online)	Online
10	06/10/2025	0	250,005	Chuyển khoản nội bộ: CHUYEN TIEN (Online)	Online
11	06/10/2025	0	250,000	Chuyển khoản nội bộ: CHUYEN TIEN (Online)	Online
12	06/10/2025	0	2,555,555	Chuyển khoản nội bộ: CHUYEN TIEN (Online)	Online
13	06/10/2025	0	222,222	Chuyển khoản nội bộ: CHUYEN TIEN (Online)	Online
14	06/10/2025	0	333,366	Chuyển khoản nội bộ: CHUYEN TIEN (Online)	Online
15	06/10/2025	0	252,222	Chuyển khoản nội bộ: CHUYEN TIEN (Online)	Online
16	06/10/2025	0	25,555	Chuyển khoản nội bộ: CHUYEN TIEN (Online)	Online
17	06/10/2025	0	20,000	Chuyển khoản nội bộ: CHUYEN TIEN (Online)	Online
18	06/10/2025	0	888,888	Chuyển khoản nội bộ: CHUYEN TIEN (Online)	Online
Tổng		0	111,596,046		

Activate Windows
Go to Settings to activate Windows.

Hình: Màn hình phát sinh tiền

Bước 1: Đăng nhập vào tài khoản

Bước 2: Chọn menu Tài khoản/ Tài khoản/ Tra cứu lãi lỗ/Lãi lỗ theo dòng tiền/tab Phát sinh tiền

Bước 3: Nhập giá trị đầu vào từ ngày ... đến ngày... → Ấn nút [Q.Tìm kiếm](#) hiển thị phát sinh tăng/giảm tiền trong khoảng thời gian tra cứu.

Bước 4: Ấn  kết xuất dữ liệu theo định dạng excel hoặc pdf.

 **Phát sinh chứng khoán:**

LÃI LỖ THEO DÒNG TIỀN

Báo cáo Lãi lỗ Phát sinh tiền **Phát sinh chứng khoán**

Từ ngày: 28/09/2025 Đến ngày: 28/10/2025 Mã CK: Tất cả **Q.Tìm kiếm**

STT	Ngày	Mã CK	THAY ĐỔI VỐN - CHỨNG KHOÁN			Giảm			Kênh giao dịch	Mô tả
			KL	Giá tham chiếu	Giá trị	KL	Giá tham chiếu	Giá trị		
1	01/10/2025	ACV	1,231	82,300	101,311,300	0	0	0	Tại sản	Nhận chuyển khoản chứng khoán từ công ty khác
2	01/10/2025	BSP	10,000	20,000	200,000,000	0	0	0	Tại sản	Nhận chuyển khoản chứng khoán từ công ty khác
3	01/10/2025	PET	2,000	32,500	65,000,000	0	0	0	Tại sản	Nhận chuyển khoản chứng khoán từ công ty khác
4	01/10/2025	TDT	10,000	23,300	233,000,000	0	0	0	Tại sản	Nhận chuyển khoản chứng khoán từ công ty khác
5	01/10/2025	VID	6,000	4,930	29,580,000	0	0	0	Tại sản	Nhận chuyển khoản chứng khoán từ công ty khác
6	06/10/2025	AAA	0	65,200	0	900	65,200	58,680,000	Online	Chuyển khoản nội bộ cùng số lưu ký từ tiểu khoản (0001000001-Thường) sang tiểu khoản (0001590536-Margin thu
7	06/10/2025	AAA	2,000	65,200	130,400,000	0	0	0	Online	Chuyển khoản nội bộ cùng số lưu ký từ tiểu khoản (0001590536-Margin thường) sang tiểu khoản (0001000001-Thu
8	06/10/2025	CACB1901	0	0	0	500	0	0	Online	Chuyển khoản nội bộ cùng số lưu ký từ tiểu khoản (0001000001-Thường) sang tiểu khoản (0001590536-Margin thu
9	06/10/2025	TDT_WFT	1,500	20,000	30,000,000	0	0	0	Online	Đăng ký mua CP phát hành thêm
10	07/10/2025	A32_WFT	10	30,000	300,000	0	0	0	Online	Đăng ký mua CP phát hành thêm
11	07/10/2025	AGR	0	3,627	0	100	3,627	362,700	Online	Chuyển khoản nội bộ cùng số lưu ký từ tiểu khoản (0001000001-Thường) sang tiểu khoản (0001590536-Margin thu
12	07/10/2025	TDT	0	23,300	0	200	23,300	4,660,000	Online	Chuyển khoản nội bộ cùng số lưu ký từ tiểu khoản (0001000001-Thường) sang tiểu khoản (0001590536-Margin thu
13	07/10/2025	TDT_WFT	600	20,000	12,000,000	0	0	0	Online	Đăng ký mua CP phát hành thêm
14	09/10/2025	TDC	2,000	24,300	48,600,000	0	0	0	Tại sản	Nhận chuyển khoản chứng khoán từ công ty khác
15	15/10/2025	A32_WFT	20	30,000	600,000	0	0	0	Online	Đăng ký mua CP phát hành thêm
16	15/10/2025	ACV_WFT	450	20,000	9,000,000	0	0	0	Online	Đăng ký mua CP phát hành thêm
17	15/10/2025	HAI	10,000	5,590	55,900,000	0	0	0	Tại sản	Nhận chuyển khoản chứng khoán từ công ty khác
Tổng					2,277,206,300			90,565,500		

Activate Windows
Go to Settings to activate Windows.

Hình: Báo cáo phát sinh chứng khoán

Bước 1: Đăng nhập vào tài khoản

Bước 2: Chọn menu Tài khoản/ Thanh toán/ Lãi lỗ thực hiện

Bước 3: Nhập giá trị đầu vào từ ngày ... đến ngày... → Ấn nút **Q.Tìm kiếm** hiển thị tổng giá trị lãi lỗ trong kỳ theo dõi

Bước 4: Ấn  kết xuất dữ liệu theo định dạng excel hoặc pdf.

3.3.5.3. Nhật ký lãi lỗ

Mục đích: Giúp khách hàng có cái nhìn tổng quan về những mã chứng khoán, lãi lỗ thực tế theo từng mã.

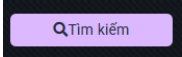
NHẬT KÝ LÃI/LỖ

Từ ngày: 28/07/2025 Đến ngày: 28/10/2025 Mã CK: Tất cả **Q.Tìm kiếm**

Mã CK	Khối lượng bán	Giá trị bán	Giá trị vốn	Lãi/lỗ thực tế	% Lãi/lỗ thực tế
Tổng thực tế			12,269,250	7,608,100	61.27
AAA	100	7,152,075	6,520,000	632,075	9.69
AGR	300	5,117,175	1,088,100	4,029,075	370.29

Hình: Nhật ký lãi lỗ

- Nhập thời gian từ ngày ... đến ngày Chọn mã chứng khoán: ALL . Ấn **Q.Tìm kiếm**: Tra cứu nhật ký lãi lỗ của tất cả mã chứng khoán theo dòng thời gian tra cứu.

- Nhập thời gian từ ngày ... đến ngày Chọn mã chứng khoán: từng mã chứng khoán . Ấn : Tra cứu nhật ký lãi lỗ của mã chứng khoán chọn theo dòng thời gian tra cứu
- Nhấn nút  để kết xuất nhật ký lãi lỗ ra file Excel hoặc PDF.

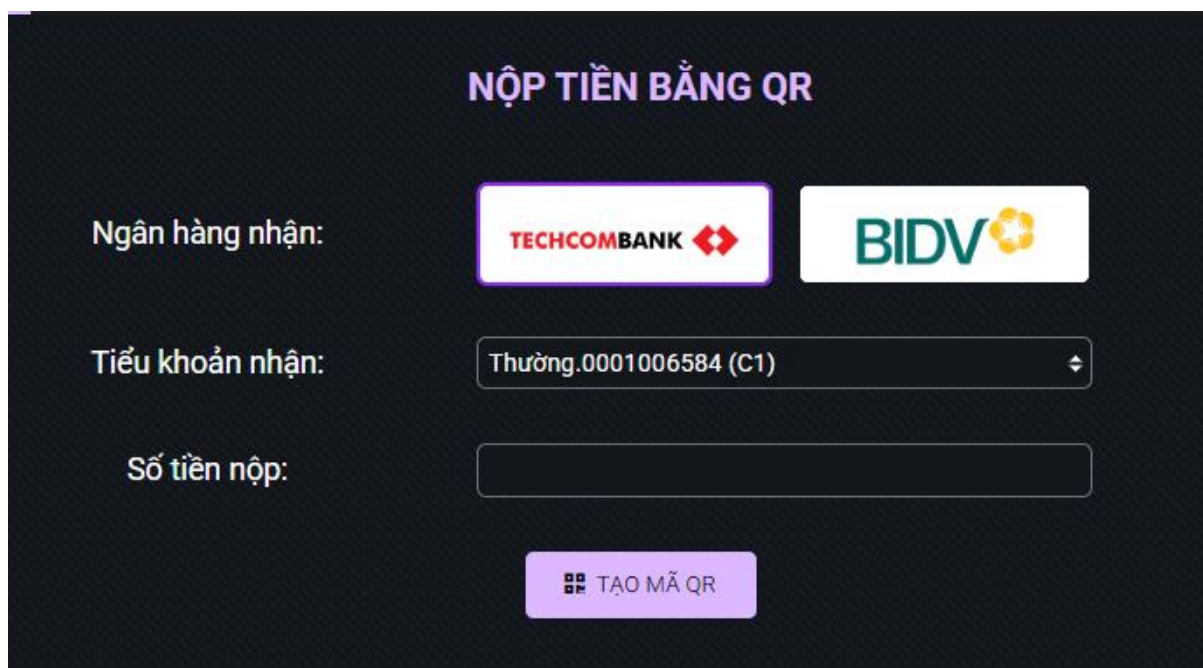
3.3.6. Nộp tiền bằng QR

3.3.6.1. Qua tài khoản định doanh

Mô tả: Cho phép khách hàng thực hiện chuyển tiền vào tài khoản bằng mã QR.

Để thực hiện được giao dịch, khách hàng làm theo các bước sau:

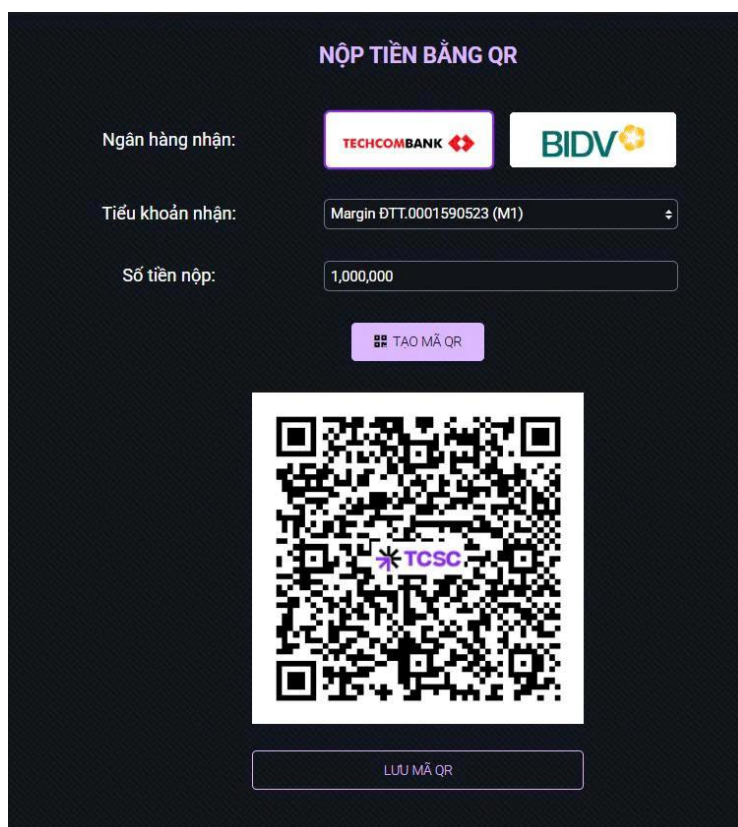
Bước 1: Đăng nhập vào hệ thống và chọn Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản cơ sở” => “Thanh toán” => “Nộp tiền bằng QR” => “Qua tài khoản định doanh”.



Hình: Giao diện màn hình Nộp tiền bằng QR qua tài khoản định doanh

Bước 2: Chọn ngân hàng, tiểu khoản và điền số tiền nộp

Bước 3: Nhấn tạo mã QR



Hình: Giao diện Màn hình mã QR

Bước 4: Thực hiện quét mã QR trên app ngân hàng để chuyển tiền.

Lưu ý: Nếu muốn lưu mã QR về máy tính, nhấn **“Lưu mã QR”** để tải về máy.

3.3.6.2. Qua tài khoản chuyên dụng TCSC

Mô tả: Cho phép khách hàng thực hiện chuyển tiền vào tài khoản bằng mã QR.

Để thực hiện được giao dịch, khách hàng làm theo các bước sau:

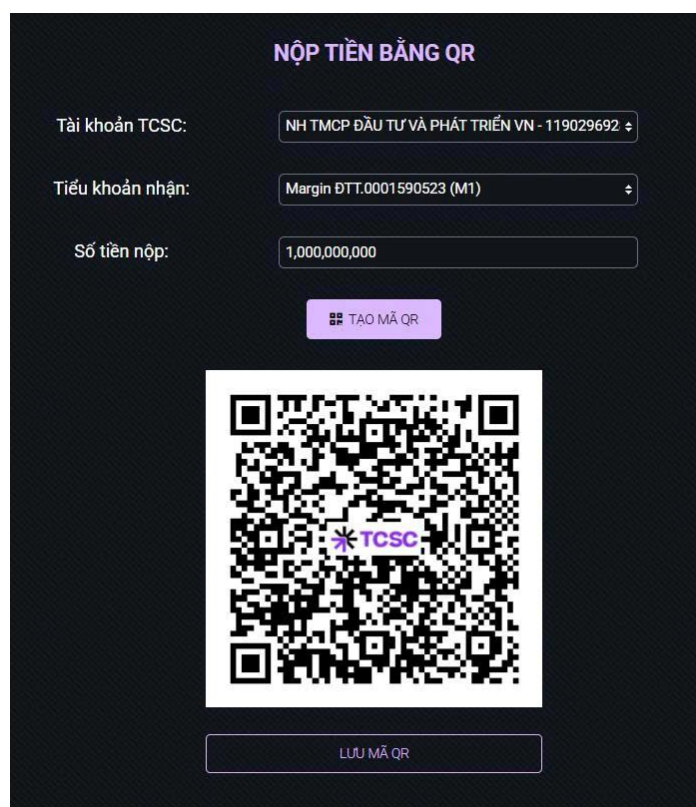
Bước 1: Đăng nhập vào hệ thống và chọn Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản cơ sở” => “Thanh toán” => “Nộp tiền bằng QR” => “Qua tài khoản chuyên dụng TCSC”.



Hình: Giao diện màn hình Nộp tiền bằng QR qua tài khoản chuyên dụng

Bước 2: Chọn ngân hàng, tiểu khoản và điền số tiền nộp

Bước 3: Nhấn tạo mã QR



Hình: Giao diện Màn hình mã QR

Bước 4: Thực hiện quét mã QR trên app ngân hàng để chuyển tiền.

Lưu ý: Nếu muốn lưu mã QR về máy tính, nhấn **“Lưu mã QR”** để tải về máy.

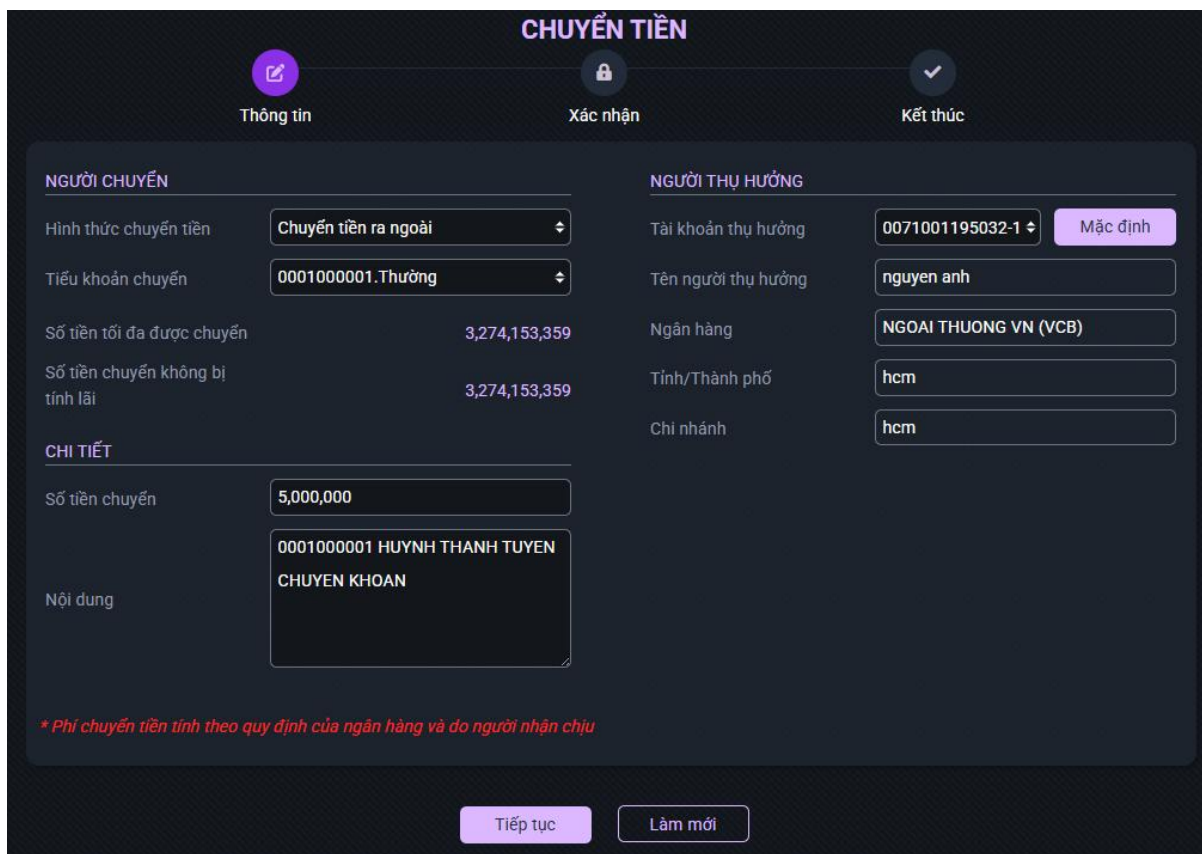
3.3.7. Chuyển tiền

3.3.7.1. Chuyển tiền ra ngoài

Mô tả: Khách hàng có thể chuyển tiền ra ngoài theo số tài khoản ngân hàng, tên người nhận đã được khách hàng đăng ký trong hồ sơ đăng ký giao dịch trực tuyến. Nếu khách hàng chưa đăng ký trước thông tin tài khoản ngân hàng để thực hiện chuyển khoản ra bên ngoài thì hệ thống sẽ từ chối thực hiện yêu cầu này của khách hàng.

Để thực hiện được giao dịch chuyển khoản ra bên ngoài khách hàng làm theo các bước sau:

Bước 1: Đăng nhập vào hệ thống và chọn Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản cơ sở” => “Thanh toán” => “Chuyển tiền” => “Chuyển tiền ra ngoài đã đăng ký trước”.



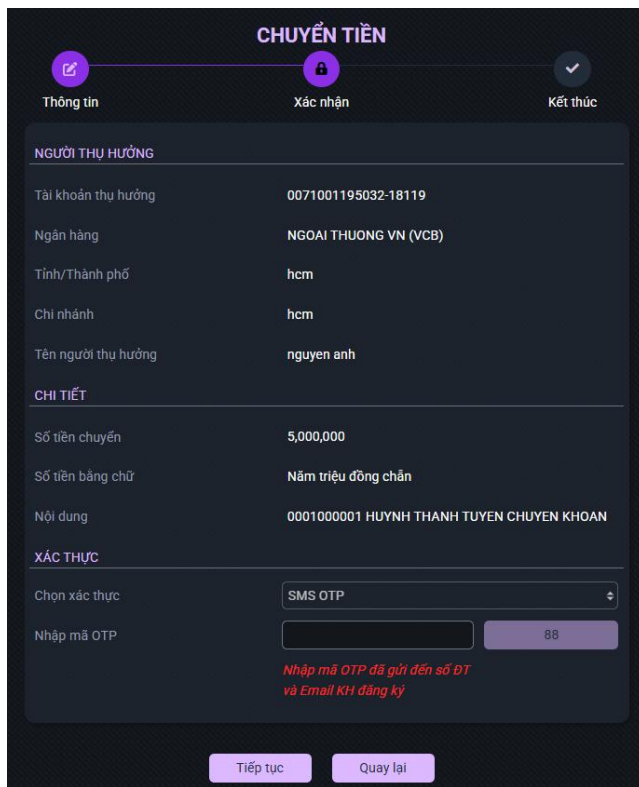
Hình: Màn hình chuyển tiền ra ngoài

Bước 2: Chọn số tiểu khoản thực hiện chuyển tiền ra ngoài. Các thông tin về tài khoản nhận tiền (người thụ hưởng) sẽ được hiển thị theo số tiểu khoản đã chọn.

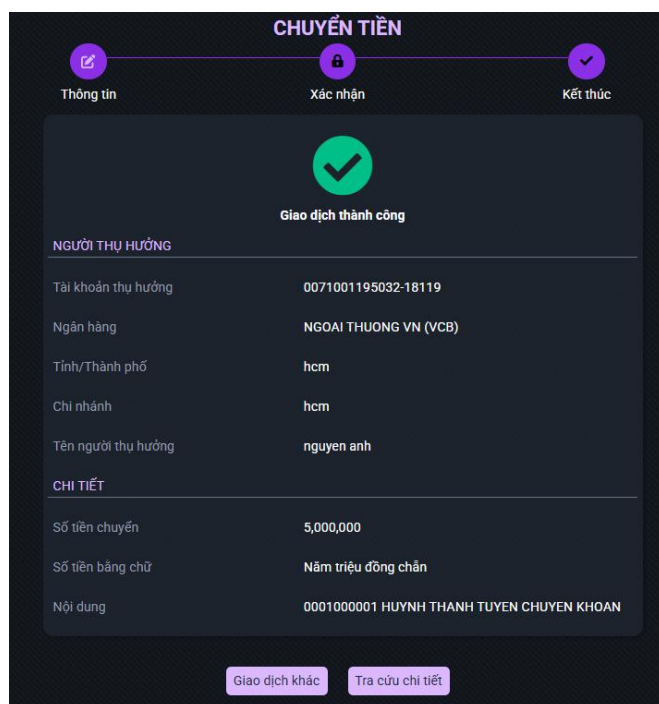
Bước 3: Nhập số tiền chuyển thỏa mãn điều kiện rút. Nhập Nội dung chuyển tiền (tối đa 200 ký tự).

Bước 4: Nhấn nút “Tiếp tục” để thực hiện chuyển tiền. Nhấn nút “Làm mới” để xóa hết thông tin đã nhập.

Bước 5: Xác nhận thông tin chuyển khoản ra ngoài. Nhập mã OTP và nhấn “Tiếp tục” để hoàn tất chuyển tiền ra ngoài. Nhấn Quay lại để quay lại màn hình Thông tin.



Hình: Màn hình xác nhận chuyển tiền ra ngoài



Hình: Màn hình kết thúc chuyển tiền ra ngoài

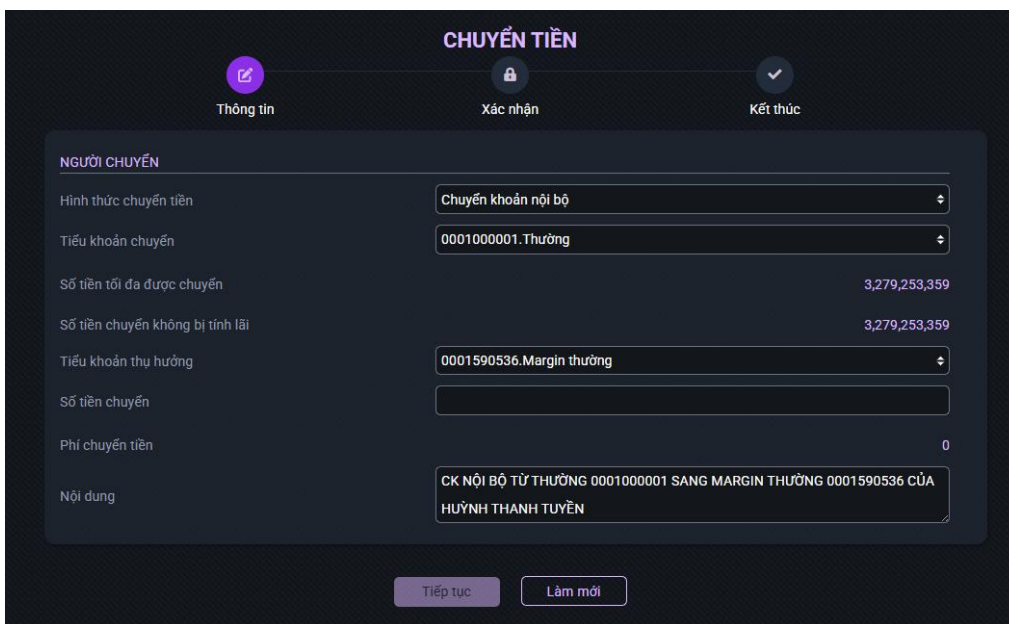
- Nhấn vào Giao dịch khác để trở về màn hình thông tin để thực hiện giao dịch chuyển tiền khác.
- Nhấn vào Tra cứu chi tiết sẽ chuyển đến Lịch sử chuyển tiền để tra cứu giao dịch chuyển tiền đã thực hiện.

3.3.7.2. Chuyển khoản nội bộ

Mô tả: Khách hàng có thể chuyển tiền giữa 2 tiểu khoản trong cùng 1 tài khoản.

Để thực hiện được giao dịch chuyển khoản nội bộ khách hàng làm theo các bước sau:

Bước 1: Đăng nhập vào hệ thống và chọn Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản cơ sở” => “Thanh toán” => “Chuyển tiền”=> “Chuyển khoản nội bộ”.



Hình: Màn hình chuyển khoản nội bộ

Bước 2:

- Chọn số tiểu khoản thực hiện chuyển.
- Chọn tiểu khoản thụ hưởng.

Bước 3: Nhập số tiền chuyển thỏa mãn điều kiện < số tiền tối đa được chuyển. Nhập Nội dung chuyển tiền (tối đa 200 ký tự)

Bước 4: Nhấn nút “Tiếp tục” để thực hiện chuyển khoản. Nhấn nút “Làm mới” để xóa hết thông tin đã nhập.

Bước 5:

- Xác nhận thông tin chuyển khoản. Nhập mã OTP và nhấn “Tiếp tục” để hoàn tất chuyển khoản nội bộ. Nhấn Quay lại để quay lại màn hình Thông tin.

CHUYỂN TIỀN

Thông tin

Xác nhận

Kết thúc

NGƯỜI THỤ HƯỞNG

TKLK thụ hưởng	085C000001
Tiểu khoản thụ hưởng	0001590536
Tên người thụ hưởng	Huỳnh Thanh Tuyền

CHI TIẾT

Số tiền chuyển	5,000,000
Số tiền bằng chữ	Năm triệu đồng chẵn
Nội dung	CK NỘI BỘ TỬ THƯỜNG 0001000001 SANG MARGIN THƯỜNG 0001590536 CỦA HUỖNH THANH TUYỀN

XÁC THỰC

Chọn xác thực

SMS OTP

Nhập mã OTP

88

Nhập mã OTP đã gửi đến số ĐT và Email KH đăng ký

Tiếp tục

Quay lại

Hình: Màn hình xác nhận chuyển tiền nội bộ

CHUYỂN TIỀN

Thông tin

Xác nhận

Kết thúc

Giao dịch thành công

NGƯỜI THỤ HƯỞNG

TKLK thụ hưởng	085C000001
Tiểu khoản thụ hưởng	0001590536
Tên người thụ hưởng	Huỳnh Thanh Tuyền

CHI TIẾT

Số tiền chuyển	5,000,000
Số tiền bằng chữ	Năm triệu đồng chẵn
Nội dung	CK NỘI BỘ TỬ THƯỜNG 0001000001 SANG MARGIN THƯỜNG 0001590536 CỦA HUỖNH THANH TUYỀN

Giao dịch khác

Tra cứu chi tiết

Hình: Màn hình kết thúc chuyển tiền nội bộ

- Nhấn vào Giao dịch khác để trở về màn hình thông tin để thực hiện giao dịch chuyển tiền khác
- Nhấn vào Tra cứu chi tiết sẽ chuyển đến Lịch sử chuyển tiền để tra cứu giao dịch chuyển tiền đã thực hiện.

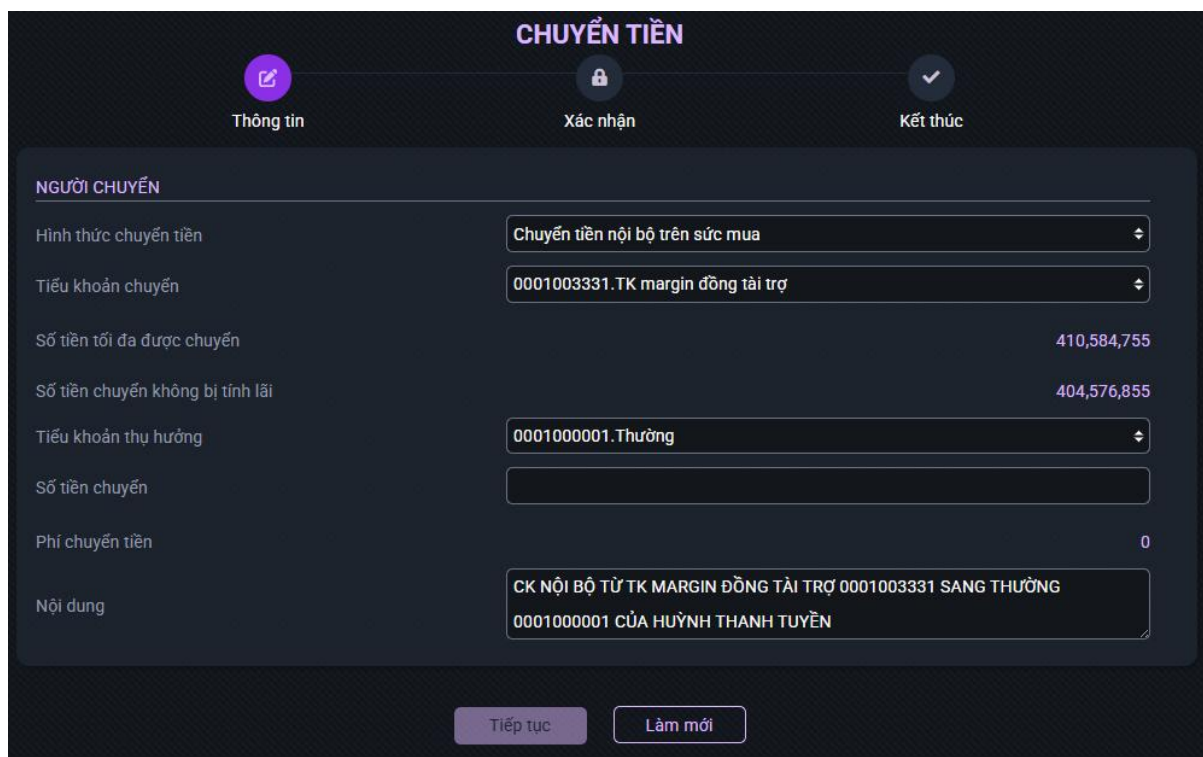
3.3.8. Chuyển tiền trên sức mua

3.3.8.1. Chuyển tiền nội bộ trên sức mua

Mô tả: Khách hàng có thể chuyển tiền giữa 2 tiểu khoản trong cùng 1 tài khoản.

Để thực hiện được giao dịch chuyển khoản nội bộ khách hàng làm theo các bước sau:

Bước 1: Đăng nhập vào hệ thống và chọn Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản cơ sở” => “Thanh toán” => “Chuyển tiền trên sức mua” => “Chuyển khoản nội bộ trên sức mua”.



Hình: Màn hình chuyển khoản TK thường/TK margin

Bước 2:

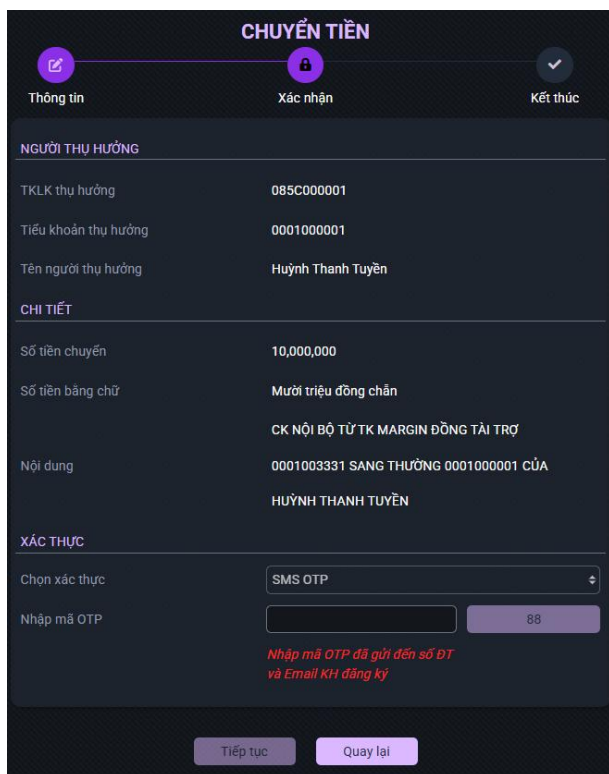
- Chọn số tiểu khoản thực hiện chuyển.
- Chọn tiểu khoản thụ hưởng.

Bước 3: Nhập số tiền chuyển thỏa mãn điều kiện < số tiền tối đa được chuyển. Nhập Nội dung chuyển tiền (tối đa 200 ký tự)

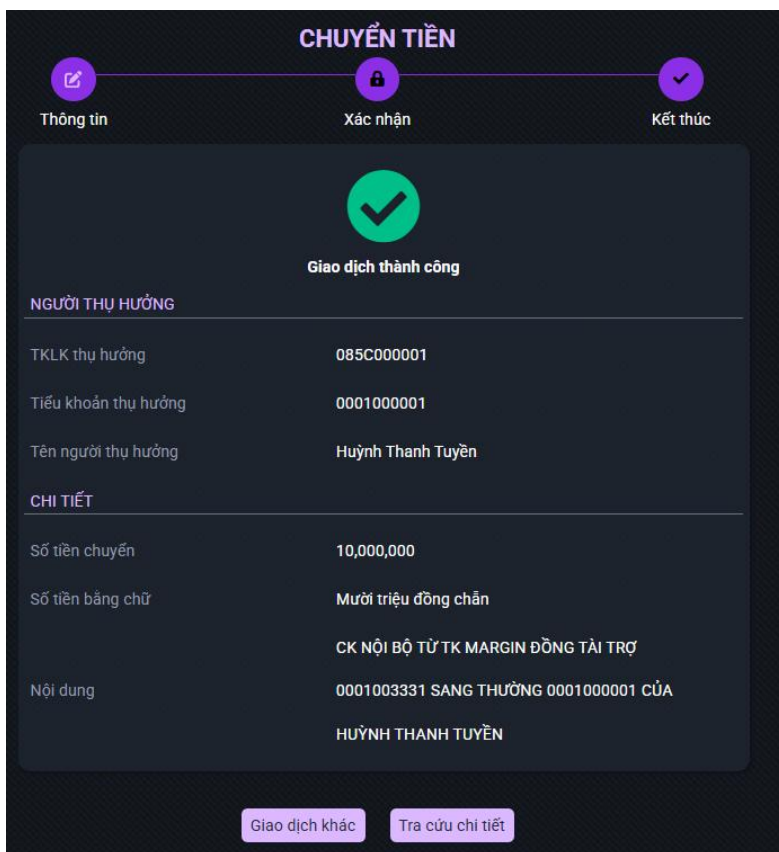
Bước 4: Nhấn nút “Tiếp tục” để thực hiện chuyển khoản. Nhấn nút “Làm mới” để xóa hết thông tin đã nhập.

Bước 5:

- Xác nhận thông tin chuyển khoản. Nhập mã OTP và nhấn “Tiếp tục” để hoàn tất chuyển khoản nội bộ. Nhấn Quay lại để quay lại màn hình Thông tin.



Hình: Màn hình xác nhận chuyển tiền nội bộ



CHUYỂN TIỀN

Thông tin Xác nhận Kết thúc

Giao dịch thành công

NGƯỜI THỤ HƯỞNG

TKLK thụ hưởng	085C000001
Tiểu khoản thụ hưởng	0001000001
Tên người thụ hưởng	Huỳnh Thanh Tuyền

CHI TIẾT

Số tiền chuyển	10,000,000
Số tiền bằng chữ	Mười triệu đồng chẵn
Nội dung	CK NỘI BỘ TỪ TK MARGIN ĐỒNG TÀI TRỢ 0001003331 SANG THƯỜNG 0001000001 CỦA HUỖNH THANH TUYỀN

Giao dịch khác Tra cứu chi tiết

Hình: Màn hình kết thúc chuyển tiền nội bộ

- Nhấn vào Giao dịch khác để trở về màn hình thông tin để thực hiện giao dịch chuyển tiền khác
- Nhấn vào Tra cứu chi tiết sẽ chuyển đến Lịch sử chuyển tiền để tra cứu giao dịch chuyển tiền đã thực hiện.

3.3.8.2. Chuyển tiền ra ngoài trên sức mua

Mô tả: Khách hàng có thể chuyển tiền ra ngoài theo số tài khoản ngân hàng, tên người nhận đã được khách hàng đăng ký trong hồ sơ đăng ký giao dịch trực tuyến. Nếu khách hàng chưa đăng ký trước thông tin tài khoản ngân hàng để thực hiện chuyển khoản ra bên ngoài thì hệ thống sẽ từ chối thực hiện yêu cầu này của khách hàng.

Để thực hiện được giao dịch chuyển khoản ra bên ngoài khách hàng làm theo các bước sau:

Bước 1: Đăng nhập vào hệ thống và chọn Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản cơ sở” => “Thanh toán” => “Chuyển tiền trên sức mua” => “Chuyển tiền ra ngoài trên sức mua”.

CHUYỂN TIỀN


 Thông tin


 Xác nhận


 Kết thúc

NGƯỜI CHUYỂN

Hình thức chuyển tiền: Chuyển tiền ra ngoài trên sức mua

Tiểu khoản chuyển: 0001003331.TK margin đồng tài trợ

Số tiền tối đa được chuyển: 400,584,755

Số tiền chuyển không bị tính lãi: 394,576,855

CHI TIẾT

Số tiền chuyển:

Nội dung: 0001003331 HUYNH THANH TUYEN
CHUYEN KHOAN

NGƯỜI THỤ HƯỞNG

Tài khoản thụ hưởng: 25354645342-183 Mặc định

Tên người thụ hưởng: Nguyen THI A

Ngân hàng: DAU TU VA PHAT TRIEN VN (BIDV)

Tỉnh/Thành phố: HCM

Chi nhánh: Q1

* Phí chuyển tiền tính theo quy định của ngân hàng và do người nhận chịu

Tiếp tục
Làm mới

Hình: Màn hình chuyển tiền ra ngoài

Bước 2: Chọn số tiểu khoản thực hiện chuyển tiền ra ngoài. Các thông tin về tài khoản nhận tiền (người thụ hưởng) sẽ được hiển thị theo số tiểu khoản đã chọn.

Bước 3: Nhập số tiền chuyển thoả mãn điều kiện rút. Nhập Nội dung chuyển tiền (tối đa 200 ký tự).

Bước 4: Nhấn nút “Tiếp tục” để thực hiện chuyển tiền. Nhấn nút “Làm mới” để xoá hết thông tin đã nhập.

Bước 5: Xác nhận thông tin chuyển khoản ra ngoài. Nhập mã OTP và nhấn “Tiếp tục” để hoàn tất chuyển tiền ra ngoài. Nhấn Quay lại để quay lại màn hình Thông tin.

✎

Thông tin

🔒

Xác nhận

✓

Kết thúc

NGƯỜI THỤ HƯỞNG

Tài khoản thụ hưởng

25354645342-18317

Ngân hàng

ĐAU TU VA PHAT TRIEN VN (BIDV)

Tỉnh/Thành phố

HCM

Chi nhánh

Q1

Tên người thụ hưởng

Nguyen Thi A

CHI TIẾT

Số tiền chuyển

5,000,000

Số tiền bằng chữ

Năm triệu đồng chẵn

Nội dung

0001003331 HUYNH THANH TUYEN CHUYEN KHOAN

XÁC THỰC

Chọn xác thực

SMS OTP

Nhập mã OTP

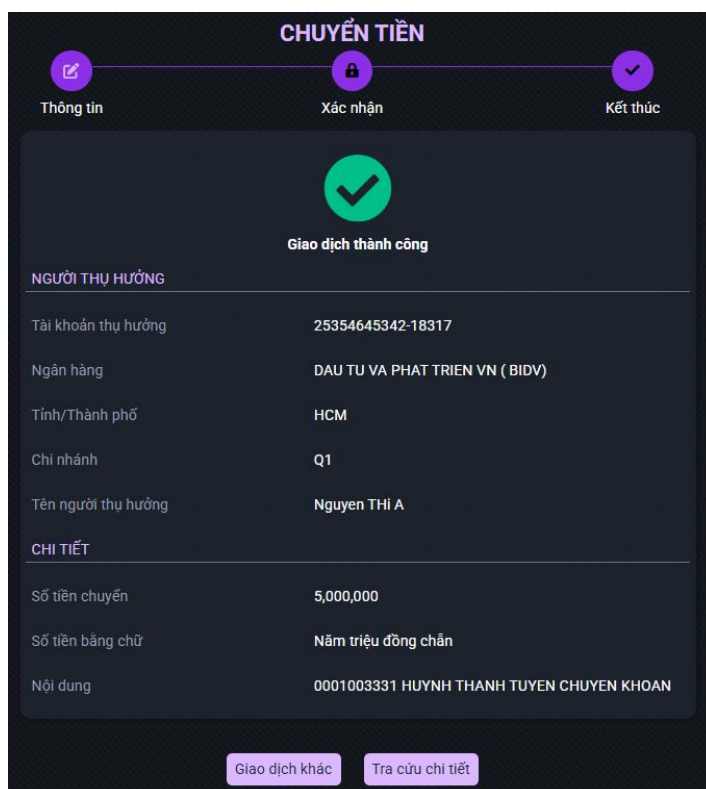
87

Nhập mã OTP đã gửi đến số ĐT
và Email KH đăng ký

Tiếp tục

Quay lại

Hình: Màn hình xác nhận chuyển tiền ra ngoài



Hình: Màn hình kết thúc chuyển tiền ra ngoài

- Nhấn vào Giao dịch khác để trở về màn hình thông tin để thực hiện giao dịch chuyển tiền khác.
- Nhấn vào Tra cứu chi tiết sẽ chuyển đến Lịch sử chuyển tiền để tra cứu giao dịch chuyển tiền đã thực hiện.

3.3.9. Ứng trước tiền bán chứng khoán

Để thực hiện ứng trước khách hàng thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Đăng nhập vào hệ thống và chọn Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản cơ sở” => “Thanh toán” => “Ứng trước”.

ỨNG TRƯỚC TIỀN BÁN

 Thông tin
 Xác nhận
 Kết thúc

Ngày bán	Tiền bán CK (Đã trừ phí và thuế)	Số tiền ứng trước đã xử lý	Số tiền còn lại có thể ứng	Số tiền yêu cầu ứng trước	Phí ứng trước	Tiền thực nhận	Số ngày ứng
(1)	(2)	(3)	(4) = (2) - (3)	(5)	(6)	(7) = (5) - (6)	(8)
24/10/2025	0	0	0	0	0	0	0
27/10/2025	5,117,175	2,217,175	2,900,000	2,900,000	25,000	2,875,000	1
28/10/2025	0	0	0	0	0	0	2
Tổng cộng	5,117,175	2,217,175	2,900,000	2,900,000	25,000	2,875,000	

Lưu ý:
- Thời gian thực hiện từ 8h00 đến 16h00 vào ngày làm việc.

Tiếp tục
Làm mới

Hình: Màn hình ứng trước tiền bán chứng khoán

Bước 2: Nhập 1 trong 2 thông tin sau:

- Nhập Số tiền yêu cầu ứng trước: hệ thống tự tính phí ứng và số tiền ứng thực nhận.
- Nhập Tiền thực nhận: hệ thống tự tính phí ứng và Số tiền yêu cầu ứng trước

Bước 3: Xác nhận hoàn tất hoặc huỷ bỏ ứng trước

- Nhập mã OTP và nhấn Tiếp tục để hoàn tất ứng trước.
- Nhấn Làm mới để xóa thông tin đã nhập.

ỨNG TRƯỚC TIỀN BÁN

Thông tin
Xác nhận
Kết thúc

Ngày bán	Tiền bán CK (Đã trừ phí và thuế)	Số tiền ứng trước đã xử lý	Số tiền còn lại có thể ứng	Số tiền yêu cầu ứng trước	Phí ứng trước	Tiền thực nhận	Số ngày ứng
24/10/2025	0	0	0	0	0	0	1
27/10/2025	5,117,175	2,217,175	2,900,000	2,000,000	25,000	1,975,000	1
28/10/2025	0	0	0	0	0	0	2

Tiểu khoản: 0001000001 Tên TK: Huỳnh Thanh Tuyền

Quan trọng: Bạn đang đặt lệnh ứng trước tiền. Hãy xét duyệt cẩn thận.

Chọn xác thực: SMS OTP

Nhập mã OTP:

Nhập mã OTP đã gửi đến số ĐT và Email KH đăng ký

Tiếp tục
Quay lại

Hình: Màn hình xác nhận ứng trước

ỨNG TRƯỚC TIỀN BÁN

Thông tin
Xác nhận
Kết thúc



Giao dịch thành công

Giao dịch khác
Tra cứu chi tiết

Hình: Màn hình kết thúc ứng trước

- Nhấn vào Giao dịch khác để trở về màn hình thông tin và thực hiện giao dịch ứng trước khác.
- Nhấn vào Tra cứu chi tiết sẽ chuyển đến Lịch sử ứng tiền để tra cứu giao dịch ứng tiền đã thực hiện.

3.3.10. Đăng ký quyền mua

Để thực hiện được giao dịch Đăng ký quyền mua khách hàng làm theo các bước sau:

Bước 1: Đăng nhập vào hệ thống và chọn Tab Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản cơ sở” => “Thanh toán” => “Đăng ký quyền mua”

Thông tin

Xác nhận

Kết thúc

Số dư tiền

3,276,228,359

Đăng ký	Mã CK	Ngày DK cuối	SL còn được mua	Giá mua	Số tiền phải TT	Thông tin chi tiết
	A32	21/12/2023	1,000	1,000	1,000,000	Xem
Đăng ký	A32	04/04/2025	15	30,000	450,000	Xem
	BSP	01/10/2025	0	10,000	0	Xem

Hình: Danh sách quyền mua

Chọn quyền mua muốn xem thông tin chi tiết về đợt thực hiện quyền thì sẽ bấm “Xem” như hướng dẫn tại Hình, hệ thống sẽ hiển thị thông tin chi tiết về sự kiện quyền như Hình:

THÔNG TIN CHI TIẾT			
Mã CK	A32	Mã quyền VSDC	
Ngày DK cuối	04/04/2025	Loại chứng khoán	Cổ phiếu thường
Tỉ lệ CP sở hữu/Quyền	1:1	Mệnh giá CP	10,000
Tỉ lệ Quyền/CP được mua	1:1	Giá mua	30,000
Ngày bắt đầu chuyển nhượng	07/04/2025	Ngày kết thúc chuyển nhượng	06/04/2026
Ngày bắt đầu đăng ký mua	07/04/2025	Ngày kết thúc đăng ký mua	06/04/2026
Số lượng CK được mua ban đầu	150	Số lượng đã chuyển nhượng	0
Số lượng đã đăng ký quyền	135	SL còn được mua	15

Hình: Thông tin chi tiết quyền mua

Bước 2: Để đăng ký quyền mua, Khách hàng sẽ nhấn nút “Đăng ký”, hệ thống sẽ chuyển đến màn hình đăng ký thực hiện quyền mua chứng khoán.

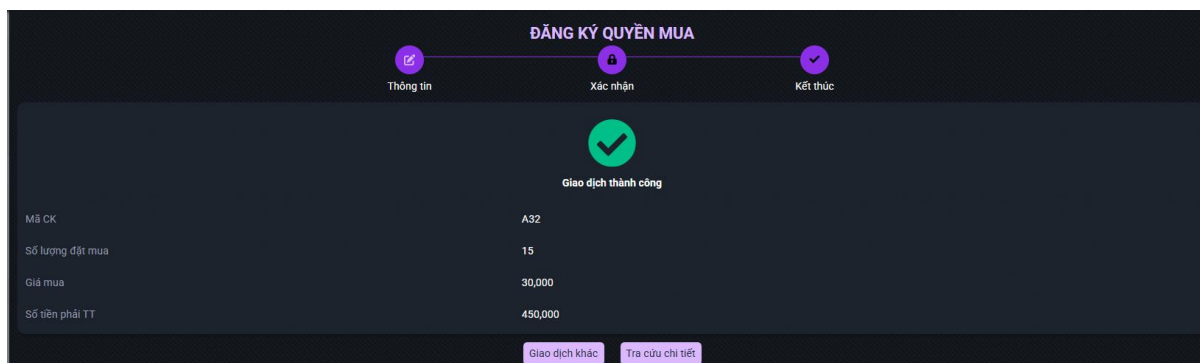
ĐĂNG KÝ QUYỀN MUA	
Thông tin	
Xác nhận	
Kết thúc	
CHI TIẾT	
Mã CK	A32
Số lượng đặt mua	15
Giá mua	30,000
Số tiền phải TT	450,000
Số dư tiền	3,276,228,359
Tiếp tục Quay lại	

Hình: Màn hình đăng ký quyền mua

Bước 3: Khách hàng nhập các thông tin sau:

- Số lượng đặt mua: Khách hàng nhập số lượng chứng khoán muốn đăng ký mua, khách hàng có thể thực hiện đăng ký làm nhiều lần và được đăng ký tối đa bằng số lượng chứng khoán được mua trong thời gian còn hiệu lực.

- Nhấn Tiếp tục để hoàn tất đăng ký quyền mua.
- Nhấn Quay lại để quay lại màn hình Danh sách quyền mua.



Hình: Màn hình hoàn tất đăng ký quyền mua

- Nhấn vào Giao dịch khác để trở về màn hình danh sách quyền mua
- Nhấn vào tiếp tục để thực hiện đăng ký tiếp theo

3.3.11. Xác nhận lệnh

Mô tả: Với khách hàng có lệnh chưa xác nhận, khi đăng nhập, hệ thống sẽ bắn thông báo cho khách hàng. Thông báo này của khách hàng sẽ hiển thị trong tab “Tài khoản” của chức năng Notify.

Để thực hiện xác nhận lệnh, khách hàng thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Đăng nhập vào hệ thống và chọn Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản cơ sở” => “Thanh toán” => “Xác nhận lệnh”.



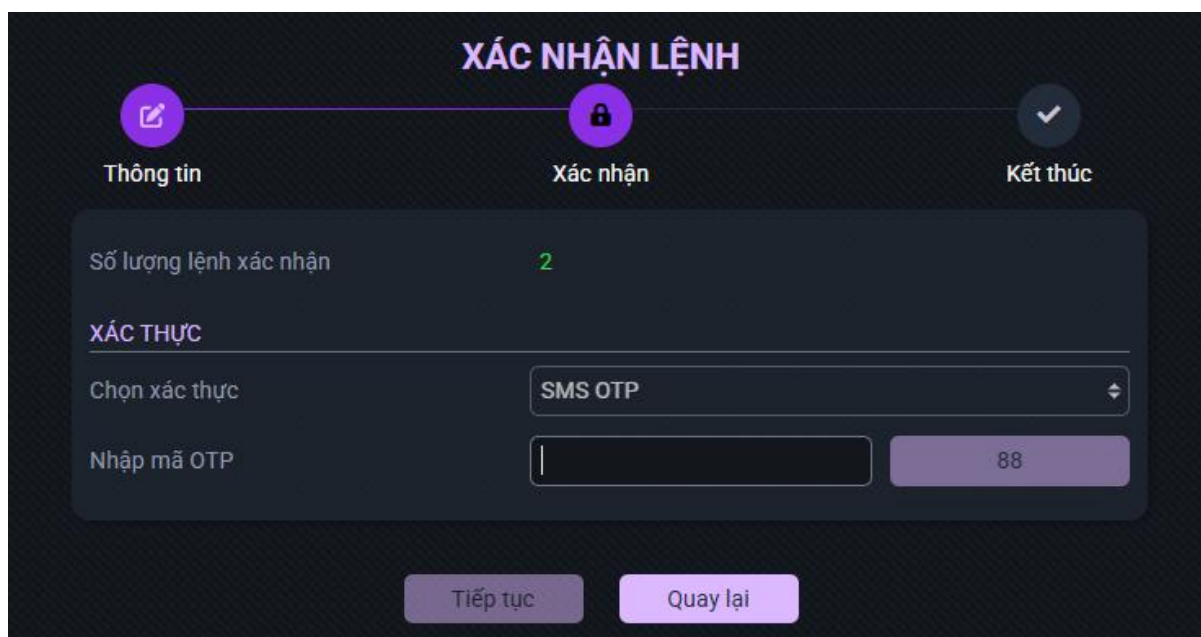
Hình: Màn hình xác nhận lệnh

Bước 2: Nhập vào tiêu chí tìm kiếm hợp lệ => Nhấn “Tìm kiếm”

Bước 3: Chọn lệnh cần xác nhận hoặc có thể chọn tất cả lệnh => Nhấn “Xác nhận”

Bước 4:

- Nhập mã MÃ SMARTOTP/OTP và nhấn “Tiếp tục” để hoàn tất xác nhận lệnh hoặc nhấn “Quay lại” để quay lại màn hình xác nhận lệnh.



Hình: Màn hình xác nhận giao dịch



Hình: Màn hình kết thúc xác nhận lệnh

- Nhấn vào Giao dịch khác để trở về màn hình Thông tin Xác nhận lệnh.

3.3.12. Chuyển khoản chứng khoán nội bộ

Bước 1: Vào Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản cơ sở” => “Thanh toán”=> “Chuyển khoản chứng khoán nội bộ”

Bước 2:

- Nhập số lượng.
- Nhấn tiếp tục.



Hình: Màn hình chuyển khoản chứng khoán nội bộ

Bước 3: Nhập mã MÃ SMARTOTP xác thực giao dịch



Hình: Màn hình xác nhận chuyển khoản chứng khoán nội bộ

Bước 4:

- Tra cứu lại giao dịch hoặc làm tiếp giao dịch mới



CHUYỂN CHỨNG KHOÁN NỘI BỘ

Thông tin | Xác nhận | Kết thúc

Giao dịch thành công

CHI TIẾT

Tiểu khoản chuyển	0001000001.Thường
Tiểu khoản nhận	0001590536.Margin thường
Mã CK	CEO
KL giao dịch	900

Giao dịch khác

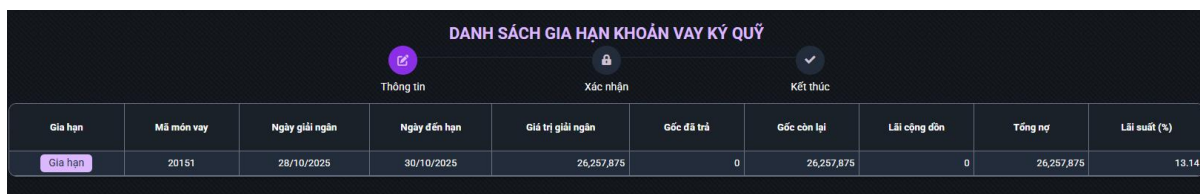
Hình: Màn hình hoàn tất chuyển khoản chứng khoán nội bộ

3.3.13. Gia hạn khoản vay ký quỹ

Mục đích: Dùng để gia hạn các khoản vay ký quỹ chưa có khả năng chi trả tránh chịu phí quá hạn.

Để gia hạn khoản vay ký quỹ, khách hàng làm theo các bước sau:

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản cơ sở” => “Thanh toán” => “Gia hạn khoản vay ký quỹ”



DANH SÁCH GIA HẠN KHOẢN VAY KÝ QUỸ

Thông tin | Xác nhận | Kết thúc

Gia hạn	Mã món vay	Ngày giải ngân	Ngày đến hạn	Giá trị giải ngân	Gốc đã trả	Gốc còn lại	Lãi cộng dồn	Tổng nợ	Lãi suất (%)
Gia hạn	20151	28/10/2025	30/10/2025	26,257,875	0	26,257,875	0	26,257,875	13.14

Hình: Màn hình gian hạn khoản vay ký quỹ

Bước 2: Nhấn nút **Gia hạn** để thực hiện gia hạn khoản vay

GIA HẠN KHOẢN VAY KÝ QUỸ

 Thông tin
  Xác nhận
  Kết thúc

Mã món vay	Ngày giải ngân	Ngày đến hạn	Giá trị giải ngân	Gốc đã trả	Gốc còn lại	Lãi cộng dồn	Tổng nợ	Lãi suất (%)
20151	28/10/2025	30/10/2025	26,257,875	0	26,257,875	0	26,257,875	13.14

Số tiền khả dụng: 0

Phí gia hạn: 1

Số ngày gia hạn: 31/10/2025

Ngày đến hạn mới: 31/10/2025

[Tiếp tục](#) [Quay lại](#)

Hình: Màn hình xác nhận gia hạn khoản vay ký quỹ

Bước 3: Nhấn [Tiếp tục](#) để xác nhận gia hạn khoản vay

GIA HẠN KHOẢN VAY KÝ QUỸ

 Thông tin
  Xác nhận
  Kết thúc



Giao dịch thành công

Mã món vay	Ngày giải ngân	Ngày đến hạn	Giá trị giải ngân	Gốc đã trả	Gốc còn lại	Lãi cộng dồn	Tổng nợ	Lãi suất (%)
20151	28/10/2025	30/10/2025	26,257,875	0	26,257,875	0	26,257,875	13.14

Số tiền khả dụng: 0

Phí gia hạn: 1

Số ngày gia hạn: 31/10/2025

Ngày đến hạn mới: 31/10/2025

[Giao dịch khác](#) [Tra cứu chi tiết](#)

Hình: Màn hình kết thúc gia hạn khoản vay ký quỹ

3.3.14. Trả nợ

3.3.14.1. Trả nợ theo món

Để trả nợ theo món, khách hàng làm theo các bước sau:

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản cơ sở” => “Thanh toán” => “Trả nợ” => “Trả nợ theo món”

DANH SÁCH TRẢ NỢ THEO MÓN

 Thông tin
  Xác nhận
  Kết thúc

Trả nợ	Nguồn giải ngân	Số lưu ký	Số tiểu khoản	Số tiền có	Ngày giải ngân	Số tiền giải ngân	Ngày đáo hạn	Số tiền nợ gốc đã trả	Lãi đã trả	Tổng tiền đã trả	Gốc còn lại	Lãi cộng dồn	Tổng nợ	Lãi suất
Trả nợ	Nguồn công ty	085C002487	0001003410	10,000,000	28/10/2025	28,008,400	30/10/2025	0	0	0	28,008,400	0	28,008,400	13.14
					Tổng	28,008,400		0	0	0	28,008,400	0	28,008,400	

Chú ý: Thời gian cho phép khách hàng trả nợ như sau:

+ Giải ngân từ nguồn TCSC bắt đầu từ 00:01 đến 23:45

+ Giải ngân từ nguồn bên thứ 3 bắt đầu từ 00:20 đến 15:45

Bước 2: Nhấn nút **TRẢ NỢ** để thực hiện trả nợ khoản vay

TRẢ NỢ THEO MÓN

Thông tin
Xác nhận
Kết thúc

Mã lịch vay	20152	Số lần đã gia hạn	0
Ngày giải ngân	28/10/2025	Số ngày gia hạn	0
Ngày đến hạn	30/10/2025	Lãi/phí chưa trả	0
Ngày bắt đầu được gia hạn	27/10/2025	Dư nợ	28,008,400
Số tiền có	10,000,000	Tổng nợ	28,008,400
Số dư tiền dùng trả nợ Nguồn 3	10,000,000	Số tiền trả nợ	10,000,000

Tiếp tục
Quay lại

Bước 3: Nhấn Tiếp tục để xác nhận trả nợ

TRẢ NỢ THEO MÓN

Thông tin
Xác nhận
Kết thúc



Giao dịch thành công

Mã lịch vay	20152	Số lần đã gia hạn	0
Ngày giải ngân	28/10/2025	Số ngày gia hạn	0
Ngày đến hạn	30/10/2025	Lãi/phí chưa trả	0
Ngày bắt đầu được gia hạn	27/10/2025	Dư nợ	28,008,400
Số tiền có	10,000,000	Tổng nợ	28,008,400
Số dư tiền dùng trả nợ Nguồn 3	10,000,000	Số tiền trả nợ	10,000,000

Giao dịch khác
Tra cứu chi tiết

3.3.14.2. Trả nợ nguồn công ty

Để trả nợ, khách hàng làm theo các bước sau:

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn “Tài khoản” => “Thanh toán” => “Trả nợ” => “Trả nợ nguồn công ty”

TRẢ NỢ NGUỒN CÔNG TY

Số lưu ký	085C002487	Tổng nợ gốc (nguồn CTY)	18,008,400
Số tiểu khoản	0001003410	Tổng nợ lãi (nguồn CTY)	0
Số dư tiền	5,000,000	Tổng nợ (nguồn CTY)	18,008,400
Số tiền trả	5,000,000		

Chú ý: Chức năng này chỉ dùng để trả nợ vay giải ngân từ nguồn công ty. Thời gian cho phép khách hàng trả nợ từ 00:01 đến 23:45.

Xác nhận
Làm mới

Bước 2: Nhập số tiền và nhấn nút Xác nhận để thực hiện trả nợ khoản vay

TRẢ NỢ NGUỒN CÔNG TY



Giao dịch thành công

Số lưu ký	085C002487	Tổng nợ gốc (nguồn CTY)	18,008,400
Số tiểu khoản	0001003410	Tổng nợ lãi (nguồn CTY)	0
Số dư tiền	5,000,000	Tổng nợ (nguồn CTY)	18,008,400
Số tiền trả	5,000,000		

[Giao dịch khác](#)
[Tra cứu chi tiết](#)

3.3.14.3. Trả nợ nguồn 3

Để trả nợ, khách hàng làm theo các bước sau:

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản cơ sở” => “Thanh toán” => “Trả nợ” => “Trả nợ nguồn 3”

TRẢ NỢ NGUỒN 3

Số lưu ký	085C002487	Tổng nợ gốc (nguồn 3)	13,008,400
Số tiểu khoản	0001003410	Tổng nợ lãi (nguồn 3)	0
Số dư tiền	5,000,000	Tổng nợ (nguồn 3)	13,008,400
Số tiền trả	5,000,000		

Chú ý: Chức năng này chỉ dùng để trả nợ vay giải ngân từ nguồn 3. Thời gian cho phép khách hàng trả nợ từ 00:01 đến 23:45.

[Xác nhận](#)
[Làm mới](#)

Bước 2: Nhập số tiền và nhấn nút Xác nhận để thực hiện trả nợ khoản vay

TRẢ NỢ NGUỒN 3



Giao dịch thành công

Số lưu ký	085C002487	Tổng nợ gốc (nguồn 3)	13,008,400
Số tiểu khoản	0001003410	Tổng nợ lãi (nguồn 3)	0
Số dư tiền	5,000,000	Tổng nợ (nguồn 3)	13,008,400
Số tiền trả	5,000,000		

[Giao dịch khác](#)
[Tra cứu chi tiết](#)

3.3.15. Thông tin sự kiện quyền

Mục đích: Giúp khách hàng theo dõi các sự kiện quyền khách hàng đang nằm trong danh sách sở hữu (theo từng tiểu khoản)

Để tra cứu thông tin sự kiện quyền, khách hàng thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản cơ sở” => “Tra cứu” => “Thông tin sự kiện quyền”

THÔNG TIN SỰ KIỆN QUYỀN								
Mã CK	Loại sự kiện	Từ ngày	Đến ngày	Đã phân bổ				
Tất cả	Tất cả	18/07/2025	17/11/2025	Tất cả	Tìm kiếm			
Mã CK	Loại sự kiện	Ngày chốt	Số lượng CK sở hữu	Tỷ lệ	Số lượng CK chờ về	Số tiền chờ về	Ngày thực hiện dự kiến	Trạng thái
Tổng						0		
VNM	Cổ phiếu thường	04/11/2025	93	200/10	4	0	17/11/2025	Hoàn tất phân bổ

Hình: Màn hình thông tin sự kiện quyền

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem lịch sử sự kiện quyền.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem lịch sử sự kiện quyền.
- Đã phân bổ: Chọn sự kiện quyền đã được phân bổ hoặc chưa được phân bổ.

Bước 3: Nhấn nút “Tìm kiếm” để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút  để kết xuất Thông tin sự kiện quyền ra file Excel hoặc PDF.

3.3.16. Lịch sử lệnh

3.3.16.1. Lịch sử khớp lệnh

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản cơ sở” => “Tra cứu” => “Lịch sử lệnh” => “Lịch sử khớp lệnh”

LỊCH SỬ KHỚP LỆNH

Từ ngày

Đến ngày

Mã CK

Loại giao dịch

28/09/2025

28/10/2025

Tất cả

Tất cả

Tìm kiếm

⬆	Số hiệu lệnh	Ngày	Mã CK	Loại GD	Loại lệnh	Loại khớp	Chi tiết giao dịch chứng khoán			% Phí GD	Phí	Thuế	Thuế cố tức	Kênh đặt lệnh
							KL khớp	Giá khớp	GT khớp					
▼	000032	06/10/2025	A32	Bán	LO		300	41,700	12,510,000	0.15	18,765	12,510	0	
▼	000062	07/10/2025	CEO	Mua	LO		5,000	12,000	60,000,000	0.15	90,000	0	0	
▼	000134	15/10/2025	VNL	Bán	LO		1,000	22,650	22,650,000	0.15	33,975	22,650	0	
▼	000053	27/10/2025	AGR	Bán	LO		300	17,100	5,130,000	0.15	7,695	5,130	0	
▼	000047	27/10/2025	ACB	Mua	MTL		300	26,950	8,085,000	0.15	12,128	0	0	
▼	000167	28/10/2025	TCI	Mua	LO		200	10,800	2,160,000	0.15	3,240	0	0	
	Tổng						7,100		110,535,000		165,803	40,290	0	

Hình: Màn hình Lịch sử khớp lệnh

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem..
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem..
- Mã CK: Nhập 1 mã chứng khoán hoặc không nhập gì (mặc định tất cả) để tra cứu các lệnh đã khớp liên quan đến mã chứng khoán đã nhập
- Loại giao dịch: Chọn loại giao dịch của lệnh khớp: mua, bán, bán cầm cố.

Bước 3: Nhấn nút “Tìm kiếm” để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút  để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra file Excel hoặc PDF.

3.3.16.2. Lịch sử đặt lệnh

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản cơ sở” => “Tra cứu” => “Lịch sử lệnh” => “Lịch sử giao dịch”

LỊCH SỬ ĐẶT LỆNH

Từ ngày

Đến ngày

Mã CK

Loại giao dịch

Trạng thái

28/09/2025

28/10/2025

Tất cả

Tất cả

Tất cả

🔍

Tìm kiếm

👤

Số hiệu lệnh	Ngày	Giờ đặt	Mã CK	Loại GD	Loại lệnh	Loại khớp	Thông tin giao dịch chứng khoán					Trạng thái	Phi	Thuế	Xác nhận	Kênh đặt
							KL đặt	Giá đặt	KL khớp	Giá khớp	GT khớp					
000063	06/10/2025	17:03:29	AAS	Mua	LO		100	10,800	0	0	0	3	0	0	Có	TCSC-M
000062	06/10/2025	17:03:14	ABC	Mua	LO		100	21,300	0	0	0	3	0	0	Có	TCSC-M
000061	06/10/2025	17:00:56	ABC	Mua	LO		100	21,300	0	0	0	3	0	0	Có	TCSC-M
000060	06/10/2025	17:00:34	AAV	Mua	LO		100	14,600	0	0	0	3	0	0	Có	TCSC-M
000059	06/10/2025	17:00:19	AAV	Mua	LO		100	14,600	0	0	0	3	0	0	Có	TCSC-M
000058	06/10/2025	16:59:19	AAM	Mua	LO		100	13,950	0	0	0	3	0	0	Có	TCSC-M
000057	06/10/2025	16:59:05	A32	Mua	LO		100	42,000	0	0	0	3	0	0	Có	TCSC-M
000056	06/10/2025	15:18:27	A32	Mua	LO		100	42,000	0	0	0	3	0	0	Có	TCSC-M
000055	06/10/2025	15:18:20	AAM	Mua	LO		100	13,950	0	0	0	3	0	0	Có	TCSC-M
000054	06/10/2025	13:44:05	AAM	Mua	LO		100	13,950	0	0	0	3	0	0	Có	TCSC-M
000230	06/10/2025	13:21:38	ACB	Mua	MTL		100	65,600	0	0	0	6	0	0	Có	TCSC-M
000229	06/10/2025	13:21:01	TDT	Bán	MAK		100	21,000	0	0	0	6	0	0	Có	TCSC-M
000228	06/10/2025	13:17:25	TDT	Bán	LO		100	25,600	0	0	0	6	0	0	Có	TCSC-M
000227	06/10/2025	13:17:10	ACE	Mua	LO		100	33,500	0	0	0	6	0	0	Có	TCSC-T
000226	06/10/2025	13:16:17	A32	Mua	LO		200	42,000	0	0	0	6	0	0	Có	TCSC-M
000225	06/10/2025	13:16:16	A32	Sửa mua	LO		200	42,000	0	0	0	7	0	0	Có	TCSC-M
000224	06/10/2025	13:15:59	ACV	Mua	LO		100	94,600	0	0	0	6	0	0	Có	TCSC-M
000223	06/10/2025	13:15:46	A32	Mua	LO		100	42,000	0	0	0	10	0	0	Có	TCSC-M
Tổng : 100																

Trang 1

<

>

Activate Windows
Go to Settings to activate Windows.

Hình: Màn hình Lịch sử đặt lệnh

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem lệnh đã đặt.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem lệnh đã đặt.
- Mã CK: Nhập 1 mã chứng khoán hoặc không nhập gì (mặc định tất cả) để tra cứu các lệnh đã đặt liên quan đến mã chứng khoán đã nhập
- Loại giao dịch: Chọn loại giao dịch của lệnh khớp: mua, bán, bán cầm cố.
- Trạng thái: Chọn trạng thái của lệnh đã đặt.

Bước 3: Nhấn nút “Tìm kiếm” để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút  để kết xuất Lịch sử giao dịch ra file Excel hoặc PDF.

3.3.16.3. Lịch sử lệnh điều kiện

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn tab Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản cơ sở” => “Tra cứu” => “Lịch sử lệnh” => “Lịch sử lệnh điều kiện”

LỊCH SỬ LỆNH ĐIỀU KIỆN													
Từ ngày		Đến ngày		Trạng thái		Loại lệnh		Tìm kiếm					
18/10/2025		17/11/2025		Tất cả		Tất cả							
Loại lệnh	Loại GD	Tiểu khoản	Mã CK	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	KL đã hủy	SHL gốc	Hiệu lực từ ngày	Hiệu lực đến ngày	Thời gian phát sinh	Mô tả lỗi
GTC	Mua	0001006584	AAV	100	7,000	Đã kích hoạt	0	0	003933	17/11/2025	17/11/2025	17/11/2025 09:44:50	Giao dịch thực hiện thành công
STO	Bán	0001006584	TCI	200	7,920	Chờ xử lý	0	0	003935	17/11/2025	17/11/2025	17/11/2025 09:45:40	
STO	Bán	0001006584	TCI	100	9,000	Đã kích hoạt	0	0	003934	17/11/2025	17/11/2025	17/11/2025 09:45:40	
Tổng : 3													

Hình: Màn hình lịch sử lệnh điều kiện

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem lệnh đã đặt.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem lệnh đã đặt.
- Trạng thái: Chọn trạng thái của lệnh đã đặt.
- Loại lệnh: Chọn loại lệnh của lệnh đã đặt.

Bước 3: Nhấn nút “Tìm kiếm” để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút  để kết xuất Lịch sử lệnh điều kiện ra file Excel hoặc PDF.

3.3.16.4. Lịch sử khớp lệnh thoả thuận

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn tab Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản cơ sở” => “Tra cứu” => “Lịch sử lệnh” => “Lịch sử khớp thoả thuận”

LỊCH SỬ KHỚP LỆNH THỎA THUẬN								
Từ ngày		Đến ngày		Mã CK		Loại giao dịch		Tìm kiếm
28/01/2025		28/10/2025		Tất cả		Tất cả		
Số hiệu lệnh	Ngày	Mã CK	Loại giao dịch	KL khớp	Giá khớp	GT khớp	Phí	Thuế
000062	07/10/2025	CEO	Mua	5,000	12,000	60,000,000	90,000	0

Hình: Màn hình Phiếu lệnh thoả thuận

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem phiếu lệnh thoả thuận.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem phiếu lệnh thoả thuận.
- Mã CK: Nhập 1 mã chứng khoán hoặc không nhập gì (mặc định tất cả) để tra cứu các lệnh thoả thuận liên quan đến mã chứng khoán đã nhập.
- Loại giao dịch: Chọn loại giao dịch của lệnh thoả thuận: mua, bán.

Bước 3: Nhấn nút “Tìm kiếm” để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút  để kết xuất phiếu lệnh thoả thuận ra file Excel hoặc PDF.

3.3.17. Lịch sử GD tiền TKGD

3.3.17.1. Sao kê tiền

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản cơ sở” => “Tra cứu” => “Sao kê tài khoản” => “Lịch sử GD tiền TKGD”

LỊCH SỬ GD TIỀN TKGD					
Từ ngày		Đến ngày		Tìm kiếm	
28/09/2025		28/10/2025			
Ngày	Tên giao dịch	Mô tả	Chi tiết giao dịch tiền		Số dư
			Tăng	Giảm	
		ĐẦU KỲ			172,926,141
01/10/2025	PHÍ LƯU KÝ THÁNG	PHÍ LƯU KÝ THÁNG 09/2025	0	52,932	172,873,209
03/10/2025	CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ	CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ: CHUYỂN TIỀN	0	200,000	172,673,209
03/10/2025	LÃI TIỀN GỬI	LÃI TIỀN GỬI THÁNG 10/2025	37,379	0	172,710,588
06/10/2025	CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ TRÊN SỨC MUA	CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ: CHUYỂN TIỀN	20,000	0	172,730,588
06/10/2025	CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ	CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ: CHUYỂN TIỀN	0	28,000	172,702,588
06/10/2025	CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ	CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ: CHUYỂN TIỀN	0	250,002	172,452,586
06/10/2025	CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ	CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ: CHUYỂN TIỀN	0	140,000	172,312,586
06/10/2025	CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ	CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ: CHUYỂN TIỀN	0	26,000	172,286,586
06/10/2025	CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ	CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ: CHUYỂN TIỀN	0	25,000	172,261,586
06/10/2025	CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ	CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ: CHUYỂN TIỀN	0	100,000	172,161,586
06/10/2025	CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ	CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ: CHUYỂN TIỀN	0	250,005	171,911,581
06/10/2025	CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ	CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ: CHUYỂN TIỀN	0	250,000	171,661,581
06/10/2025	CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ	CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ: CHUYỂN TIỀN	0	2,555,555	169,106,026
06/10/2025	CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ	CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ: CHUYỂN TIỀN	0	222,222	168,883,804
06/10/2025	CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ	CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ: CHUYỂN TIỀN	0	333,366	168,550,438
06/10/2025	CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ	CHUYỂN KHOẢN NỘI BỘ: CHUYỂN TIỀN	0	252,222	168,298,216
06/10/2025	ỨNG TRƯỚC TIỀN BÁN	UTTB NGÀY GD: 06.10.2025, NGÀY TT: 08.10.2025	200,000	0	168,498,216
06/10/2025	ỨNG TRƯỚC TIỀN BÁN	PHI UTTB NGÀY GD: 06.10.2025, NGÀY TT: 08.10.2025	0	25,000	168,473,216
06/10/2025	ỨNG TRƯỚC TIỀN BÁN	UTTB NGÀY GD: 06.10.2025, NGÀY TT: 08.10.2025	55,555		168,528,771

Hình: Màn hình Sao kê tiền

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem sao kê tiền.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem sao kê tiền.

Bước 3: Nhấn nút “Tìm kiếm” để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút  để kết xuất sao kê tiền ra file Excel hoặc PDF.

3.3.17.2. Sao kê chứng khoán

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản cơ sở” => “Tra cứu” => “Sao kê tài khoản” => “Sao kê chứng khoán”

SAO KÊ CHỨNG KHOÁN				
Từ ngày	Đến ngày	Mã CK		
28/09/2025	28/10/2025	Tất cả	Tìm kiếm	
Ngày	Mã CK	Mô tả	Chi tiết giao dịch CK	
			Tăng	Giảm
01/10/2025	TDT	Nhận chuyển khoản chứng khoán từ công ty khác	10,000	0
01/10/2025	VID	Nhận chuyển khoản chứng khoán từ công ty khác	6,000	0
01/10/2025	PET	Nhận chuyển khoản chứng khoán từ công ty khác	2,000	0
01/10/2025	BSP	Nhận chuyển khoản chứng khoán từ công ty khác	10,000	0
01/10/2025	ACV	Nhận chuyển khoản chứng khoán từ công ty khác	1,231	0
06/10/2025	AAA	Chuyển khoản nội bộ cùng số lưu ký từ tiểu khoản (0001000001-Thường) sang tiểu khoản (0001590536-Margin thường) (Online)	0	900
06/10/2025	AAA	Chuyển khoản nội bộ cùng số lưu ký từ tiểu khoản (0001590536-Margin thường) sang tiểu khoản (0001000001-Thường) (Online)	2,000	0
06/10/2025	CACB1901	Chuyển khoản nội bộ cùng số lưu ký từ tiểu khoản (0001000001-Thường) sang tiểu khoản (0001590536-Margin thường) (Online)	0	500
06/10/2025	A32	Bán 300 A32 ngày 06/10/25	0	300
07/10/2025	A32	Đăng ký bán chứng khoán lẻ	0	50
07/10/2025	A32	Gửi yêu cầu phong tỏa CK ký quỹ phái sinh	0	30
07/10/2025	AGR	Chuyển khoản nội bộ cùng số lưu ký từ tiểu khoản (0001000001-Thường) sang tiểu khoản (0001590536-Margin thường) (Online)	0	100
07/10/2025	TDT	Chuyển khoản nội bộ cùng số lưu ký từ tiểu khoản (0001000001-Thường) sang tiểu khoản (0001590536-Margin thường) (Online)	0	200
07/10/2025	A32	Hoàn tất rút CK ký quỹ	10	0
09/10/2025	TDC	Nhận chuyển khoản chứng khoán từ công ty khác	2,000	0
09/10/2025	CEO	Mua 5,000 CEO ngày 07/10/25	5,000	0
15/10/2025	VNL	Nhận chuyển khoản chứng khoán từ công ty khác	60,000	0
15/10/2025	HAI	Nhận chuyển khoản chứng khoán từ công ty khác	10,000	0
15/10/2025	PET	Chuyển khoản nội bộ cùng số lưu ký từ tiểu khoản (0001000001-Thường) sang tiểu khoản (0001590536-Margin thường) (Online)	0	50
15/10/2025	TDT	Chuyển khoản nội bộ cùng số lưu ký từ tiểu khoản (0001590536-Margin thường) sang tiểu khoản (0001000001-Thường) (Online)	0	0

Hình: Màn hình Sao kê chứng khoán

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem sao kê chứng khoán.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem sao kê chứng khoán.
- Mã CK: Nhập 1 mã chứng khoán hoặc không nhập gì để tra cứu sao kê liên quan đến mã chứng khoán đã nhập.

Bước 3: Nhấn nút “Tìm kiếm” để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút  để kết xuất sao kê chứng khoán ra file Excel hoặc PDF.

3.3.18. Lịch sử giao dịch thanh toán

3.3.18.1. Lịch sử chuyển tiền

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản cơ sở” => “Tra cứu” => “Lịch sử giao dịch thanh toán” => “Lịch sử chuyển tiền”

LỊCH SỬ CHUYỂN TIỀN

Từ ngày: Đến ngày:



STT	Ngày hiệu lực	Tên người thụ hưởng	Số tài khoản	Số TK thụ hưởng	Tên ngân hàng thụ hưởng	Giá trị	Trạng thái	Hình thức chuyển tiền	Nội dung chuyển tiền
1	28/10/2025	nguyen anh	085C000001	0071001195032	NGOAI THUONG VN (VCB) - hcm - hcm	5,000,000	Chờ duyệt	Chuyển khoản tiền ra ngân hàng (UNC)	Chuyển khoản ra ngoài: / Huỳnh Thanh Tuyền/ 085C000001
2	28/10/2025	nguyen anh	085C000001	0071001195032	NGOAI THUONG VN (VCB) - hcm - hcm	5,000,000	Chờ duyệt	Chuyển khoản tiền ra ngân hàng (UNC)	Chuyển khoản ra ngoài: / Huỳnh Thanh Tuyền/ 085C000001
3	28/10/2025	Huỳnh Thanh Tuyền	085C000001	0001590536		5,000,000	Hoàn tất	Chuyển khoản nội bộ	Chuyển khoản nội bộ: CK NỘI BỘ TỬ THƯỜNG 0001000001 SANG MARGIN
4	28/10/2025	nguyen anh	085C000001	0071001195032	NGOAI THUONG VN (VCB) - hcm - hcm	560,000	Chờ duyệt	Chuyển khoản tiền ra ngân hàng (UNC)	Chuyển khoản ra ngoài: / Huỳnh Thanh Tuyền/ 085C000001
5	28/10/2025	Huỳnh Thanh Tuyền	085C000001	0001590536		50,000	Hoàn tất	Chuyển khoản nội bộ	Chuyển khoản nội bộ: CK NỘI BỘ TỬ THƯỜNG 0001000001 SANG MARGIN
6	28/10/2025	Nguyen Thi A	085C000001	25354645342	DAU TU VA PHAT TRIEN VN (BIDV) - HCM - Q1	5,000,005	Chờ duyệt	Chuyển khoản tiền ra ngân hàng (UNC)	Chuyển khoản ra ngoài: / Huỳnh Thanh Tuyền/ 085C000001
7	28/10/2025	nguyen anh	085C000001	0071001195032	NGOAI THUONG VN (VCB) - hcm - hcm	500,000	Chờ duyệt	Chuyển khoản tiền ra ngân hàng (UNC)	Chuyển khoản ra ngoài: / Huỳnh Thanh Tuyền/ 085C000001
8	28/10/2025	Huỳnh Thanh Tuyền	085C000001	0001590536		500,000	Hoàn tất	Chuyển khoản nội bộ	Chuyển khoản nội bộ: CK NỘI BỘ TỬ THƯỜNG 0001000001 SANG MARGIN
9	28/10/2025	Huỳnh Thanh Tuyền	085C000001	0001590536		500,000	Hoàn tất	Chuyển khoản nội bộ	Chuyển khoản nội bộ: CK NỘI BỘ TỬ THƯỜNG 0001000001 SANG MARGIN
10	28/10/2025	nguyen anh	085C000001	0071001195032	NGOAI THUONG VN (VCB) - hcm - hcm	500,000	Chờ duyệt	Chuyển khoản tiền ra ngân hàng (UNC)	Chuyển khoản ra ngoài: / Huỳnh Thanh Tuyền/ 085C000001
11	28/10/2025	Huỳnh Thanh Tuyền	085C000001	0001590536		500,000	Hoàn tất	Chuyển khoản nội bộ	Chuyển khoản nội bộ: CK NỘI BỘ TỬ THƯỜNG 0001000001 SANG MARGIN
12	28/10/2025	Nguyen Van A	085C000001	131313131313	NONG NGHIEP VA PTNT VN (AGRIBANK) --	500,000	Chờ duyệt	Chuyển khoản tiền ra ngân hàng (UNC)	Chuyển khoản ra ngoài: / Huỳnh Thanh Tuyền/ 085C000001
13	27/10/2025	Huỳnh Thanh Tuyền	085C000001	0001590536		855,555	Hoàn tất	Chuyển khoản nội bộ	Chuyển khoản nội bộ: CHUYEN TIEN
14	27/10/2025	Huỳnh Thanh Tuyền	085C000001	0001590536		555,555	Hoàn tất	Chuyển khoản nội bộ	Chuyển khoản nội bộ: CASH TRANSFER
15	27/10/2025	nguyen anh	085C000001	0071001195032	NGOAI THUONG VN (VCB) - hcm - hcm	500,000	Chờ duyệt	Chuyển khoản tiền ra ngân hàng (UNC)	Chuyển khoản ra ngoài: / Huỳnh Thanh Tuyền/ 085C000001
16	27/10/2025	Huỳnh Thanh Tuyền	085C000001	0001590536		886,633	Hoàn tất	Chuyển khoản nội bộ	Chuyển khoản nội bộ: CHUYEN TIEN
17	27/10/2025	Huỳnh Thanh Tuyền	085C000001	0001590536		5,222,222	Hoàn tất	Chuyển khoản nội bộ	Chuyển khoản nội bộ: CHUYEN TIEN
18	27/10/2025	Huỳnh Thanh Tuyền	085C000001	0001590536		555,552	Hoàn tất	Chuyển khoản nội bộ	Chuyển khoản nội bộ: CHUYEN TIEN
19	27/10/2025	Huỳnh Thanh Tuyền	085C000001	0001590536		500,000	Hoàn tất	Chuyển khoản nội bộ	Chuyển khoản nội bộ: CHUYEN TIEN
20	27/10/2025	nguyen anh	085C000001	0071001195032	NGOAI THUONG VN (VCB) - hcm - hcm	556,666	Chờ duyệt	Chuyển khoản tiền ra ngân hàng (UNC)	Chuyển khoản ra ngoài: / Huỳnh Thanh Tuyền/ 085C000001

Go to Settings to activate Windows.

Hình: Màn hình Lịch sử chuyển tiền

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem lịch sử chuyển tiền.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem lịch sử chuyển tiền.

Bước 3: Nhấn nút “Tìm kiếm” để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút  để kết xuất lịch sử chuyển tiền ra file Excel hoặc PDF.

3.3.18.2. Lịch sử ứng trước

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản cơ sở” => “Tra cứu” => “Lịch sử giao dịch thanh toán” => “Lịch sử ứng trước”

LỊCH SỬ ỨNG TRƯỚC

Từ ngày: 28/09/2025 Đến ngày: 28/10/2025 Tìm kiếm

Ngày ứng	Ngày bán	Ngày thanh toán	Tiền bán	Tiền ứng	Phí ứng	Tiền ứng thực nhận	Số ngày ứng
07/10/2025	06/10/2025	08/10/2025	12,478,725	245,688	25,000	220,688	1
07/10/2025	06/10/2025	08/10/2025	12,478,725	500,000	25,000	475,000	1
07/10/2025	06/10/2025	08/10/2025	12,478,725	587,777	25,000	562,777	1
06/10/2025	06/10/2025	08/10/2025	12,478,725	60,000	25,000	35,000	2
06/10/2025	06/10/2025	08/10/2025	12,478,725	5,000,001	25,000	4,975,001	2
06/10/2025	06/10/2025	08/10/2025	12,478,725	250,000	25,000	225,000	2
06/10/2025	06/10/2025	08/10/2025	12,478,725	250,000	25,000	225,000	2
06/10/2025	06/10/2025	08/10/2025	12,478,725	36,000	25,000	11,000	2
06/10/2025	06/10/2025	08/10/2025	12,478,725	200,000	25,000	175,000	2
06/10/2025	06/10/2025	08/10/2025	12,478,725	55,555	25,000	30,555	2
06/10/2025	06/10/2025	08/10/2025	12,478,725	200,000	25,000	175,000	2
15/10/2025	15/10/2025	17/10/2025	22,593,375	58,000	25,000	33,000	2
15/10/2025	15/10/2025	17/10/2025	22,593,375	22,000,000	25,000	21,975,000	2
15/10/2025	15/10/2025	17/10/2025	22,593,375	255,008	25,000	230,008	2
28/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	2,000,000	25,000	1,975,000	1
28/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	550,000	25,000	525,000	1
28/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	500,000	25,000	475,000	1
28/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	50,000	25,000	25,000	1
28/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	100,000	25,000	75,000	1
28/10/2025	27/10/2025	29/10/2025	5,117,175	79,398	25,000	54,398	1

Activate Windows
Go to Settings to activate Windows.

Hình: Màn hình Lịch sử ứng trước

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem lịch sử ứng trước.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem lịch sử ứng trước.

Bước 3: Nhấn nút “Tìm kiếm” để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút  để kết xuất lịch sử ứng tiền ra file Excel hoặc PDF.

3.3.18.3. Lịch sử đăng ký quyền mua

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản cơ sở” => “Tra cứu” => “Lịch sử giao dịch chứng khoán” => “Lịch sử đăng ký quyền mua”.

LỊCH SỬ ĐĂNG KÝ QUYỀN MUA					
Từ ngày		Đến ngày	Mã CK		
28/09/2025		28/10/2025	Tất cả	Tìm kiếm	
Loại giao dịch	Ngày đăng ký	Mã CK mua	Số lượng CK đăng ký mua	Số tiền mua	Trạng thái
Đăng ký quyền mua	06/10/2025	TDI	500	10,000,000	Hoàn tất
Đăng ký quyền mua	06/10/2025	TDI	500	10,000,000	Hoàn tất
Đăng ký quyền mua	06/10/2025	TDI	100	2,000,000	Hoàn tất
Đăng ký quyền mua	06/10/2025	TDI	200	4,000,000	Hoàn tất
Đăng ký quyền mua	06/10/2025	TDI	200	4,000,000	Hoàn tất
Đăng ký quyền mua	07/10/2025	TDI	100	2,000,000	Hoàn tất
Đăng ký quyền mua	07/10/2025	TDI	500	10,000,000	Hoàn tất
Đăng ký quyền mua	07/10/2025	A32	5	150,000	Hoàn tất
Đăng ký quyền mua	07/10/2025	A32	5	150,000	Hoàn tất
Đăng ký quyền mua	15/10/2025	A32	4	120,000	Hoàn tất
Đăng ký quyền mua	15/10/2025	A32	8	240,000	Hoàn tất
Đăng ký quyền mua	15/10/2025	A32	8	240,000	Hoàn tất
Đăng ký quyền mua	15/10/2025	ACV	50	1,000,000	Hoàn tất
Đăng ký quyền mua	15/10/2025	ACV	400	8,000,000	Hoàn tất
Đăng ký quyền mua	27/10/2025	A32	10	300,000	Hoàn tất
Đăng ký quyền mua	27/10/2025	A32	10	300,000	Hoàn tất
Đăng ký quyền mua	28/10/2025	A32	15	450,000	Hoàn tất
Đăng ký quyền mua	28/10/2025	A32	1	30,000	Hoàn tất
Đăng ký quyền mua	28/10/2025	A32	2	60,000	Hoàn tất
Đăng ký quyền mua	28/10/2025	A32	2	60,000	Hoàn tất

Hình: Màn hình Lịch sử đăng ký quyền mua

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem Lịch sử đăng ký quyền mua.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem Lịch sử đăng ký quyền mua.
- Mã CK: Nhập 1 mã chứng khoán hoặc không nhập gì để tra cứu Lịch sử đăng ký quyền mua liên quan đến mã chứng khoán đã nhập.

Bước 3: Nhấn nút “Tìm kiếm” để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút  để kết xuất lịch sử đăng ký quyền mua ra file Excel hoặc PDF.

3.3.18.4. Lịch sử bán chứng khoán lô lẻ

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản cơ sở” => “Tra cứu” => “Lịch sử giao dịch chứng khoán” => “Lịch sử bán chứng khoán lô lẻ”.

LỊCH SỬ BÁN CHỨNG KHOÁN LÔ LẺ

Từ ngày: 28/09/2025 Đến ngày: 28/10/2025 [Tìm kiếm](#)

Ngày thực hiện	Mã CK	KL được bán	Giá bán	GT bán	Phí	Thuế TNCN	Số tiền nhận được	Trạng thái
07/10/2025	A32	50	31,200	1,560,000	0	1,560	1,558,440	Chờ xử lý

Activate Windows
Go to Settings to activate Windows.

Hình: Màn hình Lịch sử bán chứng khoán lô lẻ

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem Lịch sử bán chứng khoán lô lẻ.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem Lịch sử bán chứng khoán lô lẻ.

Bước 3: Nhấn nút “Tìm kiếm” để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút  để kết xuất lịch sử bán chứng khoán lô lẻ ra file Excel hoặc PDF.

3.3.18.5. Lịch sử gia hạn khoản vay ký quỹ

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn tab Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản cơ sở” => “Tra cứu” => “Lịch sử giao dịch chứng khoán” => “Lịch sử gia hạn khoản vay ký quỹ”.

LỊCH SỬ GIA HẠN KHOẢN VAY KÝ QUỸ

Từ ngày: 29/09/2025 Đến ngày: 29/10/2025 [Tìm kiếm](#)

Ngày gia hạn	Mã món vay	Ngày giải ngân	Ngày đến hạn cũ	Ngày đến hạn mới	Số ngày gia hạn	Gốc gia hạn	Phí gia hạn	Kênh thực hiện
07/10/2025	19851	06/10/2025	08/10/2025	10/10/2025	2	5,841,752	0	Sản giao dịch

Hình: Màn hình lịch sử gia hạn khoản vay ký quỹ

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem Lịch sử gia hạn khoản vay ký quỹ.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem Lịch sử gia hạn khoản vay ký quỹ.

Bước 3: Nhấn nút “Tìm kiếm” để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút  để kết xuất lịch sử thanh toán nợ ký quỹ ra file Excel hoặc PDF.

3.3.18.6. Lịch sử thanh toán nợ ký quỹ

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản cơ sở” => “Tra cứu” => “Lịch sử giao dịch chứng khoán” => “Lịch sử thanh toán nợ ký quỹ”.

LỊCH SỬ THANH TOÁN NỢ						
Từ ngày		Đến ngày		Tìm kiếm		Download
29/09/2025		29/10/2025				
Ngày nợ	Phát sinh nợ	Ngày trả nợ	Trả nợ	Trả lãi	Số ngày	Lãi suất
10/09/2025	30,875,489	07/10/2025	16,860,212	400,654	65	13.14
Tổng cộng			16,860,212	400,654		

Hình: Màn hình Lịch sử thanh toán nợ ký quỹ

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem Lịch sử thanh toán nợ ký quỹ.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem Lịch sử thanh toán nợ ký quỹ.

Bước 3: Nhấn nút “Tìm kiếm” để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút  để kết xuất lịch sử thanh toán nợ ký quỹ ra file Excel hoặc PDF.

3.3.19. Tra cứu danh mục ký quỹ

Tra cứu danh mục ký quỹ hiển thị các thông tin như sau:

- Mã CK
- Tỷ lệ tính tài sản
- Tỷ lệ cho vay
- Giá tính tài sản
- Giá tính cho vay

TRA CỨU DANH MỤC KÝ QUỸ				
Mã CK	Tỷ lệ tính tài sản	Tỷ lệ cho vay	Giá tính tài sản	Giá tính cho vay
PVT	30	30	17,600	17,600
ASP	50	40	4,900	4,900
SRF	30	30	7,770	7,770
NT2	40	40	23,600	23,600
DHC	40	40	33,250	33,250
D2D	40	40	35,350	35,350
AAM	40	30	7,190	7,190
MSN	35	35	79,200	79,200
PNJ	50	50	89,400	89,400
PDR	50	50	20,000	20,000
BSI	30	30	41,800	41,800
CCL	20	20	6,450	6,450
MBB	50	50	23,700	23,700
CAV	30	30	59,000	59,000
TCB	50	50	35,000	35,000
VCI	40	40	36,600	36,600
AST	40	40	73,100	73,100
PHR	40	40	55,400	55,400
ASM	50	50	6,890	6,890
PGD	30	30	24,400	24,400
ACC	50	50	13,350	13,350
DHG	50	50	103,500	103,500
ACL	40	40	12,000	12,000

3.3.20. Sản phẩm

Trang hiển thị các thông tin về các sản phẩm của Công ty cổ phần Chứng khoán Thành Công.

Các thông số:

- Tài khoản sử dụng
- Số ngày miễn lãi
- Lãi suất sau thời gian miễn lãi
- Nguồn dư nợ được miễn lãi
- Phí giao dịch
- Hạn mức giao dịch

Sản phẩm TCI-M5

SẢN PHẨM TCI-M5	
Thông số	Nội dung
Tài khoản sử dụng	Tiểu khoản MGTT hoặc MGĐTT
05 ngày đầu tiên (kể từ ngày giải ngân)	6%
Lãi suất từ ngày T+6 đến Tn	14.5%
Nguồn dư nợ áp dụng	Áp dụng đối với nguồn dư nợ giải ngân từ TCSC
Phí giao dịch	0.1%
Phí UT	13.25%
Hạn mức dư nợ	Theo hạn mức được duyệt trên tài khoản

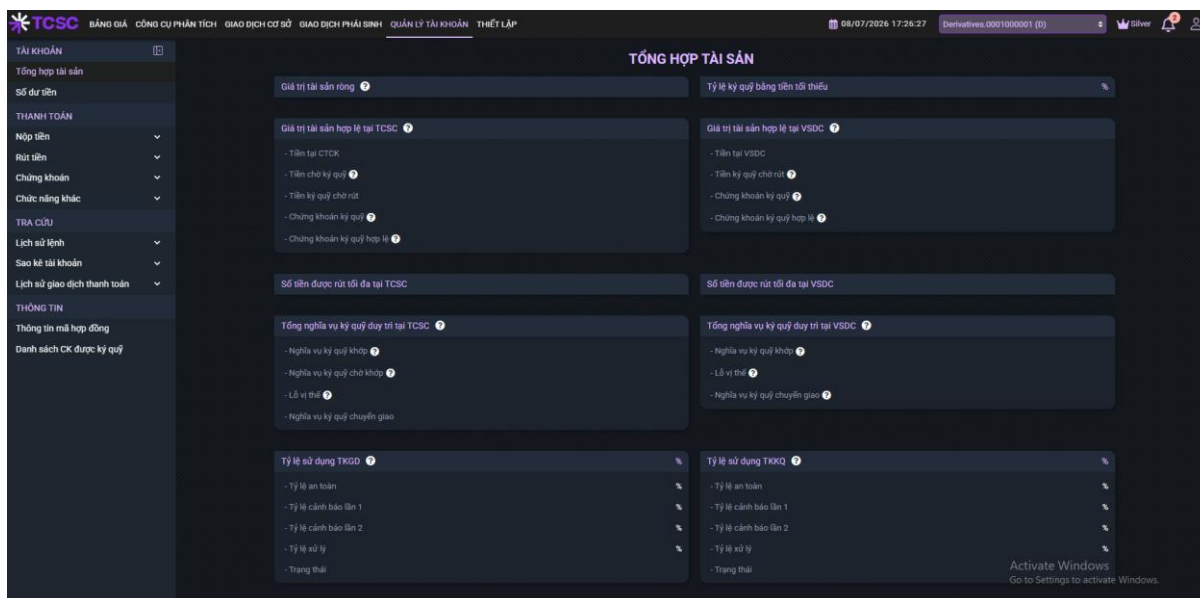
Sản phẩm TCI-M9

SẢN PHẨM TCI-M9	
Thông số	Nội dung
Tài khoản sử dụng	Tiểu khoản MGTT hoặc MGĐTT
09 ngày đầu tiên (kể từ ngày giải ngân)	6%
Lãi suất từ ngày T+10 đến Tn	17%
Nguồn dư nợ áp dụng	Áp dụng đối với nguồn dư nợ giải ngân từ TCSC
Phí giao dịch	0.1%
Phí UT	13.25%
Hạn mức dư nợ	Theo hạn mức được duyệt trên tài khoản

3.4. Tài khoản phái sinh

3.4.1. Tổng hợp tài sản

Vào Quản lý tài khoản => Tài khoản phái sinh => Tổng hợp tài sản



The screenshot shows the 'TỔNG HỢP TÀI SẢN' (Total Assets) page in the TCSC web application. The page is divided into several sections:

- Giá trị tài sản ròng** (Net Asset Value): Displays the net asset value for the user's account.
- Giá trị tài sản hợp lệ tại TCSC** (Valid Assets at TCSC): Lists the assets held at TCSC, including positions in various derivatives.
- Giá trị tài sản hợp lệ tại VSDC** (Valid Assets at VSDC): Lists the assets held at VSDC, including positions in various derivatives.
- Số tiền được rút tối đa tại TCSC** (Maximum Withdrawal at TCSC): Displays the maximum withdrawal amount at TCSC.
- Số tiền được rút tối đa tại VSDC** (Maximum Withdrawal at VSDC): Displays the maximum withdrawal amount at VSDC.
- Tổng nghĩa vụ kỳ quỹ duy trì tại TCSC** (Total Margin Requirements at TCSC): Lists the margin requirements for the user's positions at TCSC.
- Tổng nghĩa vụ kỳ quỹ duy trì tại VSDC** (Total Margin Requirements at VSDC): Lists the margin requirements for the user's positions at VSDC.
- Tỷ lệ sử dụng TKGO** (TKGO Usage Ratio): Displays the ratio of TKGO usage for the user's positions.
- Tỷ lệ sử dụng TKGO** (TKGO Usage Ratio): Displays the ratio of TKGO usage for the user's positions.

Hình: Màn hình tổng hợp tài sản

STT	Tên trường	Diễn giải
1.	Giá trị tài sản ròng	Tiền tại CTCK – Tổng số Tiền chậm trả – Tổng giá trị Phí,thuế + Tiền tại VSDC + Tiền chờ ký quỹ + Tiền ký quỹ chờ rút + Chứng khoán ký quỹ hợp lệ + Lãi vị thế hoặc – Lỗ vị thế
2.	Giá trị tài sản hợp lệ tại TSCS	Các chứng khoán được làm tài sản ký quỹ và qui định tỷ trọng tối thiểu của tiền mặt. Tiền tại VSD + Min (Chứng khoán ký quỹ, (1- Tỷ lệ tiền mặt trong TSKQ) * (Max (0, Tiền tại VSDC)/ Tỷ lệ tiền mặt trong TSKQ))
3.	Tiền tại CTCK	Số dư tiền tại công ty chứng khoán
4.	Tiền chờ ký quỹ	Tiền đã nộp ký quỹ nhưng chưa được VSD duyệt
5.	Tiền chờ rút	Tiền chờ rút (chuyển tiền ra tài khoản ngân hàng)
Tổng số dư chứng khoán ký quỹ qui đổi: Số lượng * Giá tham chiếu * (1-Tỷ lệ giảm trừ) của các HĐ TA = $\sum Q_i * \text{Min}(P_i; P_{\text{Max } i}) * (1 - \text{Haircut})$		
6.	Chứng khoán ký quỹ	- Haircut: Tỷ lệ giảm tài sản giảm trừ, nếu dùng tài sản làm cọc ký quỹ mở vị thế - Q_i: Khối lượng chứng khoán cơ sở đã ký quỹ trên CCP - P_i: Giá định giá làm TSDB từng mã CK đảm bảo i - $P_{\text{max } i}$: Giá tối đa của chứng khoán cơ sở được phép định giá làm TSDB
7.	Chứng khoán ký quỹ hợp lệ	$\text{Min (Chứng khoán ký quỹ, (1-Tỷ lệ tiền mặt trong TSKQ) * Max (0, Tiền tại VSD)/ Tỷ lệ tiền mặt trong TSKQ)) = min(TA, (1 - h) * } \frac{\text{Max}(0, \text{IMcash})}{h}$

STT	Tên trường	Diễn giải
8.	Số tiền được rút tối đa tại TCSC	$= \text{Max} \left(0, \text{Min} \left(TV_{cash} - \frac{RMA_{ccp} + RMO_{ccp}}{R_{atccp}} \right. \right. \\ + \text{Min} \left(TA; (1 - h) \right. \\ \left. \left. * \frac{RMA_{ccp} + RMO_{ccp}}{R_{atccp}} \right), TV_{cash} \right. \\ \left. - \frac{RMA_{DTA} + RMO_{DTA}}{R_{atctck}} + \text{Min} (TA; (1 - h)) \right. \\ \left. \left. * \frac{RMA_{DTA} + RMO_{DTA}}{R_{atctck}}, TV_{cash}, FDS_{cash} - D \right. \right. \\ \left. \left. - Fee \right) \right)$
9.	Tổng nghĩa vụ ký quỹ duy trì tại TCSC	Nghĩa vụ ký quỹ khớp + Nghĩa vụ ký quỹ chờ khớp + Lỗi vị thế + Nghĩa vụ ký quỹ chuyển giao
10.	Nghĩa vụ ký quỹ khớp	Giá trị ký quỹ duy trì yêu cầu của các hợp đồng đã khớp IM = $\sum$ IM Rate * M * PRICE_SECURED * QNET - IM Rate: Tỷ lệ ký quỹ ban đầu của từng instrument - M: Hệ số nhân – Đơn giá của mỗi Instrument - PRICE_SECURED: Giá Realtime của mã chứng khoán - QNET: Khối lượng vị thế mở cần tới cọc dùng để tính ký quỹ cho trường hợp NET vị thế tự động
11.	Nghĩa vụ ký quỹ chờ khớp	Giá trị ký quỹ duy trì yêu cầu của các hợp đồng chưa khớp $RMO = \sum_i^n QP_{IM} * R_{IM} * \text{Giá cọc } i$
12.	Lỗi vị thế	Lỗi vị thế hôm qua + Lỗi vị thế hôm nay - Lỗi vị thế hôm qua: Lỗi vị thế hôm qua khi áp dụng thanh toán lỗi cuối ngày mai (E+1)

STT	Tên trường	Diễn giải
		- Lỗi vị thế hôm nay: Lỗi vị thế trong ngày, bao gồm lỗi đã thực hiện + lỗi chưa thực hiện
13.	Nghĩa vụ ký quỹ chuyển giao	Là giá trị ký quỹ chuyển giao áp dụng cho các mã phái sinh có giao hàng vật chất và các vị thế từ ngày giao dịch cuối cùng (Expired date) đến ngày thanh toán cuối cùng (Settlement date)
14.	Tỷ lệ sử dụng TKGD	Là tỷ lệ giữa tổng giá trị ký quỹ yêu cầu so với Giá trị tài sản ký quỹ hợp lệ trên TK giao dịch $= \frac{RMA_{DTA} + RMO_{DTA}}{TV_{cash} + Min(TA, (1 - h) * \frac{Max(0, TV_{cash})}{h})} * 100\%$ RMA_{DTA}: Có bao gồm lỗi VM trong ngày, và lỗi VM hôm qua
15.	Tỷ lệ an toàn	Tỷ lệ an toàn áp dụng cho tài khoản giao dịch
16.	Tỷ lệ cảnh báo 1	Tỷ lệ cảnh báo 1 áp dụng cho tài khoản giao dịch
17.	Tỷ lệ cảnh báo 2	Tỷ lệ cảnh báo 2 áp dụng cho tài khoản giao dịch
18.	Tỷ lệ xử lý	Tỷ lệ xử lý áp dụng cho tài khoản giao dịch
19.	Trạng thái	Trạng thái hiện tại của tài khoản: - An toàn - Cảnh báo sớm - Cảnh báo lần 1 - Cảnh báo lần 2 - Xử lý
20.	Giá trị bổ sung TKGD	Max (Số tiền nộp thêm view DR02; Số tiền nộp thêm view DR04)

STT	Tên trường	Diễn giải
		$= \text{Max} \left(0, \frac{RMA_{DTA} + RMO_{DTA}}{Rat_{CTCK}} - TV_{cash} - \text{Min} \left(TA, \frac{RMA_{DTA} + RMO_{DTA}}{Rat_{ctck}} * (1 - h) \right) \right)$
21.	Số tiền xử lý TKGD	Số tiền xử lý TKGD
22.	Sức mua cơ bản	PP0 cơ bản của tài khoản DTA $PP = ECA_{DTA} * Rat_{DTA} - RMA_{DTA} - RMO_{DTA}$
23.	Sức bán cơ bản	PP0 cơ bản của tài khoản DTA $PP = ECA_{DTA} * Rat_{DTA} - RMA_{DTA} - RMO_{DTA}$
24.	Lãi/ lỗ vị thế trong ngày	Lãi lỗ vị thế trong ngày: bao gồm lãi lỗ đã thực hiện và lỗ vị thế chưa thực hiện trong ngày - Giá trị > 0: Lãi - Giá trị < 0: Lỗ
25.	Tổng tiền chậm trả đến hạn	Max (VM lỗ hôm qua chưa thanh toán + Khoản chậm trả + Phí chậm trả - VM lãi hôm qua chưa thanh toán; 0)
26.	Tổng tiền chậm trả còn thiếu	Max (VM lỗ hôm qua chưa thanh toán + Khoản chậm trả + Phí chậm trả - Tiền tại CTCK - VM lãi hôm qua chưa thanh toán; 0)
27.	Tổng số tiền chậm trả	Khoản gốc chậm trả + Phí chậm trả
28.	Khoản chậm trả	Khoản gốc chậm trả
29.	Phí chậm trả	Phí chậm trả

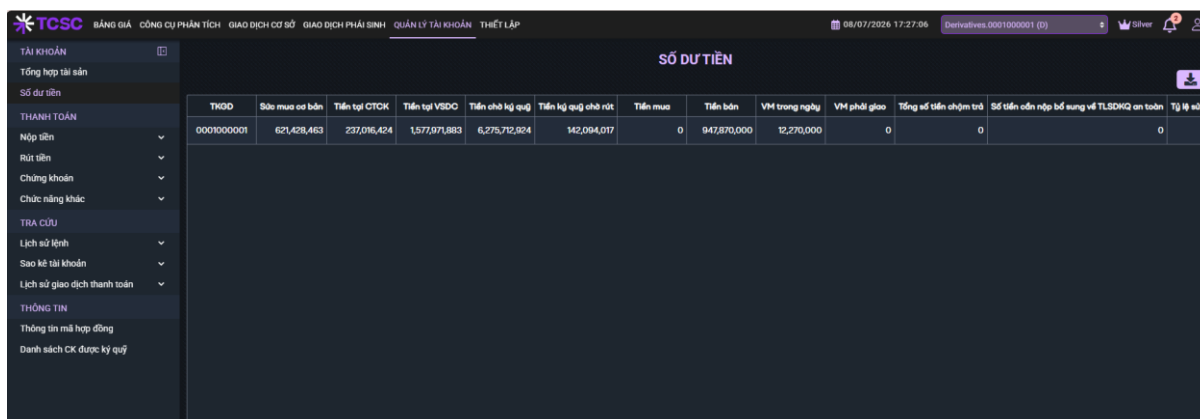
STT	Tên trường	Diễn giải
		Các chứng khoán được làm tài sản ký quỹ và qui định tỷ trọng tối thiểu của tiền mặt.
30.	Giá trị tài sản hợp lệ tại VSD	$ECA_{DTA} = TV_{cash} + \min(TA, (1 - h) * \frac{Max(0, TV_{cash})}{h})$ Tiền tại VSD + Min (Chứng khoán ký quỹ, (1- Tỷ lệ tiền mặt trong TSKQ) * (Max (0, Tiền tại VSD)/ Tỷ lệ tiền mặt trong TSKQ))
31.	Tiền tại VSD	Tiền đã nộp ký quỹ tại VSD
32.	Tiền ký quỹ chờ rút	Tiền đã rút ký quỹ nhưng chưa được VSD duyệt
		Tổng số dư chứng khoán ký quỹ qui đổi :
		Số lượng * Giá tham chiếu * (1-Tỷ lệ giảm trừ) của các HĐ
		$TA = \sum Q_i * \min(P_i; P_{Max_i}) * (1 - Haircut)$
33.	Chứng khoán ký quỹ	- Haircut: Tỷ lệ giảm tài sản giảm trừ, nếu dùng tài sản làm cọc ký quỹ mở vị thế - Q_i: Khối lượng chứng khoán cơ sở đã ký quỹ trên CCP - P_i: Giá định giá làm TSDB từng mã CK đảm bảo i - P_{max_i}: Giá tối đa của chứng khoán cơ sở được phép định giá làm TSDB
34.	Chứng khoán ký quỹ hợp lệ	$= \min(\text{Chứng khoán ký quỹ}, (1 - \text{Tỷ lệ tiền mặt trong TSKQ}) * \text{Max}(0, \text{Tiền tại VSD}) / \text{Tỷ lệ tiền mặt trong TSKQ}))$ $= \min(TA, (1 - h) * \frac{Max(0, IM_{cash})}{h})$
35.	Tỷ lệ ký quỹ bằng tiền tối thiểu	Tỷ lệ tiền mặt tối thiểu trong TSKQ
36.	Số tiền được rút tối đa tại VSD	$= \text{Max}(0, \min(IM_{cash}, IM_{cash} - \frac{RMA_{ccp} + RMO_{ccp}}{Rat_{ccp}} + \frac{RMA_{ccp} + RMO_{ccp}}{Rat_{ccp}} (1 - h)))$

STT	Tên trường	Diễn giải
37.	Tổng nghĩa vụ ký quỹ duy trì tại VSD	Nghĩa vụ ký quỹ khớp + Nghĩa vụ ký quỹ chờ khớp + Lỗ vị thế + Nghĩa vụ ký quỹ chuyển giao
		Giá trị ký quỹ duy trì yêu cầu của các hợp đồng đã khớp
		$IM = \sum IM\ Rate * M * PRICE_SECURED * QNET$
38.	Nghĩa vụ ký quỹ khớp	- IM Rate: Tỷ lệ ký quỹ ban đầu của từng instrument - M: Hệ số nhân – Đơn giá của mỗi Instrument - PRICE_SECURED: Giá Realtime của mã chứng khoán - QNET : Khối lượng vị thế mở cần tới cọc dùng để tính ký quỹ cho trường hợp NET vị thế tự động
39.	Lỗ vị thế	Lỗ vị thế hôm qua + Lỗ vị thế hôm nay - Lỗ vị thế hôm qua: Lỗ vị thế hôm qua khi áp dụng thanh toán lỗ cuối ngày mai (E+1) - Lỗ vị thế hôm nay: Lỗ vị thế trong ngày, bao gồm lỗ đã thực hiện + lỗ chưa thực hiện
40.	Nghĩa vụ ký quỹ chuyển giao	Là giá trị ký quỹ chuyển giao áp dụng cho các mã phái sinh có giao hàng vật chất và các vị thế từ ngày giao dịch cuối cùng (Expired date) đến ngày thanh toán cuối cùng (Settlement date).
41.	Tỷ lệ sử dụng TKKQ	Là tỷ lệ giữa tổng giá trị ký quỹ yêu cầu so với Giá trị tài sản ký quỹ hợp lệ trên TKKQ.
42.	Tỷ lệ an toàn	Tỷ lệ an toàn áp dụng cho tài khoản ký quỹ
43.	Tỷ lệ cảnh báo 1	Tỷ lệ cảnh báo 1 áp dụng cho tài khoản ký quỹ
44.	Tỷ lệ cảnh báo 2	Tỷ lệ cảnh báo 2 áp dụng cho tài khoản ký quỹ
45.	Tỷ lệ xử lý	Tỷ lệ xử lý áp dụng cho tài khoản ký quỹ
46.	Trạng thái	Trạng thái hiện tại của tài khoản: - An toàn

STT	Tên trường	Diễn giải
		- Cảnh báo sớm - Cảnh báo lần 1 - Cảnh báo lần 2 - Xử lý
47.	Giá trị bổ sung TKKQ	Số tiền cần nộp để đưa tỷ lệ TKKQ về ngưỡng an toàn =Max (Số tiền nộp thêm view DR01; Số tiền nộp thêm view DR03) $= \text{Max}(0, \frac{RMA_{CCP}}{R_{At_ccp}} - IM_{cash} - \text{Min}(TA, \frac{RMA_{ccp}}{R_{at_ccp}} * (1 - h)))$ $= \text{min}(TA, (1 - h) * \frac{\text{Max}(0, IM_{cash})}{h})$
48.	Số tiền xử lý TKKQ	Số tiền xử lý TKKQ
49.	Tổng giá trị phí, thuế	Phí vị thế tạm tính + Phí giao dịch trong ngày + Phí quản lý TSKQ tạm tính
50.	Phí vị thế tạm tính	Phí quản lý vị thế tạm tính để trả VSD
51.	Phí giao dịch trong ngày	Phí giao dịch CTCK thu + Phí giao dịch trả Sở
52.	<i>Phí giao dịch tại TCSC</i>	Phí giao dịch tại TCSC
53.	<i>Phí giao dịch trả sở</i>	Phí giao dịch trả sở
54.	Phí quản lý TSKQ tạm tính	Phí quản lý TSKQ tạm tính để trả VSD
55.	Thuế TNCN	Thuế thu nhập cá nhân
56.	Tiền phong tỏa	Tiền phong tỏa của tài khoản.

3.4.2. Số dư tiền

Vào Quản lý tài khoản => Tài khoản phái sinh => Số dư tiền



TKGD	Sức mua cơ bản	Tiền tại CTCK	Tiền tại VSDC	Tiền chờ ký quỹ	Tiền ký quỹ chờ rút	Tiền mua	Tiền bán	VM trong ngày	VM phải giao	Tổng số tiền chậm trả	Số tiền cần nộp bổ sung về TLSĐKQ an toàn	Tỷ lệ sử
0001000001	621,428,463	237,086,424	1,577,971,883	6,275,762,824	142,064,017	0	947,870,000	12,270,000	0	0	0	

Hình: Màn hình số dư tiền

Gồm các trường:

- TKGD: Số tài khoản giao dịch của bạn.
- Sức mua cơ bản: Khả năng mua tối đa dựa trên tài sản hiện có.
- Tiền tại CTCK: Số tiền bạn đang có tại công ty chứng khoán (CTCK).
- Tiền tại VSDC: Số tiền lưu trữ tại Trung tâm lưu ký chứng khoán (VSDC).
- Tiền chờ ký quỹ: Số tiền đang chờ để ký quỹ cho các giao dịch tương lai.
- Tiền ký quỹ chờ rút: Số tiền ký quỹ đã yêu cầu rút nhưng chưa hoàn tất.
- Tiền mua: Số tiền các giao dịch mua.
- Tiền bán: Số tiền thu được từ các giao dịch bán.
- VM trong ngày: Giá trị margin (ký quỹ) trong ngày.
- VM phải giao: Số tiền ký quỹ phải giao.
- Tổng số tiền chậm trả: Tổng số tiền chưa thanh toán đúng hạn.
- Số tiền cần nộp bổ sung về TLSĐKQ an toàn: Số tiền cần nộp bổ sung để đảm bảo an toàn tài khoản.
- Tỷ lệ sử dụng TS ký quỹ: Tỷ lệ tài sản ký quỹ đang được sử dụng, hiển thị dưới dạng phần trăm.

3.4.3. Nộp tiền

3.4.3.1. Nộp tiền từ Từ TKCS vào TKPS

Bước 1: Vào Quản lý tài khoản => Tài khoản phái sinh => Thanh toán => Nộp tiền => Từ TKCS vào TKPS

Bước 2: Nhập số tiền nộp thoả mãn điều kiện rút (Số tiền nộp phải nhỏ hơn hoặc bằng Số tiền được rút từ TKCS)

TỪ TKCS VÀO TKPS

✎

Thông tin

🔒

Xác nhận

✓

Kết thúc

THÔNG TIN GIAO DỊCH

TK ký quỹ

085C000001

TK giao dịch

0001000001.Derivatives

Số tiền được rút từ TKCS

18,502,476,044

Số tiền nộp

500,000

Chú ý: Thời gian nộp tiền từ TKCS vào TKPS từ 08:30 đến 18:00.

Tiếp tục

Làm mới

Bước 3: Nhấn nút “Tiếp tục” để thực hiện chuyển tiền. Nhấn nút “Làm mới” để xóa hết thông tin đã nhập.

Bước 4: Xác nhận thông tin nộp tiền. Nhập mã OTP hoặc Mã SmartOTP và nhấn “Tiếp tục” để hoàn tất nộp tiền từ cơ sở sang phái sinh.

TỪ TKCS VÀO TKPS

 Thông tin
 Xác nhận
 Kết thúc

NGƯỜI THỤ HƯỞNG

TK ký quỹ	085C000001
TK giao dịch	0001000001.Derivative
Tên người thụ hưởng	HUỲNH THANH TUYỀN

CHI TIẾT

Số tiền nộp	500,000
Số tiền bằng chữ	Năm trăm nghìn đồng chẵn

XÁC THỰC

Chọn xác thực

Nhập mã OTP

SMS OTP

88

Tiếp tục

Quay lại

TỪ TKCS VÀO TKPS

 Thông tin
 Xác nhận
 Kết thúc



Giao dịch thành công

NGƯỜI THỤ HƯỞNG

TK ký quỹ	085C000001
TK giao dịch	0001000001.Derivative
Tên người thụ hưởng	HUỲNH THANH TUYỀN

CHI TIẾT

Số tiền nộp	500,000
Số tiền bằng chữ	Năm trăm nghìn đồng chẵn

Giao dịch khác

Tra cứu chi tiết

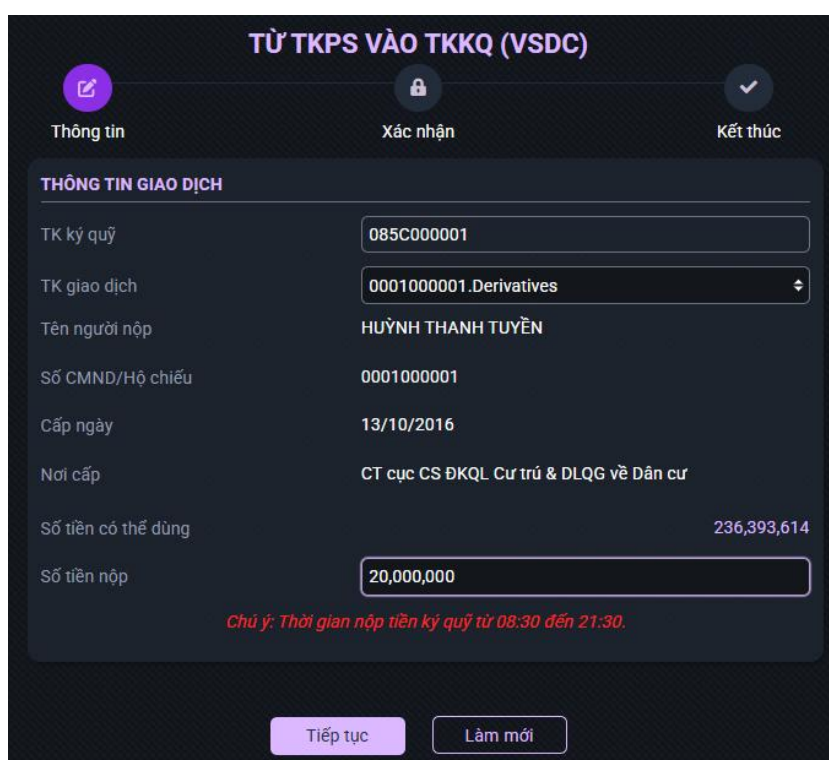
Hình: Màn hình kết thúc nộp tiền

- Nhấn vào Giao dịch khác để trở về màn hình thông tin để thực hiện giao dịch nộp tiền khác.
- Nhấn vào Tra cứu chi tiết sẽ chuyển đến Lịch sử nộp tiền từ TKCS sang TKPS để tra cứu giao dịch chuyển tiền đã thực hiện.

3.4.3.2. Nộp tiền từ TKPS vào TTKQ (VSDC)

Bước 1: Vào Quản lý tài khoản => Tài khoản phái sinh => Thanh toán => Nộp tiền => Từ TKPS vào TTKQ (VSDC)

Bước 2: Nhập số tiền nộp thỏa mãn điều kiện rút (Số tiền nộp phải nhỏ hơn hoặc bằng Số tiền có thể dùng)



Bước 3: Nhấn nút “Tiếp tục” để thực hiện chuyển tiền. Nhấn nút “Làm mới” để xóa hết thông tin đã nhập.

Bước 4: Xác nhận thông tin nộp tiền. Nhập mã OTP hoặc Mã SmartOTP và nhấn “Tiếp tục” để hoàn tất nộp tiền từ TKPS vào TTKQ (VSDC).

TỪ TKPS VÀO TTKQ (VSDC)

Thông tin Xác nhận Kết thúc

XÁC NHẬN GIAO DỊCH

TK giao dịch	0001000001.Derivatives
Số tiền nộp	20,000,000
Phí chuyển tiền	7,000
Phí VAT	700
Số tiền thực cắt	20,000,000
Số tiền thực nhận	19,992,300

XÁC THỰC

Chọn xác thực: SMS OTP

Nhập mã OTP: 88

Tiếp tục Quay lại

TỪ TKPS VÀO TTKQ (VSDC)

Thông tin Xác nhận Kết thúc

Giao dịch thành công

THÔNG TIN

TK giao dịch	0001000001.Derivatives
Số tiền nộp	20,000,000
Phí chuyển tiền	7,000
Phí VAT	700
Số tiền thực cắt	20,000,000
Số tiền thực nhận	19,992,300

Giao dịch khác Tra cứu chi tiết

Hình: Màn hình kết thúc nộp tiền

- Nhấn vào Giao dịch khác để trở về màn hình thông tin để thực hiện giao dịch nộp tiền khác.
- Nhấn vào Tra cứu chi tiết sẽ chuyển đến Lịch sử nộp tiền từ TKPS vào TTKQ (VSDC) để tra cứu giao dịch chuyển tiền đã thực hiện.

3.4.4. Rút tiền

3.4.4.1. Rút tiền từ TTKQ (VSDC) về TKPS

Bước 1: Vào Quản lý tài khoản => Tài khoản phái sinh => Thanh toán => Rút tiền => Từ TTKQ (VSDC) về TKPS

Bước 2: Nhập số tiền rút thỏa mãn điều kiện rút (Số tiền nộp phải nhỏ hơn hoặc bằng Số tiền tối đa được rút)

TỪ TTKQ (VSDC) VỀ TKPS

 Thông tin
 Xác nhận
 Kết thúc

THÔNG TIN GIAO DỊCH

TK ký quỹ	085C000001
TK giao dịch	0001000001.Derivatives
Tên người nộp	Huỳnh Thanh Tuyền
Số CMND/Hộ chiếu	0001000001
Cấp ngày	13/10/2016
Nơi cấp	CT cục CS ĐKQL Cư trú & DLQG về Dân cư
Số tiền tối đa được rút	1,577,971,883
Số tiền rút	0

Chú ý:
 1) Thời gian rút tiền ký quỹ từ 08:00 đến 20:00.
 2) Quý khách thực hiện rút tiền ký quỹ sau 5 phút kể từ khi đóng vị thế (nếu có).

Tiếp tục
Làm mới

Bước 3: Nhấn nút “Tiếp tục” để thực hiện chuyển tiền. Nhấn nút “Làm mới” để xóa hết thông tin đã nhập.

Bước 4: Xác nhận thông tin rút tiền. Nhập mã OTP hoặc Mã SmartOTP và nhấn “Tiếp tục” để hoàn tất rút tiền từ TTKQ (VSDC) về TKPS.

TỪ TKKQ (VSDC) VỀ TKPS

Thông tin | Xác nhận | Kết thúc

XÁC NHẬN GIAO DỊCH

Số tiền rút	10,000,000
Phí chuyển tiền	10,000
Phí VAT	0
Số tiền thực cắt	10,000,000
Số tiền thực nhận	9,990,000

XÁC THỰC

Chọn xác thực: SMS OTP

Nhập mã OTP: 73

Tiếp tục Quay lại

TỪ TKKQ (VSDC) VỀ TKPS

Thông tin | Xác nhận | Kết thúc

Giao dịch thành công

THÔNG TIN

Số tiền rút	10,000,000
Phí chuyển tiền	10,000
Phí VAT	0
Số tiền thực cắt	10,000,000
Số tiền thực nhận	9,990,000

Giao dịch khác Tra cứu chi tiết

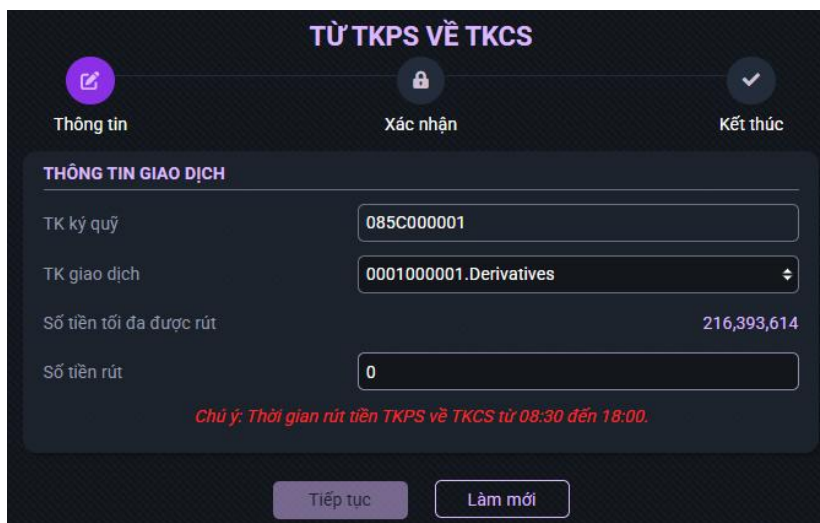
Hình: Màn hình kết thúc rút tiền

- Nhấn vào Giao dịch khác để trở về màn hình thông tin để thực hiện giao dịch nộp tiền khác.
- Nhấn vào Tra cứu chi tiết sẽ chuyển đến Lịch sử rút tiền từ TKKQ (VSDC) sang TKPS để tra cứu giao dịch chuyển tiền đã thực hiện.

3.4.4.2. Rút tiền từ TKPS về TKCS

Bước 1: Vào Quản lý tài khoản => Tài khoản phái sinh => Thanh toán => Rút tiền => Từ TKPS về TKCS

Bước 2: Nhập số tiền rút thoả mãn điều kiện rút (Số tiền nộp phải nhỏ hơn hoặc bằng Số tiền tối đa được rút)



TỪ TKPS VỀ TKCS

Thông tin Xác nhận Kết thúc

THÔNG TIN GIAO DỊCH

TK ký quỹ: 085C000001

TK giao dịch: 0001000001.Derivatives

Số tiền tối đa được rút: 216,393,614

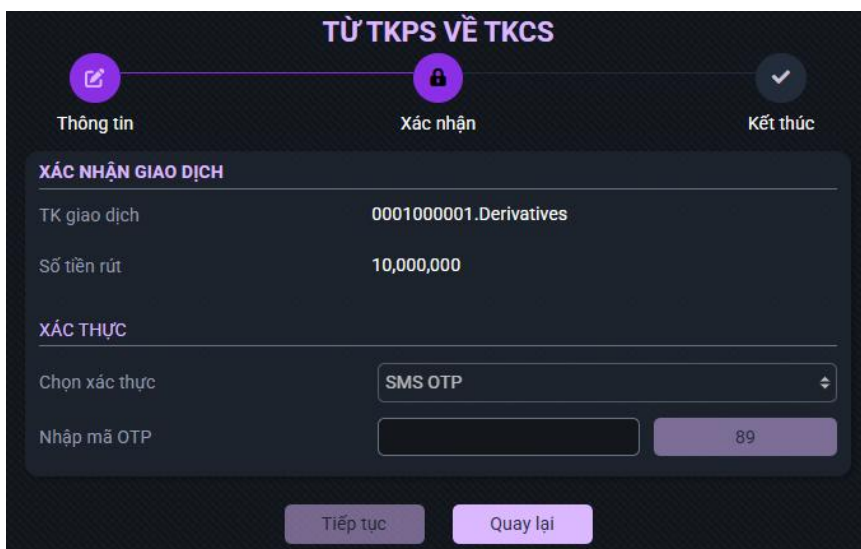
Số tiền rút: 0

Chú ý: Thời gian rút tiền TKPS về TKCS từ 08:30 đến 18:00.

Tiếp tục Làm mới

Bước 3: Nhấn nút “Tiếp tục” để thực hiện chuyển tiền. Nhấn nút “Làm mới” để xoá hết thông tin đã nhập.

Bước 4: Xác nhận thông tin rút tiền. Nhập mã OTP hoặc Mã SmartOTP và nhấn “Tiếp tục” để hoàn tất rút tiền từ TKPS về TKCS.



TỪ TKPS VỀ TKCS

Thông tin Xác nhận Kết thúc

XÁC NHẬN GIAO DỊCH

TK giao dịch: 0001000001.Derivatives

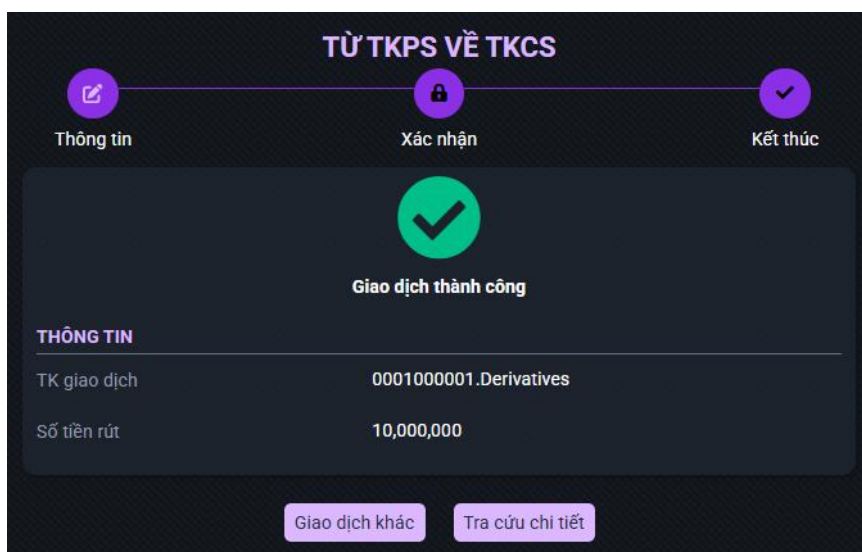
Số tiền rút: 10,000,000

XÁC THỰC

Chọn xác thực: SMS OTP

Nhập mã OTP: 89

Tiếp tục Quay lại



Hình: Màn hình kết thúc rút tiền

- Nhấn vào Giao dịch khác để trở về màn hình thông tin để thực hiện giao dịch nộp tiền khác.
- Nhấn vào Tra cứu chi tiết sẽ chuyển đến Lịch sử rút tiền từ TKPS về TKCS để tra cứu giao dịch chuyển tiền đã thực hiện.

3.4.4.3. Rút tiền từ TKPS ra Ngân hàng

Bước 1: Vào Quản lý tài khoản => Tài khoản phái sinh => Thanh toán => Rút tiền => Từ TKPS về TKCS

Bước 2: Chọn tài khoản thụ hưởng, sau đó thông tin của người thụ hưởng, ngân hàng thụ hưởng, tỉnh/ thành phố và PGD/ Chi nhánh sẽ được load theo số tài khoản thụ hưởng.

TỪ TKPS RA NGÂN HÀNG

 Thông tin
 Xác nhận
 Kết thúc

NGƯỜI CHUYỂN

TK ký quỹ: 085C000001

TK giao dịch: 0001000001.Derivatives

Họ tên: Huỳnh Thanh Tuyền

Số tiền tối đa được chuyển: 206,393,614

CHI TIẾT

Số tiền chuyển:

Nội dung: KH HUYNH THANH TUYEN TKKQ
085C000001 CHUYEN TIEN SANG
TKNH

NGƯỜI THỤ HƯỞNG

Tài khoản thụ hưởng: 0071001195032-1259

Tên người thụ hưởng: NGUYEN ANH

Ngân hàng thụ hưởng: NGOAI THUONG VN (VCB)

Tỉnh/Thành phố: HCM

Chi nhánh/PGD: HCM

* Phí chuyển tiền tính theo qui định của ngân hàng và do người nhận chịu.

Tiếp tục
Làm mới

Bước 3: Nhập số tiền rút thỏa mãn điều kiện rút (Số tiền nộp phải nhỏ hơn hoặc bằng Số tiền tối đa được rút)

Bước 4: Nhấn nút “Tiếp tục” để thực hiện chuyển tiền. Nhấn nút “Làm mới” để xóa hết thông tin đã nhập.

Bước 5: Xác nhận thông tin rút tiền. Nhập mã OTP hoặc Mã SmartOTP và nhấn “Tiếp tục” để hoàn tất rút tiền từ TKPS ra Ngân hàng.

TỪ TKPS RA NGÂN HÀNG



Thông tin



Xác nhận



Kết thúc

NGÂN HÀNG THỤ HƯỞNG

Ngân hàng thụ hưởng	NGOẠI THƯƠNG VN (VCB)
Tỉnh/Thành phố	HCM
Chi nhánh/PGD	HCM

NGƯỜI THỤ HƯỞNG

Số TK ngân hàng	0071001195032-1259
Tên người thụ hưởng	NGUYEN ANH
Số CMND/Hộ chiếu	
Cấp ngày	17/9/2025
Nơi cấp	

CHI TIẾT

Số tiền chuyển	10,000,000
Phí chuyển tiền	7,000
Thuế	700
Số tiền thực nhận	9,992,300
Thời gian thực hiện	10:32:25
Nội dung	KH HUYNH THANH TUYEN TKKQ 085C000001 CHUYEN TIEN SANG TKNH

XÁC THỰC

Chọn xác thực

Nhập mã OTP

SMS OTP

85

Tiếp tục

Quay lại

TỪ TKPS RA NGÂN HÀNG

✍️
Thông tin

🔒
Xác nhận

✅
Kết thúc



Giao dịch thành công

NGÂN HÀNG THỤ HƯỞNG

Ngân hàng thụ hưởng	NGOẠI THƯƠNG VN (VCB)
Tỉnh/Thành phố	HCM
Chi nhánh/PGD	HCM

NGƯỜI THỤ HƯỞNG

Số TK ngân hàng	0071001195032-1259
Tên người thụ hưởng	NGUYEN ANH
Số CMND/Hộ chiếu	
Cấp ngày	17/9/2025
Nơi cấp	

CHI TIẾT

Số tiền chuyển	10,000,000
Phí chuyển tiền	7,000
Thuế	700
Số tiền thực nhận	9,992,300
Thời gian thực hiện	10:33:05
Nội dung	KH HUYNH THANH TUYEN TTKQ 085C000001 CHUYEN TIEN SANG TKNH

Giao dịch khác

Tra cứu chi tiết

Hình: Màn hình kết thúc rút tiền

- Nhấn vào Giao dịch khác để trở về màn hình thông tin để thực hiện giao dịch nộp tiền khác.
- Nhấn vào Tra cứu chi tiết sẽ chuyển đến Lịch sử rút tiền từ TKPS về Ngân hàng để tra cứu giao dịch chuyển tiền đã thực hiện.

3.4.5. Chứng khoán

3.4.5.1. Nộp chứng khoán ký quỹ

Bước 1: Vào Quản lý tài khoản => Tài khoản phái sinh => Thanh toán => Chứng khoán=> Nộp chứng khoán ký quỹ

Bước 2: Chọn Mã chứng khoán cần nộp

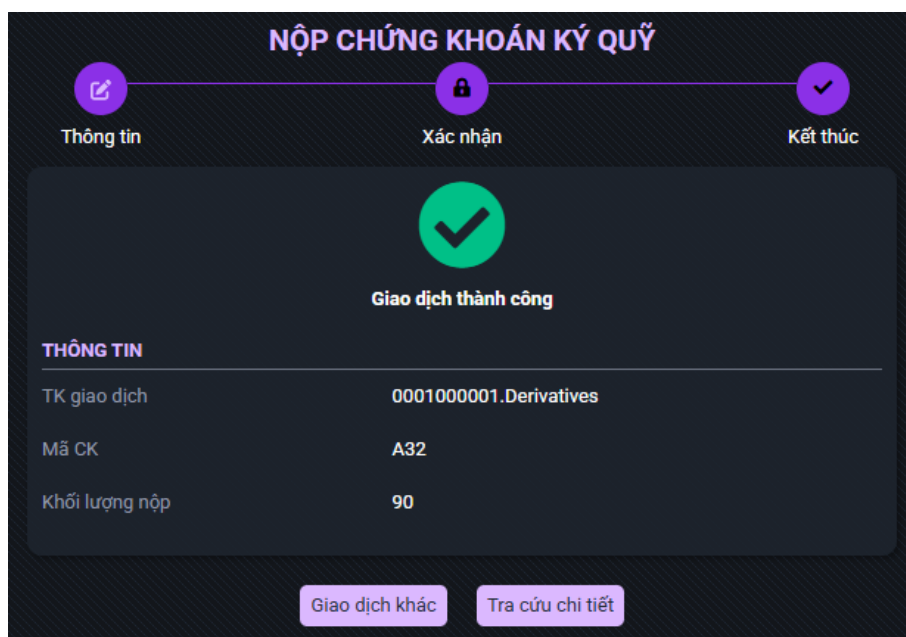
Bước 3: Nhập khối lượng nộp thỏa mãn điều kiện nộp (Khối lượng tối đa nộp ký quỹ)



Bước 4: Nhấn nút “Tiếp tục” để thực hiện nộp chứng khoán. Nhấn nút “Làm mới” để xóa hết thông tin đã nhập.

Bước 5: Xác nhận thông tin nộp chứng khoán. Nhập mã OTP hoặc Mã SmartOTP và nhấn “Tiếp tục” để hoàn tất nộp chứng khoán.





Hình: Màn hình kết thúc nộp chứng khoán

- Nhấn vào Giao dịch khác để trở về màn hình thông tin để thực hiện giao dịch nộp chứng khoán khác.
- Nhấn vào Tra cứu chi tiết sẽ chuyển đến Lịch sử giao dịch tài sản đảm bảo để tra cứu giao dịch đã thực hiện.

3.4.5.2. Rút chứng khoán ký quỹ

Bước 1: Vào Quản lý tài khoản => Tài khoản phái sinh => Thanh toán => Chứng khoán=> Rút chứng khoán ký quỹ

Bước 2: Chọn Mã chứng khoán cần rút

Bước 3: Nhập khối lượng rút thoả mãn điều kiện rút (Khối lượng tối đa rút ký quỹ)

RÚT CHỨNG KHOÁN KÝ QUỸ

Thông tin
 Xác nhận
 Kết thúc

THÔNG TIN GIAO DỊCH

TK ký quỹ	085C000001
TK giao dịch	0001000001.Derivatives
Mã CK	A32
Khối lượng tối đa rút ký quỹ	7
Khối lượng rút	0

Chú ý: Thời gian rút chứng khoán ký quỹ từ 08:00:00 đến 20:00:00.

Tiếp tục
Làm mới

Bước 4: Nhấn nút “Tiếp tục” để thực hiện nộp chứng khoán. Nhấn nút “Làm mới” để xoá hết thông tin đã nhập.

Bước 5: Xác nhận thông tin nộp chứng khoán. Nhập mã OTP hoặc Mã SmartOTP và nhấn “Tiếp tục” để hoàn tất nộp chứng khoán.

RÚT CHỨNG KHOÁN KÝ QUỸ

Thông tin
 Xác nhận
 Kết thúc

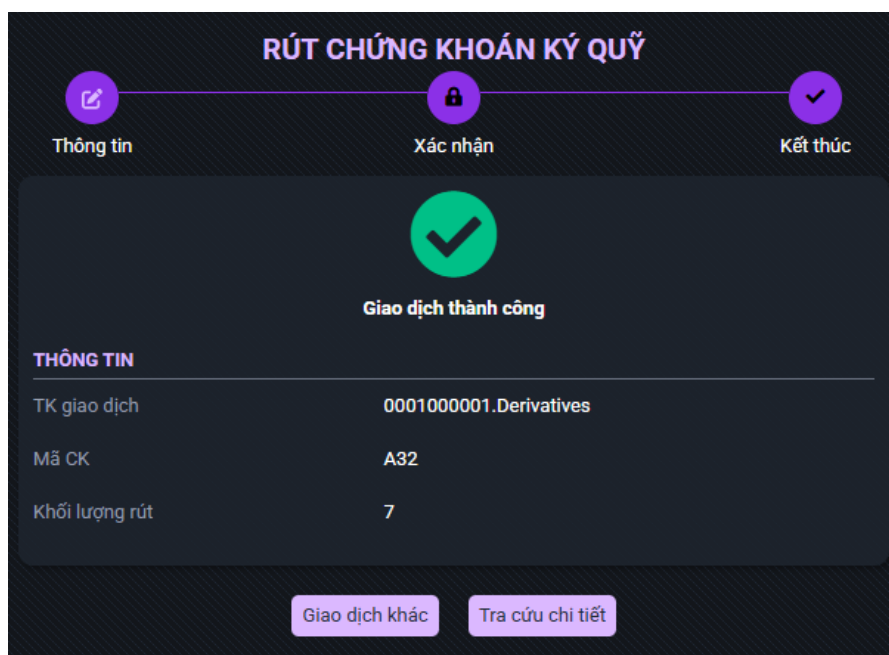
THÔNG TIN

TK giao dịch	0001000001.Derivatives
Mã CK	A32
Khối lượng rút	7

XÁC THỰC

Chọn xác thực	SMS OTP
Nhập mã OTP	86

Tiếp tục
Quay lại



Hình: Màn hình kết thúc rút chứng khoán

- Nhấn vào Giao dịch khác để trở về màn hình thông tin để thực hiện giao dịch rút chứng khoán khác.
- Nhấn vào Tra cứu chi tiết sẽ chuyển đến Lịch sử giao dịch tài sản đảm bảo để tra cứu giao dịch đã thực hiện.

3.4.6. Tất toán khoản chậm trả

Bước 1: Vào Quản lý tài khoản => Tài khoản phái sinh => Chức năng khác => Tất toán khoản chậm trả

Bước 2: Nhập số tiền thanh toán

TẤT TOÁN KHOẢN CHẬM TRẢ


Thông tin


Xác nhận


Kết thúc

THÔNG TIN

TK giao dịch	0001000001.Derivatives
Số dư tiền	100,000,000
Khoản chậm trả	99,702,134
Phí chậm trả	186
Tổng số tiền chậm trả	99,702,320
Số tiền thanh toán	

Số tiền chuyển không hợp lệ

Tiếp tục

Làm mới

Bước 3: Nhấn nút “Tiếp tục” để thực hiện chuyển tiền. Nhấn nút “Làm mới” để xoá hết thông tin đã nhập.

Bước 4: Xác nhận thông tin thanh toán. Nhập mã OTP hoặc Mã SmartOTP và nhấn “Tiếp tục” để hoàn tất thanh toán.

TẤT TOÁN KHOẢN CHẬM TRẢ

 Thông tin
 Xác nhận
 Kết thúc

THÔNG TIN

TK giao dịch	0001000001.Derivatives
Số dư tiền	100,000,000
Khoản chậm trả	99,702,134
Phí chậm trả	186
Số tiền thanh toán	50,000,000

XÁC THỰC

Chọn xác thực: SMS OTP

Nhập mã OTP: 89

Xác nhận
Quay lại

TẤT TOÁN KHOẢN CHẬM TRẢ

 Thông tin
 Xác nhận
 Kết thúc



Giao dịch thành công

THÔNG TIN

TK giao dịch	0001000001.Derivatives
Số dư tiền	100,000,000
Khoản chậm trả	99,702,134
Phí chậm trả	186
Số tiền thanh toán	50,000,000

Giao dịch khác
Tra cứu chi tiết

Hình: Màn hình kết thúc thanh toán

- Nhấn vào Giao dịch khác để trở về màn hình thông tin để thực hiện giao dịch thanh toán.

- Nhấn vào Tra cứu chi tiết sẽ chuyển đến Sao kê giải ngân và thu khoản chậm trả để tra cứu giao dịch đã thực hiện.

3.4.7. Đăng ký/Hủy nộp rút tiền ký quỹ tự động

Vào Quản lý tài khoản => Tài khoản phái sinh => Chức năng khác => Đăng ký/Hủy nộp rút tiền ký quỹ tự động

ĐĂNG KÝ/HỦY NỘP RÚT TIỀN KÝ QUỸ TỰ ĐỘNG

ĐĂNG KÝ/HỦY NỘP RÚT TIỀN KÝ QUỸ TỰ ĐỘNG

Tự động nộp tiền từ TKPS vào TTKQ (VSDC)	<button style="background-color: #007bff; color: white; padding: 5px 10px;">Đăng ký</button>	<button style="background-color: #6c757d; color: white; padding: 5px 10px;">Hủy</button>
Tự động rút tiền từ TTKQ (VSDC) về TKPS	<button style="background-color: #007bff; color: white; padding: 5px 10px;">Đăng ký</button>	<button style="background-color: #6c757d; color: white; padding: 5px 10px;">Hủy</button>

LƯU Ý:

Khi khách hàng Đăng ký/Hủy nộp rút tiền ký quỹ tự động:

- Tự động nộp tiền từ TKPS vào TTKQ (VSDC)**
 - Số dư tiền trên TKPS (bao gồm: tiền nộp, tiền lãi VM...KHÔNG bao gồm tiền rút ký quỹ trong ngày) sẽ được tự động chuyển lên TTKQ (VSDC) khi số dư tiền lớn hơn Phí quản lý TSKQ tối thiểu (hiện tại 100,000) và/hoặc tổng giá trị phí thuế chưa thanh toán tại TCSC.
 - Thời gian chuyển tiền ký quỹ tự động: Từ 09:30:00 đến 14:30:00 các ngày giao dịch.
- Tự động rút tiền từ TTKQ (VSDC) về TKPS**
 - Tiền trên TTKQ (VSDC) sau khi trừ đi các khoản nghĩa vụ VSDC giữ lại sẽ được tự động chuyển về TKPS tại TCSC
 - Thời gian rút tiền ký quỹ tự động: Từ 15:00:00 đến 17:00:00 các ngày giao dịch
- Phí nộp/rút ký quỹ do VTB quy định và khách hàng chịu khoản phí này: 5,500 đ/lần nộp/ rút.**

Hình: Màn hình Đăng ký/Hủy nộp rút tiền ký quỹ tự động

- Để tự động nộp tiền từ TKPS vào TTKQ (VSDC), nhấn nút Đăng ký bên cạnh mục này. Nếu muốn hủy tự động nộp tiền, nhấn nút Hủy.
- Để tự động rút tiền từ TTKQ (VSDC) về TKPS, nhấn nút Đăng ký bên cạnh mục này. Nếu muốn hủy tự động rút tiền, nhấn nút Hủy.

3.4.8. Lịch sử lệnh

3.4.8.1. Lịch sử khớp lệnh

Báo cáo “Lịch sử khớp lệnh”, cho phép khách hàng xem được lịch sử của các lệnh mua/bán đã khớp lệnh thành công.

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản phái sinh” => “Tra cứu” => “Lịch sử lệnh” => “Lịch sử khớp lệnh”

LỊCH SỬ KHỚP LỆNH

TKGD: 0001000001.Derivatives Mã CK: Từ ngày: 09/01/2025 Đến ngày: 09/07/2026 Loại giao dịch: Tất cả

Ngày	Mã CK	Thuông/Thoả thuận	Loại giao dịch	Khối lượng khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	Phí giao dịch	Thuế
18/08/2025	411G9000	Thuông	Bán	2	1,869	3,73,800,000	4,000	31,773
18/08/2025	411G4000	Thuông	Bán	2	1,869.4	3,73,880,000	4,000	31,780
18/08/2025	411G9000	Thuông	Bán	1	2,001.9	200,190,000	2,000	17,016
30/07/2025	411G4000	Thuông	Mua	2	1,800	360,000,000	4,000	30,600
30/07/2025	411G4000	Thuông	Mua	5	1,780	890,000,000	10,000	75,650
30/07/2025	411G4000	Thuông	Mua	35	1,763	6,135,500,000	70,000	521,518
30/07/2025	411G6000	Thuông	Mua	15	1,800	2,700,000,000	30,000	229,500
30/07/2025	411G5000	Thuông	Bán	20	1,900	3,800,000,000	40,000	323,000
30/07/2025	412G4000	Thuông	Mua	10	1,762.5	1,762,500,000	20,000	149,813
23/07/2025	VN30F2509	Thuông	Bán	10	1,381.5	1,381,500,000	20,000	117,428
18/07/2025	412G4000	Thuông	Bán	1	1,639.2	163,920,000	2,000	13,933
18/07/2025	412G4000	Thuông	Bán	1	1,639.2	163,920,000	2,000	13,933
18/07/2025	412G4000	Thuông	Mua	1	1,885.8	188,580,000	2,000	16,029
26/06/2025	VN30F2509	Thuông	Mua	10	1,450	1,450,000,000	20,000	123,250
25/06/2025	411F7000	Thuông	Mua	10	1,400	1,400,000,000	20,000	119,000
28/01/2025	411F7000	Thuông	Mua	10	1,470	1,470,000,000	20,000	110,250
24/01/2025	VN30F2506	Thuông	Mua	10	1,230	1,230,000,000	20,000	92,250
22/01/2025	VN30F2503	Thuông	Mua	10	1,300	1,300,000,000	20,000	97,500
22/01/2025	VN30F2503	Thoả thuận	Mua	1	1,360	136,000,000	2,000	10,200
Tổng:				156		25,479,790,000	312,000	2,124,422

Trang 1 trong 1 (1 Trang)

Activate Windows
Go to Settings to activate Windows.

Hình: Màn hình Lịch sử khớp lệnh

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- TKGD: Mặc định tiểu khoản phái sinh.
- Mã CK: Nhập 1 mã chứng khoán hoặc không nhập gì (mặc định tất cả) để tra cứu các lệnh đã khớp liên quan đến mã chứng khoán đã nhập.
- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem.
- Loại giao dịch: Chọn loại giao dịch của lệnh khớp: mua, bán, tất cả.

Bước 3: Nhấn nút “Tìm kiếm” để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút  để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra file Excel hoặc PDF.

Lưu ý:

- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút để tùy chỉnh theo ý muốn.
- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem

3.4.8.2. Lịch sử đặt lệnh

Báo cáo “Lịch sử đặt lệnh”, cho phép khách hàng xem được lịch sử của các lệnh mua/bán đã đặt.

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản phái sinh” => “Tra cứu” => “Lịch sử lệnh” => “Lịch sử đặt lệnh”

LỊCH SỬ ĐẶT LỆNH

TKGD: 0001000001.Derivatives Mã CK: Từ ngày: 09/06/2025 Đến ngày: 09/07/2026 Trang thái lệnh: Tất cả

Ngày	Mã CK	Thuông/Thảo thuận	Loại giao dịch	Khối lượng đặt	Giá đặt	Khối lượng khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	Trạng thái lệnh	Phí giao dịch	Thuế	Kênh đặt lệnh
18/06/2025	4111G9000	Thuông	Mua	20	2,307.9	0	0	0	Chờ gửi	0	0	Online
18/06/2025	4111G9000	Thuông	Mua	10	1,869	0	0	0	Chờ gửi	0	0	Online
18/06/2025	4111G4000	Thuông	Mua	5	1,869.7	0	0	0	Chờ gửi	0	0	Online
18/06/2025	4111G9000	Thuông	Bán	2	1,869	2	1,869	373,800,000	Khớp hết	4,000	31,773	Online
18/06/2025	4111G9000	Thuông	Bán	1	1,869	0	0	0	Lệnh chờ gửi thành công	0	0	Online
18/06/2025	4111F7000	Thuông	Bán	20	1,350	0	0	0	Chờ gửi	0	0	Mobile
18/06/2025	4111G9000	Thuông	Bán	1	1,832.10	0	0	0	Chờ gửi	0	0	Mobile
18/06/2025	4111G9000	Thuông	Mua	1	2,107.9	0	0	0	Chờ gửi	0	0	Mobile
18/06/2025	4111G9000	Thuông	Mua	1	2,007	0	0	0	Chờ gửi	0	0	Mobile
18/06/2025	4111G9000	Thuông	Bán	1	1,832.10	0	0	0	Chờ gửi	0	0	Mobile
18/06/2025	4111G9000	Thuông	Bán	2	2,006.5	0	0	0	Chờ gửi	0	0	Mobile
18/06/2025	4111G9000	Thuông	Bán	1	2,006.5	0	0	0	Lệnh chờ gửi thành công	0	0	Mobile
18/06/2025	4111G4000	Thuông	Bán	2	1,869.4	2	1,869.4	373,880,000	Khớp hết	4,000	31,780	Online
18/06/2025	4111G9000	Thuông	Bán	10	1,832.10	0	0	0	Chờ gửi	0	0	Online
18/06/2025	4111G9000	Thuông	Bán	4	2,010	0	0	0	Chờ gửi	0	0	Online
18/06/2025	4111G9000	Thuông	Mua	2	2,005	0	0	0	Đã hủy	0	0	Online
18/06/2025	4111G9000	Thuông	Mua	1	2,107.9	0	0	0	Đã hủy	0	0	Online
18/06/2025	4111G9000	Thuông	Mua	10	2,005	0	0	0	Lệnh chờ gửi thành công	0	0	Online
Tổng:				618		125		21,343,790,000		250,000	1,814,222	

Trang 1 trong 7 (7 Trang)

Activate Windows. Go to Settings to activate Windows.

Hình: Màn hình Lịch sử đặt lệnh

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- TKGD: Mặc định tiểu khoản phái sinh.
- Mã CK: Nhập 1 mã chứng khoán hoặc không nhập gì (mặc định tất cả) để tra cứu các lệnh đã khớp liên quan đến mã chứng khoán đã nhập.
- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem lệnh đã đặt.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem lệnh đã đặt.
- Loại giao dịch: Chọn loại giao dịch của lệnh khớp: Chờ gửi, Đã gửi, Khớp hết, Khớp một phần,...

Bước 3: Nhấn nút “Tìm kiếm” để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút  để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra file Excel hoặc PDF.

Lưu ý:

- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút để tùy chỉnh theo ý muốn.
- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem

3.4.9. Sao kê tài khoản

3.4.9.1. Lãi/lỗ hàng ngày

Báo cáo “Lãi lỗ hàng ngày” cho phép khách hàng xem được lịch sử lãi/lỗ phát sinh hằng ngày từ việc thực hiện mua/bán chứng khoán phái sinh

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản phái sinh” => “Tra cứu” => “Sao kê tài khoản” => Lãi/lỗ hàng ngày

Từ ngày

Đến ngày

Mã CK

09/06/2026

09/07/2026

🔍

Tìm kiếm

📄

Ngày	Mã CK	Lãi lỗ đã thực hiện						Lãi lỗ chưa thực hiện							Lãi/lỗ hàng ngày
		KL đóng	Tổng giá trị vốn	Tổng giá trị đóng	Giá trị lãi/lỗ	% Lãi/lỗ	KL mua	Giá mua	KL bán	Giá bán	Giá thanh toán cuối ngày	Giá trị lãi/lỗ	% Lãi/lỗ		
18/08/2025	411F7000	0	0	0	0	0.00	20	1,350	0	0	1,350	0	0.00	0	
18/08/2025	411G4000	2	344,600,000	373,880,000	29,280,000	8.50	40	1,723	0	0	1,723	0	0.00	29,280,000	
18/08/2025	412G4000	0	0	0	0	0.00	9	1,700	0	0	1,700	0	0.00	0	
18/08/2025	411G6000	0	0	0	0	0.00	15	1,750	0	0	1,750	0	0.00	0	
18/08/2025	411G9000	0	0	0	0	0.00	0	0	3	1,913	1,910	-17,010,000	-2.96	-17,010,000	
18/08/2025	411G5000	0	0	0	0	0.00	0	0	20	1,750	1,750	0	0.00	0	

Hình: Màn hình Lãi/lỗ hàng ngày

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem.
- Mã CK: Nhập 1 mã chứng khoán hoặc không nhập gì (mặc định tất cả) để tra cứu các lệnh đã khớp liên quan đến mã chứng khoán đã nhập.

Bước 3: Nhấn nút “Tìm kiếm” để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút  để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra file Excel hoặc PDF.

3.4.9.2. Sao kê giải ngân và thu khoản chậm trả

“Sao kê giải ngân và thu khoản chậm trả” cho phép khách hàng theo dõi chi tiết việc giải ngân và trả nợ các khoản chậm trả

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản phái sinh” => “Tra cứu” => “Sao kê tài khoản” => “Sao kê giải ngân và thu khoản chậm trả”

SAO KÊ GIẢI NGÂN VÀ THU KHOẢN CHẬM TRẢ

Từ ngày: 09/06/2025 Đến ngày: 09/07/2026 Tìm kiếm ↓

Ngày	Số chứng từ	TK giao dịch	Diễn giải	Mã giao dịch	Phát sinh		Số dư
					Tăng	Giảm	
					Số dư đầu kỳ		0
19/06/2025	990000094	0001000001	Giải ngân khoản chậm trả tài khoản:0001000001/ Late payment disbursement	DT42	981,922,193	0	981,922,193
23/06/2025	9900000141	0001000001	Giải ngân khoản chậm trả tài khoản:0001000001/ Late payment disbursement	DT42	454,350	0	982,376,543
23/06/2025	9900000202	0001000001	Chuyển phí chậm trả nhập gốc/ Transfer late payment fee added to principal	DT11	1,472,883	0	983,849,426
24/06/2025	9900000130	0001000001	Chuyển phí chậm trả nhập gốc/ Transfer late payment fee added to principal	DT11	491,925	0	984,341,351
25/06/2025	9900000322	0001000001	Thu khoản chậm trả (auto)/ Collect late payment (auto)	DT40	0	110,000	984,231,351
25/06/2025	9900000348	0001000001	Chuyển phí chậm trả nhập gốc/ Transfer late payment fee added to principal	DT11	492,171	0	984,723,522
25/06/2025	9900000398	0001000001	Giải ngân khoản chậm trả tài khoản:0001000001/ Late payment disbursement	DT42	50,000,000	0	1,034,723,522
26/06/2025	9900000117	0001000001	Giải ngân khoản chậm trả tài khoản:0001000001/ Late payment disbursement	DT42	143,250	0	1,034,866,772
26/06/2025	9900000142	0001000001	Chuyển phí chậm trả nhập gốc/ Transfer late payment fee added to principal	DT11	492,362	0	1,035,359,134
26/06/2025	9900000192	0001000001	Giải ngân khoản chậm trả tài khoản:0001000001/ Late payment disbursement	DT42	69,300,000	0	1,104,659,134
27/06/2025	9900000113	0001000001	Thu khoản chậm trả (auto)/ Collect late payment (auto)	DT40	0	273,999	1,104,385,135
27/06/2025	9900000137	0001000001	Chuyển phí chậm trả nhập gốc/ Transfer late payment fee added to principal	DT11	517,679	0	1,104,902,814
30/06/2025	9900000136	0001000001	Chuyển phí chậm trả nhập gốc/ Transfer late payment fee added to principal	DT11	1,657,353	0	1,106,559,967

Trang 1 trong 1 (1 Trang) Activate Windows
Go to Settings to activate Windows.

Hình: Màn hình Sao kê giải ngân và thu khoản chậm trả

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem.

Bước 3: Nhấn nút “Tìm kiếm” để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút  để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra file Excel hoặc PDF.

Lưu ý:

- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút Số bản ghi trong trang 25 để tùy chỉnh theo ý muốn.
- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem Trang 1 trong 1 (1 Trang) << < > >>

3.4.9.3. Sao kê vị thế

“Sao kê vị thế” cho phép khách hàng theo dõi chi tiết phái sinh vị thế Long/Short

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản phái sinh” => “Tra cứu” => “Sao kê tài khoản” => “Sao kê vị thế”

SAO KÊ VỊ THỂ

Từ ngày: 09/06/2025 Đến ngày: 09/07/2026 Mã CK cơ sở: Mã CK:

Ngày	TK giao dịch	Diễn giải	Mã CK	Phát sinh Long		Phát sinh Short	
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
25/06/2025	0001000001	Khớp lệnh/ Match order	411F7000	10	0	0	0
411F7000				10	0	0	0
26/06/2025	0001000001	Khớp lệnh/ Match order	VN30F2509	5	0	0	0
26/06/2025	0001000001	Khớp lệnh/ Match order	VN30F2509	5	0	0	0
23/07/2025	0001000001	Khớp lệnh/ Match order	VN30F2509	0	0	10	0
VN30F2509				10	0	10	0
18/07/2025	0001000001	Khớp lệnh/ Match order	412G4000	1	0	0	0
18/07/2025	0001000001	Khớp lệnh/ Match order	412G4000	0	0	1	0
18/07/2025	0001000001	Khớp lệnh/ Match order	412G4000	0	0	1	0
30/07/2025	0001000001	Khớp lệnh/ Match order	412G4000	10	0	0	0
412G4000				11	0	2	0
30/07/2025	0001000001	Khớp lệnh/ Match order	411G6000	15	0	0	0
411G6000				15	0	0	0
30/07/2025	0001000001	Khớp lệnh/ Match order	411G4000	5	0	0	0
30/07/2025	0001000001	Khớp lệnh/ Match order	411G4000	2	0	0	0
30/07/2025	0001000001	Khớp lệnh/ Match order	411G4000	35	0	0	0
18/08/2025	0001000001	Khớp lệnh/ Match order	411G4000	0	0	2	0
411G4000				42	0	2	0
30/07/2025	0001000001	Khớp lệnh/ Match order	411G5000	0	0	20	0
411G5000				0	0	20	0
18/08/2025	0001000001	Khớp lệnh/ Match order	411G5000	0	0	2	0
Tổng:				88	0		0

Activate Windows
Go to Settings to activate Windows.

Hình: Màn hình Sao kê vị thể

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem.
- Mã CK: Nhập 1 mã chứng khoán hoặc không nhập gì (mặc định tất cả) để tra cứu các lệnh đã khớp liên quan đến mã chứng khoán đã nhập.
- Mã CK cơ sở: Nhập 1 mã chứng khoán hoặc không nhập gì (mặc định tất cả) để tra cứu các lệnh đã khớp liên quan đến mã chứng khoán đã nhập.

Bước 3: Nhấn nút “Tìm kiếm” để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra file Excel hoặc PDF.

3.4.9.4. Bảng kê tài khoản

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản phái sinh” => “Tra cứu” => “Sao kê tài khoản” => “Bảng kê tài khoản”

BẢNG KÊ TÍNH PHÍ VỊ THỂ

Từ ngày: 09/06/2025 Đến ngày: 09/07/2026 [Tìm kiếm](#) [Tải xuống](#)

Ngày	TK giao dịch	Số lượng	Mức phí/ngày	Số phí	Số phí cộng dồn
17/06/2025	0001000001	20	0	0	0
18/06/2025	0001000001	20	0	0	0
19/06/2025	0001000001	20	0	0	0
20/06/2025	0001000001	10	0	0	0
20/06/2025	0001000001	10	0	0	0
20/06/2025	0001000001	10	0	0	0
23/06/2025	0001000001	10	0	0	0
24/06/2025	0001000001	10	0	0	0
25/06/2025	0001000001	20	0	0	0
26/06/2025	0001000001	30	0	0	0
27/06/2025	0001000001	30	0	0	0
27/06/2025	0001000001	30	0	0	0
27/06/2025	0001000001	30	0	0	0
30/06/2025	0001000001	30	0	0	0
01/07/2025	0001000001	30	0	0	0
02/07/2025	0001000001	30	0	0	0
03/07/2025	0001000001	30	0	0	0
04/07/2025	0001000001	30	0	0	0
04/07/2025	0001000001	30	0	0	0
04/07/2025	0001000001	30	0	0	0
07/07/2025	0001000001	30	0	0	0
08/07/2025	0001000001	30	0	0	0
Cộng phát sinh:		3,106			0

Activate Windows
Go to Settings to activate Windows.

Hình: Màn hình Bảng kê tài khoản

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem.

Bước 3: Nhấn nút “Tìm kiếm” để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút  để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra file Excel hoặc PDF.

3.4.9.5. Sao kê tài khoản

3.4.9.5.1 Sao kê tài khoản – Vị thể

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản phái sinh” => “Tra cứu” => “Sao kê tài khoản” => “Sao kê tài khoản” => Tab “Vị thể”

Vị thế Tiền Chứng khoán kỳ quỹ

TKGD: 0001000001.Derivatives Báo cáo ngày: 18/08/2025 Q.Tìm kiếm

STT	Mã hợp đồng	Vị thế	Số lượng	Giá vốn	Thị giá	Lãi/Lỗ
1	411F7000	Long	20	1,350	1,350	0
2	411G4000	Long	40	1,723	1,723	0
3	411G5000	Short	20	1,750	1,750	0
4	411G6000	Long	15	1,750	1,750	0
5	411G9000	Short	3	1,913.3	1,970	-17,010,000
6	412G4000	Long	9	1,700	1,700	0

Tổng: 107 -17,010,000

Trang 1 trong 1 (1 Trang) « < > »

Activate Windows
Go to Settings to activate Windows.

Hình: Màn hình Sao kê tài khoản – Vị thế

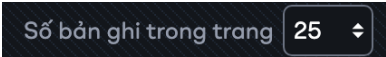
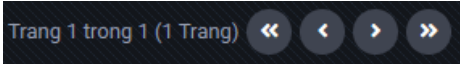
Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- TKGD: Mặc định số tài khoản giao dịch phái sinh
- Báo cáo ngày: Nhập ngày muốn xem.

Bước 3: Nhấn nút “Tìm kiếm” để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút  để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra file Excel hoặc PDF.

Lưu ý:

- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút  để tùy chỉnh theo ý muốn.
- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem 

3.4.9.5.2 Sao kê tài khoản – Tiền

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản phái sinh” => “Tra cứu” => “Sao kê tài khoản” => “Sao kê tài khoản” => Tab “Tiền”

Vị thế: **Tiền** Chứng khoán ký quỹ

TKGD: 0001000001.Derivatives Báo cáo ngày: 18/08/2025 [Tìm kiếm](#) [Download](#)

Tiền tại CTCK	Tiền tại VSDC	Lãi/Lỗ vị thế	Tổng giá trị phí, thuế	Tổng số tiền chậm trả	Tỷ lệ sử dụng tài khoản giao dịch (DTA) (%)	Tỷ lệ sử dụng tài khoản ký quỹ (DMA) (%)	Giá trị tài sản ròng
197,516,424	1,567,971,883	12,270,000	1,122,810,06	0	52.58	0	8,224,434,738

Activate Windows
Go to Settings to activate Windows.

Hình: Màn hình Sao kê tài khoản – Tiền

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

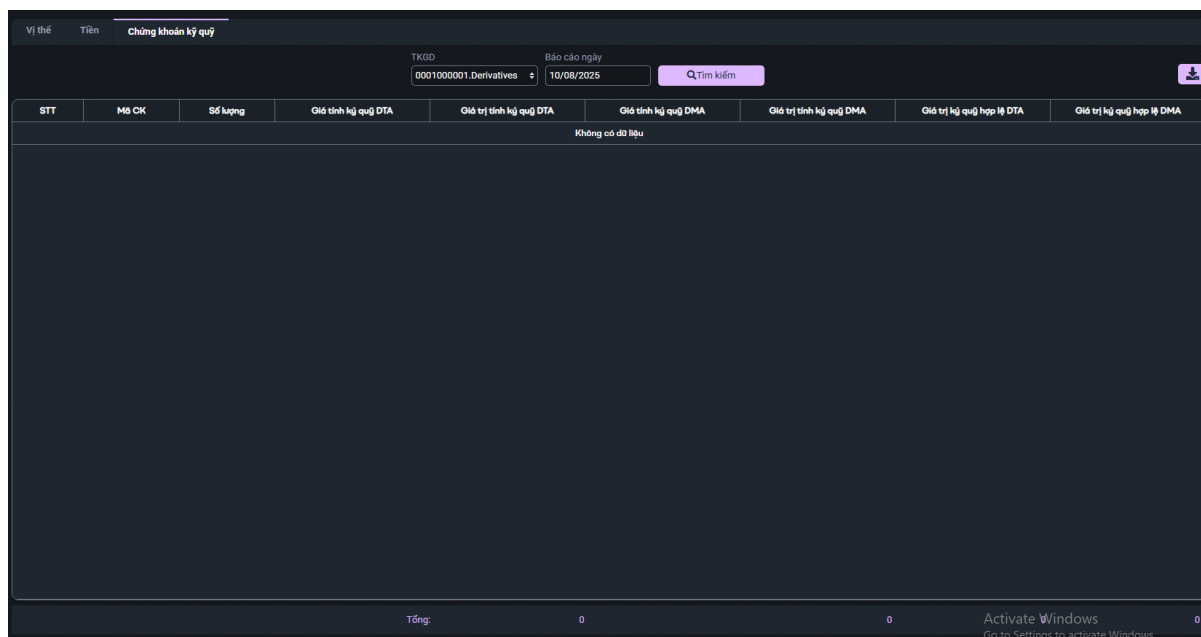
- TKGD: Mặc định số tài khoản giao dịch phái sinh.
- Báo cáo ngày: Nhập ngày muốn xem.

Bước 3: Nhấn nút “Tìm kiếm” để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút  để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra file Excel hoặc PDF.

3.4.9.5.3 Sao kê tài khoản – Chứng khoán ký quỹ

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản phái sinh” => “Tra cứu” => “Sao kê tài khoản” => “Sao kê tài khoản” => Tab “Chứng khoán ký quỹ”



Hình: Màn hình Sao kê tài khoản – Chứng khoán kỹ quỹ

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

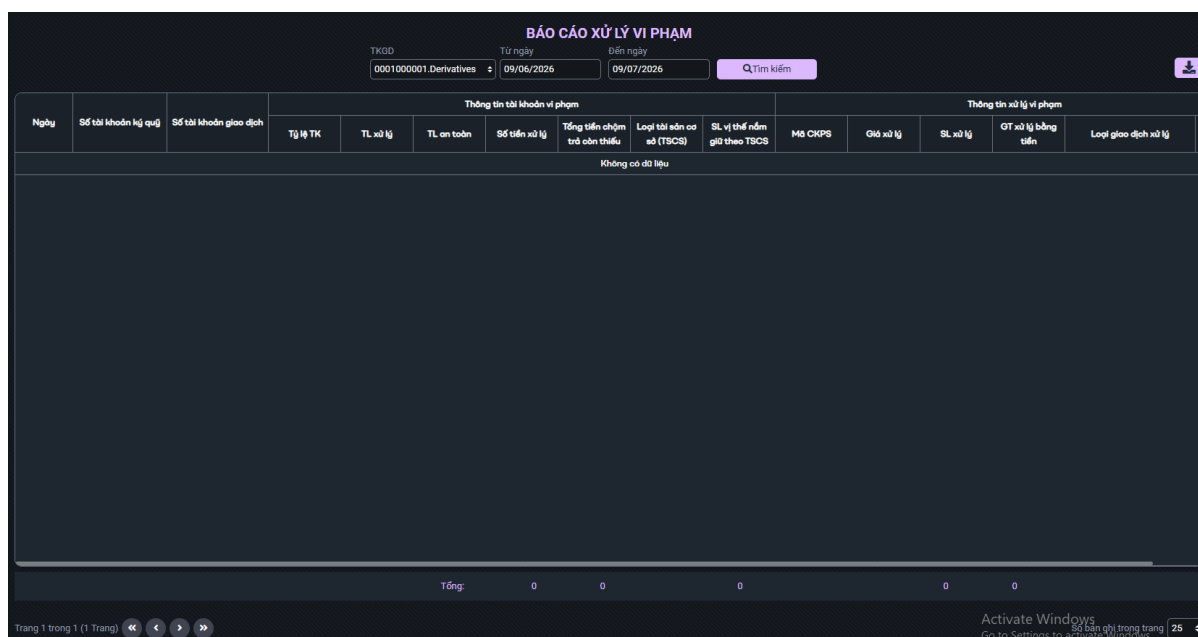
- TKGD: Mặc định số tài khoản giao dịch phái sinh.
- Báo cáo ngày: Nhập ngày muốn xem.

Bước 3: Nhấn nút “Tìm kiếm” để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút  để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra file Excel hoặc PDF.

3.4.9.6. Báo cáo xử lý vi phạm

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản phái sinh” => “Tra cứu” => “Sao kê tài khoản” => “Báo cáo xử lý vi phạm”



Hình: Màn hình Báo cáo xử lý vi phạm

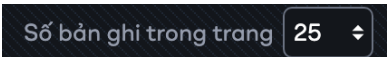
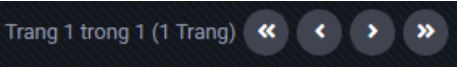
Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- TKGD: Mặc định số tài khoản giao dịch phái sinh.
- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem.

Bước 3: Nhấn nút “Tìm kiếm” để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút  để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra file Excel hoặc PDF.

Lưu ý:

- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút  để tùy chỉnh theo ý muốn.
- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem .

3.4.10. Lịch sử giao dịch thanh toán

3.4.10.1. Lịch sử GD tiền TKKQ (VSDC)

Báo cáo “Lịch sử giao dịch tiền TKKQ (VSDC)”, cho phép khách hàng xem được lịch sử các giao dịch và số dư tiền mà VSD quản lý.

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản phái sinh” => “Tra cứu” => “Lịch sử giao dịch thanh toán” => “Lịch sử GD tiền TKKQ (VSDC)”.

LỊCH SỬ GD TIỀN TKKG (VSDC)

TKGD: 0001000001.Derivatives | Từ ngày: 09/01/2025 | Đến ngày: 09/07/2025 | [Tìm kiếm](#)

Ngày	TK giao dịch	Mô tả	Chi tiết giao dịch tiền		Số dư
			Tăng	Giảm	
		Số dư đầu kỳ			1,619,646,620
22/01/2025	0001000001	Rút tiền kỳ quỹ về tài khoản phái sinh (Online) / Cash withdrawal to Derivatives account	0	20,000	1,619,626,620
18/07/2025	0001000001	Rút tiền kỳ quỹ về tài khoản phái sinh (Online) / Cash withdrawal to Derivatives account	0	626,620	1,619,000,000
23/07/2025	0001000001	Rút tiền kỳ quỹ về tài khoản phái sinh (Online) / Cash withdrawal to Derivatives account	0	5,222,222	1,613,777,778
23/07/2025	0001000001	Rút tiền kỳ quỹ về tài khoản phái sinh (Mobile) / Cash withdrawal to Derivatives account	0	25,880,000	1,587,897,778
23/07/2025	0001000001	Rút tiền kỳ quỹ về tài khoản phái sinh (Mobile) / Cash withdrawal to Derivatives account	0	5,000,000	1,582,897,778
18/08/2025	0001000001	Rút tiền kỳ quỹ về tài khoản phái sinh (Mobile) / Cash withdrawal to Derivatives account	0	55,555	1,582,842,223
18/08/2025	0001000001	Rút tiền kỳ quỹ về tài khoản phái sinh (Mobile) / Cash withdrawal to Derivatives account	0	2,588,556	1,580,253,667
18/08/2025	0001000001	Rút tiền kỳ quỹ về tài khoản phái sinh (Online) / Cash withdrawal to Derivatives account	0	500,000	1,579,753,667
18/08/2025	0001000001	Rút tiền kỳ quỹ về tài khoản phái sinh (Online) / Cash withdrawal to Derivatives account	0	100,000	1,579,653,667
18/08/2025	0001000001	Rút tiền kỳ quỹ về tài khoản phái sinh (Online) / Cash withdrawal to Derivatives account	0	500,000	1,579,153,667
18/08/2025	0001000001	Rút tiền kỳ quỹ về tài khoản phái sinh (Online) / Cash withdrawal to Derivatives account	0	66,262	1,578,087,405
18/08/2025	0001000001	Rút tiền kỳ quỹ về tài khoản phái sinh (Mobile) / Cash withdrawal to Derivatives account	0	555,522	1,578,531,883
18/08/2025	0001000001	Rút tiền kỳ quỹ về tài khoản phái sinh (Online) / Cash withdrawal to Derivatives account	0	560,000	1,577,971,883
18/08/2025	0001000001	Rút tiền kỳ quỹ về tài khoản phái sinh (Online) / Cash withdrawal to Derivatives account	0	10,000,000	1,567,971,883
		Cộng phát sinh	0	51,674,737	
		Số dư cuối kỳ			1,567,971,883
		Số dư chờ kỳ quỹ			6,295,705,224
		Số dư kỳ quỹ chờ rút			152,094,017
		Số tiền đang kỳ quỹ			1,567,971,883

Trang 1 trong 1 (1 Trang) | [Số bản ghi trong trang](#) 25

Hình: Màn hình Lịch sử GD tiền TKKG (VSDC)

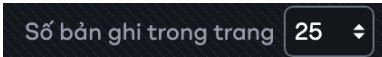
Bước 2: Nhập các thông tin sau:

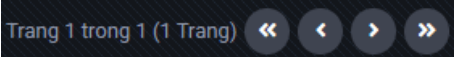
- TKGD: Mặc định tiểu khoản phái sinh phái sinh.
- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem.

Bước 3: Nhấn nút “Tìm kiếm” để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút  để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra file Excel hoặc PDF.

Lưu ý:

- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút  để tùy chỉnh theo ý muốn.-

- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem 

3.4.10.2. Lịch sử GD tiền TKGD

Báo cáo “Lịch sử giao dịch tiền TKGD” cho phép khách hàng xem được lịch sử các giao dịch và số dư tiền mà công ty chứng khoán quản lý.

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản phái sinh” => “Tra cứu” => “Lịch sử giao dịch thanh toán” => “Lịch sử GD tiền TKGD”

LỊCH SỬ GD TIỀN TKGD

TKGD: 0001000001.Derivatives Từ ngày: 09/06/2025 Đến ngày: 09/07/2025

Ngày	Mô tả	Chi tiết giao dịch tiền		Số dư
		Tăng	Giảm	
	Số dư đầu kỳ			371,377,807
19/06/2025	Thanh toán VM ngày 19/06/2025/ Variation margin payment	0	1,353,300,000	-981,922,193
19/06/2025	Giải ngân khoản chậm trả/ Late payment disbursement	981,922,193	0	0
23/06/2025	Phi quản lý tài sản kỳ quỹ tháng 06/2025/ Collateral management fee	0	412,864	-412,864
23/06/2025	Thuế quản lý tài sản kỳ quỹ tháng 06/2025/ Collateral management fee	0	41,286	-454,150
23/06/2025	Giải ngân khoản chậm trả/ Late payment disbursement	454,150	0	0
25/06/2025	Nhận chuyển khoản từ tài khoản chứng khoán cơ sở/ Receive cash from Underlying	1,000,000	0	1,000,000
25/06/2025	Nộp tiền kỳ quỹ lên VSDC/ Cash deposit to VSDC	0	743,300	256,700
25/06/2025	Phi nộp kỳ quỹ/ Cash deposit to VSDC	0	7,000	249,700
25/06/2025	Thuế nộp kỳ quỹ/ Cash deposit to VSDC	0	700	249,000
25/06/2025	Thu phí GD ngày 25/06/2025/ Collect trading fee	0	20,000	229,000
25/06/2025	Thu thuế TNCN ngày 25/06/2025/ Collect personal income tax	0	119,000	110,000
25/06/2025	Thanh toán khoản chậm trả/ Collect late payment (auto)	0	110,000	0
25/06/2025	Thanh toán VM ngày 25/06/2025/ Variation margin payment	0	50,000,000	-50,000,000
25/06/2025	Giải ngân khoản chậm trả/ Late payment disbursement	50,000,000	0	0
26/06/2025	Thu phí GD ngày 26/06/2025/ Collect trading fee	0	20,000	-20,000
26/06/2025	Thu thuế TNCN ngày 26/06/2025/ Collect personal income tax	0	123,250	-143,250
26/06/2025	Giải ngân khoản chậm trả/ Late payment disbursement	143,250	0	0
26/06/2025	Thanh toán VM ngày 26/06/2025/ Variation margin payment	0	69,300,000	-69,300,000
26/06/2025	Giải ngân khoản chậm trả/ Late payment disbursement	69,300,000	0	0
27/06/2025	Nhận chuyển khoản từ tài khoản chứng khoán cơ sở/ Receive cash from Underlying	250,000	0	250,000

Trang 1 trong 8 (8 Trang)

Activate Windows
Go to Settings to activate Windows.

Hình: Màn hình Lịch sử GD tiền TKGD

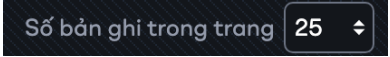
Bước 2: Nhập các thông tin sau:

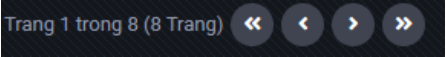
- TKGD: Mặc định tiểu khoản phái sinh phái sinh.
- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem.

Bước 3: Nhấn nút “Tìm kiếm” để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút  để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra file Excel hoặc PDF.

Lưu ý:

- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút  để tùy chỉnh theo ý muốn.-

- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem 

3.4.10.3. Lịch sử GD tài sản đảm bảo

Báo cáo “Lịch sử giao dịch tài sản đảm bảo” cho phép khách hàng xem được lịch sử các giao dịch chứng khoán ký quỹ mà khách hàng dùng làm tài sản đảm bảo.

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản phái sinh” => “Tra cứu” => “Lịch sử giao dịch thanh toán” => “Lịch sử GD tài sản đảm bảo”

LỊCH SỬ GD TÀI SẢN ĐẢM BẢO

TKGD: 0001000001.Derivatives Mã CK: Từ ngày: 09/06/2025 Đến ngày: 09/07/2026 [Tìm kiếm](#)

Ngày	Mô tả	Mã CK	Chi tiết giao dịch CK	
			Tăng	Giảm
18/07/2025	Hoàn tất nộp chứng khoán ký quỹ/ CCP confirms request of collateral deposit by stock	A32	30	0
18/07/2025	Rút chứng khoán ký quỹ/ Withdraw collateral by stock	A32	0	10
18/08/2025	Rút chứng khoán ký quỹ/ Withdraw collateral by stock	A32	0	10
18/08/2025	Rút chứng khoán ký quỹ/ Withdraw collateral by stock	A32	0	1
18/08/2025	Rút chứng khoán ký quỹ/ Withdraw collateral by stock	A32	0	1
18/08/2025	Rút chứng khoán ký quỹ/ Withdraw collateral by stock	A32	0	1
18/08/2025	Rút chứng khoán ký quỹ/ Withdraw collateral by stock	A32	0	7

Trang 1 trong 1 (1 Trang) [Download](#) Activate Windows Go to Settings to activate Windows

Hình: Màn hình Lịch sử GD tài sản đảm bảo

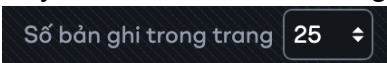
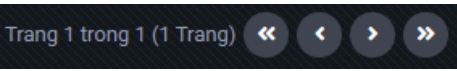
Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- TKGD: Mặc định tiểu khoản phái sinh phái sinh.
- Mã CK: Nhập 1 mã chứng khoán hoặc không nhập gì (mặc định tất cả) để tra cứu.
- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem.

Bước 3: Nhấn nút “Tìm kiếm” để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút  để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra file Excel hoặc PDF.

Lưu ý:

- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút  để tùy chỉnh theo ý muốn.-
- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem 

3.4.10.4. Lịch sử nộp tiền từ TKCS vào TKPS

Báo cáo “Lịch sử nộp tiền từ TKCS vào TKPS” cho phép khách hàng xem được lịch sử các giao dịch nộp tiền từ tài khoản cơ sở vào tài khoản phái sinh.

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản phái sinh” => “Tra cứu” => “Lịch sử giao dịch thanh toán” => “Lịch sử nộp tiền từ TKCS vào TKPS”

Từ ngày		Đến ngày			
09/06/2025		09/07/2026		Tìm kiếm	
Ngày yêu cầu	Ngày hiệu lực	TK giao dịch	Số tiền nộp	Trạng thái	
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	500,000	Hoàn tất	
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	566,666	Hoàn tất	
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	25,555	Hoàn tất	
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	28,855	Hoàn tất	
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	1,000,000	Hoàn tất	
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	5,000,000	Hoàn tất	
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	522,000	Hoàn tất	
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	522,222	Hoàn tất	
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	150,000	Hoàn tất	
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	150,000	Hoàn tất	
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	355,555	Hoàn tất	
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	366,855	Hoàn tất	
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	33,666	Hoàn tất	
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	255,555	Hoàn tất	
23/07/2025	23/07/2025	0001000001	5,000,000	Hoàn tất	
23/07/2025	23/07/2025	0001000001	2,500,000	Hoàn tất	
23/07/2025	23/07/2025	0001000001	250,000	Hoàn tất	
23/07/2025	23/07/2025	0001000001	850,000	Hoàn tất	
23/07/2025	23/07/2025	0001000001	520,000	Hoàn tất	
23/07/2025	23/07/2025	0001000001	522,222	Hoàn tất	
Tổng:			1,221,025,373		

Hình: Màn hình Lịch sử nộp tiền từ TKCS vào TKPS

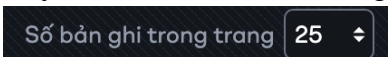
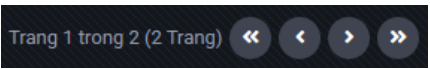
Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem.

Bước 3: Nhấn nút “Tìm kiếm” để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút  để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra file Excel hoặc PDF.

Lưu ý:

- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút  để tùy chỉnh theo ý muốn.
- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem 

3.4.10.5. Lịch sử nộp tiền từ TKPS vào TKKQ (VSDC)

Báo cáo “Lịch sử nộp tiền từ TKPS vào TKKQ (VSDC)” cho phép khách hàng xem được lịch sử các giao dịch nộp tiền từ tài khoản phái sinh vào tài khoản ký quỹ.

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản phái sinh” => “Tra cứu” => “Lịch sử giao dịch thanh toán” => “Lịch sử nộp tiền từ TKPS vào TKKQ (VSDC)”

LỊCH SỬ NỘP TIỀN TỪ TKPS VÀO TKKQ (VSDC)

Từ ngày: 09/06/2025 Đến ngày: 09/07/2026

Ngày giao dịch	Ngày hiệu lực	TK giao dịch	Số tiền nộp	Trạng thái
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	19,992,300	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	5,592,300	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	47,855	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	577,855	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	2,300	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	237,966	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	142,300	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	618,562	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	3,650,300	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	17,850	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
24/07/2025	24/07/2025	0001000001	214,522	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
23/07/2025	23/07/2025	0001000001	4,992,300	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
23/07/2025	23/07/2025	0001000001	277,855	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
23/07/2025	23/07/2025	0001000001	8,514,522	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
23/07/2025	23/07/2025	0001000001	14,992,300	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
18/07/2025	18/07/2025	0001000001	828,250	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
03/07/2025	03/07/2025	0001000001	99,992,300	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
02/07/2025	02/07/2025	0001000001	8,628,971	Hàng bỏ Y/C
25/06/2025	25/06/2025	0001000001	743,300	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)

Tổng: 170,063,918

Trang 1 trong 1 (1 Trang)

Activate Windows
Go to Settings to activate Windows. Số bản ghi trong trang: 25

Hình: Màn hình Lịch sử nộp tiền từ TKPS vào TKKQ (VSDC)

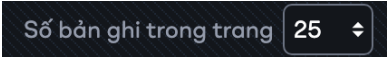
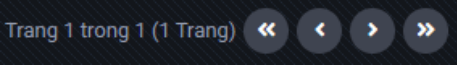
Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem.

Bước 3: Nhấn nút “Tìm kiếm” để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút  để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra file Excel hoặc PDF.

Lưu ý:

- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút  để tùy chỉnh theo ý muốn.
- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem 

3.4.10.6. Lịch sử rút tiền từ TKKQ (VSDC) về TKPS

Báo cáo “Lịch sử rút tiền từ TKKQ (VSDC) về TKPS” cho phép khách hàng xem được lịch sử các giao dịch rút tiền từ tài khoản ký quỹ về tài khoản phái sinh.

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản phái sinh” => “Tra cứu” => “Lịch sử giao dịch thanh toán” => “Lịch sử rút tiền từ TKKQ (VSDC) về TKPS”

LỊCH SỬ RÚT TIỀN TỪ TKKQ (VSDC) VỀ TKPS

Từ ngày: 09/06/2025 Đến ngày: 09/07/2026

Ngày yêu cầu	Ngày hiệu lực	TK giao dịch	Số tiền rút	Trạng thái
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	10,000,000	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	560,000	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	555,522	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	66,262	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	500,000	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	100,000	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	500,000	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	2,588,556	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	55,555	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
23/07/2025	23/07/2025	0001000001	5,000,000	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
23/07/2025	23/07/2025	0001000001	25,880,000	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
23/07/2025	23/07/2025	0001000001	5,222,222	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
18/07/2025	18/07/2025	0001000001	626,620	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)

Tổng: 51,654,737

Trang 1 trong 1 (1 Trang)

Activate Windows
Go to Settings to activate Windows.

Hình: Màn hình Lịch sử rút tiền từ TKKQ (VSDC) về TKPS

Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem.

Bước 3: Nhấn nút “Tìm kiếm” để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút  để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra file Excel hoặc PDF.

Lưu ý:

- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút để tùy chỉnh theo ý muốn.
- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem

3.4.10.7. Lịch sử rút tiền từ TKPS về TKCS

Báo cáo “Lịch sử rút tiền từ TKPS về TKCS” cho phép khách hàng xem được lịch sử các giao dịch rút tiền từ tài khoản phái sinh về tài khoản cơ sở.

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản phái sinh” => “Tra cứu” => “Lịch sử giao dịch thanh toán” => “Lịch sử rút tiền từ TKPS về TKCS”

LỊCH SỬ RÚT TIỀN TỪ TKPS VỀ TKCS

Từ ngày: 09/06/2025 Đến ngày: 09/07/2026

Ngày yêu cầu	Ngày hiệu lực	TK giao dịch	Số tiền rút	Trạng thái
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	10,000,000	Hoàn tất
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	560,000	Hoàn tất
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	555,555	Hoàn tất
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	2,555,555	Hoàn tất
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	625,262	Hoàn tất
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	565,656,200	Hoàn tất
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	4,100,000	Hoàn tất
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	255,555	Hoàn tất
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	365,555	Hoàn tất
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	225,555	Hoàn tất
23/07/2025	23/07/2025	0001000001	2,888,888	Hoàn tất
23/07/2025	23/07/2025	0001000001	5,800,080	Hoàn tất
23/07/2025	23/07/2025	0001000001	5,000,000	Hoàn tất
23/07/2025	23/07/2025	0001000001	563,333	Hoàn tất
18/07/2025	18/07/2025	0001000001	7,000,000	Hoàn tất
18/07/2025	18/07/2025	0001000001	18,948,950,105	Hoàn tất

Tổng: 19,555,102,644

Trang 1 trong 1 (1 Trang)

Activate Windows
Go to Settings to activate Windows.

Hình: Màn hình Lịch sử rút tiền từ TKPS về TKCS

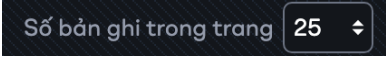
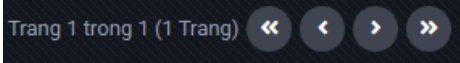
Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem.

Bước 3: Nhấn nút “Tìm kiếm” để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút  để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra file Excel hoặc PDF.

Lưu ý:

- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút  để tùy chỉnh theo ý muốn.
- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem 

3.4.10.8. Lịch sử rút tiền từ TKPS ra ngân hàng

Báo cáo “Lịch sử rút tiền từ TKPS ra Ngân hàng” cho phép khách hàng xem được lịch sử các giao dịch rút tiền từ tài khoản phái sinh về tài khoản cơ sở.

Bước 1: Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản phái sinh” => “Tra cứu” => “Lịch sử giao dịch thanh toán” => “Lịch sử rút tiền từ TKPS ra Ngân hàng”

LỊCH SỬ RÚT TIỀN TỪ TKPS RA NGÂN HÀNG

Từ ngày: 09/06/2025 Đến ngày: 09/07/2026

Ngày ghi sổ	Ngày hiệu lực	TK giao dịch	Số tiền rút	Trạng thái
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	55,222,222	Chờ duyệt
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	580,000	Chờ duyệt
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	5,222,222	Chờ duyệt
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	5,000,002	Chờ duyệt
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	626,263	Chờ duyệt
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	6,262,632	Chờ duyệt
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	252,222	Chờ duyệt
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	600,000	Chờ duyệt
18/08/2025	18/08/2025	0001000001	10,000,000	Chờ duyệt
24/07/2025	24/07/2025	0001000001	2,222,222	Chờ duyệt
23/07/2025	23/07/2025	0001000001	5,000,000	Chờ duyệt
23/07/2025	23/07/2025	0001000001	500,000	Chờ duyệt
23/07/2025	23/07/2025	0001000001	55,555,555	Chờ duyệt
18/07/2025	18/07/2025	0001000001	1,000,000	Chờ duyệt
03/07/2025	03/07/2025	0001000001	1,000,000	Chờ duyệt
03/07/2025	03/07/2025	0001000001	899,999	Chờ duyệt
03/07/2025	03/07/2025	0001000001	891,782	Chờ duyệt
03/07/2025	03/07/2025	0001000001	1,000,000	Chờ duyệt
03/07/2025	03/07/2025	0001000001	122,222	Chờ duyệt
03/07/2025	03/07/2025	0001000001	100,000	Chờ duyệt

Tổng: 173,485,746

Trang 1 trong 2 (2 Trang)

Activate Windows
Go to Settings to activate Windows

Hình: Màn hình Lịch sử rút tiền từ TKPS ra Ngân hàng

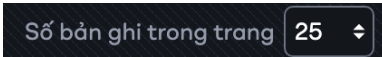
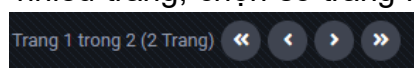
Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem.

Bước 3: Nhấn nút “Tìm kiếm” để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

Bước 4: Nhấn nút  để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra file Excel hoặc PDF.

Lưu ý:

- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút  để tùy chỉnh theo ý muốn.
- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem 

3.4.10.9. Lịch sử tất toán khoản chậm trả

Báo cáo “Lịch sử tất toán khoản chậm trả” cho phép khách hàng xem được lịch sử các giao dịch thanh toán khoản chậm trả.

Từ ngày

09/01/2025

Đến ngày

09/07/2026

🔍

Tìm kiếm

📄

Ngày hiệu lực	TK giao dịch	Khoản chậm trả đã thanh toán	Phi chậm trả đã thanh toán	Kênh thực hiện
21/07/2025	0001000001	9,707,841	0	Online

Tổng:

9,707,841

0

Trang 1 trong 1 (1 Trang)

⏪

⏩

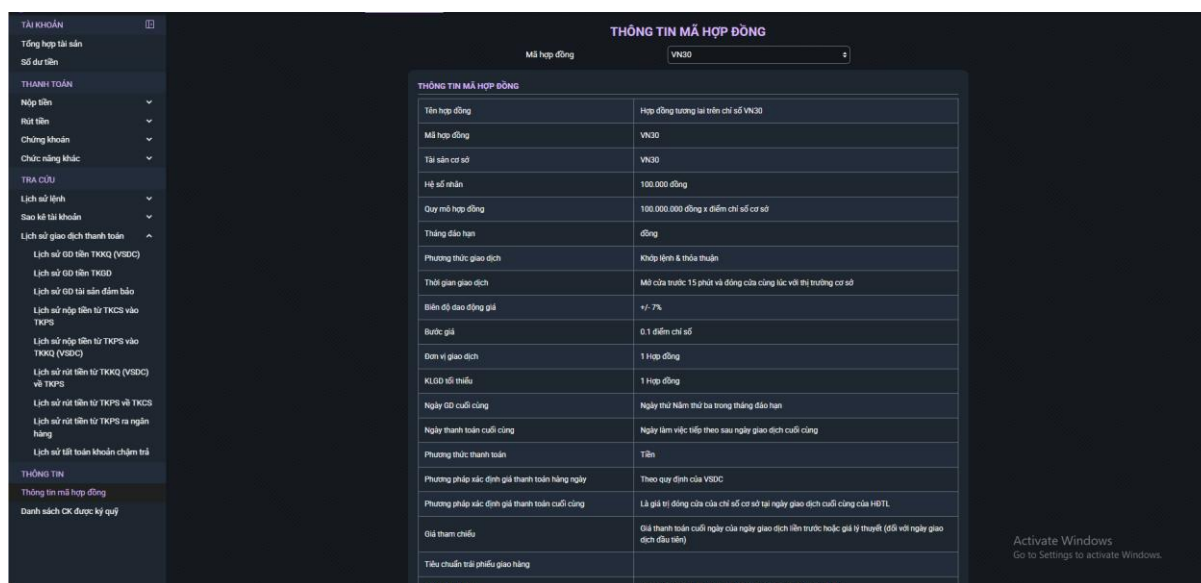
⏴

⏵

25

Đăng nhập hệ thống và chọn menu Tab “Quản lý tài khoản” => “Tài khoản phái sinh”
=> “Thông tin” => “Thông tin mã hợp đồng”





Hình: Màn hình Thông tin mã hợp đồng

Mô tả thông tin:

Tên trường	Ý nghĩa
THÔNG TIN MÃ HỢP ĐỒNG	
Tên hợp đồng	Tên đầy đủ của hợp đồng
Mã hợp đồng	Mã hợp đồng
Tài sản cơ sở	Tài sản cơ sở của hợp đồng
Hệ số nhân	Hệ số nhân của hợp đồng
Quy mô hợp đồng	Quy mô hợp đồng
Tháng đáo hạn	Các tháng đáo hạn của Mã hợp đồng
Phương thức giao dịch	Phương thức giao dịch của Mã hợp đồng
Thời gian giao dịch	Thời gian giao dịch của Mã hợp đồng
Biên độ giao động giá	Biên độ giao động giá
Bước giá	Bước giá

Tên trường	Ý nghĩa
Đơn vị giao dịch	Đơn vị giao dịch
KLGD tối thiểu	KLGD tối thiểu của mã hợp đồng
Ngày GD cuối cùng	Ngày GD cuối cùng của mã hợp đồng
Ngày thanh toán cuối cùng	Ngày thanh toán cuối cùng của mã hợp đồng
Phương thức thanh toán	Phương thức thanh toán
Phương pháp xác định giá thanh toán hàng ngày	Phương pháp xác định giá thanh toán hàng ngày (Theo quy định của VSD)
Phương pháp xác định giá thanh toán cuối cùng	Phương pháp xác định giá thanh toán cuối cùng
Giá tham chiếu	Giá tham chiếu
Tiêu chuẩn trái phiếu giao hàng	Tiêu chuẩn trái phiếu giao hàng
Giới hạn vị thế	Giới hạn vị thế của Mã hợp đồng
Mức ký quỹ	Mức ký quỹ của Mã hợp đồng
CÁC HỢP ĐỒNG HIỆN TẠI	
Mã hợp đồng	Mã hợp đồng
Ngày đáo hạn	Ngày đáo hạn của hợp đồng

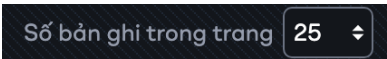
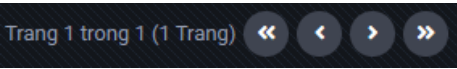
3.4.12. Danh sách CK được ký quỹ

Báo cáo “Danh sách CK được ký quỹ” có thể xem các thông tin về các mã chứng khoán đủ điều kiện ký quỹ, gồm:

- Mã CK
- Tỷ lệ giảm trừ (%)
- Giá tối đa
- Giá tính tài sản

DANH SÁCH CK ĐƯỢC KÝ QUỸ				
Mã CK	Tỷ lệ giảm trừ (%)	Giá tối đa	Giá tính tài sản	
A32	30	100,000,000	25,620	
ACM	60	100,000,000	600	
AFX	50	100,000,000	7,050	
FBT	50	100,000,000	0	
AAA	40	100,000	4,812	
AAASA	30	100,000,000	0	
ABI	50	100,000,000	19,501	
AAM	50	100,000,000	3,595	
PME	80	10,000	2,000	
TPB	23	13,000	10,010	

Lưu ý:

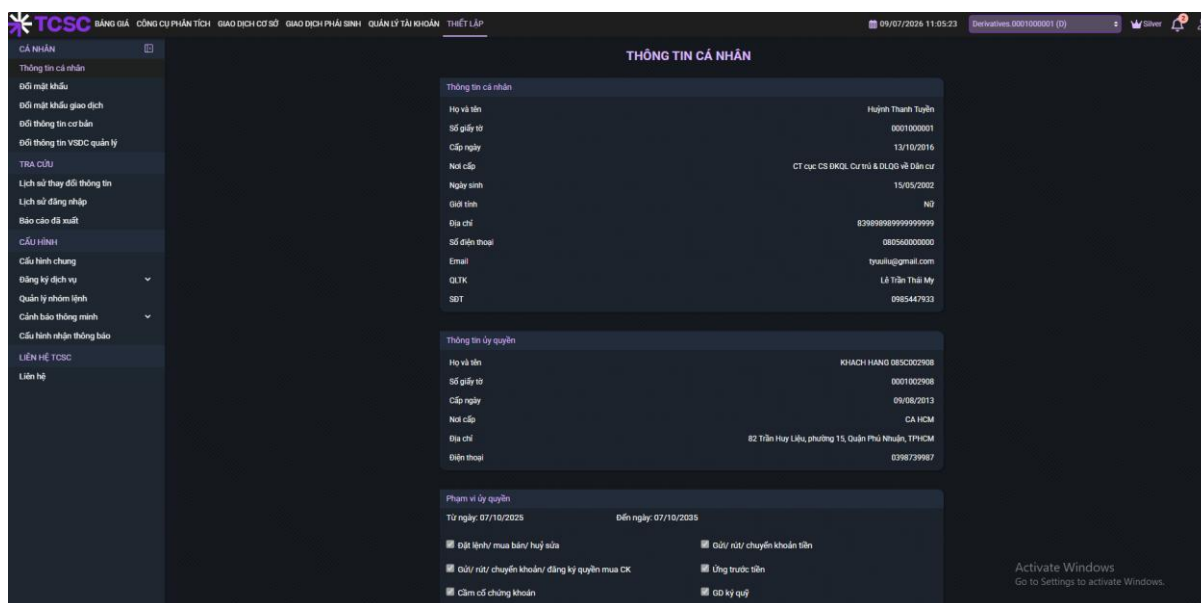
- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút  để tùy chỉnh theo ý muốn.
- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem .

3.5. Thiết lập

3.5.1. Cá nhân

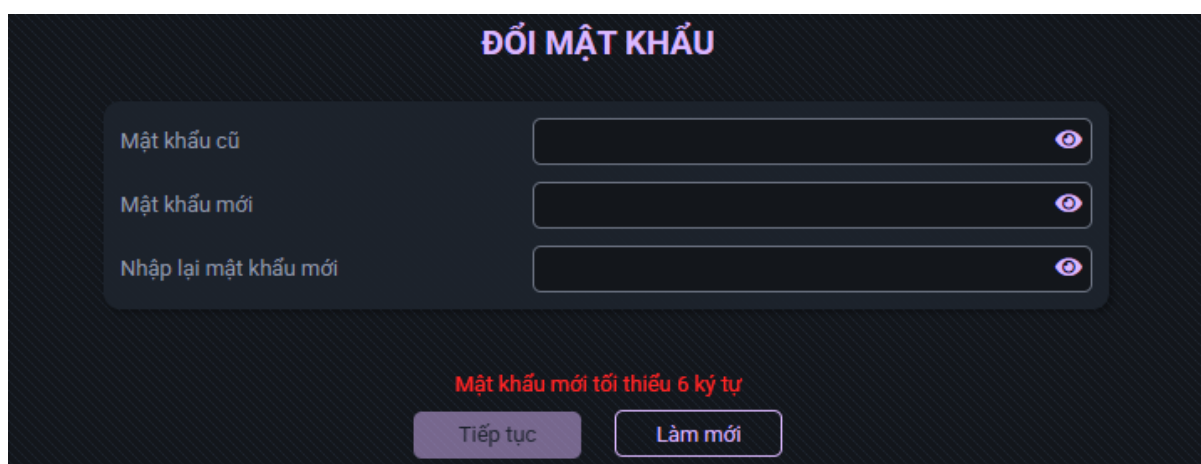
3.5.1.1. Thông tin cá nhân

Hiển thị các thông tin cơ bản của tài khoản



Hình: Màn hình Thông tin cá nhân

3.5.1.2. Đổi mật khẩu



Hình: Màn hình đổi mật khẩu

- Mật khẩu cũ: Nhập mật khẩu khách hàng đang sử dụng để truy cập vào hệ thống
- Mật khẩu mới: Nhập mật khẩu mới mà khách hàng muốn đổi theo đúng quy tắc
- Nhập lại mật khẩu mới: Nhập lại mật khẩu mới phải trùng với mật khẩu mới vừa nhập
- Bấm Chấp nhận để đổi Mật khẩu

Lưu ý: Mật khẩu mới không được trùng với MÃ SMARTOTP hiện tại.

3.5.1.3. Đổi Mã SmartOTP



Hình: Màn hình đổi Mã SmartOTP

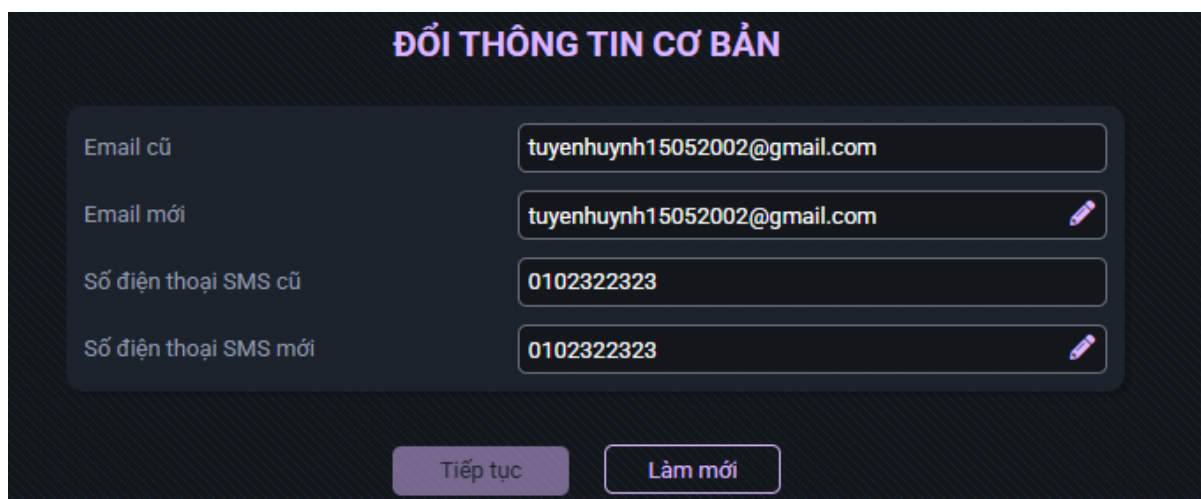
- Mật khẩu cũ: Nhập mật khẩu khách hàng đang sử dụng để truy cập vào hệ thống
- Mật khẩu mới: Nhập mật khẩu mới mà khách hàng muốn đổi theo đúng quy tắc
- Nhập lại mật khẩu mới: Nhập lại mật khẩu mới phải trùng với mật khẩu mới vừa nhập

Bấm Chấp nhận để đổi Mật khẩu

Lưu ý: Mã SmartOTP mới không được trùng với mã giao dịch hiện tại.

3.5.1.4. Đổi thông tin cơ bản

Giúp khách hàng thay đổi các thông tin cơ bản bao gồm: Email, Số điện thoại SMS



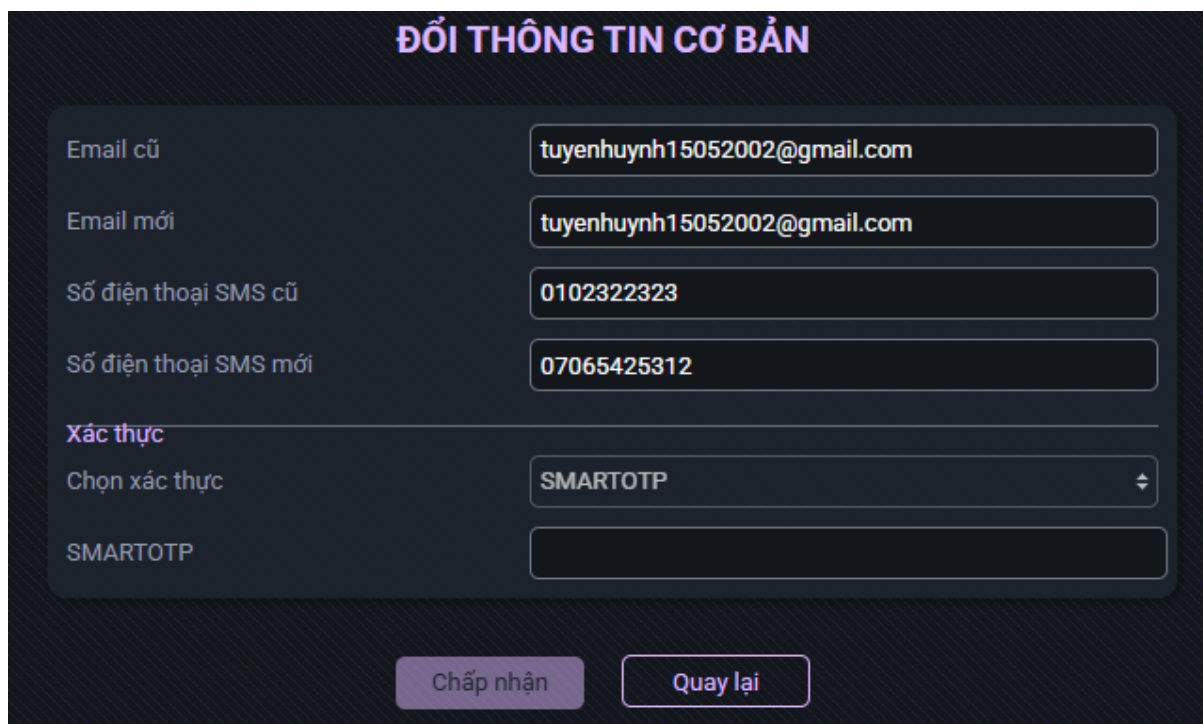
Hình: Màn hình đổi thông tin cơ bản

Bước 1: Nhập email mới

Bước 2: Nhập số điện thoại SMS mới

Bước 3: Ấn tiếp tục để thực hiện đổi thông tin. Nhấn nút “Làm mới” để xóa hết thông tin đã nhập.

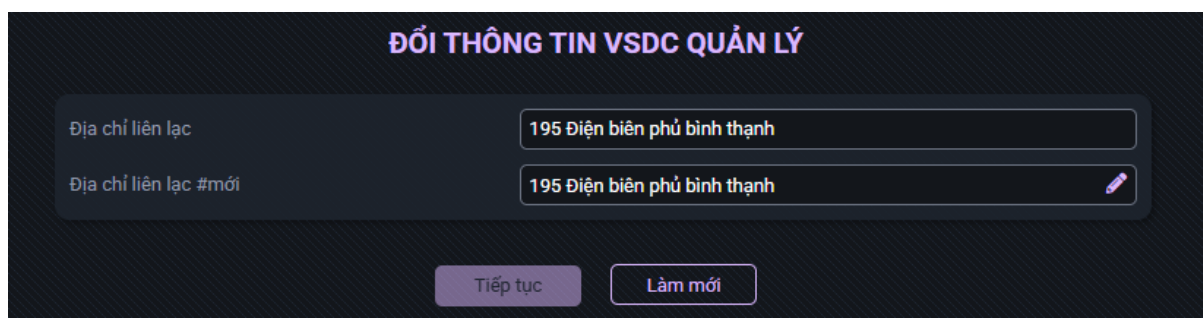
Bước 4: Xác nhận thông tin thay đổi. Nhập mã OTP/SmartOTP và nhấn “Tiếp tục” để hoàn tất thay đổi thông tin cơ bản. Nhấn Quay lại để quay lại màn hình Thông tin.



Hình: Màn hình xác nhận đổi thông tin cơ bản

3.5.1.5. Đổi thông tin VSD quản lý

Giúp khách hàng thay đổi các thông tin VSD quản lý bao gồm: Số CCCD/CMND, Ngày cấp, Nơi cấp, Địa chỉ liên lạc



Hình: Màn hình đổi thông tin VSD quản lý

Bước 1: Nhập thông tin thay đổi

Bước 2: Ấn tiếp tục để thực hiện đổi thông tin VSD. Nhấn nút “Làm mới” để xóa hết thông tin đã nhập.

Bước 3: Xác nhận thông tin thay đổi. Nhập mã OTP/SmartOTP và nhấn “Chấp nhận” để xác nhận thay đổi thông tin

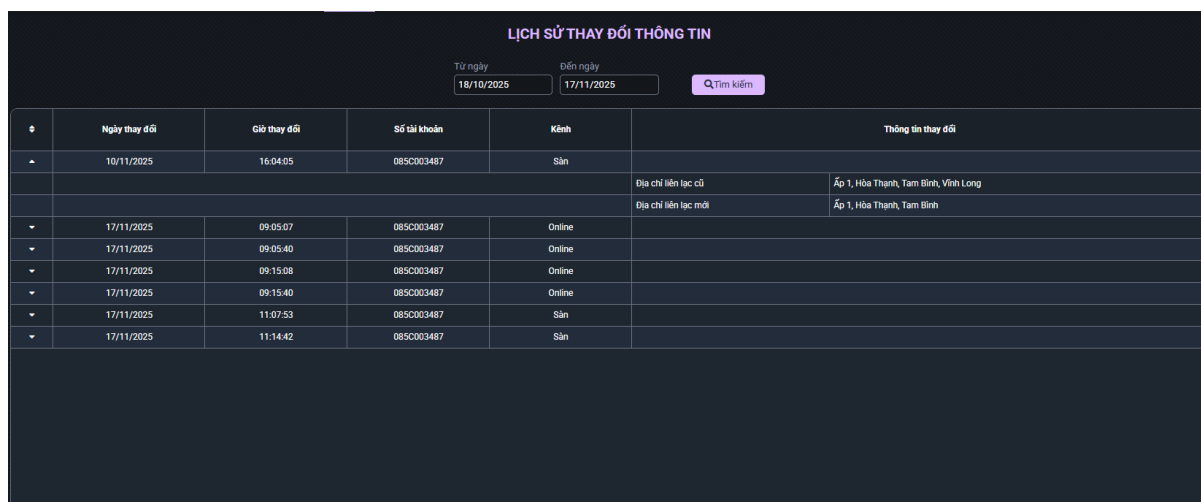


Hình: Màn hình xác nhận thay đổi thông tin VSD quản lý

3.5.2. Tra cứu

3.5.2.1. Lịch sử thay đổi thông tin

Khách hàng chọn Từ ngày, Đến ngày theo thời gian muốn tìm kiếm, chọn nút Tìm kiếm để xem thông tin



STT	Ngày thay đổi	Giờ thay đổi	Số tài khoản	Kênh	Thông tin thay đổi
1	10/11/2025	16:04:05	085C003487	Sàn	Địa chỉ liên lạc cũ Địa chỉ liên lạc mới
2	17/11/2025	09:05:07	085C003487	Online	Ấp 1, Hòa Thành, Tam Bình, Vĩnh Long
3	17/11/2025	09:05:40	085C003487	Online	Ấp 1, Hòa Thành, Tam Bình
4	17/11/2025	09:15:08	085C003487	Online	
5	17/11/2025	09:15:40	085C003487	Online	
6	17/11/2025	11:07:53	085C003487	Sàn	
7	17/11/2025	11:14:42	085C003487	Sàn	

Hình: Màn hình Lịch sử thay đổi thông tin

3.5.2.2. Lịch sử đăng nhập

Khách hàng chọn Từ ngày, Đến ngày theo thời gian muốn tìm kiếm, chọn nút Tìm kiếm để xem thông tin như hình dưới

LỊCH SỬ ĐĂNG NHẬP				
Từ ngày Đến ngày 09/06/2026 09/07/2026 🔍 Tìm kiếm				
Thời gian đăng nhập	Thời gian đăng xuất	Địa chỉ ip	Hệ điều hành	Trình duyệt
09/07/2026 09:11:15		14.161.11.106	Windows 10	Edge 150
09/07/2026 09:08:17		14.161.11.106	IOS 26.2.1	App
09/07/2026 09:03:27		14.161.11.106	Windows 10	Edge 150
08/07/2026 14:37:32	08/07/2026 17:03:24	14.161.11.106	Windows 10	Edge 150
08/07/2026 14:36:21		14.161.11.106	IOS 26.2.1	App
08/07/2026 14:35:47		14.161.11.106	IOS 26.2.1	App
08/07/2026 10:33:49	08/07/2026 17:03:24	14.161.11.106	Windows 10	Edge 150
08/07/2026 10:15:16		14.161.11.106	ANDROID 16	App
07/07/2026 14:42:27		14.161.11.106	IOS 26.2.1	App
07/07/2026 11:41:40		14.161.11.106	IOS 26.2.1	App
07/07/2026 10:51:51	08/07/2026 17:03:24	14.161.11.106	Windows 10	Edge 150
07/07/2026 10:37:01	07/07/2026 10:41:40	14.161.11.106	Windows 10	Edge 150
06/07/2026 14:17:14		14.161.11.106	IOS 26.2.1	App
06/07/2026 09:56:08		14.161.11.106	IOS 26.2.1	App
06/07/2026 09:06:51	07/07/2026 10:41:40	14.161.11.106	Windows 10	Edge 150
03/07/2026 17:10:44	03/07/2026 17:10:56	14.161.11.106	IOS 26.2.1	App
03/07/2026 13:45:22	07/07/2026 10:41:40	14.161.11.106	Windows 10	Edge 149
03/07/2026 13:43:27		14.161.11.106	IOS 26.2.1	App
03/07/2026 09:47:25	07/07/2026 10:41:40	14.161.11.106	Windows 10	Edge 149
03/07/2026 09:42:37		14.161.11.106	IOS 26.2.1	App
03/07/2026 09:38:14	03/07/2026 09:38:20	14.161.11.106	IOS 26.2.1	App
03/07/2026 09:35:44	03/07/2026 09:35:51	14.161.11.106	IOS 26.2.1	App
02/07/2026 15:20:28		14.161.11.106	IOS 26.2.1	App
02/07/2026 14:36:46		14.161.11.106	IOS 26.2.1	App

Hình: Màn hình Lịch sử đăng nhập

3.5.2.3. Báo cáo đã xuất

BÁO CÁO ĐÃ XUẤT				
Id	Tên báo cáo	Loại file	Thời gian tạo	
345	SỐ DƯ TIỀN	.pdf	03/07/2026 13:42:37	Tải Xóa
344	SỐ DƯ TIỀN	.pdf	03/07/2026 13:35:49	Tải Xóa
343	LỊCH SỬ KHỚP LỆNH	.pdf	03/07/2026 13:35:33	Tải Xóa
342	LỊCH SỬ KHỚP LỆNH	.pdf	03/07/2026 13:33:51	Tải Xóa
341	SỐ DƯ TIỀN	.pdf	03/07/2026 13:33:25	Tải Xóa
241	SAO KẾ TÀI KHOẢN (TIỀN)	.xlsx	12/08/2025 10:19:51	Tải Xóa
203	SAO KẾ GIẢI NGÂN VÀ THU KHOẢN CHẤM TRẢ	.pdf	04/05/2025 17:24:20	Tải Xóa
202	LÃI/LỖ HÀNG NGÀY	.pdf	04/05/2025 17:23:00	Tải Xóa
194	SAO KẾ GIẢI NGÂN VÀ THU KHOẢN CHẤM TRẢ	.pdf	04/05/2025 17:11:08	Tải Xóa
123	LỊCH SỬ GD TIỀN TKGD	.pdf	04/02/2025 11:43:22	Tải Xóa
122	SỐ DƯ TIỀN	.pdf	04/02/2025 11:43:01	Tải Xóa
101	LỊCH SỬ RÚT TIỀN TỪ TKPS RA NGÂN HÀNG	.xlsx	20/01/2025 16:33:47	Tải Xóa
61	LỊCH SỬ RÚT TIỀN TỪ TKPS RA NGÂN HÀNG	.pdf	10/12/2024 15:14:17	Tải Xóa

Hình: Màn hình tra cứu lại báo cáo đã xuất

Ấn  tải lại file đã xuất, nhấn xóa để xóa file.

3.5.3. Cấu hình

3.5.3.1. Cấu hình chung

CẤU HÌNH CHUNG

Ngôn ngữ

Việt Nam

Tiểu khoản mặc định

0001006584.Thường

Hiển thị xác nhận lệnh cho lần sau

☐

Sử dụng tông màu tối

☒

Hình: Màn hình cấu hình của tài khoản

Cấu hình chung cho phép thiết lập:

- Ngôn ngữ: Click vào icon  để đổi ngôn ngữ, chọn ngôn ngữ cần đổi, sau đó nhấn  để lưu thiết lập.
- Tiểu khoản mặc định: Click vào icon  để đổi tiểu khoản mặc định, chọn tiểu khoản cần đổi, sau đó nhấn  để lưu thiết lập.
- Sử dụng tông màu tối: Click vào icon  để thay đổi tông màu sáng, tối

3.5.3.2. Đăng ký dịch vụ

Đăng ký/hủy hình thức xác thực giao dịch:

Giúp khách hàng đăng ký hình thức xác thực giao dịch trên Online bao gồm: Xác thực OTP (SMS)



Hình: Màn hình đăng ký/hủy hình thức xác thực giao dịch

Bước 1: Chọn kênh giao dịch

Bước 2: Chọn loại xác thực

Bước 3: Ấn Đăng ký

Đăng ký dịch vụ SMS:

Màn hình hiển thị các gói dịch vụ SMS khách hàng đã đăng ký trong hệ thống.

ĐĂNG KÝ DỊCH VỤ SMS

Chọn dịch vụ SMS cơ định

Đăng ký	Nội dung
Không có dữ liệu	

Phí dịch vụ

Phí SMS (VND/sms)	VAT (%)	Ngày trả phí	Hạn mức (VND/ký)	Phí vượt hạn mức (VND)
5,000	10	25	0	0

Tiếp tục

Hình: Màn hình đăng ký dịch vụ SMS

Trường hợp khách hàng đã đăng ký dịch vụ SMS rồi thì nút “Đăng ký” sẽ disable và hiển thị dòng thông báo màu đỏ “Quý khách đã đăng ký dịch vụ SMS”

Hủy dịch vụ SMS:

Giúp khách hàng hủy dịch vụ SMS đã đăng ký trước đó.

HỦY DỊCH VỤ SMS

Danh sách SMS đã đăng ký

Đăng ký	Nội dung
Không có dữ liệu	

Phí phải thanh toán

Mã DV	%VAT	Phí SMS đang nợ	VAT đang nợ	Phí SMS dự kiến thu thêm khi hủy	VAT dự kiến	Tổng phí
Không có dữ liệu						

Tiếp tục

Hình: Màn hình hủy dịch vụ SMS

Nhấn nút “Hủy” để thực hiện hủy dịch vụ SMS đã đăng ký

Đăng ký thay đổi chuyên viên tư vấn giao dịch

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI CHUYÊN VIÊN TƯ VẤN GIAO DỊCH

Chuyên viên tư vấn hiện tại

SON0073

Chuyên viên tư vấn mới

Tiếp tục

Làm mới

Hình: Màn hình Đăng ký thay đổi chuyên viên tư vấn giao dịch

Trường hợp khách hàng muốn thay đổi chuyên viên tư vấn hiện tại sang chuyên viên tư vấn khác thì nhập mã chuyên viên tư vấn mới rồi nhấn tiếp tục để thay đổi.

3.5.3.3. Quản lý nhóm lệnh

Quản lý nhóm lệnh cho phép khách hàng thêm, sửa, xóa Nhóm lệnh để giao dịch nhóm.

QUẢN LÝ NHÓM LỆNH

[Tải file đặt lệnh excel mẫu tại đây](#)

Sửa/Xóa	Mã nhóm	Tên nhóm	Ghi chú
0	Mặc định	Mặc định	
161	Nhóm 1	Nhóm cho cá nhân	

Thêm mới

Đặt lệnh nhóm

Hình: Màn hình Quản lý nhóm lệnh

- Bấm vào link [Tải file đặt lệnh excel mẫu tại đây](#) để tải file mẫu giao dịch nhóm excel
- Bấm

Thêm mới

 để thêm mới nhóm lệnh

CHI TIẾT NHÓM LỆNH
✕

Tên nhóm

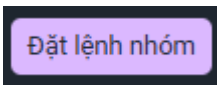
Ghi chú

Chấp nhận

Đóng

Hình: Màn hình chi tiết lệnh nhóm

Nhập Tên nhóm, bấm Chấp nhận để thêm

- Bấm vào icon  để sửa Nhóm lệnh,  để xóa Nhóm lệnh.
- Bấm nút  để thực hiện giao dịch nhóm.

3.5.3.4. Cảnh báo thông minh

CẢNH BÁO CHỨNG KHOÁN

Chứng khoán: Tất cả ☒ Tăng ☐ Giảm

☒ Tối giá:

☐ Tối KL:

☐ Tối giá trị: VND

	Chứng khoán	Tăng/Giảm	Tối giá	Tối KL	Tối giá trị	Thời gian kích hoạt
Xóa	ACB	Tăng	75	0	0	

Hình: Màn hình cảnh báo chứng khoán

- Thiết lập cảnh báo chứng khoán:
 - Bước 1:** Nhập mã Chứng khoán. Chọn tăng hoặc giảm
 - Bước 2:** Nhập giá cảnh báo
 - Bước 3:** Ấn lưu

CẢNH BÁO THEO THỊ TRƯỜNG

Thị trường: HOSE ☒ Tăng ☐ Giảm

☒ Tối KL:

☐ Tối giá trị: VND

	Thị trường	Tăng/Giảm	Tối KL	Tối giá trị	Thời gian kích hoạt
Xóa	HOSE	Tăng	500,000	0	
Xóa	HOSE	Tăng	0	1,653,500,000	

Hình: Cảnh báo theo thị trường

- Thiết lập cảnh báo theo thị trường:
 - Bước 1:** Chọn thị trường. Tích chọn tăng hoặc giảm
 - Bước 2:** Nhập KL cảnh báo
 - Bước 3:** Ấn lưu

CẢNH BÁO THEO CHỈ SỐ INDEX

Thị trường: VN Index Tăng Giảm

Tới (index):

	Chỉ số	Tăng/Giảm	Tới (index)	Thời gian kích hoạt
Xóa	VN Index	Tăng	156,335	

Hình: Cảnh báo theo chỉ số index

- Thiết lập cảnh báo theo chỉ số index:

Bước 1: Chọn thị trường. Tích chọn tăng hoặc giảm

Bước 2: Nhập trường tới index

Bước 3: Ấn lưu

3.5.3.5. Cấu hình nhận thông báo tài khoản

CẤU HÌNH NHẬN THÔNG BÁO

☒ Thông báo cảnh báo thông minh

☒ Thông báo xác nhận lệnh

☒ Phát sinh tăng giảm tiền

☒ Phát sinh tăng giảm chứng khoán

☒ Thông báo quyền mua sắp đến ngày hết hạn mua

☒ Thông báo món vay sắp đến hạn

☒ Thông báo bị gọi ký quỹ tài sản

☒ Thông báo bị xử lý bán tài sản đảm bảo

☒ Thông báo khớp lệnh

Hình: Màn hình cấu hình nhận thông báo tài khoản

Bước 1: Tích chọn checkbox ☒ để cấu hình nhận thông báo tài khoản

Bước 2: Ấn lưu thay đổi

3.5.4. Liên hệ

Trang hiển thị thông tin liên hệ của Công ty cổ phần Chứng khoán Thành Công

LIÊN HỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

Trụ sở chính: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: (028) 38 27 05 27

Fax: (028) 38 21 80 10

Email: info@tcsc.vn

Hotline: (028) 38 27 05 27

HOTLINE: (028) 38 27 05 27